

# **CHU KINH TẬP YẾU**



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**

\*

**Dịch giả: HT. THÍCH DUY LỰC**

# **CHỦ KINH TẬP YẾU**

**\* KINH KIM CANG**

**\* BÁT NHÃ TÂM KINH lược giải**

**\* YẾU CHỈ KINH PHÁP HOA**

**\* YẾU CHỈ KINH HOA NGHIÊM**

**\* KINH DUY MA CẬT**

**\* KINH VIÊN GIÁC**

**\* GIẢI ĐÁP THIỀN MẶC CHIẾU**

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO  
HÀ NỘI – PL.2555 – DL. 2011**

---

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP.HỒ CHÍ MINH  
TỔ IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH KINH SÁCH

---

*thực hiện*

Địa chỉ: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM  
ĐT: 08 38469721 - 09333 88668

---

# **KINH KIM CANG**

Hán dịch : Ngài Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma la Thập

Việt dịch : Thích Duy Lực



## LỜI DỊCH GIẢ

Kinh Kim Cang là một phẩm trong Kinh Đại Bát Nhã 600 quyển. Kinh này từ đầu đến cuối đều hiển bày nghĩa ba câu, nếu đọc giả thấu suốt được nghĩa ba câu của Kinh này, thì đối với tất cả Kinh Đại thừa liều nghĩa đều thấu suốt cả.

Nghĩa ba câu cũng như nghĩa tú cú kệ, phá hết tất cả tư tưởng chấp thật, chẳng hai chẳng khác. Nói chấp thật tức là lọt vào tương đối, thuộc về biên kiến, bất cứ chấp có là thật, chấp **không** là thật, chấp **chọn** là thật, chấp **giả** là thật, đều là chấp thật cả.

Tiếng Hán có văn ngôn và bạch thoại. Văn ngôn đời xưa quá súc tích, thường hay có ý mà chẳng có lời, người xưa nói “đọc chỗ chẳng có chữ” là vậy. Chúng tôi gặp những trường hợp này thì thêm lời vào để sáng tỏ ý nghĩa ẩn trong văn, những danh từ tiếng Hán mà tiếng Việt ít dùng, lại chẳng thể dịch ra tiếng Việt thì chúng tôi ghi chú, còn những nghĩa lý thâm sâu khó hiểu thì chúng tôi lược giải thêm.

Vì độc giả cảm thấy phần 27 còn hơi tối nghĩa, nên kỳ in này chúng tôi lược giải thêm để sáng tỏ nghĩa Kinh trong phần này.

Nói tóm lại, chúng tôi dịch Kinh này là mong  
giúp cho độc giả dễ hiểu nghĩa Kinh, theo đó tu  
hành để đưa đến kiến tánh (giải thoát).

### THÍCH DUY LỰC



# KINH KIM CANG

## 1. PHÁP HỘI NHÂN DO

Tôi nghe như vậy, một thuở Phật ở nước Xá Vệ, nơi tịnh xá Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, cùng chúng Đại Tỳ Kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Bấy giờ đến giờ ăn, Thế Tôn đắp y mang bát, vào đại thành Xá Vệ, theo thứ tự khát thực từng nhà trong thành xong, trở về chỗ ở thọ trai, rồi cất y bát, đại chúng rửa chân, trải tọa cụ cùng ngồi.

## 2. THIỆN HIỆN KHỎI THỈNH

(*Tu Bồ Đề là tiếng Phạn, nghĩa Hán là Thiện Hiện*)

Khi ấy, Trưởng lão Tu Bồ Đề ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo tay phải, quỳ gối chân phải, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

\_ Hy hữu Thế Tôn! Như Lai khéo hộ niệm cho các Bồ Tát, khéo phó chúc cho các Bồ Tát. Bạch Thế Tôn! Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô Thương Chánh Đẳng Chánh Giác nên an trú tâm như thế nào? Hàng phục tâm như thế nào?

Phật bảo:

\_ Lành thay! Lành thay! Tu Bồ Đề! Theo như Người nói, Như Lai khéo hộ niệm cho các Bồ Tát, khéo phó chúc cho các Bồ Tát. Nay Người hãy lắng

nghe, Ta sẽ vì Người nói rõ. Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên an trú tâm như vậy, hàng phục tâm như vậy.

\_ Bạch Thế Tôn, con rất mong được nghe.

### 3. ĐẠI THỬA CHÁNH TÔNG

Phật bảo Tu Bồ Đề:

\_ Các Bồ Tát Ma Ha Tát nên hàng phục tâm như vậy: Tất cả các loài chúng sanh, hoặc noãn sanh, hoặc thai sanh, hoặc thấp sanh, hoặc hóa sanh, hoặc hữu sắc, hoặc vô sắc, hoặc hữu tưởng, hoặc vô tưởng, hoặc phi hữu tưởng, hoặc phi vô tưởng, Ta đều khiến vào Vô Dư Niết Bàn mà diệt độ. Diệt độ vô lượng vô số chúng sanh như thế, mà thật ra chẳng có chúng sanh nào được diệt độ cả. Tại sao? Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát có Ngã tướng, Nhơn tướng, Chúng sanh tướng, Thọ giả tướng ắt chẳng phải Bồ Tát.

### LƯỢC GIẢI

Tứ tướng có hai thứ :

1. Mê Thức Tứ Tướng của phàm phu :

Chấp thật cái thân Ngũ Uẩn này là ta, gọi là Ngã tướng. Bỏ Ngã tướng chấp vào toàn nhân loại gọi là Nhơn tướng. Bỏ nhân loại chấp vào toàn chúng sanh gọi là Chúng sanh tướng. Bỏ Chúng sanh tướng cho là chỉ có Chơn Như Phật tánh vĩnh viễn tồn tại trong thời gian gọi là Thọ giả tướng (thọ là thời gian).

## 2. Mê Trí Tứ Tướng của Bậc Thánh :

Bậc Thánh tâm biết có sở chứng, dù chứng đến thanh tịnh Niết Bàn đều thuộc về Ngã tướng. Nay ngộ thêm một bậc, biết chẳng phải ta chứng, siêu việt tất cả chứng, nhưng còn cái tâm năng ngộ gọi là Nhơn tướng. Nay tiến thêm một bậc nữa, liễu tri năng chứng năng ngộ là Ngã tướng, Nhơn tướng, chỗ Ngã tướng, Nhơn tướng chẳng thể đến (năng chứng năng ngộ chẳng thể đến), chỉ còn tâm liễu tri, gọi là Chúng sanh tướng. Rồi tiến thêm một bậc nữa, chiếu soi tâm liễu tri cũng bất khả đắc, chỉ một giác thể thanh tịnh, gọi là cứu kính giác, tất cả tịch diệt, cũng gọi là Niết Bàn. Nếu còn trụ nơi Niết Bàn thì mang căn chưa dứt, gọi là Thọ giả tướng.

(Lược giải hết)

## 4. DIỆU HẠNH VÔ TRỤ

\_ Lại nữa, Tu Bồ Đề! Bồ Tát ở nơi các pháp, ưng vô sở trụ mà hành việc bố thí, tức là chẳng trụ sắc bố thí, chẳng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp bố thí. Tu Bồ Đề! Bồ Tát bố thí nên chẳng trụ nơi tướng như thế. Tại sao? Nếu Bồ Tát chẳng trụ nơi tướng bố thí thì phước đức chẳng thể suy lường.

Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Hư không bên phương Đông có thể suy lường chẳng?

\_ Bạch Thế Tôn, không.

\_ Tu Bồ Đề! Hư không bên các phương Nam, Tây, Bắc và trên, dưới có thể suy lường được chẳng?

\_ Bạch Thế Tôn, không.

\_ Tu Bồ Đề! Bồ Tát bố thí chẳng trụ nơi tướng,

phước đức cũng như vậy, chẳng thể suy lường. Tu Bồ Đề! Bồ Tát cần an trú tâm như Ta đã bảo.

### 5. NHƯ LÝ THẬT KIẾN

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Có thể nhờ thân tướng mà thấy Như Lai chẳng?

\_ Bạch Thế Tôn, không. Chẳng thể nhờ thân tướng thấy được Như Lai. Tại sao? Như Lai nói thân tướng tức phi thân tướng.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

\_ Phàm tất cả tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng phi tướng, tức là thấy Như Lai.

### LƯỢC GIẢI

Ý Phật ở đây là phá chấp tướng. Nếu thấy các pháp có tướng là chấp vào tướng **có**. Nếu thấy các pháp không tướng là chấp vào tướng **không**. Nên ở đây Kinh nói “các tướng phi tướng”, mà nếu chấp vào phi tướng cho là chẳng phải tướng, cho là không tướng thì vẫn còn chấp tướng.

(Lược giải hết)

### 6. CHÁNH TÍN HY HỮU

Tu Bồ Đề thưa rằng :

\_ Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sanh được nghe những lời nói, văn tự kể trên có thể sanh lòng tin chơn thật chẳng?

Phật bảo :

\_ Tu Bồ Đề, đừng nói vậy! Sau khi Như Lai diệt

độ năm trăm năm về sau, từ tượng pháp cho đến mạt pháp, nếu có người tu phước trì giới đối với lời nói, văn tự kể trên được sanh lòng tin, cho đó là thật. Phải biết người ấy đã nghe lời nói văn tự này, cho đến được một niệm sanh khởi lòng tin trong sạch, là vì đã từng gieo trồng thiện căn nơi muôn ngàn vô lượng Phật, chứ chẳng phải gieo trồng thiện căn nơi một Phật, hoặc ba, bốn, năm Phật. Tu Bồ Đề! Như Lai biết rõ, thấy rõ những chúng sanh ấy được vô lượng phước đức như thế. Tại sao? Vì những chúng sanh ấy chẳng còn có Ngã tướng, Nhơn tướng, Chúng sanh tướng, Thọ giả tướng, chẳng chấp pháp tướng, cũng chẳng chấp phi pháp tướng. Tại sao? Vì những chúng sanh ấy nếu khởi tâm chấp tướng (*tiền trần*) tức là dính mắc bốn tướng, Ngã, Nhơn, Chúng sanh, Thọ giả. Nếu chấp pháp tướng (*pháp trần*) cũng là dính mắc bốn tướng, Ngã, Nhơn, Chúng sanh, Thọ giả. Nếu chấp phi pháp tướng (*là bóng phân biệt của pháp trần*), cũng là dính mắc bốn tướng, Ngã, Nhơn, Chúng sanh, Thọ giả. Vì thế chẳng nên chấp pháp, chẳng nên chấp phi pháp. Do nghĩa này Như Lai thường nói: Các Tỳ Kheo phải biết lời thuyết pháp của Ta ví như chiếc bè qua sông, đến bờ thì phải bỏ bè; vậy pháp còn phải bỏ, huống là phi pháp!

## 7. VÔ ĐÁC VÔ THUYẾT

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Như Lai có chứng  
đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chăng?  
Như Lai có thuyết pháp chăng?

Tu Bồ Đề đáp:

\_ Như con hiểu nghĩa của Phật nói thì chăng có  
pháp nhất định gọi là pháp Vô Thượng Chánh  
Đẳng Chánh Giác, cũng chăng có pháp nhất định  
cho Như Lai thuyết. Tại sao? Vì pháp của Như Lai  
thuyết đều chăng thể chấp thật, chăng thể nói là  
pháp, là phi pháp hay phi phi pháp. Tại sao? Vì tất  
cả Hiền Thánh đều dựa theo pháp vô vi mà nói có  
sai biệt.

### LƯỢC GIẢI

Tất cả Hiền Thánh đều dựa theo pháp vô vi mà nói có sai  
biệt:

Pháp vô vi tức là pháp vô sanh, chăng thể tu chứng, chăng  
thể suy lường, chăng thể diễn tả. Nay dựa theo đường đi vô vi,  
vì chưa đến chỗ vô vi nên mới có đủ thứ sai biệt như Thập tín,  
Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, cho đến Thập địa,  
Đẳng giác, nếu đã đến Diệu giác tức là chỗ vô vi thì chăng còn  
sai biệt. (Lược giải hết)

### 8. Y PHÁP XUẤT SANH

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Như có người đem  
thất bửu đầy khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới  
dùng để bố thí, người ấy được phước đức nhiều  
chăng?

Tu Bồ Đề đáp :

\_ Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Tại sao? Phước đức ấy tức phi phước đức tánh, nên Như Lai nói là phước đức nhiều.

Phật bảo:

\_ Nếu có người thọ trì (*tín thọ mà thực hành*) kinh này, cho đến chỉ thực hành theo tứ cú kệ rồi giảng cho người khác nghe, thì phước đức lại nhiều hơn người kia. Tại sao ? Tu Bồ Đề ! Tất cả chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật đều từ kinh này ra. Tu Bồ Đề, gọi là Phật pháp, tức phi Phật pháp.

#### **GHI CHÚ :**

Tứ Cú Kệ:

**Có** là cú thứ nhất,

**Không** là cú thứ nhì,

**Cũng có cũng không** là cú thứ ba,

**Chẳng có chẳng không** là cú thứ tư.

Chẳng lọt vào tứ cú là thực hành theo tứ cú kệ.

(Ghi chú hết)

#### **9. NHẤT TƯỚNG VÔ TƯỚNG**

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Tu Đà Hoàn có thể nghĩ rằng “Ta đắc quả Tu Đà Hoàn” chẳng?

Tu Bồ Đề đáp:

\_ Bạch Thế Tôn, không ạ. Tại sao ? Tu Đà Hoàn

gọi là Nhập Lưu mà vô sở nhập; chẳng nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấy gọi là Tu Đà Hoàn.

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Tư Đà Hàm có thể nghĩ rằng “Ta đắc quả Tư Đà Hàm” chẳng?

\_ Bạch Thế Tôn, không ạ. Tại sao? Tư Đà Hàm gọi là Nhất Vãng Lai mà thật chẳng vãng lai, ấy gọi là Tư Đà Hàm.

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? A Na Hàm có thể nghĩ rằng “Ta đắc quả A Na Hàm” chẳng?

\_ Bạch Thế Tôn, không. Tại sao? A Na Hàm gọi là Bất Lai mà thật chẳng phải bất lai, ấy gọi là A Na Hàm.

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? A La Hán có thể nghĩ rằng “Ta đắc quả A La Hán” chẳng?

\_ Bạch Thế Tôn, không. Tại sao? Thật chẳng có pháp gọi là A La Hán. Thế Tôn! Nếu A La Hán nghĩ rằng “Ta đắc đạo A La Hán”, tức là dính mắc bốn tướng Ngã, Nhơn, Chúng sanh, Thọ giả. Thế Tôn! Phật nói con đắc Vô Tránh Tam Muội, là hạng nhất trong loài người, là hạng nhất trong bậc ly dục A La Hán. Thế Tôn! Nhưng con không nghĩ rằng con là ly dục A La Hán. Thế Tôn, nếu con nghĩ rằng con đắc đạo A La Hán, thì Thế Tôn chẳng nói Tu Bồ Đề là một hành giả thanh tịnh hạnh. Vì Tu Bồ Đề vốn là vô sở hành, nên mới gọi Tu Bồ Đề là hành giả thanh tịnh hạnh.

## 10. TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ

Phật bảo:

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Xưa kia Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng có đắc pháp gì chăng?

\_ Bạch Thế Tôn, không. Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng thật vô sở đắc.

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Bồ Tát có trang nghiêm Phật độ chăng?

\_ Bạch Thế Tôn, không. Tại sao? Nói trang nghiêm Phật độ, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm (*nghĩa ba câu*).

\_ Cho nên Tu Bồ Đề! Chư Bồ Tát Ma Ha Tát nên sanh tâm trong sạch như thế, là chăng nên khởi tâm trụ sắc, chăng nên khởi tâm trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp, ưng vô sở trụ mà sanh kỳ tâm.

\_ Tu Bồ Đề! Ví như có người thân như núi chùa Tu Di, ý Người thế nào? Thân ấy có đại chăng?

\_ Bạch Thế Tôn, rất đại. Tại sao ? Phật nói phi thân thị danh đại thân (*chữ đại ở đây là siêu việt số lượng*).

### LƯỢC GIẢI

Nói trang nghiêm Phật độ, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.

Đây là nghĩa ba câu trong Kinh này : Câu thứ nhất cho trang nghiêm Phật độ là thật ; câu thứ nhì dùng chữ PHI để phá cái chấp thật của câu thứ nhất ; câu thứ ba cho tất cả tên

gọi đều là giả danh. Câu thứ nhất **trang nghiêm Phật độ** là giả danh, câu thứ nhì **phi trang nghiêm** cũng là giả danh, câu thứ ba **thị danh trang nghiêm** cũng là giả danh. Vậy giả danh thì chẳng có nghĩa thật, cho nên Phật nói : “Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật”. (Lược giải hết)

## 11. VÔ VI PHƯỚC THẮNG

\_ Tu Bồ Đề ! Như có nhiều sông Hằng băng số cát trong một sông Hằng. Ý Người thế nào? Số cát ở trong những sông Hằng ấy có phải nhiều chăng?

Tu Bồ Đề đáp:

\_ Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Chỉ những sông Hằng ấy cũng nhiều vô số rồi, huống chi là cát.

\_ Tu Bồ Đề! Nay Ta nói thật cho nghe, như có thiện nam tín nữ, đem thất bửu chứa đầy các đại thiên thế giới băng số cát kể trên dùng để bố thí, được phước nhiều chăng?

\_ Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

\_ Nếu có thiện nam tín nữ thọ trì kinh này, cho đến chỉ thực hành theo tú cú kệ, rồi giảng cho người khác nghe, thì phước đức lại nhiều hơn người kia.

## 12. TÔN TRỌNG CHÁNH GIÁO

\_ Lại nữa, Tu Bồ Đề! Bất cứ nơi nào có thuyết kinh này, cho đến chỉ thuyết tú cú kệ, phải biết nơi

đó tất cả thế gian, Trời, Người, A Tu La đều nên cúng dường như tháp miếu của Phật, huống chi có người được thọ trì đọc tụng cả kinh này.

Tu Bồ Đề! Nên biết người ấy thành tựu pháp hy hữu tối thượng hạng nhất. Vậy phàm nơi nào có kinh điển này tức là có Phật, được Phật tử tôn trọng.

### 13. NHƯ PHÁP THỌ TRÌ

Khi ấy Tu Bồ Đề thưa rằng:

\_ Bạch Thế Tôn! Kinh này nên đặt tên gì? Chúng con phải thọ trì như thế nào?

Phật bảo Tu Bồ Đề:

\_ Kinh này tên là **Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật**, người cứ theo tên gọi thọ trì. Tại sao ? Tu Bồ Đề, Phật nói Bát Nhã Ba La Mật, tức phi Bát Nhã Ba La Mật, thị danh Bát Nhã Ba La Mật (*đây cũng là nghĩa ba câu đã được giải ở trên*).

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Như Lai có thuyết pháp chăng?

\_ Bạch Thế Tôn, Như Lai vô sở thuyết.

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Tất cả vi trấn trong tam thiên đại thiên thế giới có nhiều chăng?

Tu Bồ Đề thưa :

\_ Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

\_ Tu Bồ Đề! Như Lai nói những vi trần ấy tức phi vi trần, thị danh vi trần. Như Lai nói thế giới túc phi thế giới, thị danh thế giới (*nghĩa ba câu*).

Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Có thể nhờ ba mươi hai tướng thấy Như Lai chăng?

\_ Bạch Thế Tôn, không. Chẳng thể nhờ ba mươi hai tướng thấy được Như Lai. Tại sao? Như Lai nói ba mươi hai tướng túc là phi tướng, thị danh ba mươi hai tướng (*nghĩa ba câu*).

\_ Tu Bồ Đề! Như có thiện nam tín nữ đem thân mạng nhiều bằng số cát sông Hằng dùng để bố thí; với người thọ trì kinh này, cho đến chỉ thực hành theo tứ cú kệ và giảng cho người khác nghe, thì được phước hơn người kia rất nhiều.

#### **14. LY TUỐNG TỊCH DIỆT**

Bấy giờ Tu Bồ Đề nghe Phật thuyết kinh này, hiểu thấu nghĩa thâm sâu, xúc động chảy nước mắt mà bạch Phật rằng:

\_ Hy hữu Thế Tôn! Phật thuyết kinh điển thâm sâu như thế, con từ khi được huệ nhãn đến nay, chưa từng được nghe kinh như vậy.

Bạch Thế Tôn! Lại nếu có người nghe được kinh này lòng tin trong sạch, liền sanh thật tướng, phải biết người ấy thành tựu được công đức hy hữu hạng nhất.

Bạch Thế Tôn! Đây nói thật tướng túc là phi tướng, cho nên Như Lai nói giả danh thật tướng (*nghĩa ba câu*).

Bạch Thế Tôn! Nay con được nghe kinh này tín, giải, thọ trì chẳng cho là khó. Nếu năm trăm năm về sau, đời vị lai có chúng sanh nghe được kinh này, tín, giải, thọ trì thì người ấy là hy hữu hạng nhất. Tại sao? Vì người ấy vô ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Tại sao? Vì ngã tướng túc là phi tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng cũng là phi tướng. Tại sao? Là tất cả chư tướng, túc gọi là chư Phật.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

\_ Đúng thế! Đúng thế! Lại nếu có người được nghe kinh này mà chẳng kinh ngạc, chẳng khiếp sợ, phải biết người ấy rất hy hữu. Tại sao? Tu Bồ Đề! Như Lai nói đệ nhất Ba La Mật, túc phi đệ nhất Ba La Mật, thị danh đệ nhất Ba La Mật (*nghĩa ba câu*).

Tu Bồ Đề! Như Lai nói nhẫn nhục Ba La Mật, túc phi nhẫn nhục Ba La Mật, thị danh nhẫn nhục Ba La Mật. Tại sao? Tu Bồ Đề! Như Ta xưa kia bị vua Ca Lợi xé nát thân thể, lúc đó ta vô ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Tại sao? Vì xưa kia khi Ta bị phanh xé thân thể từng

miếng, nếu có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, họ giả tướng thì phải sanh tâm sân hận.

Tu Bồ Đề! Nhớ lại kiếp quá khứ, Ta làm tiên nhẫn nhục trải qua năm trăm đời, những đời ấy đều vô ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, họ giả tướng. Tu Bồ Đề! Vì thế Bồ Tát phát tâm Vô Thương Chánh Đẳng Chánh Giác phải lìa tất cả tướng. Chẳng nên sanh tâm trụ nơi sắc, và cũng chẳng nên sanh tâm trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên sanh tâm vô sở trụ; nếu tâm có trụ tức là phi trụ, thị danh tâm trụ (*nghĩa ba câu*).

Cho nên Phật nói tâm của Bồ Tát chẳng nên trụ nơi sắc bối thí, chẳng nên trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp bối thí. Tu Bồ Đề! Bồ Tát vì lợi ích tất cả chúng sanh, cần phải bối thí như thế. Như Lai nói: **Tất cả các tướng tức là phi tướng**; lại nói: **Tất cả chúng sanh tức phi chúng sanh**.

Tu Bồ Đề! Như Lai là người chơn ngữ, thật ngữ, như ngữ, bất cuồng ngữ, bất dị ngữ. Tu Bồ Đề! Pháp của Như Lai chứng đắc, ấy là pháp vô thật vô hư.

Tu Bồ Đề! Nếu tâm của Bồ Tát trụ nơi pháp mà hành việc bối thí, thì cũng như người vào chỗ tối chẳng thấy gì cả. Nếu tâm của Bồ Tát chẳng trụ nơi pháp mà hành việc bối thí, thì cũng như người có mắt dưới ánh sáng mặt trời, tất cả thấy rõ đủ thứ sắc tướng.

Tu Bồ Đề! Về đời sau này, nếu có thiện nam tín nữ thọ trì, đọc tụng kinh này, thì trí huệ của Như Lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy, đều được thành tựu công đức vô lượng vô biên.

### LƯỢC GIẢI

**Ngũ ngữ** : Chơn ngữ, thật ngữ, như ngữ, bất cuống ngữ, bất dị ngữ.

Phật thuyết **chơn ngữ** là nghĩa chung với nhị thừa (có sanh tử để diệt, có Niết Bàn để chứng), **thật ngữ** : là nghĩa chung với Bồ Tát (nghĩa Đại thừa, sanh tử Niết Bàn đều như hoa đốm trên không), **nurse ngữ** : là nghĩa chẳng chung với Tam thừa (trí huệ chẳng thể suy lường, lời nói chẳng thể diễn tả), **bất cuống ngữ**: chẳng đối túc là vô hư, **bất dị ngữ** : thấy trước việc chưa đến gọi là bất dị, túc là vô thật, nên Phật nói pháp ấy là vô thật vô hư. (Lược giải hết).

### 15. TRÌ KINH CÔNG ĐỨC

\_ Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam tín nữ, buổi sáng bố thí thân thể nhiều bằng số cát sông Hằng, buổi trưa lại bố thí thân thể nhiều bằng số cát sông Hằng, buổi chiều cũng bố thí thân thể nhiều bằng số cát sông Hằng, cứ bố thí thân thể như thế cho đến vô lượng trăm, nghìn, muôn ức kiếp. Với người nghe kinh điển này lòng tin vững chắc, thì được phước nhiều hơn người kia, huống chi lại còn biên chép, thọ trì, đọc tụng, giảng giải cho người khác nghe. Tu Bồ Đề ! Nói tóm lại, kinh này có công đức vô biên, bất khả tư nghì, chẳng thể suy lường. Như

Lại vì người phát tâm Đại thừa và người phát tâm Tối thượng thừa mà thuyết. Nếu có người nào hay thọ trì, đọc tụng, phổ biến cho người, thì Như Lai biết rõ người ấy, thấy rõ người ấy đều được thành tựu vô biên công đức, bất khả tư nghì, chẳng thể suy lường. Những người như thế mới là gánh vác được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Như Lai. Tại sao ? Tu Bồ Đề ! Nếu người ưa pháp Tiểu thừa, dính mắc ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến (*chẳng ngoài sáu mươi hai kiến chấp*), thì chẳng thể tín thọ, đọc tụng kinh này và giảng giải cho người khác nghe.

Tu Bồ Đề ! Bất cứ nơi nào, nếu có Kinh này, tất cả thế gian, Trời, Người, A Tu La, đều nên cúng dường. Phải biết chỗ đó chính là tháp Phật, đều nên cung kính lě bái, dùng các thứ hương hoa rải quanh chỗ đó.

## 16. NĂNG TÌNH NGHIỆP CHƯỚNG

\_ Lại nữa, Tu Bồ Đề ! Như thiện nam tín nữ thọ trì đọc tụng kinh này, nếu bị người khinh rẻ, thì những người nghiệp nhân đời trước đáng lě phải đọa ác đạo, vì nay bị người đời khinh rẻ, nên những nghiệp nhân đời trước liền được tiêu diệt, lại còn được đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tu Bồ Đề ! Ta nhớ đời quá khứ, trước Phật

Nhiên Đắng vô lượng vô số kiếp, được gấp tám trăm bốn nghìn muôn ức na do tha chư Phật, Ta đều cúng dường thờ phụng, chẳng bỏ sót Phật nào. Lại, nếu có người đời mạt kiếp hay thọ trì đọc tụng kinh này, được nhiều công đức, đem công đức cúng dường chư Phật của Ta so với công đức ấy, chẳng bằng một phần trăm, một phần nghìn, muôn ức, cho đến toán số, thí dụ đều chẳng thể sánh bằng.

Tu Bồ Đề! Nếu ở đời mạt kiếp, có thiện nam tín nữ thọ trì đọc tụng kinh này, được công đức vô lượng. Nếu ta kể ra hết, hoặc có người nghe rồi tâm liền cuồng loạn, nghi ngờ chẳng tin. Tu Bồ Đề! Phải biết ý nghĩa kinh này bất khả tư nghì, quả báo cũng bất khả tư nghì.

## 17. CỨU KINH VÔ NGÃ

Lúc bấy giờ, Tu Bồ Đề thưa rằng:

\_ Bạch Thế Tôn! Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đắng Chánh Giác nên an trú tâm như thế nào? Hàng phục tâm như thế nào? Phật bảo Tu Bồ Đề:

\_ Những thiện nam tín nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đắng Chánh Giác, nên sanh tâm như thế này : Ta phải diệt độ cho tất cả chúng sanh, diệt độ tất cả chúng sanh rồi mà chẳng có một chúng sanh nào được diệt độ. Tại sao? Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát có

ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng thì chẳng phải Bồ Tát. Tại sao? Tu Bồ Đề! Vì thật chẳng có pháp gì để phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đẳng có đắc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chẳng?

\_ Bạch Thế Tôn, không. Theo con hiểu nghĩa của Phật nói, Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đẳng thật chẳng có đắc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật bảo :

\_ Đúng thế! Đúng thế! Tu Bồ Đề! Như Lai thật chẳng đắc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Nếu Như Lai có đắc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì Phật Nhiên Đẳng chẳng thọ ký cho Ta rằng : “Về đời sau Người sẽ được thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni”. Bởi thật chẳng có đắc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên Phật Nhiên Đẳng mới thọ ký cho Ta rằng: “Về đời sau người sẽ thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni”. Tại sao? Nói Như Lai tức là các pháp như nghĩa. Nếu có người nói rằng Như Lai đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là chẳng đúng như nghĩa. Tu Bồ Đề! Vì thật ra Phật chẳng đắc pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu

Bồ Đề! Nói Như Lai đặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở trong đó vô thật vô hư.

Cho nên Như Lai nói: “Tất cả các pháp đều là Phật pháp”. Tu Bồ Đề! Nói tất cả pháp, tức phi tất cả pháp, thị danh tất cả pháp (*nghĩa ba câu*). Tu Bồ Đề ! Ví như thân người cao lớn đã kể trên, nghĩa là siêu việt số lượng.

Tu Bồ Đề thưa rằng:

\_ Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn, tức phi thân lớn, thị danh thân lớn (*nghĩa ba câu*).

\_ Tu Bồ Đề! Bồ Tát cũng như thế. Nếu nói rằng ta phải diệt độ vô lượng chúng sanh thì chẳng thể gọi là Bồ Tát. Tại sao? Tu Bồ Đề! Thật chẳng có pháp gọi là Bồ Tát. Cho nên Phật thuyết tất cả pháp vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả.

Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát nói rằng ta phải trang nghiêm cõi Phật thì chẳng thể gọi là Bồ Tát. Tại sao? Vì Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm (*nghĩa ba câu*).

Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát thông đạt pháp vô ngã thì Như Lai nói ấy mới gọi là Chơn Bồ Tát.

#### **GHI CHÚ :**

**Các pháp như nghĩa:** là đúng như thật nghĩa, thật nghĩa

vô nghĩa cũng như Phật nói “thật tướng vô tướng” vậy.

(Ghi chú hết)

## 18. NHẤT THẾ ĐỒNG QUÁN

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Như Lai có nhục nhãnh chǎng?

\_ Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có nhục nhãnh.

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Như Lai có thiên nhãnh chǎng?

\_ Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có thiên nhãnh.

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Như Lai có huệ nhãnh chǎng?

\_ Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có huệ nhãnh.

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Như Lai có pháp nhãnh chǎng ?

\_ Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có pháp nhãnh.

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Như Lai có Phật nhãnh chǎng?

\_ Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai có Phật nhãnh.

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Như số cát trong sông Hằng kia, Phật nói là cát chǎng?

\_ Bạch Thế Tôn, đúng thế! Như Lai nói là cát.

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Như có những sông Hằng nhiều bắng số cát trong một sông Hằng, rồi lại có cõi Phật nhiều bắng số cát trong những sông Hằng ấy, như thế có phải là nhiều chăng?

\_ Bạch Thế Tôn, rất nhiều.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

\_ Bao nhiêu thứ tâm niệm của chúng sanh trong cõi Phật ấy, Như Lai đều biết rõ. Tại sao? Như Lai nói các tâm, đều là phi tâm, thị danh là tâm (*nghĩa ba câu*). Tại sao? Tu Bồ Đề! Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc (*Phá chấp tâm là thật có*).

## LƯỢC GIẢI

Để lược giải nghĩa Ngũ nhãm, có bài kê rằng:

Thiên nhãm thông phi ngại,  
 Nhục nhãm ngại phi thông.  
 Pháp nhãm duy quán tục,  
 Huệ nhãm liễu tri không.  
 Phật nhãm như thiên nhật,  
 Chiếu dí thể hoàn đồng.

Dịch nghĩa :

*Thiên nhãm thông chẳng ngại,*  
*Nhục nhãm ngại chẳng thông.*  
*Pháp nhãm hay quán tục (tục đế),*  
*Huệ nhãm thấu rõ không (chơn đế).*

*Phật nhän như ngàn nhät (mặt trời),  
Chiếu dí (khác) thể vẫn đồng.*

(Lược giải hết)

## 19. PHÁP GIỚI THÔNG HÓA

\_ Tu Bồ Đề! Ý Ngươi thế nào? Nếu có người đem thất bửu chất đầy tam thiền đại thiền thế giới dùng để bố thí, người ấy nhờ nhân duyên đó, được phước đức nhiều chăng?

\_ Bạch Thế Tôn, đúng thế! Người ấy nhờ nhân duyên đó, được phước đức rất nhiều.

\_ Tu Bồ Đề! Nếu phước đức có thật thì Như Lai chẳng nói được phước đức nhiều. Vì phước đức vốn chẳng thật nên Như Lai nói được phước đức nhiều.

## 20. LY SẮC LY TƯỚNG

\_ Tu Bồ Đề! Ý Ngươi thế nào? Có thể nhờ sắc thân đầy đủ thấy Phật chăng?

\_ Bạch Thế Tôn, không. Chẳng nên nhờ sắc thân đầy đủ mà thấy Phật. Như Lai nói sắc thân đầy đủ, tức phi sắc thân đầy đủ, thị danh sắc thân đầy đủ (*nghĩa ba câu*).

\_ Tu Bồ Đề! Ý Ngươi thế nào? Có thể nhờ các tướng đầy đủ thấy Như Lai chăng?

\_ Bạch Thế Tôn, không. Chẳng nên nhờ các tướng đầy đủ mà thấy Như Lai. Tại sao? Như Lai nói các tướng đầy đủ, tức phi các tướng đầy đủ, thị

danh các tướng đầy đủ (*nghĩa ba câu*).

## 21. PHI THUYẾT SỞ THUYẾT

\_ Tu Bồ Đề! Người chớ nói Như Lai có nghĩ rằng “Ta phải có thuyết pháp”, đừng nghĩ vậy. Tại sao? Nếu người nào nói Như Lai có thuyết pháp tức là phi báng Phật, chẳng hiểu lời nói của Ta. Tu Bồ Đề! Nói thuyết pháp là vô pháp để thuyết, thị danh thuyết pháp (*nghĩa ba câu*).

Bấy giờ, Huệ Mạng Tu Bồ Đề thưa Phật rằng:

\_ Bạch Thế Tôn! Những chúng sanh đời vị lai nghe được pháp này sanh lòng tin chăng ?

Phật bảo:

\_ Tu Bồ Đề! Những chúng sanh ấy là phi chúng sanh, phi bất chúng sanh. Tại sao? Tu Bồ Đề! Chúng sanh cho là chúng sanh, Như Lai nói phi chúng sanh, thị danh chúng sanh (*nghĩa ba câu*).

### GHI CHÚ:

**Huệ Mạng:** Pháp thân là thể của tự tánh, huệ mạng là dụng của tự tánh; sự nghiệp hoằng pháp độ sanh chẳng gián đoạn gọi là huệ mạng.

(Ghi chú hết)

## 22. VÔ PHÁP KHẢ ĐẮC

Tu Bồ Đề thưa rằng:

\_ Bạch Thế Tôn! Phật đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là vô sở đắc chăng?

\_ Đúng thế! Đúng thế! Tu Bồ Đề! Ta ở nơi pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thật chẳng dắc một chút gì cả, thị danh Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (*nghĩa ba câu*)

### **23. TÌNH TÂM HÀNH THIỆN**

\_ Lại nữa, Tu Bồ Đề! Pháp ấy bình đẳng, chẳng có cao thấp, gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả mà tu tất cả thiện pháp, thì liền được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Như Lai nói thiện pháp tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp (*nghĩa ba câu*).

### **24. PHƯỚC TRÍ VÔ TỶ**

\_ Tu Bồ Đề! Nếu có người đem thất bửu chất đầy bằng núi Tu Di chứa trong tam thiền đại thiền thế giới dùng để bố thí, với người thọ trì đọc tụng Kinh Bát Nhã Ba La Mật này, cho đến chỉ hành theo tứ cú kệ, và giảng giải cho người khác nghe, thì phước đức bố thí so với phước đức thọ trì chẳng bằng một phần trăm, một phần nghìn, muôn ức, cho đến toán số thí dụ cũng chẳng thể sánh bằng.

### **25. HÓA VÔ SỞ HÓA**

\_ Tu Bồ Đề! Các người chớ cho Như Lai có nghĩ rằng “Ta phải độ chúng sanh”. Tu Bồ Đề, đừng nghĩ vậy! Tại sao? Thật chẳng có chúng sanh mà Như Lai độ. Nếu nói Như Lai có độ chúng sanh, thì

Như Lai mắc vào bốn tướng ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Tu Bồ Đề! Như Lai nói có ngã tức phi ngã, mà phàm phu chấp là có ngã. Tu Bồ Đề! Như Lai nói phàm phu tức phi phàm phu, thị danh phàm phu (*nghĩa ba câu*).

## 26. PHÁP THÂN PHI TƯỚNG

\_ Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Có thể dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai chăng?

Tu Bồ Đề đáp:

\_ Đúng thế ! Đúng thế ! Có thể dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai.

Phật bảo Tu Bồ Đề :

\_ Nếu dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai thì Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Như Lai sao? (*Chuyển Luân Thánh Vương cũng có ba mươi hai tướng*).

Tu Bồ Đề thưa rằng :

\_ Bạch Thế Tôn, như con hiểu ý nghĩa lời Phật, thì chăng nên dùng ba mươi hai tướng để quán Như Lai.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

**Nhược dĩ sắc kiến ngã,  
Dĩ âm thanh cầu ngã.  
Thị nhơn hành tà đạo,  
Bất năng kiến Như Lai.**

Dịch nghĩa:

*Nếu dùng sắc thấy Ta,  
Dùng âm thanh cầu Ta.  
Là người hành tà đạo,  
Chẳng thể thấy Như Lai.*

## LƯỢC GIẢI

*Nếu dùng sắc thấy Ta,  
Dùng âm thanh cầu Ta.  
Là người hành tà đạo,  
Chẳng thể thấy Như Lai.*

Chữ **Ta** ở đây là tự tánh Phật. Tự tánh bất nhị, chẳng có  
năng sở, nên chẳng phải sở thấy sở cầu. Nếu đuổi theo cǎn  
trần để thấy để cầu là hành theo tà đạo, chẳng thể đạt đến  
kiến tánh.  
(Lược giải hết)

## 27. VÔ ĐOẠN VÔ DIỆT

\_ Tu Bồ Đề! Nếu Người nghĩ rằng: “Như Lai vì  
chẳng nhờ tướng đầy đủ mới đắc Vô Thượng Chánh  
Đảng Chánh Giác”, Tu Bồ Đề, đừng nghĩ như vậy!  
Nói Như Lai vì chẳng nhờ tướng đầy đủ mới đắc Vô  
Thượng Chánh Đảng Chánh Giác là chẳng đúng.

Tu Bồ Đề! Nếu Người nghĩ như thế thì người  
phát tâm Vô Thượng Chánh Đảng Chánh Giác là  
nói các pháp đoạn diệt sao! Đừng nghĩ vậy. Tại  
sao? Vì người phát tâm Vô Thượng Chánh Đảng  
Chánh Giác, nơi pháp chẳng nói tướng đoạn diệt.

## LƯỢC GIẢI

Ở phần 20 nói: “Chẳng nên nhờ các tướng đầy đủ mà thấy Như Lai” là phá chấp **sắc tướng**. Phần 27 nói: “Chớ nên nghĩ rằng Như Lai vì chẳng nhờ tướng đầy đủ mới dắc Vô Thương Chánh Đẳng Chánh Giác” là phá chấp **phải lìa sắc tướng**. Vì chấp sắc tướng và chấp lìa sắc tướng đều chẳng thể đạt đến kiến tánh.

(Lược giải hết)

## 28. BẤT THỌ BẤT THAM

\_ Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát đem thất bửu chất đầy những thế giới như cát sông Hằng dùng để bố thí, với Bồ Tát biết tất cả pháp vô ngã, được thành tựu pháp nhẫn (*lòng tin vững chắc*), thì Bồ Tát này được công đức hơn Bồ Tát kia. Tại sao? Tu Bồ Đề, vì các Bồ Tát này chẳng thọ phước đức.

Tu Bồ Đề thừa rằng:

\_ Bạch Thế Tôn! Sao nói Bồ Tát chẳng thọ phước đức?

\_ Tu Bồ Đề! Vì Bồ Tát làm việc phước đức chẳng sanh khởi lòng tham, cho nên nói chẳng thọ phước đức.

## 29. OAI NGHI TỊCH TỊNH

\_ Tu Bồ Đề! Nếu có người nói rằng: “Như Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm” thì người ấy chẳng hiểu được ý nghĩa lời Ta nói. Tại sao? Vì Như Lai chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, nên gọi là Như Lai.

## LUỢC GIẢI

Tự tánh cùng khắp không gian và thời gian, khắp không gian thì chẳng có khứ lai, nên gọi là Như Lai, khắp thời gian thì chẳng có gián đoạn (chẳng có sanh diệt), nên gọi là Niết Bàn.

(Lược giải hết)

## 30. NHẤT HỢP TƯỚNG LÝ

\_ Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam tín nữ, đem cõi tam thiên đại thiên thế giới nghiền nát ra thành vi trần, ý Người thế nào? Những vi trần chúng có phải nhiều chẳng?

Tu Bồ Đề thưa rằng:

\_ Bạch Thế Tôn, rất nhiều. Tại sao? Nếu những vi trần chúng là thật có thì Phật chẳng nói là vi trần chúng. Tại sao? Vì Phật nói vi trần chúng, tức phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng (*nghĩa ba câu*). Bạch Thế Tôn! Như Lai nói tam thiên đại thiên thế giới, tức phi thế giới, thị danh thế giới. Tại sao? Nếu thế giới thật có, tức là nhất hợp tướng. Như Lai nói nhất hợp tướng, tức phi nhất hợp tướng, thị danh nhất hợp tướng (*nghĩa ba câu*).

## 31. TRI KIẾN BẤT SANH

\_ Tu Bồ Đề! Nếu có người nói Phật thuyết ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến là thật, Tu Bồ Đề! Ý Người thế nào? Người ấy có thể được ý nghĩa lời Ta nói chẳng?

\_ Bạch Thế Tôn, không! Người ấy chẳng hiểu ý nghĩa của Như Lai nói. Tại sao? Như Lai nói ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức phi ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, thị danh ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến (*nghĩa ba câu*).

\_ Tu Bồ Đề! Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với tất cả pháp nên tri như thế, kiến như thế, tín giải như thế, chẳng sanh pháp tướng. Tu Bồ Đề! Như Lai nói pháp tướng, tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng (*nghĩa ba câu*).

### 32. ỦNG HÓA PHI CHƠN

\_ Tu Bồ Đề! Nếu có người đem thất bửu chất đầy vô lượng a tăng kỳ thế giới dùng để bố thí, với thiện nam tín nữ phát tâm tu thọ trì đọc tụng kinh này, cho đến chỉ hành theo tứ cú kệ, và giảng giải cho người nghe, thì phước đức hơn người kia.

Vậy phải giảng giải như thế nào? Nên giảng giải như thế này: Như như bất động, chẳng nên chấp nơi tướng. Tại sao?

**Nhất thiết hữu vi pháp,**

**Như mộng, huyễn, bào, ảnh,**

**Như lộ diệc như điện,**

**Üng tác như thị quán.**

Dịch nghĩa:

Tất cả pháp hữu vi,  
Như mộng, huyễn, bợt, bóng,  
Như sương mù, điện chớp,  
Nên quán theo như thế.

Phật thuyết kinh này xong, Trưởng lão Tu Bồ Đề với các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di và tất cả thế gian, Trời, Người, A Tu La, nghe lời Phật thuyết, đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

### LƯỢC GIẢI

**Như Như Bất Động, chẳng nên chấp nơi tướng:** Theo lời Phật thì hai chữ **Như Như** là như thật tế, là như bản thể của tự tánh. Hai chữ **Bất Động** chẳng phải đối với động mà nói bất động, vì tự tánh bất nhị, chẳng có biến chuyển nên nói bất động. Về bề mặt thì chẳng thể diễn tả, nếu tả theo bề trái thì chẳng động chẳng tĩnh, chẳng thêm chẳng bớt, chẳng lớn chẳng nhỏ, chẳng một chẳng nhiều...Nên chỉ có thể nói là **Như Như Bất Động**. Tất cả những đối đai như động, tĩnh, lớn, nhỏ, v.v... cho đến Bồ Đề Niết Bàn đều là tướng, chẳng chấp nơi tướng mới được gọi là **Như Như Bất Động**.

(Lược giải hết)

# **BÁT NHÃ BA LA MÂT ĐA TÂM KINH**

## **LƯỢC GIẢI**

*Tác giả : GIÁC KHAI*

*Dịch Giả : CHÁNH NGỌC*



# BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

## LƯỢC GIẢI

### I. GIẢI THÍCH ĐỀ KINH

Sáu chữ BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA sẽ được giải ở câu đầu tiên của phần nội văn, bây giờ giải đề kinh chỉ giải hai chữ TÂM KINH.

Chữ TÂM nói ra thật rất khó nói, bởi vì chân tâm, vọng tâm cũng là nó, chánh tâm, tà tâm cũng là nó. Kinh HOA NGHIÊM nói: “NHẤT THIẾT DUY TÂM TẠO”. Vậy vũ trụ vạn hữu và vạn vô, tất cả đều là nó. Nói TÂM BAO GỒM HU KHÔNG PHÁP GIỚI cũng còn chưa đúng, vì nếu nói như vậy thì tâm là tâm, hu không pháp giới là hu không pháp giới, thành ra hai rồi. Còn nói đến “BỐN TÂM” bốn tâm tức là tự tánh, tự tánh là BẤT NHỊ (không hai). Hu không pháp giới tức là TÂM, TÂM tức là hu không pháp giới, chẳng phải là hai cái, không có khác biệt, như vậy mới đúng với cái nghĩa BẤT NHỊ của tự tánh. Nhưng tâm của chúng ta hiện nay thì có muôn ngàn sai biệt, không những một mình có đủ thứ tâm như: Tâm tham, tâm sân, tâm si, tâm cống cao ngã mạn, tâm ác, tâm thiện, tâm tín, tâm nghi v.v... mà muôn ngàn người lại có muôn ngàn

cái tâm sai biệt bất đồng nữa, bây giờ tâm kinh này là muốn làm cho tất cả muôn ngàn cái tâm sai biệt đều đạt đến chỗ hoàn toàn không sai biệt, hồi phục lại cái BẤT NHỊ của tự tánh, cho nên kinh này chỉ rõ đường lối tu hành cho chúng ta, dạy chúng ta: y theo đó mà thực hành để đạt đến chỗ BẤT NHẤT BẤT NHỊ, chỗ hoàn toàn không có sai biệt, không những không có cái sai biệt của cá nhân, cũng không có cái sai biệt của chúng sanh, đây là ý nghĩa của hai chữ TÂM KINH vậy.

Chữ KINH là chữ thông thường, không cần phải giải nữa.

## II. GIẢI THÍCH NỘI VĂN

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT, HÀNH THÂM BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA THỜI, CHIẾU KIẾN NGŨ UẨN GIAI KHÔNG, ĐỘ NHỨT THIẾT KHỔ ÁCH :

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT: Nhiều người cho là Quán Thế Âm Bồ Tát, nhưng tôi nói là Quán Thế Âm Bồ Tát cũng được, nói là tự tánh của tất cả mọi người đều vốn có cũng được, bởi vì TỰ TÁNH tức là QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT, TỰ TÁNH tức là QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT, cũng như Lục Tổ nói: “TỰ TÁNH TỰ ĐỘ” Quán Tự Tại Bồ Tát tự tánh tự độ, cái tự tánh Quán Âm của mình cũng phải tự tánh tự độ mới được. Không những là tự tánh Quán Âm mà còn là tự tánh Phật nữa! Phật thuyết Bát Nhã Tâm kinh

này không những chỉ nói với hàng Bồ Tát, mà cũng là dạy cho tất cả chúng sanh, mỗi mỗi đều phải tự tánh tự độ, cho nên tôi nói Quán Tự Tại Bồ Tát là Quán Thế Âm hay là tự tánh của chúng ta cũng được.

HÀNH THÂM BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA THỜI: HÀNH là thực hành. THÂM là hình dung Bát Nhã như Ma Ha Bát Nhã (*Đại Bát Nhã*), Kim Cang Bát Nhã và THÂM BÁT NHÃ trong kinh này cái ý cũng giống nhau. Chữ THÂM này tức là siêu việt số lượng, không phải đối với cạn mà nói sâu, cũng như chữ Đại của Đại Bát Nhã; không phải đối với nhỏ mà nói lớn, mà là siêu việt số lượng, nếu có số lượng thì không được gọi là ĐẠI, nếu có số lượng thì không được gọi là THÂM, nếu có số lượng thì không phải là Bát Nhã...

BÁT NHÃ dịch là trí huệ, nhưng trí huệ này không phải như trí huệ của thế gian; trí huệ của thế gian cần phải qua sự tác ý mới dùng được, còn Bát Nhã của tự tánh thì không cần sự tác ý. Cái dụng của Bát Nhã rất lớn, không có khuôn khổ, không bị tất cả hạn chế, do đó sức dụng của Bát Nhã với sự ứng dụng trí huệ của thế gian khác nhau, vì thế nên người dịch không dịch ngay là trí huệ mà chỉ y theo tiếng Phạn (*Ấn Độ*) gọi là Bát Nhã. Tổ sư nói: “Không có Bát Nhã không phải là

Bát Nhã. Có Bát Nhã cũng không phải là Bát Nhã". Không có Bát Nhã đương nhiên không phải là Bát Nhã, nhưng tại sao có Bát Nhã cũng chẳng phải là Bát Nhã? Bởi vì: có đối với không là tương đối, lọt vào tứ cú. (*Tứ cú: có, không, chẳng có chẳng không, cũng có cũng không*), còn BÁT NHÃ thì không thể lọt vào tứ cú được, cho nên nói có Bát Nhã cũng chẳng phải BÁT NHÃ là lý này vậy.

Vậy muốn HÀNH THÂM BÁT NHÃ để làm gì? Là để đạt đến BA LA MẬT ĐA. Bốn chữ này từ tiếng Phạn dịch ra, chữ ĐA là tiếng đệm, không có nghĩa, còn ba chữ BA LA MẬT nghĩa là đến bờ bên kia. Chúng ta ở bờ bên này thì có khổ, có phiền não, không được tự do tự tại, nếu chúng ta phát huy được cái đại dụng của Bát Nhã thì đạt đến bờ bên kia: bờ bên kia là thí dụ chỗ tự do tự tại, không có phiền não và khổ sở.

Bây giờ chúng ta THAM THIỀN để câu thoại đâu, khơi lên nghi tình, tức là hành THÂM BÁT NHÃ RỒI, chỉ cần dũng mãnh tham cứu mãi, tương lai nhất định sẽ đến được bờ bên kia. Tham tới lúc ngộ tức là CHIẾU KIẾN NGŨ UẨN GIAI KHÔNG. Trong KINH LĂNG NGHIÊM nói đến quá trình phá Ngũ Uẩn: là từ sắc uẩn đến thức uẩn, y theo thứ lớp mà phá, khi phá được thức uẩn rồi là KIẾN TÁNH. Đến đây, tất cả chướng ngại đều bị quét sạch, cho

nên kinh nói GIAI KHÔNG.

Phật pháp nói chữ KHÔNG là để hiện ra cái dụng tích cực của tự tánh, chứ không phải là cái rỗng không, tiêu cực như người đời hay hiểu lầm, cũng không phải là cái không ngơ. Chữ KHÔNG này kỳ thực nói ra rất dễ hiểu, ví như một căn nhà, nếu không có cái KHÔNG (*chỗ trống*) thì không ở được, một cái bàn không có chỗ KHÔNG thì chẳng thể để đồ được, một cái tách nếu không có cái KHÔNG thì chẳng thể đựng trà, đựng nước, đựng cà phê được, cho nên có thể suy ra, bất cứ cái gì nếu không có cái KHÔNG thì chẳng thể dùng được. Muốn dùng thì phải có cái KHÔNG, cái KHÔNG đến cùng tột thì cái dụng cũng được đến cùng tột. Cái dụng của tự tánh cũng như vậy, hễ KHÔNG đến cùng cực thì dụng đến cùng cực tức là Phật, cũng là hoàn toàn phát huy được cái đại dụng của Bát Nhã, đến lúc đó cái đại dụng của BÁT NHÃ cùng khắp hư không pháp giới, ánh sáng ấy chiếu đến đâu thì tất cả tai nạn khổ sở đều bị tiêu tan sạch. Chữ ĐỘ là độ thoát, tức là ĐỘ THOÁT NHẤT THIẾT KHỔ ÁCH rồi.

Đoạn thứ nhất này là nói tổng quát, văn sau sẽ lần lượt nói từ lớp.

XÁ LỢI TỬ, SẮC BẤT DỊ KHÔNG, KHÔNG BẤT DỊ SẮC, SẮC TỨC THỊ KHÔNG, KHÔNG TỨC THỊ

SẮC, THỌ, TƯỞNG, HÀNH, THỨC, DIỆC PHỤC NHƯ THỊ.

Hai chữ XÁ LỢI là tiếng Ấn Độ, là tên của người mẹ. Tử là con (*tiếng Hán*). XÁ LỢI TỬ tức là Xá Lợi Phất trong kinh kinh Di Đà, là đại diện đương cơ của kinh này, Phật mỗi lần thuyết pháp đều có một vị đại diện đương cơ, để đại diện người nghe đối đáp với Phật. Trong mỗi cuốn kinh, Phật tuy chỉ nói với một vị đại diện đương cơ, kỳ thực cũng là nói với đại chúng cùng nghe.

**SẮC BẤT DỊ KHÔNG, KHÔNG BẤT DỊ SẮC:** Theo sự hiểu biết thông thường, SẮC là tất cả vật chất có hình có tướng. KHÔNG thì không phải là vật chất, hai cái khác nhau, nhưng ý của kinh này thì nói SẮC, KHÔNG bất nhị, chẳng có khác biệt.

Có người giải câu kinh này rằng: Thí dụ như cái tách là SẮC, đập bể rồi thành KHÔNG, hoặc nói: “Cái tướng là SẮC, cái tánh vốn KHÔNG”. Nếu giải thích như vậy thì thành ra hai rỗi, bởi vì họ nói tánh với tướng bất đồng, SẮC với KHÔNG khác nhau. Nếu nói cái tách đập bể rồi thành KHÔNG cho là đúng đi, nhưng làm sao mà hợp cái KHÔNG đó lại thành SẮC được? Như kinh Lăng Nghiêm nói: Hợp KHÔNG CHẲNG THÀNH SẮC. PHÂN TÁCH KHÔNG CŨNG CHẲNG THÀNH SẮC ĐƯỢC. Dẫu cho giải câu SẮC BẤT DỊ KHÔNG như thế là

đúng đi, còn câu KHÔNG BẤT DỊ SẮC thì làm sao giải thích?

Kỳ thực như kinh Hoa Nghiêm nói: “NHẤT THIẾT DUY TÂM TẠO” SẮC là do tâm tạo, KHÔNG cũng là do tâm tạo, hai cái đều không có tự tánh thì đâu cần tiêu diệt SẮC rồi mới có thể thành KHÔNG; cũng không cần phân biệt là tánh hay là tướng. Lúc chúng ta thấy SẮC, SẮC vốn là KHÔNG, bởi vì cái SẮC đó do tâm tạo, vốn không có thật, cho nên nếu không chấp cái SẮC là thật thì SẮC TỨC THỊ KHÔNG. Không chấp cái KHÔNG là thật thì KHÔNG TỨC THỊ SẮC. Hai cái vốn không khác biệt, chỉ vì chúng sanh có bệnh hay chấp thật nên mới phân biệt có SẮC có KHÔNG, nếu không chấp thật thì không cần đập bể hay phân tách, tự nhiên SẮC, KHÔNG bất nhị, không có khác nhau.

Có người giải SẮC, KHÔNG theo nghĩa nhân duyên là: Nhân duyên hòa hợp thì thành SẮC, nhân duyên tan rã thì thành KHÔNG. Nếu giải như vậy đã là hai rồi, là có khác biệt rồi. Kinh Lăng Nghiêm nói: “PHI NHÂN DUYÊN, PHI TỰ NHIÊN”. Tất cả kinh liễu nghĩa đều như vậy, chúng ta lấy kinh để chứng kinh thì được biết cái nghĩa của kinh này không phải là nhân duyên. Như vậy SẮC với KHÔNG không khác thì SẮC TỨC THỊ KHÔNG, KHÔNG TỨC THỊ SẮC, cũng là cái nghĩa bất nhị của tự tánh vậy.

SẮC uẩn trong Ngũ Uẩn như vậy thì bốn uẩn kia cũng như vậy, cho nên nói DIỆC PHỤC NHƯ THỊ. Cũng như lấy thọ uẩn để nói thì “THỌ BẤT DỊ KHÔNG, KHÔNG BẤT DỊ THỌ, THỌ TỨC THỊ KHÔNG, KHÔNG TỨC THỊ THỌ”. Ba uẩn tưởng, hành, thức cũng theo đó mà suy ra. Không những thọ, tưởng, hành, thức như vậy, mà vũ trụ vạn vật tất cả đều phải như vậy. Ví như lấy cái tách vào đó mà nói thì: “Tách bất dị không, không bất dị tách, tách tức thị không, không tức thị tách”, lấy ta mà nói thì “Ta bất dị không, không bất dị ta, ta tức thị không, không tức thị ta”, lấy Phật mà nói thì “Phật bất dị không, không bất dị Phật, Phật tức thị không, không tức thị Phật”. Nói tóm lại tất cả đều như vậy.

Cái nghĩa bốn câu ở trong kinh này cũng như nghĩa ba câu trong kinh Kim Cang và cái nghĩa “LY TỨ CÚ, TUYỆT BÁCH PHI” mà tôi đã có giảng qua, cũng không khác biệt.

XÁ LỢI TỦ, THỊ CHỦ PHÁP KHÔNG TƯỞNG, BẤT SANH BẤT DIỆT, BẤT CẤU BẤT TỊNH, BẤT TĂNG BẤT GIẢM, THỊ CỐ KHÔNG TRUNG VÔ SẮC, VÔ THỌ, TƯỞNG, HÀNH, THỨC, VÔ NHÃN, NHĨ, TỶ, THIỆT, THÂN, Ý, VÔ SẮC, THANH, HƯƠNG, VỊ, XÚC, PHÁP, VÔ NHÃN GIỚI NÃI CHÍ VÔ Ý THỨC GIỚI.

Đoạn này chữ VÔ thí dụ như cây chổi để quét sạch tri kiến của phàm phu. Đoạn trên đã nói: “NHẤT THIẾT DUY TÂM TẠO”, cũng gọi là KHÔNG TUỐNG, cái KHÔNG TUỐNG đó chẳng phải chỉ KHÔNG những cái có hình tướng, mà cũng KHÔNG những cái chẳng có hình tướng, như thấy có chẳng phải thật có, là KHÔNG TUỐNG, thấy không chẳng phải thật không, cũng là KHÔNG TUỐNG, thấy chân chẳng phải thật chân, là KHÔNG TUỐNG, thấy giả chẳng phải thật giả, cũng là KHÔNG TUỐNG; nói tóm lại, KHÔNG có một pháp nào chẳng phải là KHÔNG TUỐNG, cho nên kinh nói CHỦ PHÁP KHÔNG TUỐNG là vậy. Cái KHÔNG TUỐNG này chẳng phải đối với có mà nói không, nó không có đối đai, không lọt vào tứ cú. Hai chữ KHÔNG TUỐNG cũng là biệt danh của tự tánh: bởi vì nó không sanh không diệt, không nhơ không sạch, không thêm không bớt, cho nên nói không trung (*trong không* TUỐNG) VÔ SẮC, VÔ THO, TUỐNG, HÀNH, THỨC là để phá Ngũ uẩn, VÔ NHÃN, NHĨ, TỶ, THIỆT, THÂN, Ý là để phá Lục căn, VÔ SẮC, THANH, HƯƠNG, VỊ, XÚC, PHÁP là để phá Lục trần, VÔ NHÃN GIỚI NÃI CHÍ VÔ Ý THỨC GIỚI là để phá Lục thức, chữ VÔ này chẳng phải là cái VÔ của tuyệt diệt mà là cái VÔ của “VÔ thật” (*không thật*). Như việc trong chiêm bao là vô

thật, nhưng chẳng phải không có chiêm bao, lấy Lục căn tiếp xúc Lục trần sanh ra Lục thức đều như việc trong chiêm bao, chẳng có thực tế, mà phàm phu chấp sự việc có thật, đó là tri kiến sai lầm. Nên đoạn này dùng chữ VÔ để quét sạch tri kiến chấp thật của phàm phu.

VÔ VÔ MINH, DIỆC VÔ VÔ MINH TẬN, NĀI CHÍ  
VÔ LĀO TŪ, DIỆC VÔ LĀO TŪ TẬN.

Đoạn này là quét thừa Duyên Giác (*quán thập nhị nhân duyên mà giác ngộ gọi là Duyên Giác*); trong 12 nhân duyên, đầu tiên là Vô Minh, cuối cùng là Lão, Tử, ở giữa là: Hành, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh. Ở đây dùng hai chữ NĀI CHÍ để thay thế cho mười nhân duyên ở giữa. Thừa Duyên Giác tu 12 nhân duyên được chứng quả Bích Chi Phật (*dịch là Độc Giác*). Đoạn trên đã nói, tất cả pháp đều là KHÔNG TƯỚNG; KHÔNG TƯỚNG tức là chẳng phải thật, VÔ MINH đã chẳng phải thật thì không có VÔ MINH để TẬN (*hết*). Lão Tử chẳng phải thật thì không có Lão Tử để Tận. (LĀO TŪ TẬN là NIẾT BÀN *của TIỂU THÙA*). Nhưng trước mắt chúng ta thấy có già, có chết thì làm sao nói chẳng phải thật được? Làm sao nói Vô Lão Tử được? Lão Tử tức là sanh tử, hiện nay chúng ta thấy rõ ràng có sanh có tử, nhưng chẳng biết cái sanh tử đó là do cảm giác

sai lầm của chúng ta sanh ra. Trong Kinh Viên Giác, Phật có nói bốn thứ thí dụ, ở đây tôi chỉ nêu ra một: Do vọng tâm của chúng ta ngày đêm hoạt động không ngừng cho nên nhất định phải thấy có sanh tử luân hồi, cũng như thân mình xoay không ngừng thì nhất định phải thấy căn nhà xoay vậy. Căn nhà xoay dụ cho sanh tử luân hồi, căn nhà ngừng xoay dụ cho Niết Bàn. Cái xoay của căn nhà là do cái xoay của thân thể sanh ra cảm giác sai lầm như thế, căn nhà ngừng xoay dĩ nhiên cũng là do cảm giác sai lầm mà ra, bởi vì căn nhà có xoay hồi nào đâu mà nói căn nhà ngừng xoay? Do vọng tâm hoạt động thấy có sanh tử luân hồi và do vọng tâm ngừng hoạt động mà hiển hiện Niết Bàn (*liễu thoát sanh tử*) cũng là lý lẽ này vậy. Như thế chúng tôi Thập Nhị Nhân Duyên chẳng phải thật, mà Thừa Duyên Giác chấp đó là thật, cho nên đoạn này dùng chữ Vô để quét cái tri kiến chấp thật của Thừa Duyên Giác.

### VÔ KHỐ, TẬP, DIỆT, ĐẠO.

Đoạn này là quét Thừa Thanh Văn (*văn Phật thanh giáo: nghe tiếng Phật dạy mà ngộ đạo là Thanh Văn*). Thừa Thanh Văn gọi KHỐ, TẬP, DIỆT, ĐẠO là Tứ Thánh Đế, chúng ta ở trong sanh tử chịu đủ thứ KHỐ, là do cái tâm tạp nhiễm tích TẬP, phải tu Ngũ Đindh Tâm Quán của đạo mới có thể

chứng quả A La Hán, rồi cái khổ sanh tử được DIỆT, nên gọi là KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO. Nhưng đoạn trên đã nói sanh tử là do cảm giác sai lầm của Vọng tâm hoạt động mà sinh ra. Thì KHỔ, TẬP, DIỆT, ĐẠO này chẳng phải là thật, cho nên ở đây lấy chữ VÔ để quét cái tri kiến chấp thật của Thừa Thanh Văn.

VÔ TRÍ DIỆC VÔ ĐẮC, DĨ VÔ SỞ ĐẮC CỐ, BỒ ĐỀ TÁT ĐỎA, Y BÁT NHÃ BA LA MẶT ĐA CỐ, TÂM VÔ QUÁI NGẠI, VÔ QUÁI NGẠI CỐ, VÔ HỮU KHỦNG BỐ.

Đoạn này là quét Bồ Tát Thừa, tức là Đại Thừa. Đối với Tiểu Thừa, Phật quở là ngu si vì còn chấp pháp, chấp quả A La Hán là thật, chấp quả Bích Chi Phật là thật, không chịu buông bỏ để tiến lên Đại Thừa, cho nên bị Phật quở là tiêu nha bại chửng, như hạt lúa bị cháy rồi không thể dùng làm hạt giống được.

Đối với cái ngu si của Tiểu thừa mà nói Đại Thừa là trí huệ, nếu người tu Đại Thừa chấp trí huệ là thật thì bệnh chấp thật vẫn còn, cho nên nói VÔ TRÍ DIỆC VÔ ĐẮC, ý là không có trí huệ cho mình ĐẮC được (VÔ SỞ ĐẮC), vì VÔ SỞ ĐẮC mới có tư cách làm Bồ Tát. Hai chữ Bồ Tát là tiếng Phạn, toàn danh là BỒ ĐỀ TÁT ĐỎA, dịch là GIÁC HỮU TÌNH, tức là giác ngộ chúng sanh. Bổn phận của Bồ

Tát là độ chúng sanh, muốn độ chúng sanh thì phải làm cho chúng sanh giác ngộ, nếu chẳng giác ngộ thì chẳng phải là độ, bởi vì chẳng giác ngộ thì chẳng thể rời khỏi căn nhà sanh tử trong mờ mắt chiêm bao, chẳng thể giải thoát cái khổ của sanh tử luân hồi. Nếu Bồ Tát có sở đắc tức là còn chấp thật, đã tự mình còn chấp thì làm sao phá được cái chấp của chúng sanh?

Nói đến ba chữ VÔ SỞ ĐẮC thì chúng sanh rất khó tin, vì vậy, BÁT NHÃ TÂM KINH này tuy chỉ có 262 chữ, nhưng Phật cũng phải thêm mấy câu để giải thích cái VÔ SỞ ĐẮC này: nếu tất cả đều VÔ SỞ ĐẮC thì tâm được thanh tịnh, tâm được thanh tịnh thì cái dụng của Bát Nhã tự hiện, dụng của Bát Nhã hiện ra thì đạt đến bờ bên kia, cho nên kinh nói Y BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA CỐ TÂM VÔ QUÁI NGẠI, muốn làm cho tâm vô quái ngại thì phải VÔ SỞ ĐẮC, nếu có sở đắc thì sẽ bị cái sở đắc ấy quái ngại rồi. Đã được tâm vô quái ngại tức là tự do tự tại, thì đương nhiên VÔ HỮU KHỦNG BỐ rồi. Đoạn này là quét cái tri kiến chấp thật của Đại Thừa.

VIỄN LY ĐIÊN ĐẢO MỘNG TƯỞNG, CỨU CÁNH NIẾT BÀN.

Hai chữ Viễn Ly cũng là cây chổi, mấy đoạn trước lấy chữ Vô làm cây chổi, đoạn này muốn quét

cái tri kiến chấp Phật, nên dùng hai chữ VIỄN LY để nhấn mạnh thêm cái tác dụng của cây chổi. Nhiều người giải đoạn này rằng: “Xa lìa cái diên đảo mộng tưởng thì chứng nhập cứu cánh Niết Bàn”. Nếu chấp có cứu cánh Niết Bàn thật để chứng nhập thì cái tri kiến chấp thật này tức là diên đảo mộng tưởng, cho nên đoạn này CỨU CÁNH NIẾT BÀN cũng phải quét luôn.

Đoạn trên đã nói, căn nhà xoay (*nhusanh tǔ*) là do cảm giác sai lầm sanh ra, thì căn nhà ngưng xoay (*nhus Niết Bàn*) đương nhiên cũng là cảm giác sai lầm sanh ra, căn nhà vốn không có xoay thì làm sao nói ngưng xoay được? Cho nên kinh Lăng Già nói: “VÔ HỮU NIẾT BÀN PHẬT, VÔ HỮU PHẬT NIẾT BÀN”. Đoạn này quét luôn cứu cánh NIẾT BÀN tức là lý này vậy.

Trong kinh này, từ phàm phu, Tiểu Thừa, Đại Thừa cho đến nhất Phật Thừa, chia làm bốn đoạn để quét, quét tới sạch trơn không còn gì để quét nữa rồi mới có tư cách thành Phật; như phần 17 trong Kinh Kim Cang, quét tới quét lui A Nậu Ða La Tam Miệu Tam Bồ Đề đến 6, 7 lần; bởi vì quét những cấp dưới Phật thì người ta dễ tin hơn, còn quét luôn cả Phật thì người ta cảm thấy rất khó tin, nên mới phải quét tới 6, 7 lần là vậy.

TAM THẾ CHƯ PHẬT, Y BÁT NHÃ BA LA MẬT

## ĐA CỐ, ĐẮC A NÂU ĐA LA TAM MIỆU TAM BỒ ĐỀ.

Đoạn này mới chánh thức thành PHẬT, cứu cánh Niết Bàn của đoạn trên chưa phải thành PHẬT, phải quét luôn cứu cánh Niết Bàn, sau khi quét sạch tri kiến Phật rồi mới đủ tư cách thành Phật. TAM THẾ CHƯ PHẬT đều phải quét như vậy, tức là Phật quá khứ, Phật hiện tại và Phật vị lai đều phải y theo BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐÀ mà thực hành, nghĩa là phải quét từ phàm phu, Tiểu thừa, Đại thừa, cho đến nhất Phật thừa, quét sạch tất cả tri kiến, không còn một pháp nào để chấp thật, rồi mới có thể đạt đến A NÂU ĐA LA TAM MIỆU TAM BỒ ĐỀ (*giác ngộ tối cao*). A NÂU ĐA LA dịch là Vô Thượng, TAM MIỆU dịch là Chánh Đẳng, TAM BỒ ĐỀ dịch Chánh Giác, tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Chánh giác đối với tà giác mà nói; như ngoại đạo cũng có giác ngộ, nhưng vì còn chấp ngã, không được thoát khỏi sanh tử luân hồi, nên gọi là tà giác. Nếu phá được nhân ngã chấp, thoát khỏi sanh tử luân hồi thì gọi là Chánh giác, như A La Hán, Bích Chi Phật, vì phá hết nhân ngã chấp mà chúng được Chánh Giác, nhưng cái giác ấy chưa bằng Phật, phải chứng quả vị Bồ Tát rồi cái giác ấy mới bằng Phật được, mới gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác. Cái giác ngộ của Bồ Tát tuy chánh lại bằng với Phật,

nhưng diệu dụng thì chưa thể bằng Phật, còn có Phật ở trên, không được xưng là Vô Thượng, phải chứng đến quả Phật rồi mới được xưng là VÔ THƯỢNG CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC, tức là đạt đến giác ngộ cao nhất không có quả vị nào cao hơn nữa.

Nếu ở đoạn trên không dám quét luôn Cứu Cánh Niết Bàn thì chỗ này không có tư cách thành Phật, như Kinh Kim Cang nói: “Phật Thích Ca nếu thật đắc được A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thì Nhiên Đặng Phật không thọ ký cho tương lai thành Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni”. Nếu Cứu Cánh Niết Bàn ở đoạn trên đã chứng nhập rồi, ở đây còn chứng nhập thêm lần nữa là trùng, cho nên Cứu Cánh Niết Bàn ở trên cần phải quét. Đoạn sau tả cái sức dụng do sự quét KHÔNG mà hiện ra, như thế mới được phù hợp với thứ tự trong kinh. Phàm tất cả kinh Phật, từ đầu đến cuối nhất định phải đầu đuôi tương ứng, mạch lạc rõ ràng.

CỐ TRI BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA, THỊ ĐẠI THẦN CHÚ, THỊ ĐẠI MINH CHÚ, THỊ VÔ THƯỢNG CHÚ, THỊ VÔ ĐẲNG ĐẲNG CHÚ, NĂNG TRỪ NHẤT THIẾT KHỔ, CHÂN THẬT BẤT HỦ.

Đoạn này diễn tả cái dụng của Bát Nhã, ở đây thần chú chia làm bốn cấp, tùy theo sự quét KHÔNG của từng trình độ cao thấp mà hiện ra cái

dụng lớn nhỏ bất đồng, quét trống được bao nhiêu thì cái dụng hiện ra được bấy nhiêu. Bốn cấp thần chú là đại diện cho sức dụng, như quét sạch được tri kiến phàm phu rồi thì được tự động hiện ra cái sức dụng bằng ĐẠI THẦN CHÚ, quét sạch được tri kiến Tiểu thừa rồi thì hiện ra cái sức dụng bằng ĐẠI MINH CHÚ, quét sạch được tri kiến Đại thừa rồi thì hiện ra cái sức dụng bằng VÔ THƯỢNG CHÚ, quét sạch được tri kiến Phật thừa rồi thì hiện ra cái sức dụng bằng VÔ ĐẢNG ĐẢNG CHÚ, đến đây đã quét tới chỗ không còn gì để quét nữa, sức dụng của Bát Nhã đã đạt đến cứu cánh, không có gì có thể bằng được, nên gọi là VÔ ĐẢNG ĐẢNG (*Vô đẳng khả đẳng*). Cuối cùng NĂNG TRÙ NHẤT THIẾT KHỔ, CHÂN THẬT BẤT HƯ, đến đây cũng là đạt đến chỗ tự do tự tại rồi. Phật pháp nói đến tự do tự tại là không bị thời gian, không gian và số lượng hạn chế, cho nên sự tích cực của Phật Pháp rất triệt để, chẳng phải vì kiếp này hay kiếp sau, cũng chẳng phải trăm kiếp, ngàn kiếp, dẫu cho muôn triệu ngàn kiếp cũng không màng, tại sao vậy? Nếu muôn triệu ngàn kiếp sau, khổ còn trở lại nữa thì không được kể là tự do tự tại, vì đã bị thời gian muôn triệu ngàn kiếp hạn chế rồi, thì làm sao gọi là tự do tự tại được ? Nên sự tích cực của Phật Pháp là vĩnh viễn, nếu muôn triệu ngàn kiếp sau khổ còn

trở lại thì không được gọi là CHÂN THẬT BẤT HỦ.

CỐ THUYẾT BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA CHÚ, TỨC THUYẾT CHÚ VIẾT: YẾT ĐẾ, YẾT ĐẾ, BA LA YẾT ĐẾ, BA LA TĂNG YẾT ĐẾ, BỒ ĐỀ TÁT BÀ HA.

Sau chót nói đến chú Bát Nhã Ba La Mật Đa. Thần chú là đại diện mệnh lệnh hoặc sức dụng tự động của tự tánh, cho nên không cần dịch nghĩa, cũng không cần giải thích, nhưng cũng có Pháp sư giải rằng: “Nỗ lực tinh tấn, mau đến bờ bên kia”.

Mục đích tôi giải BÁT NHÃ TÂM KINH này là muốn chứng tỏ sự tham thiền túc là trì kinh. Nhiều người tưởng lầm tụng kinh, niệm kinh là trì kinh, nhưng kỳ thực họ chỉ là tụng niệm chứ không phải là trì, trì là phải y kinh mà tín thọ phụng hành mới được nói là trì kinh, cũng như tụng giới không phải là trì giới vậy. Bây giờ chúng ta đề câu thoại đầu phát khởi NGHI TÌNH, chính cái NGHI TÌNH ấy là cây chổi ô tô matic, khỏi cần tác ý muôn quét mà tự nhiên quét sạch tất cả, cũng như Tâm Kinh này dạy chúng ta quét từ phàm phu, Tiểu thừa, Đại thừa, cho đến nhất Phật thừa, quét từng thứ lớp, quét tới không còn gì để quét nữa, kết quả được KIẾN TÁNH THÀNH PHẬT, biết rõ được chính mình, làm chủ cho mình, đạt đến tự do tự tại, cũng là đạt đến bờ bên kia (*Ba La Mật*) rồi vậy.

**YẾU CHỈ  
DIỆU PHÁP  
LIÊN HOA KINH**

Tác giả: *Thích Duy Lực*



# DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH GIẢI ĐỀ

- **Diệu** là bất khả tư nghì.
- **Pháp** là phương tiện để đạt đến giác ngộ cuối cùng.
- **Liên Hoa** (*Hoa sen*) dụ cho Diệu Pháp sanh nơi đất sình ô uế mà chẳng nhiễm, mùi thơm càng xa càng dịu dàng.
- **Kinh** là xuyên thấu cổ kim.

**Diệu Pháp Liên Hoa** là một đại pháp bất khả tư nghì, độ cho chúng sanh ở cõi Ta Bà ác trước được không nhiễm, cũng như tự tánh chìm nở ác thế đã lâu mà được hiện ra thanh khiết như hoa sen. Vì Diệu Pháp chẳng thể suy lường, người đọc khó hiểu, hiểu mà khó tin, tin mà khó hành, hành mà khó chứng. Cho nên nhiều người y văn giải nghĩa đuổi theo lời nói mà chẳng hiểu ý Phật, lại mê lầm hiểu theo mè tín, nghịch với ý chỉ trong kinh.

Tác dụng của Phật pháp là muốn chúng sanh đều được thành Phật để giải thoát cái khổ sanh tử, tự giác giác tha. Muốn đạt đến mục đích này thì phải thực hành đúng theo phương tiện của Phật

dạy trong kinh, nhưng người đời nay có một số cho đọc tụng là trì kinh, một số thì chỉ nghiên cứu Phật học để thêm kiến giải mà không chú trọng sự thực hành thành ra mất hết tác dụng của Phật pháp.

Trích lục yếu chỉ kinh này là muốn giải quyết những cái khó kể trên một phần nào, khiến cho người đọc ở chỗ cao sâu mà nắm được căn bản, ở chỗ quảng đại mênh mông mà tìm được trung tâm, để thực hành đúng theo lời Phật dạy cho đến cứu kính thành Phật.

### **PHẨM TỰA THỨ NHẤT**

“Phật phóng hào quang chiếu soi” là một triệu chứng tốt đẹp để báo cho biết Phật sẽ giảng đại pháp hy hữu xưa nay chưa từng có. Ý muốn tất cả chúng sanh đều biết kính trọng pháp. Do trọng pháp mới có đủ lòng tin, đủ lòng tin rồi mới quyết chí thực hành theo, để đạt đến giác ngộ cuối cùng, vĩnh viễn tự do tự tại.

Dù như vậy mà trong hội này vẫn có một số từ chúng năm ngàn người, vì chưa đủ lòng tin, nên nghe Phật sẽ giảng đại pháp mà lại bỏ đi. Phật cho đó là những kẻ kém phước, tăng thượng man.

### **PHẨM PHƯƠNG TIỆN THỨ HAI**

Theo căn bản của Phật pháp chỉ có một Phật

thừa, nhưng theo phương tiện thì giảng ra vô lượng vô biên để thích ứng với căn cơ và trình độ của mọi chúng sanh.

➤ Chúng sanh nào nghe được pháp này thì sẽ thành Phật.

➤ Chúng sanh do nghe pháp (*Đọc tụng cũng như nghe pháp*) mà tín giải là khai Phật tri kiến.

➤ Do tín giải mà thọ trì (*Y theo chánh pháp thực hành*) là thị Phật tri kiến.

➤ Do thọ trì mà chứng đắc là ngộ Phật tri kiến.

➤ Do chứng đắc mà thành đạo gọi là nhập Phật tri kiến.

➤ Chẳng lập tất cả tri kiến gọi là Phật tri kiến.

➤ Do một đại sự nhân duyên này (*Nhất-Phật-Thừa*) nên Phật thị hiện trên đời.

Nói một Phật thừa vì tự tánh bất nhị. Tất cả pháp vốn chẳng có tự tánh. Chúng tử Phật do nhân duyên sanh khởi. Pháp nào trụ theo ngôi pháp đó. Cũng như ngọn đèn mỗi giây mỗi khác; ngọn đèn giây thứ nhút trụ theo ngôi pháp giây thứ nhất, ngọn đèn giây thứ nhì trụ theo ngôi pháp giây thứ nhì; pháp sanh trụ ngôi sanh, pháp diệt trụ ngôi diệt v.v... Tướng thế gian luôn luôn thường trụ như thế.

Muốn thấu suốt nghĩa “Thế gian tướng thường

trụ” thì phải chứng ngộ tự tánh mới được.

### PHẨM THÍ DỤ THỨ BA

Chúng sanh ba thừa ở trong nhà lửa tam giới, cũng như con nít ham chơi ngũ dục tài lợi, không sợ cái khổ sanh lão bệnh tử, không chịu ra nhà lửa để tránh khỏi chết thiêu. Phật phải dùng các phương tiện dối gạt (*Lời nói dối gạt là phương tiện để cứu độ chúng sanh nên không được coi là vọng ngũ*) nói bên ngoài có đủ thứ đồ chơi, nào là xe dê, nào là xe nai, nào là xe bò. Hãy mau mau chạy ra mới được tùy ý lựa chọn món đồ chơi của mình ham thích.

Khi tất cả được ra ngoài yên ổn rồi, Phật cho đồng đều mỗi đứa một xe bò lớn (*Đại thừa*) vì thật ra chẳng có xe dê, xe nai.

Ở đây chỉ rõ dù lời Phật nói có ba thừa nhưng kỳ thực chỉ có nhứt Phật thừa mà thôi.

### PHẨM TÍN GIẢI THỨ TƯ

Hàng Thanh Văn Duyên Giác, sau khi được nghe đại pháp chưa từng có và thấy Phật thọ ký Vô Thượng Bồ Đề cho Xá Lợi Phất mới biết trước kia được ít cho là đủ, tự cho đã được Niết Bàn, chẳng cầu tiến lên. Đối với Đại thừa có vô lượng pháp tài để thành tựu cho chúng sanh mà tâm họ chẳng ham thích, cũng như cha là Trưởng giả giàu sang

mà con ruột lại bỏ đi xin ăn các nơi, cam chịu nghèo khổ. Dẫu đã gặp cha ruột giàu sang nhưng không dám tin nhận, phải trải qua hai mươi năm lao nhọc hốt phẩn, mới phát hiện được tất cả tài sản kia thuộc về mình.

Kinh nói “cha cho” nhưng sự thật thì tự tánh vốn sẵn có.

“Cha” là dụ cho tự tánh Phật.

### **PHẨM DƯỢC THẢO DỤ THỨ NĂM**

Pháp vương phá chấp ra đời, theo tâm ý chúng sanh mà tùy nghi thuyết pháp. Diệu pháp khó hiểu khó biết vì tự tánh vô hình vô thanh, lời nói chẳng thể diễn tả, ý thức chẳng thể suy lường, kẻ có trí nghe rồi thì được tin, được hiểu. Kẻ vô trí nghe rồi vẫn còn nghi ngờ, nhưng cũng được gieo trồng thiện căn.

Ví như mưa xuống khắp nơi, tất cả cây cối và được thảo tùy theo căn tính lãnh họ thấm nhuần mà sanh trưởng.

Như Lai thuyết pháp cũng vậy, một tướng, một vị, gọi là tướng giải thoát, tướng lìa, tướng diệt. Chúng sanh y theo lời dạy tu hành, cứu kính sẽ được kiến tánh thành Phật.

## PHẨM THỌ KÝ THỨ SÁU

Ý của Phật ở phẩm này tỏ rõ rằng: Tất cả đệ tử Phật, bất cứ thượng căn, trung căn, hạ căn chỉ cần đầy đủ lòng tin, thực hành theo đúng phương tiện của Phật dạy, cuối cùng tất cả đều sẽ được thọ ký thành Phật.

## PHẨM HÓA THÀNH DỤ THỨ BẢY

“Đại Thông Trí Thắng Phật (*Bích Chi Phật*). ”

Mười kiếp tọa đạo tràng”.

Thân tâm chẳng động là trụ nơi Niết Bàn Tiểu thừa (*hóa thành*) chưa đến cứu kính (*bảo sở*) nên: “Phật pháp chẳng hiện tiền, chẳng đăng thành Phật đạo”.

Sau này bỏ Niết Bàn Tiểu thừa tiến lên Đại thừa mới được thành Phật.

Mười sáu Vương Tử thành Phật ở mười phương thế giới để tỏ rõ “Phật Phật bất nhị”. Chư Phật đều thuyết Kinh Pháp Hoa để tỏ rõ “Pháp pháp bất nhị”.

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác ham pháp Tiểu thừa, chẳng tin Đại thừa, nên Phật trước lập phương tiện nói Niết Bàn Tiểu thừa để tâm họ được tạm yên ổn, rồi sau mới dạy pháp Bồ Tát, để đi đến chỗ cứu kính.

Cũng như Đạo sư (*Phật*) dẫn dắt chúng Tiểu thừa đi tìm chầu báu vì muốn thuận theo ý của đại

chúng nên mới biến hóa thành lớn để tạm nghỉ, sau mới khuyên chúng bỏ nơi “Hóa Thành” tiến tới nữa, đến nơi “Bảo Sở” (*quả Phật*).

## PHẨM NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ THỨ TÁM và THỌ HỌC VÔ HỌC NHƠN KÝ THỨ CHÍN

Phẩm tám, phẩm chín cũng như phẩm sáu, thất chúng đệ tử cho đến Thiên Long Bát Bộ, kẻ hộ trì chánh pháp, chẳng kể thứ lớp tốt xấu, quả vị cao thấp, hữu học (*thấp*), vô học (*cao*), nếu được nghe một câu, một kệ của kinh này cho đến một niệm tùy hỷ đều được thọ ký thành Phật. Vì gieo chánh nhân thì sẽ được chánh quả.

## PHẨM PHÁP SƯ THỨ MƯỜI

Phẩm này dạy rằng phải tôn trọng, tán thán, cung kính, cúng dường pháp sư. Nhưng pháp sư thuyết pháp cần phải hiểu rõ ý Phật, như nói: “vào thất Như Lai” là tâm đại bi, “mặt áo Như Lai” là tâm nhu hòa nhẫn nhục, “ngôi tòa Như Lai” là tất cả pháp KHÔNG (*Nghĩa là “có” “chẳng thực có”, “không” “chẳng thực khôn”, “chọn” “chẳng thực chọn”, “vọng” “chẳng thật vọng”, tất cả pháp đều chẳng thật gọi là tất cả pháp KHÔNG*) rồi mới dùng tâm chẳng giải đai vì tứ chúng thuyết pháp.

Nếu chẳng hiểu rõ ý Phật mà tự ý vọng thuyết thì sẽ bị cái tội cuồng vọng thuyết pháp.

(Kinh Lăng Nghiêm có nói bốn thứ tội địa ngục:

- **Một là phá Phật luật nghi.**
- **Hai là phỉ báng Đại Thừa.**
- **Ba là cuồng vọng thuyết pháp.**
- **Bốn là hư tiêu tín thí.**

## PHẨM HIỆN BỬU THÁP THỨ MƯỜI MỘT

Bảo tháp từ dưới đất nổi lên. Bảo tháp dụ cho tự tánh. Đất dụ cho tâm địa. Đa Bảo dụ cho sức dụng của tự tánh vô lượng vô biên.

Phật thuyết kinh này, chúng sanh nào nghe theo lời tu hành thì sức dụng của tự tánh tự nhiên từ nơi tâm địa hiện ra. Nhưng muốn thấy sức dụng của tự tánh trước tiên cần phải chứng ngộ tự tánh bất nhị. Cũng như Phật nói: “Phải đợi khi mười phương phân thân Phật tụu tập lại rồi, Phật Đa Bảo mới chịu hiện ra cho thấy”. Vậy thì vô lượng phân thân chỉ là một Phật Thích Ca là để thị hiện sự bất nhị của tự tánh mà thôi.

Đã được chứng ngộ thì vô biên diệu dụng tự hiện. Sự việc ba lần biến uế độ thành tịnh độ tức là tỏ bày diệu dụng của tự tánh.

Bởi vì tự tánh vô hình, vô thanh, lời nói chẳng

thể diễn tả, ý thức chẳng thể suy lường, là một pháp rất khó hiểu, khó tin, nên kinh nói: Tất cả việc rất khó đều không khó bằng thuyết pháp này.

### **PHẨM ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA THỨ MƯỜI HAI**

Phẩm này chỉ rõ đại pháp khó gấp. Tiền thân Phật Thích Ca nhiều kiếp làm Quốc Vương, vì cầu đại pháp mà trải qua vô lượng khổ mới được gặp Thiện tri thức, nghe pháp, phụng trì cho đến thành Phật. Vì muốn phá trừ chấp trước của những kẻ chấp ngôn hại nghĩa, chấp thật thời gian và nghiệp chướng nên khai thị Long Nữ tám tuổi thành Phật, như vậy thì được biết chẳng phải do tu lâu và năm thứ chướng của người nữ cũng chẳng phải có nhút định.

### **PHẨM KHUYÊN TRÌ THỨ MƯỜI BA**

Tất cả Đại Bồ Tát, A La Hán cho đến Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni đã được thọ ký rồi đều phát lời thệ trước Phật rằng: “Sau khi Phật nhập diệt sẽ hộ trì Kinh này dù cho bị chúng sanh tàn ác khinh bỉ, chửi mắng, cho đến dùng dao gậy đánh đập, đều cam tâm nhẫn chịu mà khuyên họ biên chép thọ trì đọc tụng, giải thích nghĩa Kinh, theo pháp tu hành”.

(Biên chép đọc tung cưng như nghe Phật thuyết pháp, thọ trì tức là thực hành đúng như chánh pháp).

## PHẨM AN LẠC HẠNH THỨ MƯỜI BỐN

Tư cách của người giảng Kinh này (*cũng như các Kinh Đại Thừa liễu nghĩa khác*) cần phải an trú nơi bốn pháp An Lạc Hạnh:

**Đệ Nhất An Lạc Hạnh :** An trú nơi “Hành xứ” và “Thân cận xứ” của Bồ Tát. “Hành xứ” là phải nhu hòa nhẫn nhục tâm chẳng kinh sợ, quán các pháp như thực tướng (*chẳng chấp thật*), đối với các pháp đều vô-sở-hành, nghĩa là chẳng hành pháp nǎng sở, chẳng hành pháp phân biệt tương đối như nam nữ, hữu vô, v.v... chẳng hành pháp kiến văn giác tri, đối với các pháp đều vô-sở-dắc. “Thân cận xứ” là chẳng thân cận các quý tộc quan trưởng, các tà ma ngoại đạo, các kẻ dùng thế pháp lập ngôn viết sách, các kẻ ác đáp ác vấn, kẻ đùa giỡn hung dữ, kẻ thần bí biến hiện, kẻ chăn nuôi săn bắn giết hại. Những người kể trên hoặc khi có đến thì vì họ thuyết pháp mà chẳng có tâm hy vọng. Còn đối với người nữ thuyết pháp cần phải trang nghiêm chẳng sanh tướng ái dục, thu nhiếp tâm ý, gọi là nơi “Thân cận xứ” đầu tiên.

Quán tất cả pháp KHÔNG, vô danh vô tướng, phi sanh phi diệt, vô lượng vô biên, vô ngại vô chướng, hiểu rõ pháp sanh diệt do nhân duyên đên đảo mà hiện, gọi là “Thân cận xứ” thứ nhì.

**Đệ nhị An Lạc Hạnh:** Chẳng khinh mạn pháp sư khác, chẳng nói thị phi tốt xấu hay dở của cá nhân, cũng chẳng chỉ tên khen ngợi, cũng không có tâm oán ghét; đối với kẻ nghe pháp chẳng nghịch ý họ, có người vấn nạn chẳng dùng pháp Tiểu thừa trả lời, chỉ dùng pháp Đại thừa giải thích để cho họ được Nhứt Thiết Chủng Trí.

**Đệ Tam An Lạc Hạnh:** Chớ khinh bỉ chửi mắng kẻ học Phật và tìm hay dở của họ, đối với tứ chúng cầu pháp Tam thừa chẳng nên làm phiền não họ, cũng chẳng nên hý luận các pháp mà sanh ra tranh luận. Đối với chúng sanh khởi đại-bi-tưởng; đối với Như Lai khởi từ-phụ-tưởng; đối với Bồ Tát khởi đại-sư-tưởng. Vì thuận theo pháp mà bình đẳng thuyết pháp chẳng nhiều chẳng ít, dù kẻ ưa pháp cũng chẳng nói nhiều.

**Đệ Tứ An Lạc Hạnh:** Đối với người tại gia, xuất gia, sanh đại từ tâm, đối với người chẳng phải Bồ Tát (*ở ngoài Đại thừa*) sanh đại bi tâm. Hãy nghĩ rằng họ bị tổn thất lớn, đối với phương tiện thuyết pháp của Như Lai chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng

biết, chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu. Dù họ chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu Kinh này, nhưng khi ta được Vô Thượng Bồ Đề, phải dùng sức thần thông trí huệ để dẫn dắt họ, làm cho họ được trú trong pháp này, từ từ giải thoát tất cả khổ cho đến cứu kinh thành Phật.

### PHẨM TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT THỨ MƯỜI LĂM

Phật Thích Ca ở cõi Ta Bà giáo hóa vô lượng vô biên Bồ Tát và quyển thuộc của Bồ Tát, số lượng chẳng thể dùng thí dụ toán số để biết được. Tất cả đều từ dưới đất hiện ra dù là dụ cho sức dụng vô biên của tự tánh.

Nếu người nào theo đúng pháp tu hành thì sức dụng vô biên của tự tánh tất sẽ được tự hiện nơi tâm địa.

Bốn đạo sư trong vô lượng ức quốc độ chúng Bồ Tát hiệu là Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh Hạnh, An Lập Hạnh đều là hạnh môn phương tiện do Phật thiết lập. Chúng sanh y theo phương tiện ấy mà hành thì được hiển lộ Phật huệ thị hiện ra sức tự tại thần thông, sức lực sự tử mạnh nhanh, sức oai thế mạnh lớn của tự tánh.

## PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG THỨ MƯỜI SÁU

Di Lặc Bồ Tát thay mặt đại chúng hỏi rằng: “Tại sao Phật Thích Ca đắc đạo chẳng được bao lâu mà đã giáo hóa được vô lượng Bồ Tát như phẩm trên?”

Phật đáp rằng: Ta thành Phật đã trải qua vi trân kiếp, chẳng phải suy lường tính toán có thể biết được (*phá khái niệm thời gian*), thường giáo hóa ở cõi Ta bà, đồng thời cũng dẫn dắt chúng sanh nơi vô lượng quốc độ (*phá khái niệm không gian*), quán xét căn khí lòng tin của họ mà tùy cơ hóa độ, tự nói danh hiệu tuổi tác chẳng đồng (*phá khái niệm số lượng*).

Tại sao vậy? Vì Phật biết được tướng của tam giới như thực, vốn chẳng sanh tử, cũng không kẽ tại thế và diệt độ, phi thực, phi hư, chẳng đồng, chẳng khác. Không pháp nào chấp thật được.

## PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC THỨ MƯỜI BẢY

Nghe Phật thuyết Phẩm Như Lai Thọ Lượng sanh một niệm tín giải, được công đức không thể hạn lượng. Nếu có người vì Vô Thượng Bồ Đề mà hành ngũ Ba-La-Mật, trừ Bát-Nhã Ba-La-Mật, trong tám mươi muôn ức na do tha kiếp, đem công

đức này sánh với công đức tín giải trên thì trăm ngàn muôn ức phần chẳng bằng một, huống là kẻ y theo pháp mà thọ trì. Nên vô số Đại Bồ Tát của mười phương thế giới nghe xong liền được ngộ nhập, y theo căn lực của họ mà hiển hiện vô biên đại dụng của tự tánh. Nếu muốn phân biệt công đức, thật chẳng thể kể xiết.

Sự lấy năm trong sáu Ba-La-Mật để so sánh công đức mà trừ ra Bát-Nhã-Ba-La-Mật là vì diệu dụng của Bát-Nhã bao gồm pháp giới, chẳng thể thí dụ được. Như Kinh nói:

“Phật tử trụ thủ địa (tâm địa cũng là tự tánh Bát Nhã).

Tức là Phật thọ dụng (hưởng sự vui của Phật).

Kinh hành và nằm ngồi (trong tự tánh Bát Nhã).

Đều thường ở trong đó (chẳng ở ngoài tâm địa)”.

### PHẨM TÙY HỶ CÔNG ĐỨC THỨ MƯỜI TÁM

Nghe Kinh tùy hỷ rồi y theo pháp đã nghe (*phải đúng ý Phật*), tùy hỷ chuyển dạy cho cha mẹ, bà con, bạn bè v.v... Người thứ hai, thứ ba, nghe rồi cũng tùy hỷ, chuyển dạy cho đến người thứ năm mươi cũng tùy hỷ chuyển dạy như thế.

Nếu có người vì cầu phước báu mà bố thí vật chất cần dùng hằng ngày và vàng bạc thất bửu trong thời gian tám mươi năm, cho bốn trăm vạn ức A-tăng-kỳ thế giới chúng sanh, sau lại dạy họ tu hành, tất cả đều chứng được quả A-La-Hán, công đức vô lượng vô biên ấy, nhưng cũng không bằng công đức nghe Kinh rồi tùy hỷ chuyển dạy của người thứ năm mươi. Tại sao vậy? Vì cầu phước là thuộc pháp hữu vi. Công đức dù lớn đến mức nào, nhưng phước ấy vẫn còn có số lượng, trải qua thời gian lâu sẽ hao hụt hết. Còn nghe Kinh tùy hỷ, theo pháp tu hành thì được chứng Phật quả, siêu việt số lượng, phước đức vĩnh viễn không hết được.

### **PHẨM PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC THỨ MƯỜI CHÍN**

Thọ trì đọc tụng, biên chép giải thích, theo pháp tu hành đúng như kinh này thì được công đức của lục căn viên mãn, cho đến thần thông trí huệ, diệu dụng vô biên, cứu kính thành Phật.

Pháp sư đã được công đức của lục căn viên mãn, dùng tâm vô sở úy thuyết Kinh này, thì dùng nhục nhãnh có thể thấy tất cả sắc tướng trong tam thiền đại thiền thế giới; dùng phàm nhĩ có thể nghe tất cả âm thanh; dùng phàm tỷ có thể ngửi tất cả mùi hương; dùng phàm thiệt có thể nếm tất cả thực vật

không kể thơm thúi, đắng chát, tốt xấu, bất cứ thức ăn nào cũng biến thành thượng vị. Thân thể thanh tịnh như lưu ly, tất cả sắc tướng, âm thanh trong đại thiên thế giới đều được hiển hiện trong thân thể, ý căn thanh tịnh thì thực tướng của các pháp đều được thấu đạt, nên có thể dùng muôn ngàn lời nói khéo léo tùy cơ thuyết pháp khiến cho chúng sanh thích nghe Kinh, được dễ hiểu mà hoan hỷ, tín thọ, phụng hành.

## PHẨM THƯỜNG BẤT KHINH BỒ TÁT THỨ HAI MƯƠI

Thường Bất Khinh Bồ Tát là Tỳ Kheo trong thời tượng pháp của Phật Oai Âm Vương, chẳng đọc tụng kinh điển mà chuyên hạnh lễ bái, tán thán, để đối trị tứ chúng tăng thượng mạn. Dù thường bị người nhục mạ, thậm chí bị họ dùng gậy đánh, dùng ngói đá liệng, cũng chẳng nổi sân, còn lớn tiếng tán thán rằng: “Ta chẳng dám khinh các Ngài vì các Ngài đều sẽ làm Phật”.

Đây cũng là một pháp môn trì Kinh (*phá ngã chấp*) cứu kinh được thành Phật. Nếu có người ác khẩu chửi mắng, phi báng kề trì Kinh, tất phải chịu tội báo lớn. Cũng như Kinh nói: “Ngàn kiếp đọa Vô Gián địa ngục, hai trăm ức kiếp chẳng được nghe Phật pháp”.

## **PHẨM NHƯ LAI THẦN LỰC THỨ HAI MƯƠI MỐT**

Phật hiện đại thần lực, bày tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng quang, đều là sức dụng bất khả tư nghì của tự tánh, là để tán thán kẻ thọ trì Kinh này và tăng cường lòng tin cho họ, khiến họ quyết chí theo đúng pháp tu hành thì sức dụng của tự tánh mới được hiển hiện.

## **PHẨM CHÚC LỤY THỨ HAI MƯƠI HAI**

Phật phó chúc vô lượng Đại Bồ Tát cần phải nhứt tâm truyền bá pháp Vô Thượng Bồ Đề này, để phổ biến cho tất cả chúng sanh đều được lợi ích của Phật pháp.

## **PHẨM DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT BỔN SỰ THỨ HAI MƯƠI BA**

Nhất thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát (*tiền thân Dược Vương Bồ Tát*) nghe Phật Nhụt Nguyệt Tịnh Minh Đức thuyết Kinh Pháp Hoa liền ham tập khổ hạnh, tinh tấn tu hành, được hiện nhứt thiết sắc thân tam muội. Trước dùng vật chất cúng dường Phật, sau nghĩ chẳng bằng lấy thân cúng dường, liền dùng sức nguyện thân thông mà tự thiêu thân, ánh sáng chiếu khắp tám mươi ức hằng

hà sa số thế giới. Chư Phật trong đó đồng thời tán thán rằng: “Đó là chơn thật tinh tấn gọi là chơn pháp cúng dường Như Lai”.

Trí Giả Đại Sư (*Tổ thứ ba Tông Thiên Thai*) đọc đến câu này liền được chứng ngộ.

Đây tỏ rõ “ngộ pháp vô sanh” (*phá hết ngã chấp*) mới được gọi là “chơn pháp cúng dường”. Cũng như kinh nói: “U chư thí trung, tối tôn tối thượng”, chẳng phải dùng tất cả vật chất khác bố thí mà có thể so sánh bằng.

“Ta xả bỏ hai tay (*đụ cho pháp tương đối*) ắt sẽ được thành Phật”. Nên nói: “Dùng thất bảo đầy đại thiên thế giới để cúng Phật, chẳng bằng thọ trì tứ cú kệ của kinh này”. (*lìa có, lìa không, lìa chẳng có chẳng không, lìa cũng có cũng không, gọi là lìa tút cú, cũng là lìa pháp tương đối, cũng là thọ trì tứ cú kệ của Kinh này*).

## PHẨM DIỆU ÂM BỒ TÁT THỨ HAI MƯƠI BỐN

Nơi quốc độ Tịnh Quang Trang Nghiêm có một vị Bồ Tát tên là Diệu Âm, bạch với Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí muốn đến cõi Ta Bà cúng dường Phật Thích Ca, nghe Kinh Pháp Hoa (*việc này là để tăng cường lòng tin của chúng sanh đối với Kinh này*) và gặp Văn Thủ Bồ Tát. Phật nói: “Thân ông bốn mươi

hai nghìn do tuần (*Do tuần có ba thứ: bốn mươi dăm, sáu mươi dăm, tám mươi dăm*). Thân ta sáu trăm năm mươi muôn do tuần, còn thân Phật cõi Ta-bà thì rất nhỏ. Ông đến cõi ấy chớ nỗi ý khinh bỉ”. (*Thân Phật vốn chẳng có lớn nhỏ, thân của chúng sanh cũng như vậy*).

### **PHẨM PHỔ MÔN THỨ HAI MƯƠI LĂM**

Phổ môn là phổ biến thị hiện sức dụng thần thông của tự tánh.

Vô Tận Ý Bồ Tát hỏi Phật: “Quán Thế Âm Bồ Tát vì nhân duyên gì tên là Quán Thế Âm?”

Phật bảo: “Nếu có vô lượng chúng sanh chịu các khổ não, nhứt tâm xưng danh (*nhứt tâm là chẳng có niệm nào khác*) thì sức dụng tự tánh Quán Thế Âm hiện ra, tất cả đều được giải thoát nên gọi là Quán Thế Âm, cũng gọi là tự tánh tự độ”.

Sức dụng của tự tánh được hiện ra thì vào lửa chẳng cháy, xuống nước chẳng chìm, dao chém chẳng đứt, thuốc độc chẳng giết được, ác quỷ chẳng hại được, lìa được tất cả tham sân si và tà kiến.

### **VỀ PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH CỦA QUÁN THẾ ÂM CÓ NĂM THỨ QUÁN**

**1. Chọn quán:** Là lập chọn để phá vọng. Trước

tiên phải xoay cái tánh nghe trở về tự tánh, thoát lìa âm thanh (sở nghe). Sở nghe đã tiêu thì năng nghe cũng hết. Nên hai tướng động tịnh chẳng sanh, do đó sự dụng của lục căn dung thông lẫn nhau gọi là nhī căn viên thông cũng gọi là “phản văn văn tự tánh”.

**2. Thanh tịnh quán:** Là dùng thanh tịnh để đối trị sự ô nhiễm của năng sở. Năng nghe sở nghe đã hết mà chẳng trụ nơi hết. Luôn cả tri giải về sự chẳng trụ cũng không.

**3. Từ quán:** Là độ cho chúng sanh được vui mà chẳng có năng độ gọi là Vô Duyên Từ.

**4. Bi quán:** Là độ cho chúng sanh lìa khổ mà chẳng có sở độ gọi là Đồng Thể Bi.

Khi từ bi thể hiện thì ngã chấp đều sạch. Tình cảm thương mến phát huy đến cùng tột, cũng như ánh sáng chiếu khắp mọi chúng sanh trong pháp giới vũ trụ, chẳng có thiếu sót. Như vậy được Hòa Quang Đồng Một (*Nhiều đèn cùng chung một ánh sáng*) Nên năng sở đều diệt.

**5. Quảng đại trí huệ quán:** Là trí huệ chiếu khắp pháp giới, quảng đại siêu việt số lượng. Tất cả năng sở, sinh diệt đều diệt thì tịch diệt hiện tiền, đây là thực tướng vĩnh viễn tồn tại cũng như phẩm Phương Tiện đã nói : “Chư pháp tùng bốn lai,

thường tự tịch diệt tướng” vậy.

Phẩm này chỉ rõ sự diệu dụng của tự tánh tự độ.

“Quán Âm Diệu Trí Lực (*diệu dụng của tự tánh*)

Năng cứu thế gian khổ”.

Là nghĩa này vậy!

## PHẨM ĐÀ LA NI THỨ HAI MƯƠI SÁU

Dược Vương Bồ Tát hỏi Phật: “Người thọ trì Kinh Pháp Hoa được bao nhiêu phước?”

Phật bảo: “Nếu có người cúng dường tám trăm muôn ức na do tha hằng hà sa số chư Phật, dù được phước nhiều nhưng cũng chẳng bằng cái phước của người thọ trì một tứ cú kệ của Kinh này, đọc tụng, giải nghĩa, đúng như pháp mà tu hành”. Nên Dược Vương Bồ Tát bạch Phật thuyết chú để bảo hộ kẻ thuyết pháp và trì kinh; kế đó Dũng Thí Bồ Tát, Tỳ Sa Môn Thiên Vương, Trì Quốc Thiên Vương và mươi La Sát nữ v.v... đều ở nơi trước Phật lập nguyện thuyết chú để bảo hộ pháp sư và kẻ trì kinh.

Phẩm này bảo đảm cho người chân thực tu hành được an toàn, chẳng sợ tà ma nhiễu loạn.

“Chú” là biểu thị cho mệnh lệnh và sức dụng của tự tánh. Người chân thật tu hành thì sức dụng của

tự tánh tự hiện, mà được chư Phật (*tự tánh Phật*) hộ niệm, chớ chẳng phải do đọc chú mới được bảo hộ.

## **PHẨM DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỐN SỰ THỨ HAI MƯƠI BÁY**

Diệu Trang Nghiêm Vương đã tin ngoại đạo và nhập tà kiến đã lâu, nhưng quá khứ từng gieo trồng thiện căn, hột giống chín mùi, nên được sanh hai đứa con làm thiện tri thức cho mình, dẫn dắt bỏ tà về chánh, liền được Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí thọ ký tương lai sẽ làm Phật hiệu là Ta La Thọ Vương.

Phẩm này chứng tỏ nhân quả rõ ràng, đã gieo chánh nhân rồi ắt sẽ thành chánh quả. Dù sanh nơi nhà tà kiến, nhưng thiện nhân chung tử cũng chẳng thối mất.

## **PHẨM PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT THỨ HAI MƯƠI TÁM**

Phổ Hiền Bồ Tát bạch Phật rằng: “Sau khi Phật nhập diệt, thế nào mới đắc được Kinh Pháp Hoa?”

Phật bảo: “Nếu người thành tựu bốn pháp sẽ được kinh này :

- \_ Một là được chư Phật hộ niệm
- \_ Hai là trồng nhiều công đức

- \_ Ba là vào trong chánh định
- \_ Bốn là phát tâm cứu độ tất cả chúng sanh".

Thật ra kẻ tu chánh pháp vốn sẵn đầy đủ bốn điều kiện này.

Phổ Hiền Bồ Tát hứa với Phật là sau này ở trong đời ác trước, Ngài sẽ bảo hộ và giúp đỡ người trì kinh này được tu hành thành tựu và Ngài thuyết chú để bảo hộ.

Ý của phẩm này cũng là muốn cho người trì Kinh này được tăng cường lòng tin và khiến họ được an ổn để chuyên tâm tu hành.

Nói tóm lại, Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trên đời, thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng kinh hơn ba trăm hội, thiết lập phương tiện tám mươi bốn ngàn pháp môn, qui nạp lại thành bốn đại loại:

1. Tham thiền là Tổ Sư Thiền.
2. Niệm Phật là Tịnh Độ Tông.
3. Trì chú là Mật Tông.
4. Quán tưởng là thiền quán của các tông về giáo môn như:
  - Tông Thiên Thai có Chỉ Quán Thiền.
  - Tông Hiền Thủ có Pháp Giới Quán Thiền.
  - Tông Duy Thức có Duy Thức Quán Thiền.

➤ Tông Tam Luận có Tách-Không-Quán Thiền.

Bất cứ tu pháp môn nào cần phải thực hành đúng theo tông chỉ của pháp môn đó, mới được thành tựu bất thối hoặc chứng quả. Tu đúng một trong tám mươi bốn ngàn pháp môn kể trên tức gọi là trì Kinh. Đọc tụng chỉ gọi là đọc tụng chẳng phải là trì Kinh.

### **YẾU CHỈ PHÁP HOA HẾT**

## PHỤ CHÚ

Tông chỉ là đường lối thực hành của mỗi tông phái do Phật dạy và được truyền cho chư Tổ từ đời này qua đời khác (*Tổ Tổ tương truyền*).

“Hiểu đúng ý Phật” là phải phân biệt chánh tà và hiểu nghĩa bốn thứ túy.

### A. Phân biệt chánh tà:

Phá ngã chấp là chánh, không phá ngã chấp là tà, phá chấp thật là chánh, chấp thật là tà, cũng như đi đúng đường chánh thì đi cạn cũng là chánh, đi sâu cũng là chánh, nếu đi lầm đường tà thì hiểu cạn cũng là tà, hiểu sâu cũng là tà.

### B. Bốn thứ túy:

1. **Hạnh túy:** là bốn thứ y về tu khổ hạnh.

- a. Phấn tảo y.
- b. Thường khất thực.
- c. Thọ hạ tọa (*ngồi gốc cây*).
- d. Hủ lạn dược (*hủ lạn: mục nát*).

2. **Pháp túy:** Là bốn thứ y đi đúng chánh pháp.

- a. Y pháp bất y nhơn.
- b. Y liễu nghĩa bất y bất liễu nghĩa.
- c. Y nghĩa bất y ngữ.
- d. Y trí bất y thức.

3. **Nhơn túy:** là bốn bậc người nêu y chỉ.

- a. Người dứt được tất cả phiền não (*ngũ trụ phiền não*).

- b. Tu Đà Hoàn và Tư Đà Hành.
- c. A Na Hành.
- d. A La Hán.

Những người này bên trong đã chứng Bồ Tát đại thừa mà bên ngoài hiện tướng Thanh Văn để truyền pháp giáo hóa chúng sanh.

**4. Thuyết tứ ý:** là bốn thứ ý thú đều muốn chúng sanh thành Phật.

- a. Ý thú bình đẳng (ý thú là được ý quên lời, bình đẳng là thuyết pháp chẳng rời bất nhị của tư tánh).
- b. Ý thú thời khác biệt<sup>(\*)</sup>
- c. Ý thú tùy nghĩa khác biệt<sup>(\*\*)</sup>.
- d. Ý thú tùy thuận theo tâm chúng sanh.

(\*) Có 3 thời khác biệt:

**1. Giáo thời thứ nhất:** khi Phật mới thành đạo vì muốn phá chấp trước của phàm phu và ngoại đạo nên nói các pháp Tứ Đại, Ngũ Uẩn để sáng tỏ nhơn ngã không thật, tức là những bộ Kinh Tứ A Hành (*Tăng Nhất A Hành, Trường A Hành, Trung A Hành, Tạp A Hành*).

**2. Giáo thời thứ hai:** Phật vì phá sự chấp pháp của Tiểu Thừa nên thuyết tất cả pháp đều không thật, là những bộ Kinh Bát Nhã.

**3. Giáo thời thứ ba:** Phật vì phá sự chấp có của Tiểu Thừa và chấp không của Đại Thừa nên thuyết pháp chẳng có chẳng không để sáng tỏ nghĩa bất nhị của trung đạo, như những bộ Kinh Thâm Mật, Pháp Hoa, v.v...

(\*\*) Có ba loại nghĩa khác biệt :

- 1. Giải thích tất cả pháp "có" là đệ nhất thời.
- 2. Giải thích tất cả pháp "không" là đệ nhị thời.
- 3. Giải thích giáo pháp "trung đạo bất nhị" là đệ tam thời.  
(Không kể thời gian trước hay sau mà chỉ phân theo nghĩa loại).

## Lược giải tứ quả của thừa Thanh Văn

**Sơ Quả Tu Đà Hoàn:** người đã dứt hết tất cả kiến hoặc tam giới, vì chưa dứt được tư hoặc (*tư tưởng mê lầm*) của dục giới nên còn phải sanh cõi Dục giới bảy lần, dịch là Nhập Lưu.

**Nhị Quả Tư Đà Hàm:** người đã dứt được sáu phẩm tư hoặc trước của Dục giới, còn ba phẩm sau chưa dứt được nên phải sanh lại cõi dục giới một lần nữa, dịch là Nhứt Lai.

**Tam quả A Na Hàm:** người đã dứt thêm được ba phẩm sau (*nghĩa là dứt hết chính phẩm tư hoặc của dục giới*) không trở lại sanh nơi cõi Dục giới nữa, (*chỉ sanh ở cõi Sắc giới và Vô sắc giới*) dịch là Bất Lai.

**Tứ Quả A La Hán:** người đã dứt hết tất cả kiến hoặc và tư hoặc của tam giới, đã ra khỏi phần đoạn sanh tử chẳng thọ sanh nơi lục đạo, dịch là Bất Sanh.

**Tam giới cửu địa:** Tam giới gồm có cửu địa cũng gọi là cửu hữu : Dục giới một địa, Sắc giới bốn địa, Vô sắc giới bốn địa. Mỗi địa chia làm chín phẩm tư hoặc cộng chung là tám mươi mốt phẩm.

### Cửu địa:

1. Dục giới ngũ thú địa (*ngũ thú tạp cư địa*)
2. Ly sanh hỷ lạc địa.
3. Định sanh hỷ lạc địa.
4. Ly hỷ diệu lạc địa.
5. Xả niệm thanh tịnh địa.

6. Không vô biên xứ địa.
7. Thức vô biên xứ địa.
8. Vô sở hữu xứ địa.
9. Phi tưởng phi phi tưởng xứ địa.

**Ngũ trụ phiền não:**

1. Kiến nhút thiết trụ địa phiền não, tức là tất cả kiến hoặc của Tam giới, dứt hết thì chứng quả Tu Đà Hoàn.
2. Dục ái trụ địa phiền não, tức là tất cả tư hoặc của Dục giới, dứt hết thì chứng quả A Na Hảm.
3. Sắc ái trụ địa phiền não, tức là tất cả tư hoặc của Sắc giới.
4. Hữu ái trụ địa phiền não, tức là tất cả tư hoặc của Vô sắc giới, (*dù không có xác thân nhưng còn chấp ngã nên còn có ái*) dứt hết tất cả kiến hoặc và tư hoặc kể trên thì được chứng quả A La Hán.
5. Vô minh trụ địa phiền não tức là chỗ nguồn gốc sinh khởi tất cả phiền não, phá được vô thi vô minh (*căn bản vô minh*) thì được Kiến Tánh Thành Phật.



YẾU CHỈ  
ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT  
KINH HOA NGHIÊM

*Lược giảng: DUY TẮC Thiền Sư*  
*Dịch và biên soạn: THÍCH DUY LỰC*



## GIẢI ĐỀ

**ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG** là siêu việt số lượng.

**ĐẠI** là thể tánh bao gồm tất cả.

**PHƯƠNG QUẢNG** là nghiệp dụng phổ biến khắp nơi.

**PHẬT** là quả giác viên mãn.

**HOA** dụ cho vạn hạnh khai mở.

**NGHIÊM** dụ cho đại pháp trang nghiêm thành tựu cho con người.

**KINH** là xuyên thấu tất cả pháp.

**ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG** là pháp sở chứng.

**PHẬT** là người năng chứng.

Hai chữ Hoa Nghiêm dụ cho Phật ở nơi nhân địa mà vạn hạnh như hoa; dùng hoa này mà trang nghiêm quả địa, nên gọi là Hoa Nghiêm.

Vì Kinh Hoa Nghiêm quá dài, khó đọc, khó tin, khó giải, khó hành, khó chứng, cho nên nay tôi trích dịch yếu chỉ Kinh này để giúp cho các điều khó kể trên được dễ lại một phần nào.

Duy Tắc Thiền Sư là tổ thứ mười chín của phái Lâm Tế, cũng là trưởng tử của Ngài Trung Phong Thiền Sư, sanh vào cuối đời nhà Nguyên Trung Quốc. Tác phẩm và ngữ lục của Ngài được ghi trong Tục Tạng Kinh, tập thứ mươi hai mươi hai.

**THÍCH DUY LỰC**

## YẾU CHỈ

Tám mươi mốt quyển Kinh Hoa Nghiêm chia làm bốn phần, gọi là **tín, giải, hành, chứng**.

Mười mốt quyển đầu tiên là vì chúng sanh khai phát cửa **TÍN**.

Bốn mươi mốt quyển kế là vì chúng sanh khai phát cửa **GIẢI**.

Bảy quyển tiếp là vì chúng sanh khai phát cửa **HÀNH**.

Hai mươi mốt quyển sau là vì chúng sanh khai phát cửa **CHỨNG**.

Giải thích ý nghĩa kinh này chẳng ra ngoài **NGŨ CHU, LỤC TƯỚNG, TỨ PHÁP GIỚI, THẬP HUYỀN MÔN**.

**NGŨ CHU** gồm năm thứ nhân quả viên tròn chu đáo là nghĩa lý tổng quát của Kinh Hoa Nghiêm.

1. Nhân quả sở tín.
2. Nhân quả sai biệt.
3. Nhân quả bình đẳng.
4. Nhân quả thành hạnh.
5. Nhân quả chứng nhập.

**LỤC TƯỚNG** là tổng, biệt, đồng, dị, thành, hoại.

Theo sự thấy của phàm phu, trên “Sự tướng” mà nói, sự và tướng mỗi mỗi cách biệt chẳng đủ lục

tướng. Nếu theo sự thấy của bậc Thánh mà nói, thể tánh các pháp, mỗi một sự, một tướng đều đủ lục tướng viễn dung. Vì lục tướng viễn dung nêu các pháp tức là nhất chân pháp giới vô tận duyên khởi, cũng gọi là Nhất chân pháp giới vô tận của “pháp giới”. Lý viễn dung này của vạn pháp do lục tướng mà được chứng tỏ. Lý này căn cứ theo lời văn nguyễn thứ tư trong Sơ Địa Thập Đại Nguyện của bốn kinh, và là một đại pháp môn của Tông Hoa Nghiêm do Chí Tướng đại sư kiến lập (*Nhị Tổ Tông Hoa Nghiêm*).

1. **Tổng** tướng là nhất hàm đa đức như thân người có nhẫn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, do các căn mà thành một thể.

2. **Biệt** tướng là nhiều đức dụng mỗi mỗi khác biệt chẳng phải một, như thân thể tuy là một mà nhẫn, nhĩ v.v...các căn mỗi mỗi chẳng đồng.

Hai tướng tổng, biệt này là một thân với các căn tương đối của hai nghĩa bình đẳng và sai biệt (*nhân quả Ngũ Chu*).

3. **Đồng** tướng là nhiều đức dụng chẳng trái nhau, mỗi mỗi sai biệt đều thành một nghĩa của Tổng tướng, cũng như nhẫn, nhĩ v.v...các căn mỗi mỗi đều thành nghĩa thân thể mà chẳng phải vật khác.

4. Dị tướng là nhiều nghĩa tương đối, mỗi loại khác nhau, cũng như tướng mạo của nhān, nhī v.v...các cǎn đều khác nhau.

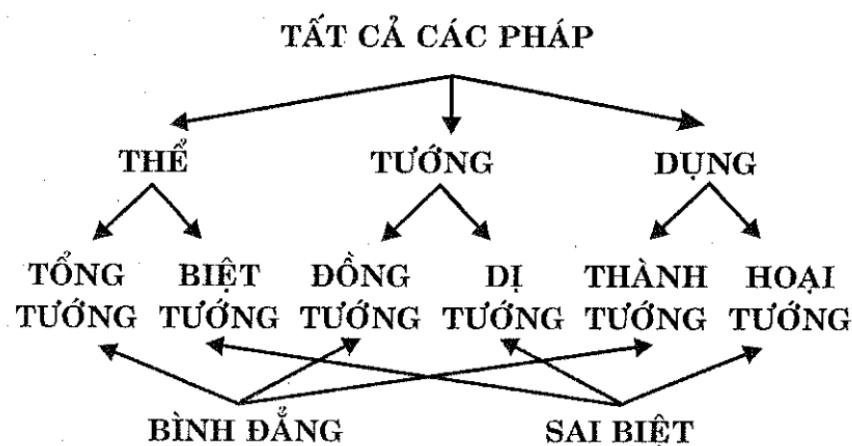
Hai tướng đồng dị này là các cǎn tương đối lᾶn nhau mà sáng tỏ được hai nghĩa bình đẳng và sai biệt.

5. Thành tướng là nhiều nghĩa đang duyên khởi mà thành một thể, cũng như các cǎn duyên khởi mà thành một thân.

6. Hoại tướng là nhiều nghĩa, mỗi mỗi trụ nơi tự tướng mà chẳng thay đổi, cũng như các cǎn trụ nơi tự tướng mà mỗi mỗi đều hiện ra sự dụng riêng biệt của mình.

Hai tướng thành hoại này y theo hai tướng đồng dị mà sáng tỏ cái quả của hai tướng tổng biệt và hai nghĩa bình đẳng, sai biệt.

Lục tướng này y theo Thể, Tướng, Dụng, phân làm hai nghĩa bình đẳng và sai biệt. Xem biểu đồ trang tiếp theo.

**TỨ PHÁP GIỚI:**

1. **Sự pháp giới:** các pháp sắc và tâm của chúng sanh mỗi mỗi sai biệt, có giới hạn phân cách, nên gọi là “sự pháp giới”.
2. **Lý pháp giới:** các pháp sắc và tâm của chúng sanh dù có sai biệt, mà đồng một thể tánh, nên gọi là “lý pháp giới”.
3. **Lý sự vô ngại pháp giới:** Lý do sự mà hiển bày, sự do lý mà thành tựu, lý sự dung hợp lẫn nhau nên gọi là “lý sự vô ngại pháp giới”.
4. **Sự sự vô ngại pháp giới:** Tất cả giới hạn, phân cách của sự vật xứng với tánh dung thông, một tức nhiều, nhiều tức một, lớn vào nhỏ, nhỏ vào lớn, trùng trùng vô tận, nên gọi là “sự sự vô ngại pháp giới”.

**THẬP HUYỀN MÔN** cũng gọi là Thập Huyền

Duyên Khởi, do Hoa Nghiêm Tông kiến lập, để hiển bày “sự sự vô ngại pháp giới” trong Tứ Pháp Giới. Nếu thông suốt nghĩa này thì có thể nhập vào Huyền Hải của Kinh Hoa Nghiêm, nên gọi là Huyền Môn. Mười môn này làm duyên với nhau mà sanh khởi cái khác, nên gọi là Duyên Khởi.

### **THẬP HUYỀN MÔN LÀ:**

**1. Đồng thời cụ túc tương ứng môn:**

Tất cả các pháp đồng thời đầy đủ trong một pháp, mỗi pháp đều có sự tương trợ lẫn nhau.

**2. Quảng hiệp tự tại vô ngại môn:**

Từ một tâm sanh ra vô lượng pháp là quảng, từ vô lượng pháp trở về một tâm là hiệp. Muốn quảng, muốn hiệp đều tự tại vô ngại.

**3. Nhất đa tương dung bất đồng môn:**

Một pháp dung nạp nhiều pháp, nhiều pháp ở trong một pháp, mỗi pháp chẳng đồng mà đồng, đồng mà chẳng đồng.

**4. Chư Pháp tương túc tự tại môn:**

Tất cả pháp đều do tâm tạo, vốn chẳng có khác, nên pháp kia túc pháp này, pháp này túc pháp kia, tương túc với nhau.

**5. Ẩn mật hiển liễu câu thành môn:**

Ngôn giáo của chư Phật hoặc ẩn hoặc hiển đều

vì thành tựu cho chúng sanh.

#### 6. Vi tế tương dung an lập môn:

Tất cả pháp dù vi tế đến chỗ vô hình vô tướng cũng dung nạp lẫn nhau và cũng kiến lập lẫn nhau.

#### 7. Nhân Đà-La-Võng pháp giới môn:

Nhân Đà-La-Võng là lưới báu của Đế Thích, mỗi măc lưới đều dùng châu ngọc giao kết nhau để dụ cho vạn pháp giao kết lẫn nhau, trùng trùng vô tận.

#### 8. Thác sự hiển pháp sanh giải môn:

Mượn sự vật giả thiết thí dụ để hiển bày chánh pháp cho chúng sanh được dễ sanh khởi tín giải.

#### 9. Thập thế cách pháp dị thành môn:

Cổ kim xa cách nhiều kiếp, dù mỗi pháp khác biệt mà nhân quả tương trợ với nhau nên vạn pháp mỗi mỗi đều được thành tựu.

#### 10. Chủ BẠn (*năng sở*) viên minh cụ đức môn:

Dù lập năng sở mà viên tròn sáng tỏ, siêu việt năng sở, tất cả công đức vốn tự đầy đủ.

**Thập huyền môn duyên khởi với nhau để diễn tả pháp giới sự sự vô ngại.**

**Tại sao các pháp sự sự vô ngại?**

1. Vì duy tâm sở hiện, nên các pháp vốn chẳng có khác, chỉ do tâm Như Lai Tạng duyên khởi mà thành pháp sai biệt, nên phải có lý dung thông.

2. Vì pháp tánh vô định nên các pháp là pháp duyên khởi của tâm Như Lai Tạng, vốn chẳng có tự tánh nhất định, nên phải có lý dung thông.

3. Vì duyên khởi lẫn nhau, pháp duyên khởi không được tự thể độc lập, phải do pháp khác làm duyên mà thành, nên phải có lý dung thông.

4. Vì pháp tánh dung thông nên sự vật dung thông tự đúng như pháp tánh, nên phải có lý dung thông.

5. Vì pháp như mộng huyễn, các pháp chẳng thật, nên phải có lý dung thông.

6. Vì pháp như bóng hình, nên các pháp duyên khởi từ một tâm giới mà chẳng tồn tại, như bóng hình trong gương, nên phải có lý dung thông.

Sáu thứ nhân kể trên đều săn có lý dung thông, là y theo đức tướng của các pháp như như mà nói.

Bốn thứ nhân kể sau này là theo nghiệp dụng vô ngại mà nói.

7. Vì nhân vô hạn, nên hàng Bồ Tát tu nhân vô hạn, thì phải được quả nghiệp dụng vô ngại.

8. Vì Phật chứng chân tánh cùng tột, nên nghiệp dụng đúng như tánh cũng vô ngại.

9. Vì sức thiền định thâm sâu huyền diệu, nên được nghiệp dụng vô ngại.

10. Vì sức dụng thần thông giải thoát của tự

tánh bất khả tư nghì, lìa sự ràng buộc của vạn pháp mà được tự tại, nên nghiệp dụng vô ngại.

Như thế gọi là “sự sự vô ngại pháp giới”. Nếu chúng được sự sự vô ngại pháp giới thì tất cả đều là việc tự kỷ, cũng gọi là “nhất chân pháp giới”. Nhưng hiện nay người khắp thế gian đều chẳng biết có việc tự kỷ, vì họ chẳng biết nên chẳng chịu tin. Vì chẳng tin nên chẳng thể hành, chỉ ở trong giàu sang, phú quý, tửu sắc, tài lợi mà trôi qua một đời, chẳng được thành tựu gì cả, dù biết ngày chết sắp đến, cũng còn không chịu quay đầu lại. Thật đáng thương xót!

Nhất chân pháp giới bao gồm vô biên thế giới, mươi thứ huyền môn tổng nghiệp vô lượng pháp môn, tức sự tức lý, tức tánh tức tướng, tức tục tức chân, tức nhân tức quả, tức năng tức sở, tức Thánh tức phàm, tức đa tức nhất, tức chánh báo tức y báo, như lưới báu của Đế Thích, trùng trùng hiển hiện, chẳng phải thần thông làm thành, vốn là pháp tánh như thế, kẻ mê gặp đâu đều chướng ngại, kẻ ngộ ngay đó toàn hiển bày. Ấy là lời văn viên đốn, xứng với tự tánh của Kinh Hoa Nghiêm, cũng là kinh của Thế Tôn giảng nơi thất xứ cứu hội vậy.

## THẤT XỨ CỬU HỘI LÀ:

1. Bồ Đề tràng.
2. Phổ Quang Minh điện.
3. Đao Lợi thiêng.
4. Dạ Ma thiêng.
5. Đâu Xuất thiêng.
6. Tha Hóa thiêng.
- 7 và 8. Trùng hội nơi Phổ Quang Minh điện.
9. Thệ đa lâm.

➤ Đệ nhất hội thuyết Như Lai Y báo và Chánh báo.

- Đệ nhị hội thuyết Thập Tín.
- Đệ tam hội thuyết Thập Trụ.
- Đệ tứ hội thuyết Thập Hạnh.
- Đệ ngũ hội thuyết Thập Hồi Hướng.
- Đệ lục hội thuyết Thập Địa.
- Đệ thất hội thuyết Đẳng Giác và Diệu Giác.

Thất hội kể trên đều theo thứ tự mà thuyết, gọi là “Pháp môn hành Bồ”.

➤ Đệ bát và đệ cửu hai hội:

Phổ Huệ Bồ Tát đề ra hai trăm vấn, Phổ Hiền Bồ Tát trả lời hai ngàn đáp, phàm nói một pháp thì tất cả pháp đều bao gồm trong đó, gọi là “Pháp môn viên dung”. “Hành Bồ” như hoa đào hoa lý thì

hoa trước quả sau; “Viên dung” như hoa sen thì hoa quả đồng thời.

➤ “Viên Dung” có hai nghĩa:

1. Nhân gồm quả hải (*bien quả*).

2. Quả thấu nguồn nhân.

a. Nhân gồm biển quả là khi đề Thập tín thì Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác đều bao gồm trong đó.

b. Quả thấu nguồn nhân là khi đề Đẳng giác, Diệu giác thì Thập địa, Thập hồi hướng, Thập hạnh, Thập trụ, Thập tín cũng đều bao gồm trong đó. Cho nên nói “Hành Bố” thì giáo tướng sai biệt; nói “Viên Dung” thì tánh tướng vô ngại. Tướng là tướng của tánh, nên Hành Bố chẳng ngại “Viên Dung”; tánh là tánh của tướng, nên “Viên Dung” chẳng ngại Hành Bố. Vì “Viên Dung” chẳng ngại Hành Bố, nên một tức là vô lượng. Hành Bố chẳng ngại “Viên Dung” nên vô lượng tức là một.

Vô lượng tức là một thì ẩn ẩn dung thông, một tức là vô lượng thì trùng trùng thấu nhập. Như thế cửu hội cộng thành tám mươi mốt quyển Kinh Hoa Nghiêm.

Trong kinh nói:

“**Hoa tang thế giới sở hữu trần,**

**Nhất nhất trần trung kiến pháp giới**”.

Dịch nghĩa:

*"Bụi tràn đầy thế giới hoa tang,  
Trong mỗi hạt bụi hiện pháp giới".*

Các ngươi có thấy chăng? Nếu mà thấy được thì liền thấy thân Như Lai Tạng vô tận quang minh công đức, cùng hư không, khắp pháp giới, hiện ở nơi đây; vi trần số cõi Phật Bồ Tát hải hội, cũng tại nơi đây; vi trần số cõi Phật chư thiện tri thức, thiên long bát bộ, cũng tại nơi đây; vi trần số cõi Phật, bảo tòa, bảo sàng, bảo liên hoa, bảo anh lạc, bảo võng, bảo thụ cũng tại nơi đây; lời vấn lời đáp; viên dung hành bố cũng tại nơi đây; tín giải hành chứng cũng tại nơi đây; Di Lặc búng tay mở cửa lâu các (*cung điện*) cũng tại nơi đây; Văn Thủ đưa tay xoa đầu Thiện Tài cũng tại nơi đây. Cho đến ngũ chu, lục tướng, tứ pháp giới, thập huyền môn, cũng đều tại nơi đây; ấy chăng phải ngay đó toàn hiển bày sao?

Trong Kinh nói: “**Tỳ Lô Hoa Tặng Trang Nghiêm Hải, cùng khắp nhất thiết xứ; Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh bao gồm tất cả Hoa Tặng Hải**”.

Nghĩa là:

Biển trang nghiêm Liên Hoa Tặng của Phật Tỳ Lô, cùng khắp tất cả nơi. Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật bao gồm tất cả pháp.

Đã nói cùng khắp tất cả nơi xin hỏi : chuồng trâu, chuồng ngựa, quán rượu, nhà mãi dâm, kiếm thụ, dao sơn, chảo dầu sôi, lò lửa than v.v... những cảnh giới ô uế ác trước này đặt ở chỗ nào ? Nếu không có chỗ để đặt, bèn cho lò lửa than, chảo dầu sôi, dao sơn kiếm thụ, gọi là Hoa Tặng Hải được chăng? Nếu không được gọi là Hoa Tặng Hải thì chẳng thể nói là cùng khắp tất cả nơi vậy.

Nói Kinh Hoa Nghiêm bao gồm tất cả pháp, thì xin hỏi những tiếng thần kêu quỉ khóc, tiếng nước chảy, gió thổi, gà gáy, chó sủa v.v...những âm thanh ô uế ác trước ấy hướng vào đâu mà phân biệt? Nếu không có chỗ phân biệt, bèn cho tiếng chó sủa, gà gáy, tiếng gió thổi, nước chảy, gọi là Kinh Hoa Nghiêm có được chăng? Nếu không được gọi là Kinh Hoa Nghiêm, thì chẳng thể nói bao gồm tất cả pháp vậy. Các ngươi ngay chỗ này mà chỉ không ra, Sơn Tăng hôm nay vì các ngươi chỉ ra cho.

Vô lượng số thế giới núi thiết vi, vô lượng số giải thoát bồ đề tràng, vô lượng số ma ni bảo quang tụ, vô lượng số cung điện lâu các vân, vô lượng số liên hoa sư tử tòa, vô lượng số biến hóa trang nghiêm thân, vô lượng số quốc thành thiện tri thức, hôm nay ở trên cây phật trần này đồng thời hiển lộ ra rồi!

Giáo chủ Tỳ Lô Giá Na Phật sở thuyết, Phổ Hiền Bồ Tát sở thuyết, Văn Thủ Bồ Tát sở thuyết, thất xứ cứu hội chư Bồ Tát sở thuyết, bốn mươi mốt vị pháp thân đại sĩ, tất cả phát đại tâm chúng sanh, Thiên Long Bát Bộ chúng hội sở thuyết, địa thần thuyết, thủy thần thuyết, hỏa thần thuyết, phong thần thuyết, sơn lâm thần, đạo tràng thần sở thuyết, cho đến vân đài thuyết, bảo võng thuyết, trần thuyết, sát thuyết, đủ thứ thuyết, hôm nay đều nhờ cây gậy này xiển dương rồi.

Vậy, cây gậy và cây phất trần tại sao quái lạ như thế? Nếu biết được chỗ quái lạ thì biết được chỗ dung thông biến hiện; nếu biết được chỗ dung thông biến hiện, thì biết được cùng khắp nhất thiết xứ, bao gồm tất cả pháp vậy. Đã biết được như thế này, mới rõ tiếng thần kêu quỉ khóc, tiếng nước chảy, gió thổi, chó sủa, gà gáy v.v...không có pháp nào chẳng phải Kinh Hoa Nghiêm; chuồng trâu, chuồng ngựa, quán rượu, nhà mãi dâm, dao sơn kiếm thụ... Không nơi nào chẳng phải Hoa Tặng Hải vậy.

Tâm này chưa liễu thì danh tướng muôn ngàn sai biệt, tâm này đã liễu thì thể dụng chỉ là một thôi. Nên nói:

**Tam muội liễu tâm hay như thế  
Người tâm chưa liễu chẳng thể tri.**

Có một quyển đại Kinh ở trong một hạt bụi, có người trí phá hạt bụi này, hiện ra quyển đại Kinh. Nếu thấy được quyển đại Kinh này thì tám mươi mốt quyển Kinh kia đều thành giấy vụn.

Chân thiện tri thức chẳng lìa tự kỷ, cầu đạo nơi tự kỷ, chẳng tìm ở nơi khác. Nếu gặp được thiện tri thức này thì năm mươi ba vị thiện tri thức kia đều là người dung.

Nếu ông chưa thể thừa nhận như thế, thì chẳng được bỏ qua tám mươi mốt quyển kinh, cần phải đọc kỹ từ đầu đến cuối; năm mươi ba vị thiện tri thức cũng nên từng vị mà tham học. Sở dĩ Kinh nói: Thiện tri thức là chỗ sanh trưởng nhiều thiện căn, thiện tri thức là chỗ sanh ra công đức, thiện tri thức là chẳng nhiễm thế pháp, thiện tri thức là chẳng thọ ác báo, thiện tri thức là chiếu sáng pháp giới, thiện tri thức là sanh trưởng thân Bồ Tát. Còn nói: Gặp thiện tri thức được tâm chẳng tán loạn, gặp thiện tri thức được phá núi chướng ngại, gặp thiện tri thức được vào biển đại bi cứu giúp chúng sanh, gặp thiện tri thức được ánh sáng trí huệ chiếu soi pháp giới. Còn nói:

Do thân cận thiện tri thức được dũng mãnh siêng năng tu đạo, do thân cận thiện tri thức được ở nơi một hạt bụi thuyết pháp mà âm thanh khắp pháp giới, do thân cận thiện tri thức được niêm

niệm đi đúng hạnh Bồ Tát, cứu cánh an trụ nơi nhất thiết trí địa.

Lành thay! Lành thay! Thiện tri thức có sự lợi ích như thế, dù vậy muốn gặp thiện tri thức, phải có đại nhân duyên, có nhân duyên thì cách xa ngàn dặm cũng được gặp; không có nhân duyên thì đối diện mà chẳng thấy. Nên nói:

**Ưu Bát Đàm Hoa còn dễ thấy**

*(Ba ngàn năm hiện một lần)*

**Đại thiện tri thức rất khó gặp.**

Lời này đâu phải gạt người!

Kinh Hoa Nghiêm có hai bài kệ, có thể đại diện cho cả bộ Kinh này:

*Bài kệ thứ nhất:*

**Nhược nhân dục liễu tri,  
Tam thế nhất thiết Phật,  
Ưng quán pháp giới tánh,  
Nhất thiết duy tâm tạo.**

Dịch nghĩa:

*Nếu người muốn biết rõ,  
Tất cả Phật tam thế,  
Phải quán tánh pháp giới,  
Tất cả do tâm tạo.*

Tất cả cảnh giới Thánh, phàm, thế gian và xuất thế gian, chỉ một bài kệ này đã bao gồm chẳng

thiếu sót. Hai chữ “Pháp giới” gồm có tứ Thánh lục phàm, hợp thành mười pháp giới.

Mười pháp giới này vốn chẳng có tự thể, chẳng có tự tánh, chẳng có tự chủng, cũng chẳng có tự căn (gốc), đều do một tâm tạo ra.

Nói đến chữ TÂM cũng như hư không, vốn là thanh tịnh, vốn là thấu triệt, chẳng có hình dáng, chẳng có phương sở, bất diệt, bất sanh, bất động, bất biến. Vậy tại sao lại nói là duy tâm tạo? Nguyên cái tâm này dù nói bất biến mà cũng là tùy duyên, vì tùy duyên nên năng tạo; nói tùy duyên là vì một niệm thình lình sanh khởi, hoặc tiếp xúc với ngoại cảnh, trong và ngoài cảm ứng với nhau, gọi là nhân duyên, có nhân duyên mới thành pháp giới. Nay dùng thí dụ để tỏ rõ:

Tâm như nước, pháp giới như làn sóng. Bản thể của nước vốn yên tĩnh, chẳng phương sở, chẳng lay động, khi gặp gió thổi thì muôn ngàn làn sóng tùy sự tiếp xúc mà nổi lên. Vậy thì nước có thể tạo ra làn sóng, làn sóng do nước mà có; cũng như Tâm có thể tạo ra pháp giới, pháp giới do tâm mà có vậy.

Do đó, nhất thừa linh động, vạn đức trang nghiêm là pháp giới của chư Phật; viên tu lục độ, tổng nghiệp vạn hạnh, là pháp giới của Bồ Tát; chấp vào nhân duyên, chứng lý Thiên Không, là pháp giới của Duyên Giác; tứ đế công thành, chứng tiểu

Niết Bàn, là pháp giới của Thanh Văn; ham tu giới thiện, làm nhân hữu lậu, là pháp giới của cõi Trời; ái nhiễm chẳng ngừng, cũng làm thiện duyên, là pháp giới của cõi Người; chấp tâm hiếu thắng, nổi sân đấu tranh, là pháp giới của Tu La; ái kiến làm gốc, bốn xển làm nghiệp, là pháp giới của Ngã Quỷ; Tham dục chẳng ngừng, luôn luôn si tưởng là pháp giới của súc sinh; tạo mười ác nghiệp, lục căn thọ báo, là pháp giới của Địa Ngục. Nói tóm lại, vô biên thế giới y theo tâm này mà biến tạo, mặt trăng, mặt trời y theo tâm này mà vận hành, sự mê của tất cả chúng sanh là mê tâm này, sự ngộ của Thánh hiền tam thừa là ngộ tâm này, sự dẫn dắt của Đại Tạng giáo điển là dẫn dắt tâm này, sự khai thị của Lịch đại Tổ sư là khai thị tâm này; tam quán là quán tâm này; đơn truyền là truyền tâm này; nhiều kiếp tu tập là tu tâm này; chứng ngộ từng bậc là chứng tâm này. Do tâm này tùy duyên biến tạo, nên mới có mười pháp giới, nếu được nhất tâm chẳng sanh, liễu ngộ liễu chứng, thì mười pháp giới cũng theo sự liễu mă hết. Thế nên thập ác đã dứt, lục căn thọ báo chẳng sanh, thì tâm địa ngục được liễu; tham dục đã dứt, si tưởng chẳng sanh, thì tâm súc sinh được liễu; ái kiến đã dứt, bốn xển chẳng sanh, thì tâm Ngã Quỷ được liễu; hiếu thắng đã dứt, sân đấu chẳng sanh, thì tâm Tu La được liễu; ái nhiễm đã dứt, chánh niệm hiện tiền, thì

tâm cõi Người được liễu; bỏ nhân hữu lậu, tu nghiệp vô lậu thì tâm cõi Trời được liễu; chẳng chấp tú đế, chẳng giữ chân không, thì tâm Thanh Văn được liễu; chẳng chấp nhân duyên, hồi tâm hướng đại (*thùa*), thì tâm Duyên Giác được liễu; lục độ công thành, đốn siêu địa vị, thì tâm Bồ Tát được liễu; Bồ Đề viên mãn, quy vô sở đắc thì tâm chư Phật được liễu.

Thế thì làm sao cho tâm được liễu?

Ngài Diệu Thọ nói:

**Từ tán tâm đến đa tâm,**  
**Từ đa tâm đến thiểu tâm,**  
**Từ thiểu tâm đến nhất tâm,**  
**Từ nhất tâm đến vô tâm,**  
**Từ vô tâm đến liễu tâm,**

**Chỉ cần tham câu thoại đâu, thì mỗi mỗi tâm đều được liễu.**

*Bài kệ thứ nhì:*

**Nhược nhân dục thức Phật cảnh giới,**  
**Đương tịnh kỳ ý như hư không,**  
**Viễn ly vọng tưởng cặp chư thủ,**  
**Linh tâm sở hướng giai vô ngại.**

Dịch nghĩa:

*Nếu người muốn biết cảnh giới Phật,  
 Ý căn thanh tịnh như hư không,  
 Xa lìa vọng tưởng và chấp thủ,  
 Khiến tâm khắp nơi đều vô ngại.*

Cảnh giới Phật là gì? Không và hữu thay phiền hiển bày, lý sự vô ngại, một tức nhiều, nhiều tức một, lớn vào nhỏ, nhỏ vào lớn là cảnh giới Phật vậy. Do đó được biết, một hạt bụi, một giọt nước cho đến vi trần số cõi Phật Hoa Tạng Hải đều là cảnh giới Phật cả. Nhưng các ngươi tay chỉ mắt nhìn, trên là trời, dưới là đất, vận hành là nhụt nguyệt. Tịnh mà trụ gọi là núi, động mà chảy gọi là sông, hữu tình là người, vô tình là vật. Cảnh giới Phật ngay trước mắt mà lại chẳng thấy, thực là thật đáng thương xót! Tại sao vậy? Chỉ vì các ngươi nơi ý căn chưa từng thanh tịnh, nên có đủ thứ vọng tưởng, đã có vọng tưởng là có phân biệt, đã có phân biệt thì kẹt vào danh tướng, đã kẹt vào danh tướng nên thấy trời chỉ là trời, thấy đất chỉ là đất, thấy núi sông chỉ là núi sông, thấy người vật chỉ là người vật; lại ở nơi danh tướng vọng sanh đủ thứ chấp trước, như chấp núi sông người vật, lại còn ở nơi chấp trước sanh ra đủ thứ chướng ngại, cũng như bị sắc, thính, hương, vị chướng ngại, bị núi, sông, người, vật, vạn tượng sum la chướng ngại, vì ở khắp nơi đều bị chướng ngại, nên muốn thấy cảnh giới Phật lại càng khó hơn nữa.

Dù vậy, nếu ông chân thật muốn thấy cũng chẳng khó, chỉ cần đem các thứ vọng tưởng, chấp trước, chướng ngại ấy, mỗi mỗi đều xoay trở về tự

tánh, khiến cho nơi ý căn thanh tịnh như hư không. Ở trên đỉnh đầu mở ra chánh nhãm (*tham ngộ*), chiếu soi khắp thế gian. Như vậy thì trời là cảnh giới Phật, đất cũng là cảnh giới Phật, núi sông người vật, hạt bụi giọt nước, cho đến vi trần số cõi Phật thế giới, không nơi nào chẳng phải là cảnh giới Phật cả. Đang lúc ấy luôn cả vọng tưởng, chấp trước, chướng ngại cũng đều là cảnh giới Phật rồi vậy.

Cảnh giới như thế, phi hữu phi không, phi lý phi sự, phi nhất phi đa, phi tiểu phi đại, phi mê phi ngộ, phi tu phi chứng, gọi là cảnh giới Phật cũng được, chẳng gọi là cảnh giới Phật cũng được. Vì diệu như thế bất khả thuyết, viên dung như thế bất khả thuyết, tự tại vô ngại như thế bất khả thuyết, chứng ngộ giải thoát như thế bất khả thuyết, công đức lợi ích như thế bất khả thuyết. Ấy gọi là bất khả thuyết lại thêm bất khả thuyết của cảnh giới Phật. Các ngươi ở nơi cảnh giới Phật này đã từng đích thân đi đến chưa? Nếu chưa đến nơi, cần phải nghe ta từ đầu nói tráng ra:

➤ **Nếu ngươi muốn biết cảnh giới Phật** (*Là trên đầu lại sanh thêm đầu*).

➤ **Ý căn thanh tịnh như hư không** (*Vì có ai bị ô nhiễm đâu?*)

➤ **Xa lìa vọng tưởng và chấp thủ** (*Là vạch sóng  
để tìm nước*).

➤ **Khiến tâm khấp nơi đều vô ngại** (*Thì trước  
mắt đều là núi xanh*).

Nói trăng ra rồi đó. Chớ nên hiểu lầm!

Xưa kia Thế Tôn ở nơi pháp Bồ Đề tràng mới thành chánh giác, than rằng: “Lạ thay! Nay Ta thấy khấp tất cả chúng sanh đều đủ cả đức tưởng trí tuệ của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà chẳng chứng đắc”. Vậy Phật đã đem hết sự sở chứng tỏ bày rồi, các ngươi hiện đang ở nơi pháp Bồ Đề Tràng, mỗi người đều đội hư không, chân đạp quả đất mà chẳng thành Chánh Giác là tại sao? Vì vọng tưởng chấp trước chưa dứt, đại tâm Bồ Đề chưa phát.

**Mê thì Bồ Đề là vọng tưởng,  
Ngộ thì vọng tưởng là Bồ Đề.**

Muốn thành Chánh Giác cần phải phát tâm Bồ Đề, nên Kinh nói: “Tâm Bồ Đề cũng như chủng tử, vì hay sanh tất cả Phật pháp; tâm Bồ Đề cũng như đại địa, vì hay trì tất cả thế gian; tâm Bồ Đề cũng như nước trong sạch, vì hay rửa tất cả cấu bẩn phiền não; tâm Bồ Đề cũng như gió lớn vì thổi khấp thế gian đều vô ngại; tâm Bồ Đề cũng như xe lớn, vì hay chuyên chở chư Bồ Tát; tâm Bồ Đề cũng

núi đại đạo (*đại lộ*), Vì hay khiến chúng sanh được vào thành đại trí; tâm Bồ Đề cũng như vườn hoa, vì cho chúng sanh ở nơi đó du hí thọ pháp lạc; tâm Bồ Đề giống như hạt châu như ý vì hay cấp cho tất cả người nghèo khổ được no ấm”.

Lành thay! Lành thay! Tâm Bồ Đề có công đức như thế.

Nếu đã phát tâm Bồ Đề, đương nhiên phải tu hạnh Bồ Tát, hạnh Bồ Tát nếu chẳng tu, thì tâm Bồ Đề thành vọng phát. Há chẳng thấy Thiện Tài đồng Tử khi tham vấn mỗi thiện tri thức đều nói: “Con đã phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề mà con chưa biết làm sao học hạnh Bồ Tát, làm sao tu đạo Bồ Tát. Nghe nói bậc Thánh hay dạy bảo cách khéo léo, xin vì con mà thuyết”. Ấy là cái gương của Thiện Tài Đồng Tử phát tâm tu hành. Do đó được biết, dù có nghe nhiều, nếu chẳng chịu tu hành thì cũng bằng người chẳng nghe, như người chỉ nói ăn mà chẳng ăn thì làm sao được no.

Thanh tịnh pháp thân Tỳ Lô Giá Na giấu trong một lỗ chân lông, biển hạnh nguyện của Phổ Hiền rải khắp trên trăm đầu ngọn cỏ.

Dầu ở nơi một lỗ chân lông, rõ ràng là dựng đất chồi trời; dù ở nơi trăm đầu ngọn cỏ, rốt cuộc quét sạch dấu tích. Các ngươi muốn thấy một lỗ chân lông chẳng?

\_ Chiều dọc thì xuyên qua tam tế (*quá khú, hiện tại, vị lai*), chiều ngang thì rộng khắp mười phương; muốn thấy trăm đầu ngọn cỏ chăng?

\_ Tia lửa ánh chớp không kịp nháy mắt. Có khi một lỗ chân lông nuốt hết trăm đầu ngọn cỏ, có khi trăm đầu ngọn cỏ hiện ra một lỗ chân lông, có khi một lỗ chân lông tức là trăm đầu ngọn cỏ, có khi trăm đầu ngọn cỏ tức là một lỗ chân lông; khiến cho Phật Tỳ Lô Giá Na, Bồ Tát Phổ Hiền hòa thành một khói, làm cho tất cả chúng sanh tìm mãi chẳng ra, chen thân chẳng lọt, dùng sức chẳng dụng, chân đạp chẳng vững, vốn chẳng định thể, cũng chẳng định danh. Có khi gọi là nhất chân pháp giới, có khi gọi là đại quang minh tạng, có khi gọi là pháp Bồ Đề Tràng, có khi gọi là diệu trang nghiêm thành, có khi gọi là nghĩa lục tướng, có khi gọi là Thập Huyền Môn, hoặc nói ám hiệu tử, hoặc nói Bản Lai Nhân, cho đến dùng nó thành cây gậy, biến nó thành tiếng hét. Thả đi thu lại, muôn ngàn sai biệt, đến khi tẩy sạch triệt để khám phá cuối cùng (*kiến tánh*), vốn chỉ là một mình tự kỷ! Cái tự kỷ này, ở trời thì đồng với trời, ở đất thì đồng với đất, nơi người thì đồng với người, nơi vật thì đồng với vật. Trên bốn phận tự kỷ, hoặc nói bốn cụ (*vốn đầy đủ*), hoặc nói bốn không (*vốn trống rỗng*), hoặc nói mê và ngộ, hoặc nói tu và chứng, bày ra đủ thứ

dây trói buộc, kỳ thật:

**Gió xuân chẳng thấp cao,  
Nhánh hoa tự ngắn dài.**

Nhớ lại Thiện Tài Đồng Tử tham vấn khắp miền nam năm mươi ba vị thiện tri thức, sau cùng gặp Bồ Tát Phổ Hiền, bảo phát mươi đại nguyện, dẫn dắt vãng sanh lạc độ. Dù nói vãng sanh, thực là hiển thị pháp vốn vô sanh vậy.

Vì đã nói nhất thiết duy tâm tạo, thì lạc độ đâu phải ở ngoài tâm? Nên nói tâm tịnh thì Phật độ tịnh.

Duy tâm tịnh độ diệu như thế,  
Kẻ tâm chưa tịnh khó liễu tri.



## PHỤ CHÚ

**HỎI:** Đã nói “Nhất thiết duy tâm tạo” thì pháp giới Phật và cảnh giới Phật là sở tạo, tâm là năng tạo. Chư Phật đã chứng quả cùng tột, năng sở đều dứt. Tại sao còn có tâm để tạo pháp giới Phật và cảnh giới Phật như trong yếu chỉ đã nói?

**ĐÁP:** Kinh Hoa Nghiêm có bài kệ rằng:

**Phật thân sung mãn ư pháp giới,  
Phổ hiện nhất thiết quần sanh tiền,  
Tùy duyên phó cảm mị bất chu,  
Nhi thường xứ thử Bồ Đề tòa.**

Dịch nghĩa:

*Thân Phật đầy khắp nơi pháp giới,  
Phổ biến hiện trước mắt chúng sanh,  
Tùy duyên cảm ứng chẳng thiếu sót,  
Mà thường ngồi tại tòa Bồ Đề.*

Thân Phật đầy khắp pháp giới thì làm sao có năng sở, chỉ vì chúng sanh nơi chín giới kia khởi tâm vọng tạo mới thành bệnh, nên Phật tùy duyên mà cảm ứng để đối trị. Đối với bệnh “địa ngục” thì dùng “thuốc địa ngục” để trị. Đối với bệnh “Bồ Tát” thì dùng “thuốc Bồ Tát” để trị. Đã nói:

“Tùy duyên cảm ứng mà thường ngồi tại tòa Bồ Đề” hiển nhiên chưa từng khởi tâm động niệm, thì làm sao có năng tạo và sở tạo được?

Sở dĩ nói: Pháp giới Phật và cảnh giới Phật là chỉ vì độ chúng sanh mà phương tiện lập danh thôi.

## PHỤ LỤC

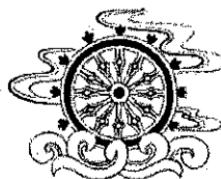
Công án của Duy Tắc Thiền Sư.

Tăng xin hỏi về bệnh thiền.

Sư nói: “Ta có một phương thuốc bí mật, rất là giản dị, chỉ bảo ông buông thân xả mạng đại từ một lần. Nếu được đại từ một lần thì tất cả gốc bệnh tự dứt, sau đó nhào lộn một cái, làm người sống lại như cũ. Khi ấy mới cho ông đem phương thuốc hiệu nghiệm này để trị người thiền bệnh khắp thiên hạ”.

Tăng do dự muốn nói.

Sư liền hét: “Thằng tham sống sợ chết! Ở đây không có chỗ cho mày đứng. Đi ra!”





# **DUY MA CẬT SỞ THUYẾT KINH**

*Hán dịch: Ngài Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập  
Việt dịch: THÍCH DUY LỰC*



## **LỜI DỊCH GIẢ**

*Kinh Duy Ma Cật bất khả tư nghì, tuyệt diệu  
cùng tột, ý chỉ thâm huyền, chẳng phải lời nói có  
thể diễn tả. Siêu việt Tam không (Nhơn không,  
Pháp không, Không không) chẳng phải Nhị thừa có  
thể đo lường. Mênh mông vô vi mà vô sở bất vi,  
chẳng biết tại sao như thế mà tự được như thế, tâm  
cánh đều tuyệt, nói bất khả tư nghì là vậy.*

*Ngài Cưu Ma La Thập dịch kinh này từ Phạn  
sang Hán, văn gọn mà nghĩa thấu, nguyên chánh  
bản dịch giữ đủ thánh ý, nhưng vì đời sau qua  
nhiều tay chép đi chép lại, rồi chia thành nhiều  
bản khác nhau, nên có chỗ sai ý và tối nghĩa.*

*Chúng tôi dịch từ Hán sang Việt, gặp những  
trường hợp này, phải nhở lời chú giải của Ngài La  
Thập và Tăng Triệu để đính chính lại và làm sáng  
tỏ nghĩa kinh. Gặp đoạn kinh cùng một ý mà văn  
hơi dài dòng, thì chúng tôi lược bỏ cho gọn nhưng  
vẫn giữ bản ý, để thích ứng với độc giả đời nay. Có  
người nói làm như vậy không được, nhưng Ngài  
Cưu Ma La Thập khi dịch Kinh Di Đà, mười  
phương Phật chỉ dịch sáu phương, cũng vẫn giữ đủ  
nghĩa kinh mà người đọc lại cảm thấy gọn gàng dễ*

hiểu. Việc ấy cũng có thể làm mô phạm cho người dịch Kinh đời sau. Cho nên chúng tôi cả gan lược bỏ chỗ dài dòng là vậy, xin độc giả hoan hỉ thứ lỗi cho.



## PHẨM PHẬT QUỐC THỨ NHẤT

Tôi nghe như vầy: Một thuở Phật tại Tỳ Da Ly, vườn Am La Thọ, với chúng đại Tỳ Kheo tám ngàn vị, Bồ Tát ba mươi hai ngàn vị, là những vị có tiếng tăm, đều đã thành tựu trí hạnh Đại thừa, do oai thần chư Phật kiến lập, làm hộ pháp thành, thọ trì chánh pháp. Pháp âm oai hùng như sư tử rống, danh đồn khắp mười phương, người đời không cầu thỉnh, mà các Ngài sẵn sàng làm bạn giúp cho an vui, khiến Tam Bảo hưng thịnh nối tiếp mãi. Hàng phục ma oán, ngăn dẹp các ngoại đạo, lìa hẳn tất cả chướng ngại ràng buộc, tâm thường an trụ nơi vô ngại giải thoát, tổng trì định niệm, luôn luôn biện tài, sáu Ba La Mật và sức phương tiện đều đầy đủ cả, cho đến vô sở đắc mà chẳng khởi pháp nhẫn, hay tùy thuận chuyển pháp luân bất thối, khéo giải pháp tướng, thấu biết căn cơ chúng sanh.

Ngài vì đại chúng đắc sức vô sở úy, dùng công đức trí huệ để tu tâm, tướng tốt đệ nhất, xả bỏ tất cả trang sức tốt đẹp trong đời, danh tiếng cao xa vượt hẳn núi Tu Di, lòng tin vững chắc như kim cương, pháp bảo rái khắp như mưa cam lồ, âm thanh thuyết pháp vi diệu đệ nhất, dứt các tà kiến

và nhị biên, thâm nhập duyên khởi, chẳng còn tập khí. Liễu đạt diệu nghĩa các pháp, khéo biết tâm sở hành của chúng sanh, siêu việt số lượng, chẳng có gì để so bằng. Dùng thập lực vô úy, mười tám pháp bất cộng, sức tự tại huệ của Phật, đóng bít tất cả cửa nẻo ác thú, hiện thân sanh nơi lục đạo, làm Đại Y Vương khéo trị các bệnh, khiến chúng sanh thành tựu vô lượng công đức, khiến vô lượng Phật quốc đều trang nghiêm trong sạch, kẻ nghe đều được lợi ích. Những việc làm của các Ngài đều chẳng uổng phí, các công đức như thế đã hoàn toàn viên mãn.

Bậc Bồ Tát như: Đẳng Quán Bồ Tát, Bất Đẳng Quán Bồ Tát, Đẳng Bất Đẳng Quán Bồ Tát, Định Tự Tại Vương Bồ Tát, Pháp Tự Tại Vương Bồ Tát, cho đến Di Lặc Bồ Tát, Văn Thủ Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát, v.v... tất cả ba mươi hai ngàn vị.

Còn có Phạm Thiên Vương mươi ngàn vị, cùng một tên Thi Khí, từ bốn thiên hạ đến nơi Phật ở mà nghe pháp. Còn có Đề Thích mươi hai ngàn vị cũng từ bốn thiên hạ đến dự pháp hội. Ngoài ra còn có Đại Oai Lực Chư Thiên, Long Thần, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, v.v... đều đến dự pháp hội.

Lúc ấy, Phật vì vô lượng đại chúng thuyết pháp, ví như chúa núi Tu Di hiện nơi biển lớn, trải tòa sư tử, oai đức che trùm tất cả đại chúng.

Bấy giờ, tại thành Tỳ Da Ly có một Trưởng giả tên là Bửu Tích, cùng với năm trăm vị Trưởng giả cầm Bửu Cái đến nơi Phật, cung kính đảnh lễ, mỗi vị đều dùng Bửu Cái của mình cúng dường Phật. Nhờ oai thần Phật khiến các Bửu Cái hợp thành một Bửu Cái, trùm khắp đại thiên thế giới, tất cả núi sông đất đai, cho đến các thiên cung, long cung, thần cung và nhật nguyệt đều hiển hiện trong Bửu Cái, và chư Phật thuyết pháp nơi mười phương cũng hiện trong Bửu Cái.

Lúc ấy, tất cả đại chúng thấy thần lực của Phật như thế, đều tán thán là việc chưa từng có, nên chấp tay lạy Phật, chiêm ngưỡng chắp nháy mắt. Trưởng giả Bửu Tích liền tụng bài kệ trước Phật rằng:

**Mắt trong dài rộng như hoa sen,  
Tâm sạch đã vượt các Thiên định.  
Tịnh nghiệp lâu đời chẳng kể xiết,  
Tịch diệt đảnh lê dắt chúng sanh.  
Đã thấy thần biến của đại thánh,  
Phổ biến hiển hiện mười phương cõi.**

Chư Phật thuyết pháp ở trong đó,  
 Tất cả chúng sanh đều thấy nghe.  
 Pháp lực của Phật vượt quần sanh,  
 Thường dùng pháp tài thí tất cả.  
 Hay khéo phân biệt các pháp tướng,  
 Mà nơi đệ nhất nghĩa chẳng động.  
 Đối với các pháp được tự tại,  
 Cho nên đánh lễ Pháp Vương này.  
 Thuyết pháp chẳng hữu cũng chẳng vô,  
 Vì do nhân duyên các pháp sanh.  
 Vô ngã, vô tạo, vô thọ giả,  
 Những nghiệp thiện ác cũng chẳng mất.  
 Phật lực hàng ma từ nay khởi,  
 Kẻ đắc cam lồ Phật đạo thành.  
 Vô tâm, vô ý, vô thọ hành,  
 Mà được dẹp hết các ngoại đạo.  
 Thường chuyển pháp luân nơi Đại Thiên.  
 Pháp ấy bốn lai vốn trong sạch,  
 Trời người đắc đạo đó là chứng.  
 Tam Bảo vì thế hiện trong đời,  
 Dùng diệu pháp này độ chúng sanh.  
 Thọ rồi chẳng lui thường tịch lặng,  
 Độ thoát sanh tử Đại Y Vương.

Kính lẽ pháp hải đức vô lượng,  
 Khen chê chẳng động như Tu Di.  
 Đồng bực thương xót kẻ lành dữ,  
 Tâm hạnh bình đẳng như hư không.  
 Được nghe Pháp Bảo ai chẳng kính,  
 Nay dâng Thế Tôn lòng mọn này.  
 Đại thiên thế giới hiện trong đó,  
 Cung điện chư Thiên và Long Thần.  
 Cho đến Càn Thát Bà, Dạ Xoa,  
 Mọi vật thế gian đều thấy rõ.  
 Phật hiện biến hóa đại bi này,  
 Chúng thấy hy hữu đều tán thán.  
 Nay con dâng lẽ Tam Giới Tôn,  
 Đại Thánh chỗ nương của mọi loài,  
 Tịnh tâm quán Phật đều hoan hỉ,  
 Được gặp Thế Tôn ngay trước mình,  
 Ấy là thần lực pháp bất cộng,  
 Phật dùng một âm để thuyết pháp.  
 Chúng sanh hiểu biết theo mỗi loài,  
 Đầu cho Thế Tôn thuyết vì mình.  
 Ấy là thần lực pháp bất cộng,  
 Phật dùng một âm để thuyết pháp.  
 Chúng sanh hiểu biết theo mỗi loài,

Phổ biến thọ hành được lợi ích,  
 Ấy là thân lực pháp bất cộng,  
 Phật dùng một âm để thuyết pháp.  
 Hoặc có khiếp sợ hoặc hoan hỉ,  
 Hoặc sanh nhảm chán hoặc dứt nghi.  
 Ấy là thân lực pháp bất cộng,  
 Đánh lẽ Đức Phật đại tinh tấn.  
 Đánh lẽ bậcặng vô sở úy,  
 Đánh lẽ trụ nơi pháp bất cộng,  
 Đánh lẽ tất cả Đại Đạo Sư,  
 Đánh lẽ hay dứt mọi trói buộc.  
 Đánh lẽ đã đến bờ bên kia,  
 Đánh lẽ hay độ những thế gian.  
 Đánh lẽ lìa hẳn việc sanh tử,  
 Thấu tướng khứ lai của chúng sanh.  
 Đối với các pháp được giải thoát,  
 Chẳng nhiễm việc dời như hoa sen.  
 Thường kéo vào nơi hạnh không tịch,  
 Liễu đạt pháp tướng vô quái ngại,  
 Đánh lẽ hư không vô sở y.

Bấy giờ, Trưởng giả Bửu Tích thuyết kê xong,  
 bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Năm trăm trưởng giả này đều đã phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nguyện nghe sự trong sạch của cõi Phật, mong Thế Tôn giảng về hạnh Tịnh Độ của Bồ Tát.

Phật bảo:

- Lành thay! Bửu Tích! Khéo vì chư Bồ Tát hỏi Như Lai về hạnh Tịnh Độ. Lắng nghe! Lắng nghe! Khéo ghi nhớ lấy, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Lúc ấy, Bửu Tích và năm trăm vị Trưởng giả vâng lời Phật dạy mà lắng nghe.

Phật bảo Bửu Tích:

- Tất cả chúng sanh là cõi Phật của Bồ Tát. Tại sao? Bồ Tát tùy sự giáo hóa chúng sanh mà nhận lấy cõi Phật, tùy sự điều phục chúng sanh mà nhận lấy cõi Phật, tùy chúng sanh nên theo quốc độ nào vào trí huệ của Phật mà nhận lấy cõi Phật, tùy chúng sanh nên theo quốc độ nào phát khởi căn tánh Bồ Tát mà nhận lấy cõi Phật. Tại sao? Bồ Tát nhận lấy cõi Phật trong sạch đều vì muôn lợi ích chúng sanh. Ví như có người muốn xây dựng nhà cửa nơi khoảng đất trống thì tùy ý vô ngại, nếu xây dựng giữa hư không trọn chẳng thể được. Bồ Tát cũng thế, vì thành tựu chúng sanh nên nguyện nhận lấy cõi Phật, chẳng phải nhận lấy cõi Phật nơi hư không vậy. Bửu Tích nên biết:

- TRỰC TÂM là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, những chúng sanh chẳng xiểm khúc đến sanh quốc độ đó.

- THÂM TÂM là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh công đức viên mãn đến sanh quốc độ đó.

- BỒ ĐỀ TÂM là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh tu Đại Thừa đến sanh quốc độ đó.

- BỐ THÍ là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh hay Hỉ Xả đến sanh quốc độ đó.

- TRÌ GIỚI là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh hành Thập Thiện đã viên mãn đến sanh quốc độ đó.

- NHÃN NHỤC là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh trang nghiêm ba mươi hai tướng đến sanh quốc độ đó.

- TINH TẤN là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh siêng tu mọi công đức đến sanh quốc độ đó.

- THIỀN ĐỊNH là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh nghiệp tâm chẳng loạn đến sanh quốc độ đó.

- TRÍ HUỆ là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát

thành Phật, chúng sanh được chánh định đến sanh quốc độ đó.

- TỰ VÔ LUỢNG TÂM là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh thành tựu Từ Bi Hỉ Xả đến sanh quốc độ đó.

- TỰ NHIẾP PHÁP là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, nghiệp chúng sanh tu giải thoát đến sanh quốc độ đó.

- PHƯƠNG TIỆN là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh nới tất cả phương tiện vô ngại đến sanh quốc độ đó.

- BA MUỐI BẨY PHẨM TRỌ ĐẠO là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, người tu Tứ niêm xứ, Tứ chánh cần, Tứ thần túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chánh đạo đến sanh quốc độ đó.

- HỒI HƯỚNG TÂM là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, được tất cả quốc độ công đức viên mãn.

- GIẢI THOÁT BÁT NẠN là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, trong quốc độ chẳng có tam ác, bát nạn.

- TỰ GIỮ GIỚI HẠNH, CHẮNG KHINH CHÊ NGƯỜI PHÁ GIỚI là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, trong quốc độ chẳng có danh từ phạm giới cấm.

- THẬP THIỆN là Tịnh Độ của Bồ Tát, khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh chẳng chết yếu, lại được giàu sang, quyền thuộc chẳng chia lìa, thanh tịnh hạnh, lời nói thành thật, thường dùng lời dịu dàng, khéo giải hòa người kiện cáo nhau, lời nói ra ắt hữu ích, chẳng ganh tỵ, chẳng sân hận, đầy đủ chánh kiến v.v... đều đến sanh quốc độ đó.

Như thế Bửu Tích! Bồ Tát tùy theo TRỰC TÂM mà khởi hạnh, tùy theo sự khởi hạnh thì được THÂM TÂM, tùy sự thâm tâm thì ý được điều phục, tùy sự điều phục thì được nói và hành như một, tùy sự nói hành như một thì hay hồi hướng, tùy sự hồi hướng thì có phương tiện, tùy sự phương tiện được thành tựu chúng sanh, tùy sự thành tựu chúng sanh thì cõi Phật trong sạch, tùy cõi Phật trong sạch thì thuyết pháp trong sạch, tùy sự thuyết pháp trong sạch thì trí huệ trong sạch, tùy sự trí huệ trong sạch thì tâm họ trong sạch, tùy tâm trong sạch thì tất cả công đức trong sạch. Cho nên Bửu Tích! Nếu Bồ Tát muốn đắc tịnh độ, nên tự tịnh tâm, tùy nơi tâm tịnh thì Phật độ tịnh.

Bấy giờ Xá Lợi Phất thừa oai thần của Phật mà nghĩ rằng: “Nếu Bồ Tát tâm tịnh thì Phật độ tịnh”. Vậy Thế Tôn khi còn làm Bồ Tát, tâm ý còn bất tịnh sao, mà Phật độ bất tịnh như thế!

Phật biết Xá Lợi Phất nghĩ vậy liền bảo rằng:

- Ý Người thế nào? Nhật nguyệt bất tịnh ư mà kẻ mù chẳng thấy?

- Bạch Thế Tôn! Ấy là lỗi của người mù, chẳng phải lỗi của nhật nguyệt.

- Xá Lợi Phất! Vì chúng sanh có tội chướng nên chẳng thấy quốc độ nghiêm tịnh của Như Lai, chứ chẳng phải lỗi của Như Lai. Xá Lợi Phất! Tịnh độ Ta đây mà Người chẳng thấy.

Lúc ấy, Loa Kế Phạm Vương nói với Xá Lợi Phất rằng:

- Chớ nghĩ như thế, chớ cho cõi Phật đây là bất tịnh. Tại sao? Tôi thấy cõi Phật của Thích Ca Mâu Ni thanh tịnh như Tự Tại Thiên Cung.

Xá Lợi Phất nói:

- Sao tôi thấy cõi này toàn là gò nồng, hầm hố, chông gai, sỏi sạn, đất đá, núi non nhơ nhớp đầy dãy như thế!

Loa Kế Phạm Vương nói:

- Đấy là do tâm của Ngài có cao thấp, không nương theo trí huệ của Phật nên thấy cõi này chẳng thanh tịnh dó thôi. Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh thấy đều bình đẳng, thâm tâm thanh tịnh, y theo trí huệ của Phật

thì mới thấy được cõi Phật này thanh tịnh.

Lúc đó, Phật dùng ngón chân nhấn xuống đất, tức thì Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới liền hiện ra vô lượng thất bửu trang nghiêm, cũng như cõi vô lượng công đức bửu trang nghiêm của Phật Bửu Trang Nghiêm. Tất cả đại chúng tán thán việc chưa từng có và đều thấy mình ngồi trên bửu liên hoa.

Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Người hãy xem cõi Phật này nghiêm tịnh chẳng?

- Xá Lợi Phất bạch Thế Tôn:

- Vâng ạ! Con xưa nay vốn chẳng thấy chẳng nghe, nay cõi Phật đều hiện rõ trang nghiêm thanh tịnh.

Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Cõi Phật Ta thường thanh tịnh như thế! Nhưng vì muộn độ người thấp kém, nên thị hiện cõi đầy nhơ nhớp xấu xa bất tịnh đó thôi. Ví như chư Thiên ăn cơm chung trong một bửu bát, mà tùy theo phước đức của họ thấy cơm có khác. Cũng thế, Xá Lợi Phất! Nếu người tâm tịnh bèn thấy cõi này công đức trang nghiêm.

Khi Phật hiện ra cõi này nghiêm tịnh, năm trăm vị Trưởng giả đều đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, tám mươi bốn ngàn người đều phát tâm Vô Thượng

Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật thâu nhiếp thần túc, thì thế giới trở lại như cũ, ba mươi hai ngàn chư Thiên và người biết pháp hữu vi đều là vô thường, xa lìa trần cầu, được pháp nhãm tịnh, tám ngàn Tỳ kheo chẳng còn chấp tho các pháp, kiết lậu đã hết, tâm ý được mở mang.

## PHẨM PHƯƠNG TIỆN THỨ HAI

Lúc ấy trong thành Tỳ Da Ly, có vị Trưởng giả tên là Duy Ma Cật, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, sâu trồng cội lành, được Vô Sanh Pháp Nhãm, biện tài vô ngại, du hí thần thông, cho đến tổng trì, được vô sở úy, hàng phục ma oán, nhập pháp môn thâm diệu, khéo dùng trí huệ, thông đạt phương tiện, đại nguyện thành tựu, thấu rõ tâm chúng sanh, hay phân biệt các căn lợi độn, nơi Phật đạo tâm đã thuần thực, quyết định Đại Thừa, việc làm chẳng cần tác ý, tâm lượng như biển, oai nghi đồng Phật, chư Phật khen ngợi, các vua chúa trời người thấy đều kính trọng.

Vì muốn độ người đời nên Ngài thị hiện phương tiện ở thành Tỳ Da Ly, dùng vô lượng của cải để nhiếp độ dân nghèo, giữ giới hạnh trong sạch để nhiếp độ kẻ phá giới, dùng hạnh nhãm nhục để nhiếp độ kẻ giận dữ sân hận, dùng đại tinh tấn để

nhiếp độ kẻ biếng nhác, nhất tâm thiền tịch để nhiếp độ kẻ tâm loạn, dùng trí huệ để nhiếp độ kẻ vô trí.

Dù hiện thân bạch y mà giữ giới hạnh trong sạch của Sa Môn, dù ở tại gia mà không đắm nhiễm cõi đời, thị hiện có vợ con quyền thuộc mà thường tu thanh tịnh hạnh, dù mặc đồ quý báu mà dùng tướng tốt để trang nghiêm, dù ăn uống theo người đời mà lấy Thiền duyệt làm mùi vị, hoặc đến chõ cờ bạc, xương hát vẫn tùy cơ độ người, dù thọ pháp ngoại đạo mà chẳng hoại chánh tín, dù hiểu rõ thế pháp mà thường ưa Phật pháp. Tất cả người gặp đều cung kính cúng dường, xưng Ngài là bậc nhất trong hàng người được cúng dường, hành đúng chánh pháp để nhiếp độ khắp kẻ sang, hèn, già, trẻ, kinh doanh sự nghiệp thế gian được lợi mà chẳng vui mừng. Dao khắp thành phố để lợi ích chúng sanh, dùng chánh pháp để cứu giúp tất cả người, vào chõ giảng thuyết kinh luận để dẫn dắt theo Đại Thừa, vào các học đường để mở mang trí huệ cho học trò, vào nhà dân để thị hiện tội lỗi của dân dục, vào quán rượu mà trí huệ chẳng bị nhiễu loạn.

Nếu ở hàng Trưởng giả thì làm bậc tôn túc trong Trưởng giả vì thuyết pháp thù thắng cho họ. Nếu ở hàng Cư sĩ thì làm bậc tôn túc trong Cư sĩ vì

đoạn dứt tham dục cho họ. Nếu ở hàng Sát Ly (*dòng vua chúa*) thì làm bậc tôn túc trong Sát Ly vì dạy nhẫn nhục cho họ. Nếu ở hàng Bà La Môn thì làm bậc tôn túc trong Bà La Môn vì trừ ngã mạn cho họ. Nếu ở hàng Đại thần thì làm bậc tôn túc trong Đại thần vì dạy chánh pháp cho họ. Nếu ở hàng Vương tử thì làm bậc tôn túc trong Vương tử vì chỉ thị trung hiếu cho họ. Nếu ở hàng Nội quan (*Thái giám và cung phi làm quan chức trong cung*) thì làm bậc tôn túc trong Nội quan vì giáo hóa cung nữ theo chánh pháp. Nếu ở hàng thường dân thì làm bậc tôn túc trong thường dân vì chỉ bảo làm việc phước đức cho họ. Nếu ở hàng Phạm Thiên thì làm bậc tôn túc trong Phạm Thiên vì dạy bảo trí huệ thù thắng. Nếu ở hàng Đế Thích thì làm bậc tôn túc trong Đế Thích vì thị hiện cho biết sự vô thường. Nếu ở hàng Tứ Thiên Vương thì làm bậc tôn túc trong Tứ Thiên Vương vì dạy họ hộ giúp cho chúng sanh.

Trưởng giả Duy Ma Cật dùng vô lượng phương tiện như thế để lợi ích chúng sanh, phương tiện ấy là hiện thân có bệnh. Vì Ngài bệnh nên quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, Bà La Môn v.v... cùng các vương tử, quan lại và quyền thuộc, vô số ngàn người đều đi thăm bệnh. Nhân dịp này, vì tất cả mọi người đến thăm bệnh, Ngài dùng phương

tiện mà thuyết pháp rằng:

- Nay các nhơn giả! Cái huyền thân này thật là vô thường, nó không có sức, không mạnh, không bền chắc, là vật mau hư hoại, thật chẳng thể tin cậy! Nó là cái ổ chứa những thứ khổ não bệnh hoạn. Các nhơn giả! Người có trí sáng suốt không bao giờ nương cậy nó.

Nếu xét cho kỹ thì thân này như đống bọt, chẳng thể cầm nắm. Thân này như bóng nổi, chẳng thể bền lâu. Thân này như dương diệm, do ánh sáng mặt trời phản chiếu mà sanh. Thân này như cây chuối, chính giữa không bền chắc. Thân này như huyền, từ đên đảo khởi. Thân này như mộng, do tâm hư vọng mới thấy. Thân này như bóng, do nghiệp nhân hiện. Thân này như tiếng vang, thuộc về nhân duyên. Thân này như đám mây, trong giây lát biến mất. Thân này như điện chớp, niệm niệm chẳng trụ. Thân này vô chủ như địa đại, vô ngã như hỏa đại, vô thọ như phong đại, vô nhơn như thủy đại. Thân này chẳng thật, nương tự đại làm nhà. Thân này vốn không, lìa ngã, ngã sở. Thân này vô tri như cây cổ, miếng ngói. Thân này vô tác, tùy sức gió xoay chuyển. Thân này bất tịnh, chứa đầy những thứ dơ bẩn. Thân này giả dối, dù có tắm rửa ăn mặc rốt cuộc cũng phải tiêu diệt. Thân này là tai họa, vì sanh bệnh hoạn khổ não. Thân này

núi giếng khô trên gò, vì bị sự già yếu ép ngắt. Thân này chẳng định, vì có sanh ắt phải chết. Thân này như rắn độc, như oán tặc, như hủ không tu hợp, do ngũ ấm, lục nhập, thập bát giới hòa hợp mà thành.

Các nhơn giả! Nên vui thích thân Phật, nhảm chán thân này. Tại sao? Thân Phật là Pháp thân, từ vô lượng trí huệ công đức sanh; từ giới định huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến và từ bi hỷ xả sanh; từ bố thí, nhẫn nhục, nhu hòa, siêng năng, tinh tấn, thiền định, giải thoát, tam muội, đa văn, trí huệ, các Ba La Mật sanh; từ phương tiện, lục thông, tam minh, ba mươi bảy phẩm trợ đạo và chỉ quán sanh; từ thập lực, tứ vô sở úy, mười tám pháp bất cộng sanh; từ đoạn dứt tất cả pháp bất thiện, tụ tập tất cả pháp thiện sanh; từ chơn thật chẳng buông lung sanh; từ vô lượng pháp trong sạch kể trên sanh thân Như Lai.

Các nhơn giả! Muốn đắc thân Phật, đoạn dứt tất cả bệnh chúng sanh, phải phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Như thế, Trưởng giả Duy Ma Cật vì những người đến thăm bệnh mà ứng cơ thuyết pháp, khiến tất cả đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

## PHẨM ĐỆ TỨ THỨ BA

Lúc bấy giờ Trưởng giả Duy Ma Cật nghĩ thăm  
rằng:

Nay mình nằm bệnh ở giường, Thế Tôn đại từ,  
lẽ nào chẳng đoái lòng thương xót!



Phật đã biết ý Ngài, liền bảo Xá Lợi Phất đến  
thăm bệnh. Xá Lợi Phất bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Con không xứng đáng đến thăm  
bệnh Duy Ma Cật. Tại sao? Con nhớ lại khi xưa,  
từng đến ngồi tịnh tọa dưới gốc cây trong rừng, khi  
ấy Ngài đến bảo con rằng:

“Này Xá Lợi Phất! Không hẳn ngồi đó mới là  
tịnh tọa. Nói Tịnh Tọa là chẳng hiện thân ý nơi  
tam giới là tịnh tọa, đại định chẳng khởi diệt mà  
hiện các oai nghi là tịnh tọa, thì hiện việc phàm  
phu mà chẳng bỏ đạo pháp là tịnh tọa, tâm chẳng  
trụ trong cũng chẳng ở ngoài là tịnh tọa, tu hành  
ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà chư kiến chẳng động  
là tịnh tọa, chẳng dứt phiền não mà nhập Niết Bàn  
là tịnh tọa. Nếu tọa như thế mới được Phật ấn  
khả”.

Bạch Thế Tôn! Lúc ấy con nghe lời này, im lặng

chẳng thể trả lời, vì thế nên con không đáng đến thăm bệnh Ngài.



Phật bảo Mục Kiền Liên đến thăm bệnh. Mục Kiền Liên bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Con không xứng đáng đến thăm bệnh Duy Ma Cật. Tại sao? Con nhớ lại khi xưa, vào thành Tỳ Da Ly, ở trong xóm làng vì các cư sĩ thuyết pháp, lúc ấy Ngài đến bảo con rằng:

“Này Mục Kiền Liên! Thuyết pháp cho bạch y cư sĩ chẳng nên thuyết như thế! Nói Thuyết Pháp nên thuyết đúng như pháp. Pháp chẳng chúng sanh vì lìa chúng sanh cấu, pháp chẳng có ngã vì lìa ngã cấu, pháp chẳng thọ mạng vì lìa sanh tử, pháp chẳng có người vì chẳng việc trước sau, pháp thường tịch lặng vì các tướng vốn diệt, pháp lìa nơi tướng vì chẳng có sở duyên, pháp chẳng danh tự vì ngôn ngữ đoạn dứt, pháp chẳng có sở thuyết vì lìa giác quán, pháp chẳng hình tướng vì như hư không, pháp chẳng hý luận vì tất cánh không, pháp chẳng ngã sở vì lìa ngã sở, pháp chẳng phân biệt vì lìa ý thức, pháp chẳng thể so sánh vì chẳng có đối đai, pháp chẳng thuộc nhân vì chẳng nhờ duyên, pháp đồng pháp tánh vì nhập các pháp, pháp tùy nơi Như (*như thật tế*) vì vô sở tùy, pháp trụ thật tế vì

vốn vô biên, pháp chẳng lay động vì chẳng nương lục trán, pháp chẳng khứ lai vì vốn vô trụ, pháp tùy thuận tánh không, vô tướng nên vô tác, pháp lìa tốt xấu, pháp chẳng thêm bớt, pháp chẳng sanh diệt, pháp chẳng chõ về, pháp siêu lục căn, pháp chẳng cao thấp, pháp thường trụ chẳng động, pháp lìa tất cả quán hạnh”.

Vậy Mục Kiền Liên! Pháp tướng như thế, há có thể thuyết ư! Nay nói thuyết pháp là vô thuyết vô thị, người nghe pháp vô văn vô đắc, ví như nhà huyền thuật thuyết pháp cho người huyền. Nên theo ý này mà thuyết. Phải biết chúng sanh căn cơ có lợi độn, nên chẳng chấp tri kiến, vô sở quái ngại, dùng tâm đại bi tán thán Đại Thừa, nhớ đền ơn Phật, chẳng lìa Tam Bảo, rồi sau mới thuyết pháp.

Khi Duy Ma Cật thuyết pháp này, tám trăm cư sĩ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Con chẳng biện tài, nên không đáng đến thăm bệnh.



Phật bảo Đại Ca Diếp đến thăm bệnh. Ca Diếp bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Con chẳng xứng đáng đến thăm bệnh Duy Ma Cật. Tại sao? Con nhớ lại khi xưa, khất thực nơi xóm dân nghèo, lúc ấy Ngài đến bảo

con rằng:

“Này Ca Diếp! Có lòng từ bi mà tâm chẳng bình đẳng, bỏ giàu theo nghèo. Ca Diếp! Trụ pháp bình đẳng nên khất thực theo thứ tự, vì không ăn nên đi khất thực, vì hoại tướng hòa hợp nên bốc cơm ăn, vì chẳng lãnh thọ nên lãnh thọ đồ ăn, vì quán tưởng như hư không tự hợp nên vào nơi xóm làng dân tụ, thấy sắc đồng như mù, nghe tiếng đồng như điếc, ngửi mùi đồng như gió, nếm vị chẳng phân biệt, thân xúc như tâm trí chứng biết (vì trí chứng vô chứng, nên xúc đồng như không xúc), rõ các pháp như tướng huyền hóa, chẳng tự tánh, chẳng tha tánh, xưa vốn vô sanh, nay cũng vô diệt”.

“Ca Diếp! Nếu được chẳng bỏ tám tà mà nhập tám giải thoát, dùng tướng tà mà nhập chánh pháp, dùng một thức ăn để thí đủ cho tất cả, cho đến cúng dường chư Phật và chư Hiền Thánh, rồi sau mới có thể ăn. Người ăn như thế, chẳng có phiền não, chẳng lìa phiền não, chẳng nhập định, chẳng xuất định, chẳng trụ thế gian, chẳng trụ Niết Bàn, kẻ bố thí chẳng phước lớn phước nhỏ, chẳng thêm chẳng bớt, chẳng nương Thanh Văn, áy mới chính là nhập Phật đạo. Ca Diếp! Ăn như thế mới là không uống thức ăn của người bố thí vậy!”

Bạch Thế Tôn! Lúc con nghe lời này được pháp chưa từng có, nơi thâm tâm liền khởi cung kính tất

cả Bồ Tát, lại nghĩ rằng: “Người gán tên tại gia mà lại có biện tài trí huệ như thế, ai nghe mà chẳng phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Từ đó con chẳng còn dùng hạnh Thanh Văn, Duyên Giác để dạy người. Cho nên con không đáng đến thăm bệnh.



Phật bảo Tu Bồ Đề đến thăm bệnh. Tu Bồ Đề bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Con chẳng xứng đáng đến thăm bệnh Duy Ma Cật. Tại sao? Con nhớ lại khi xưa, vào nhà Ngài khất thực, Ngài lấy bát con đựng đầy cơm, bảo rằng:

“Này Tu Bồ Đề! Đối với sự ăn bình đẳng thì các pháp cũng bình đẳng, các pháp bình đẳng thì sự ăn cũng bình đẳng, khất thực như thế mới được lấy ăn. Vậy nếu Tu Bồ Đề chẳng đoạn dứt tham sân si, cũng chẳng cùng với tham sân si, chẳng hoại nơi thân mà tùy nhất tướng (Nhất tướng vô tướng), chẳng diệt si ái mà được giải thoát, dùng tướng ngũ nghịch mà được giải thoát, chẳng trói cũng chẳng mở, chẳng thấy Tứ Đế, phi chẳng thấy Tứ Đế, phi đắc quả, phi bất đắc quả, phi phàm phu, phi lìa phàm phu, phi bậc Thánh, phi chẳng bậc Thánh, dù thành tựu tất cả pháp mà lìa các pháp tướng,

mới được lấy ăn”.

“Nếu Tu Bồ Đề chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp, bọn lục sư (*sáu phái*) ngoại đạo là thầy của ông, vì họ xuất gia bị đọa, ông cũng đọa theo, mới được lấy ăn”.

## LƯỢC GIẢI

**Bọn lục sư ngoại đạo là thầy của ông, vì họ xuất gia bị đọa, ông cũng đọa theo:**

- Thầy có nhiều loại. Thầy Bổn Sư, thầy dạy đạo, thầy y chỉ nuôi cho ăn học, thầy dạy chữ nghĩa thế gian v.v... Chẳng phải chỉ có thầy Bổn Sư mới được gọi là thầy.
- Theo Trí Giả Đại Sư có ba loại ngoại đạo.

Thứ nhất là ngoại đạo chánh thức, tu hành thành tựu, được sanh cõi Trời chẳng bị đọa.

Thứ hai là ở nơi Phật pháp xuất gia mà hành theo pháp ngoại đạo, làm mê hoặc chúng sanh thì phải bị đọa.

Thứ ba là học Phật pháp thành ngoại đạo, vì hiểu lầm ý Phật, cho ý mình hiểu là đúng chánh pháp mà dùng để dạy người, cũng phải bị đọa như ngoại đạo thứ hai vậy.

Trong đạo Phật, thực tế có một số trường hợp Bổn Sư bị đọa mà đệ tử được kiến tánh, chẳng phải Bổn Sư bị đọa mà đệ tử bị đọa theo. Nguyên nhân bị đọa bởi vì hành tà pháp mà cho là chánh pháp, làm cho chúng sanh hiểu lầm nên mới phải bị đọa. Đây là lược giải theo “có nghĩa lý”. Nhưng đoạn này Ngài Duy Ma Cật cố ý nói ra những lời vô nghĩa lý, ấy chỉ là phương tiện dùng để phá những

kẻ chấp thật vẫn tự lời nói của chư Phật, chư Tổ mà thôi.  
 (Lược giải hết)

“Nếu Tu Bồ Đề tâm nhập tà kiến, chẳng đến bờ bên kia, trụ nơi tám nạn, chẳng ra khỏi nạn, lìa pháp thanh tịnh mà đắc vô tránh tam muội, tất cả chúng sanh cũng đắc tam muội ấy, kẻ bố thí ông chẳng gọi là phước điền, kẻ cúng dường ông phải đọa tam ác đạo. Ông cùng ma chúng bắt tay nhau làm bè bạn, ông cùng ma chúng với những trần lao đồng nhau chẳng khác, nơi tất cả chúng sanh có tâm oán ghét, báng Phật hủy pháp, chẳng nhập tăng chúng, cuối cùng chẳng thể diệt độ, ông nếu như thế mới được lấy ăn”.

Bạch Thế Tôn! Khi nghe lời dạy này, con cảm thấy ngơ ngác, chẳng hiểu Ngài nói gì, chẳng biết trả lời thế nào, liền để bát lại muốn ra khỏi nhà. Lúc ấy Ngài Duy Ma Cật bảo: “Này Tu Bồ Đề! Cứ lấy bát đi đừng sợ. Ý ông thế nào? Nếu đem việc này hỏi người huyền hóa của Như Lai làm ra, người ấy có sợ chẳng?”

Con đáp: Không ạ!

Ngài Duy Ma Cật nói:

“Tất cả các pháp, tướng như huyền hóa, nay ông cũng chẳng nên sợ. Tại sao? Tất cả ngôn thuyết đều chẳng lìa tướng huyền hóa. Cho nên người trí

chẳng dính mắc văn tự, nên chẳng có sợ. Tại sao? Vì tánh của văn tự tự lìa văn tự, chẳng chấp văn tự ấy là giải thoát, tướng giải thoát đó tức là các pháp vậy”.

Khi Duy Ma Cật thuyết pháp này, hai trăm Thiên tử đắc pháp nhẫn tịnh, vì thế nên con không đáng đến thăm bệnh.

### LƯỢC GIẢI

Kinh Kim Cang nói: “Nếu có ai nói Như Lai có thuyết pháp là phỉ báng Phật, vì pháp lìa văn tự”. Nhưng chúng sanh học Phật đều đuổi theo văn tự để tìm hiểu chân lý. Phật rất sợ chúng sanh nhận lầm như thế, kẹt vào lý chướng, nên vừa thuyết xong liền phá.

Đoạn Tu Bồ Đề thăm bệnh này là chuyên dùng những lời vô nghĩa lý để phá những người chấp thật vào văn tự lời nói trong kinh điển. Tu Bồ Đề chẳng phải không biết mà sợ, vì hợp tác với Duy Ma Cật nên thị hiện sợ, để cho Duy Ma Cật giảng rõ văn tự và lời nói là tướng huyền hóa. Chẳng chấp văn tự ấy là giải thoát, tướng giải thoát đó tức là các pháp vậy.

(Lược giải hết)

Phật bảo Phú Lâu Na đến thăm bệnh. Phú Lâu Na bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Con không xứng đáng đến thăm bệnh Duy Ma Cật. Tại sao? Con nhớ lại khi xưa, con ở dưới gốc cây trong rừng thuyết pháp cho các Tỳ kheo sơ học. Lúc ấy Ngài đến bảo con rằng:

“Này Phú Lâu Na! Trước nén nhập định để quán xét tâm địa của những người này rồi mới thuyết pháp, chớ đem thức ăn dơ để trong bửu bát, nén biết rõ tâm niệm của những Tỳ Kheo này, chớ xem lưu ly cho là thủy tinh. Ông chẳng biết cội nguồn của chúng sanh, chớ nên dùng pháp Tiểu Thừa dạy người. Họ vốn chẳng tì vết, chớ làm cho bị thương; họ muốn đi đường lớn, chớ chỉ lối nhỏ; chớ nên đem biển lớn để trong vũng chân trâu; chớ cho ánh sáng mặt trời bằng lửa đom đóm. Phú Lâu Na! Những Tỳ kheo này đã phát tâm Đại Thừa từ lâu, nay chỉ tạm quên, sao lại dùng pháp Tiểu Thừa dạy họ? Tôi xem trí huệ Tiểu Thừa cạn cợt như người mù, chẳng thể phân biệt căn tính lợi độn của chúng sanh”.

Lúc bấy giờ, Ngài liền nhập chánh định, khiến những vị Tỳ Kheo này tự biết túc mạng, những kiếp trước đã từng gieo trồng nhiều phước đức nơi năm trăm Đức Phật, hồi hướng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức thì hoát nhiên đắc lại bốn tâm. Các Tỳ Kheo đánh lẽ chân Ngài và Ngài nhân đó thuyết pháp, khiến tất cả chẳng còn thối lui nơi đạo Vô Thượng Bồ Đề. Con nghĩ hàng Thanh Văn chẳng quán được căn người thì không nên thuyết pháp, vì thế nên con không đáng đến thăm bệnh.



Phật bảo Ma Ha Ca Chiên Diên đến thăm bệnh. Ca Chiên Diên bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Con không xứng đáng đến thăm bệnh Duy Ma Cật. Tại sao? Con nhớ lại khi xưa, Phật vì các Tỳ Kheo lược thuyết pháp yếu, con liền theo nghĩa đó diễn rộng ra, nói rõ các nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt. Lúc bấy giờ Ngài đến bảo con rằng:

“Này Ca Chiên Diên! Chớ nên dùng tâm hạnh sinh diệt mà thuyết pháp thật tướng. Ca Chiên Diên! Các pháp vốn chẳng sanh chẳng diệt là nghĩa **Vô Thường** thấu đạt ngũ ấm tánh không, chẳng có chỗ khởi là nghĩa **Khổ**; các pháp cứu cánh chẳng thể có là nghĩa **Không**; ngã với vô ngã bất nhị là nghĩa **Vô Ngã**; pháp xưa vốn chẳng sanh, nay cũng chẳng diệt là nghĩa **Tịch Diệt**”.

Khi Ngài thuyết pháp này, các Tỳ kheo tâm được giải thoát, vì thế nên con không đáng đến thăm bệnh.



Phật bảo A Na Luật đến thăm bệnh. A Na Luật bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Con không xứng đáng đến thăm bệnh Duy Ma Cật. Tại sao? Nhớ lại khi xưa, con đi kinh hành một chỗ nọ, khi ấy có vị Phạm Vương tên là

Nghiêm Tịnh, cùng mười ngàn Phạm Thiên phóng ra ánh sáng trong sạch, đến chỗ con đánh lễ hỏi con rồng:

“Thiên nhãn của ông thấy được bao xa?”.

Con nói: Ta thấy tam thiên đại thiên thế giới của Phật Thích Ca như xem trái Am Ma La trong bàn tay. Lúc đó Duy Ma Cật đến bảo con rằng:

“Này A Na Luật! Thiên nhãn của ông thấy đó là có lập tướng thấy hay chẳng lập tướng thấy? Giả sử có lập tướng thấy thì đồng như ngũ thông của ngoại đạo, nếu chẳng lập tướng thấy tức là pháp vô vi, thì chẳng nên có sự thấy”.

Bạch Thế Tôn! Khi ấy con im lặng chẳng thể trả lời, các vị Phạm Thiên nghe Ngài nói lời này, được pháp chưa từng có, liền đánh lễ hỏi rằng:

“Thưa Ngài, trên đời có ai được chơn thiên nhãn chẳng?”.

Ngài nói: “Có Phật Thế Tôn được chơn thiên nhãn, thường ở chánh định, thấy suốt các cõi Phật chẳng có hai tướng”.

Do đó Nghiêm Tịnh Phạm Vương và quyến thuộc năm trăm Phạm Thiên đều phát tâm Vô Thương Chánh Đẳng Chánh Giác, đánh lễ chân Ngài rồi bỗng nhiên biến mất. Vì thế nên con không đáng đến thăm bệnh.



Phật bảo Uú Ba Ly đến thăm bệnh. Uú Ba Ly bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Con không xứng đáng đến thăm bệnh Duy Ma Cật. Tại sao? Con nhớ lại khi xưa, có hai vị Tỳ kheo phạm giới, lấy làm hổ thẹn không dám đến hỏi Phật mà đến hỏi con rằng:

“Đã thưa ông Uú Ba Ly! Chúng tôi phạm giới thật là hổ thẹn, chẳng dám hỏi Phật. Xin ông giải tỏa chỗ nghi hối cho chúng tôi được khỏi tội ấy”.

Con liền vì họ giải thuyết đúng như giới luật. Bấy giờ Duy Ma Cật đến bảo con rằng:

“Này Uú Ba Ly! Chớ kết thêm tội cho hai vị Tỳ kheo này, nên diệt trừ ngay tội ấy, chớ nhiễu loạn tâm họ. Tại sao? Vì tội tánh kia chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa. Theo lời Phật nói: Tâm cấu nên chúng sanh cấu, tâm tịnh nên chúng sanh tịnh, tâm cũng chẳng ở trong, ngoài và khoảng giữa. Nếu tâm như thế thì tội cũng như thế. Các pháp cũng vậy, chẳng ngoài nơi Như (như thật). Nếu khi tâm tướng của ông được giải thoát, thì còn tội cấu chẳng?”.

Con đáp: Không ạ!

Ngài nói: “Tâm tướng của tất cả chúng sanh cũng vô cấu như thế. Này Uú Ba Ly! Vọng tướng là

cáu, chẳng vọng tưởng là tịnh; diên đảo là cáu, chẳng diên đảo là tịnh; chấp ngã là cáu, chẳng chấp ngã là tịnh. Ưu Ba Ly! Tất cả pháp sanh diệt chẳng trụ, như huyền hóa, như điện chớp, các pháp chẳng đổi dãi, cho đến chẳng trụ một niệm nào. Các pháp như chiêm bao, như dương diệm, như trăng dưới nước, như tượng trong gương, do vọng tưởng sanh, đều là vọng kiến. Kẻ biết nghĩa này gọi là giữ giới, kẻ biết nghĩa này gọi là thấu hiểu giới luật". Lúc ấy hai vị Tỳ Kheo khen rằng:

"Ngài thật là bậc thượng trí! Ưu Ba Ly trì giới bậc nhất mà chẳng thể giải thuyết nên chẳng thể sánh bằng".

Con đáp rằng: "Trí huệ của Ngài sáng tỏ thông đạt như thế, ngoài Như Lai ra, chưa có bậc Thanh Văn và Bồ Tát nào sánh bằng biện tài của Ngài".

Khi ấy, hai vị Tỳ Kheo dứt hết nghi hối, phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và phát nguyện rằng: "Mong tất cả chúng sanh đều được biện tài như Duy Ma Cật". Vì thế, nên con không đáng đến thăm bệnh.



Phật bảo La Hầu La đến thăm bệnh. La Hầu La bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Con không xứng đáng đến thăm

bệnh Duy Ma Cật. Tại sao? Con nhớ lại khi xưa, các Trưởng giả ở thành Tỳ Da Ly đến chở con đánh lě hỏi rằng:

“Thưa ông La Hầu La! Ông là con của Phật, vì đạo bỏ ngôi vua mà xuất gia, việc xuất gia đó có những lợi ích gì?”.

Con liền nói đến sự lợi ích của việc xuất gia đúng như pháp. Lúc đó Duy Ma Cật đến bảo con rằng:

“Này La Hầu La! Ông chẳng nên nói lợi ích của công đức xuất gia. Tại sao? Vô lợi ích, vô công đức mới là xuất gia. Về pháp hữu vi, mới nói có lợi ích, có công đức. Việc xuất gia là pháp vô vi, trong pháp vô vi chẳng có lợi ích và công đức. La Hầu La! Việc xuất gia chẳng có bì thử đối đãi, cũng chẳng ở khoảng giữa, lìa sáu mươi hai kiến chấp, ở nơi Niết Bàn, là thọ dụng của người trí, là chở hành của bậc Thánh, hay hàng phục ma chúng, độ ngũ đạo, tịnh ngũ nhã, đắc ngũ lực, lập ngũ căn, chẳng làm phiền não người khác, lìa đủ thứ ác, dẹp các ngoại đạo, siêu việt giả danh, ra khỏi bùn lầy thế gian, chẳng bị dính mắc, vô ngã và ngã sở, vô sở lãnh thọ, tâm chẳng nhiễu loạn, ham hộ niệm chúng sanh, tùy thuận Thiền định, lìa những tội lỗi. Nếu được như thế mới là chơn xuất gia”.

Khi ấy, Duy Ma Cật bảo các trưởng giả rằng:

“Các ông nay ở trong chánh pháp, nên cùng nhau xuất gia. Tại sao? Vì đời Phật khó gặp”.

Các trưởng giả nói: “Thưa Cư sĩ! Chúng tôi nghe Phật dạy rằng: Nếu cha mẹ không cho phép thì không được xuất gia”.

Duy Ma Cật nói: “Phải. Vậy thì các ngươi phát tâm Vô Thượng Bồ Đề là xuất gia, tức cụ túc”.

Khi ấy, ba mươi hai vị Trưởng giả đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì thế nên con không đáng đến thăm bệnh.



Phật bảo A Nan đến thăm bệnh. A Nan bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Con không xứng đáng đến thăm bệnh Duy Ma Cật. Tại sao? Con nhớ lại khi xưa, Thế Tôn có bệnh cần dùng sữa bò. Con cầm bát đến trước nhà người Bà La Môn để xin sữa. Khi ấy Duy Ma Cật đến hỏi con rằng:

“Này A Nan! Làm gì mà cầm bát đến đứng đây sớm thế?”.

Con đáp: “Thưa Cư sĩ! Thế Tôn thân có chút bệnh, cần dùng sữa bò nên tôi mới đến đây”.

Ngài nói: “Thôi, thôi! A Nan! chớ nói như thế!

Thân Như Lai là thể Kim Cang, ác đã dứt sạch, thiện đã viên mãn, đâu còn bệnh nào, đâu còn khổ não. A Nan! Hãy im lặng về đi. Chớ phỉ báng Như Lai, chớ cho người khác nghe biết lời này, chớ cho chư Thiên và các Bồ Tát từ Tịnh độ phương khác đến nghe biết lời này. A Nan! Chuyển Luân Thánh Vương có chút ít phước còn chẳng bệnh tật, huống là Như Lai vô lượng phước tụ, thù thắng khắp nơi ư! A Nan! Chớ để cho chúng ta chịu sự sỉ nhục ấy. Ngoại đạo Phạm Chí nếu nghe được lời này sẽ nghĩ rằng: Sao gọi là Thầy, bệnh của mình không chữa nổi mà chữa được bệnh cho người khác ư? Nên lén đi mau, chớ để cho người nghe biết việc này. A Nan nên biết, Phật là Thế Tôn, siêu việt ba cõi. Thân Như Lai tức là pháp thân, chẳng phải thân sắc dục. Thân Phật là vô lậu, các lậu đã sạch, thân Phật vô vi, chẳng lọt vào số lượng, thân Phật như thế thì còn có bệnh gì?".

Bạch Thế Tôn! Lúc đó con thật quá hổ thẹn. Chẳng lẽ con gần Phật mà nghe lầm ư. Khi ấy con liền nghe trên hư không có tiếng rền:

"A Nan! Đúng như lời cư sĩ. Chỉ vì Phật ra đời nơi ngũ trước ác thế nên thị hiện pháp này để độ chúng sanh thôi. Nay A Nan cứ lấy sữa, chớ cho là hổ thẹn".

Bạch Thế Tôn! Ngài Duy Ma Cật trí huệ biện tài như thế ấy, cho nên con không đáng đến thăm bệnh.



Ngoài ra còn có năm trăm đại đệ tử, mỗi vị tuần tự đem bốn duyên của mình bạch Phật và thuật lại lời của Duy Ma Cật như thế, đều nói chẳng xứng đáng đến thăm bệnh Ngài.

### PHẨM BỒ TÁT THỨ TƯ

Bấy giờ Phật bảo Bồ Tát Di Lặc đến thăm bệnh. Bồ Tát Di Lặc bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Con không xứng đáng đến thăm bệnh Duy Ma Cật. Tại sao? Nhớ lại khi xưa, con vì Đâu Suất Thiên Vương và quyến thuộc họ, thuyết về hạnh của bậc Bất Thối Chuyển. Lúc ấy Duy Ma Cật đến bảo con rằng:

“Này Di Lặc! Thế Tôn thọ ký cho ông một đời sẽ được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vậy thì vào đời nào mà ông được thọ ký? Đời quá khứ hay đời vị lai? Hay đời hiện tại? Nếu là đời quá khứ thì quá khứ đã diệt, nếu là đời vị lai thì vị lai chưa đến, còn nếu nói hiện tại thì hiện tại vốn chẳng trụ”.

“Theo như lời Phật nói: Nay Tỳ kheo! Nay ngươi tức thì cũng sanh, cũng già, cũng diệt. Nếu ở nơi vô sanh được thọ ký thì vô sanh là chánh vị. Nơi chánh vị cũng chẳng thọ ký, cũng chẳng đắc Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao nói Di Lặc thọ nhất sanh ký? (*trong một đời được kế ngôi vị Phật.*) Là ở nơi sanh được thọ ký hay ở nơi diệt được thọ ký? Nếu ở nơi sanh được thọ ký thì chẳng có sanh, nếu ở nơi diệt được thọ ký thì chẳng có diệt, vì tất cả chúng sanh đều là **Như**, tất cả pháp cũng là **Như**, chúng Thánh Hiền cũng là **Như**, cho đến Di Lặc cũng là **Như**. Nếu Di Lặc được thọ ký thì tất cả chúng sanh cũng phải được thọ ký. Tại sao? Nói **Như** là như bản thể tự tánh, chẳng hai cũng chẳng khác. Nếu Di Lặc đắc Vô Thượng Bồ Đề thì tất cả chúng sanh cũng đều phải đắc. Tại sao? Vì tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ Đề. Nếu Di Lặc được diệt độ thì tất cả chúng sanh cũng phải được diệt độ. Tại sao? Chư Phật chứng biết tất cả chúng sanh tánh vốn tịch diệt, tức là tướng Niết Bàn, chẳng cần diệt nữa. Cho nên Di Lặc! Chớ dùng pháp này để khuyến dụ các thiên tử, thật ra chẳng có kẻ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng có kẻ thối lui”.

“Di Lặc! Nên khiến các Thiên tử xả bỏ kiến chấp phân biệt Bồ Đề. Tại sao? Bồ Đề chẳng thể dùng thân đắc, chẳng thể dùng tâm đắc. Kỳ thật,

tịch diệt túc là Bồ Đề, vì các tướng tịch diệt. Chẳng khởi quán túc là Bồ Đề, vì lìa các duyên. Chẳng sở hành túc là Bồ Đề, vì chẳng có sự ghi nhớ. Đoạn dứt tri kiến túc là Bồ Đề, vì xả bỏ các kiến chấp. Lìa tâm ý túc là Bồ Đề, vì lìa các vọng tưởng. Chướng duyên túc là Bồ Đề, vì chướng các nguyện mong cầu. Chẳng nhập túc là Bồ Đề, vì chẳng nhập tham dục. Tùy thuận túc là Bồ Đề, vì tùy thuận nơi **Như** (*như bản thể tự tánh*). An trụ túc là Bồ Đề, vì an trụ nơi pháp tánh. Đến nơi túc là Bồ Đề, vì đến nơi thật tế. Bất nhị túc là Bồ Đề, vì lìa ý thức phân biệt. Bình đẳng túc là Bồ Đề, vì bằng như hư không. Vô vi túc là Bồ Đề, vì pháp vốn chẳng sanh trụ dị diệt. Liễu tri túc là Bồ Đề, vì liễu tri tâm hạnh của chúng sanh. Chẳng hội túc là Bồ Đề, vì lục nhập chẳng hội. Chẳng hợp túc là Bồ Đề, vì lìa tập khí phiền não. Chẳng xứ sở túc là Bồ Đề, vì chẳng hình sắc. Giả danh túc là Bồ Đề, vì danh tự tánh không. Huyền hóa túc là Bồ Đề, vì chẳng có thủ xả. Tâm chẳng loạn túc là Bồ Đề, vì vốn tự vắng lặng. Tịch diệt túc là Bồ Đề, vì tánh vốn trong sạch. Chẳng chấp lấy túc là Bồ Đề, vì lìa phan duyên. Chẳng khác biệt túc là Bồ Đề, vì các pháp bình đẳng. Chẳng so sánh túc là Bồ Đề, vì chẳng thể thí dụ. Vi diệu túc là Bồ Đề, vì các pháp khó biết”.

Bạch Thế Tôn! Khi Duy Ma Cật thuyết pháp này, hai trăm thiên tử đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, nên con không xứng đáng đến thăm bệnh.



Phật bảo Quang Nghiêm Đồng Tử đến thăm bệnh. Quang Nghiêm Đồng Tử bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Con không xứng đáng đến thăm bệnh Duy Ma Cật. Tại sao? Nhớ lại khi xưa, con đi ra thành Tỳ Da Ly. Lúc ấy Ngài đang đi vào thành, con liền chào hỏi rằng: “Cư sĩ từ đâu đến đây?”

Ngài đáp: “Tôi từ đạo tràng đến”.

Con hỏi: “Đạo tràng là chỗ nào?”

Ngài đáp:

**“Trực tâm** là đạo tràng vì chẳng hư giả. **Khởi hạnh** là đạo tràng vì hay làm việc. **Thâm tâm** là đạo tràng vì tăng trưởng công đức. **Bồ Đề tâm** là đạo tràng vì chẳng sai lầm. **Bố thí** là đạo tràng vì chẳng mong quả báo. **Trí giới** là đạo tràng vì được mãn nguyện. **Nhẫn nhục** là đạo tràng vì đối với chúng sanh tâm chẳng chướng ngại. **Tinh tấn** là đạo tràng vì chẳng giải đãi. **Thiên định** là đạo tràng vì tâm điều hòa dịu dàng. **Trí huệ** là đạo tràng vì thấy ngay các pháp. **Tử** là đạo tràng vì chúng sanh bình đẳng. **Bi** là đạo tràng vì nhẫn chịu

sự khó nhọc. **Hỉ** là đạo tràng vì vui thích chánh pháp. **Xã** là đạo tràng vì đoạn dứt yêu ghét. **Thần thông** là đạo tràng vì thành tựu lục thông. **Giải thoát** là đạo tràng vì hay nghịch tà bỏ vọng. **Phương tiện** là đạo tràng vì giáo hóa chúng sanh. **Tứ nghiệp** là đạo tràng vì nghiệp những chúng sanh khó độ. **Đa văn** là đạo tràng vì hành đúng theo sở văn do Phật dạy. **Hàng phục tâm** là đạo tràng vì chánh quán các pháp. **Ba mươi bảy phẩm** là đạo tràng vì xả bỏ pháp hữu vi. **Tứ đế** là đạo tràng vì chẳng đổi lầm thế gian. **Duyên khởi** là đạo tràng vì thập nhị nhân duyên đều vô tận. **Phiền não** là đạo tràng vì chứng biết đúng như thật. **Chúng sanh** là đạo tràng vì chứng biết vốn vô ngã. **Tất cả pháp** là đạo tràng vì chứng biết pháp tánh vốn không. **Hàng ma** là đạo tràng vì chẳng bị lay động. **Tam giới** là đạo tràng vì chẳng có chỗ xu hướng. **Sư tử rống** là đạo tràng vì sức vô úy nên vô sở úy. **Pháp bất cộng** là đạo tràng vì chẳng có lỗi lầm. **Tam minh** là đạo tràng vì chẳng còn chướng ngại. **Một niệm biết tất cả pháp** là đạo tràng vì thành tựu Nhất Thiết Chủng Trí”.

“Như thế, Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát dùng các pháp Ba La Mật để giáo hóa chúng sanh thì tất cả việc làm, cho đến đưa tay, bước chân đều từ đạo tràng đến, trụ nơi Phật pháp vậy”.

Khi Duy Ma Cật thuyết pháp này, năm trăm vị thiên nhơn đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, nên con không xứng đáng đến thăm bệnh.



Phật bảo Trì Thế Bồ Tát đến thăm bệnh. Trì Thế Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Con không xứng đáng đến thăm bệnh Duy Ma Cật. Tại sao? Nhớ lại khi xưa, con ở nơi tịnh thất, có ma Ba Tuần dắt theo mười hai ngàn Thiên nữ, dạng như Đế Thích, trổi nhạc đàn ca đến nơi con ở, Ma và quyến thuộc đánh lỗ chân con, chấp tay cung kính đứng hầu một bên. Con tưởng là Đế Thích nên bảo họ rằng:

“Khéo đến Kiều Thi Ca! Dù đã có phước cũng chẳng nên buông lung. Phải quán ngũ dục vô thường để cầu cội lành. Dùng thân mạng tài sản để tu pháp kiên cố”.

Ma nói với con:

“Thưa Chánh Sĩ! Hãy nhận lấy mươi hai ngàn Thiên nữ này dùng để hầu hạ”.

Con bảo:

“Kiều Thi Ca! Chớ lấy vật phi pháp cho Sa Môn Thích Tử. Việc này chẳng thích hợp với tôi”.

Nói chưa dứt lời thì Duy Ma Cật đến bảo con

rằng:

“Đây là bọn ma đến khuấy nhiễu ông, chứ chẳng phải Đế Thích”.

Ngài lại bảo Ma rằng:

“Những Thiên nữ này hãy cho ta. Như ta mới đáng thọ lấy”.

Ma kinh sợ, nghĩ rằng: “Có lẽ Duy Ma Cật muốn báo hại ta”. Nên muốn tàng hình bỏ đi, mà chẳng thể được, cố hết thắn lực cũng không đi được. Lúc ấy trên hư không có tiếng rằng:

“Ba Tuần! Hãy đem các thiên nữ cho Ngài rồi mới đi được”.

Ma vì sợ hãi nên phải miễn cưỡng giao các thiên nữ cho Ngài. Bấy giờ, Ngài bảo các Thiên nữ rằng:

“Ma đã đem các ngươi cho ta rồi. Nay các ngươi đều phải phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”.

Tức thì liền tùy cơ thuyết pháp cho họ. Khiến cho họ phát ý đạo rồi nói tiếp:

“Các ngươi đã phát ý đạo, có pháp lạc để tự làm vui, chẳng nên ham thích ngũ dục nữa”.

Các Thiên nữ hỏi:

“Thế nào là pháp lạc ?”

Ngài đáp rằng:

“Lạc thường tin Phật, lạc muốn nghe Pháp, lạc cúng dường Tăng, lạc lìa ngũ dục, lạc quán ngũ ấm như oán tặc, lạc quán tứ đại như rắn độc, lạc quán lục nhập như hư không tụ, lạc hộ niệm ý đạo, lạc lợi ích chúng sanh, lạc cung kính Sư Trưởng, lạc rộng hành bố thí, lạc kiên trì giới cấm, lạc nhẫn nhục nhu hòa, lạc qui tập thiện căn, lạc thiền định chẳng loạn, lạc huệ tỏ cấu lìa, lạc mở rộng tâm Bồ Đề, lạc hàng phục ma chúng, lạc đoạn dứt phiền não, lạc nghiêm tịnh cõi Phật. Lạc thành tựu tướng tốt nên siêng tu các công đức, lạc trang nghiêm đạo tràng, lạc nghe pháp thâm diệu mà chẳng khiếp sợ, lạc ba cửa giải thoát, chẳng lạc pháp phi thời. Lạc thân cận bạn đồng tu, đối với những kẻ chẳng phải bạn tu mà tâm chẳng quái ngại. Lạc thân cận thiện tri thức mà giúp đỡ ác tri thức. Lạc nơi tâm trong sạch, lạc tu pháp vô lượng phẩm trợ đạo. Đây là pháp lạc của Bồ Tát”.

Lúc đó ma bảo các Thiên nữ rằng:

“Ta muốn cùng các ngươi trở về cung”.

Các Thiên nữ đáp:

“Ông đã đem chúng tôi cho cư sĩ này. Nay có pháp lạc chúng tôi rất thích, chẳng còn ham muốn ngũ dục nữa”.

Ma nói:

“Cư sĩ! Xin xả các thiên nữ này. Vì thí tất cả sở hữu cho người, mới là Bồ Tát”.

Duy Ma Cật nói:

“Ta đã xả rồi. Người cứ dắt đi, để cho tất cả chúng sanh được pháp nguyện thỏa mãn”.

Lúc ấy, các Thiên nữ hỏi Duy Ma Cật rằng:

“Chúng tôi ở cung ma phải làm thế nào?”

Ngài nói:

“Các chị. Có pháp môn gọi là Vô Tận Đǎng, các chị nên học. Vô Tận Đǎng ví như ngọn đèn mồi, dùng để đốt trăm ngàn ngọn đèn. Mọi chỗ tối đều sáng, ánh sáng ấy vô cùng tận”.

“Vậy cũng như thế, một vị Bồ Tát dẫn dắt trăm ngàn chúng sanh, khiến họ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Nơi ý đạo của họ sáng mãi vô tận, tùy theo pháp sở thuyết mà tự tăng thêm tất cả pháp lành. Ấy gọi là Vô Tận Đǎng vậy”.

“Các chị dù ở cung ma, hãy dùng pháp Vô Tận Đǎng này, khiến cho vô số Thiên tử, Thiên nữ đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đǎng Chánh Giác để đèn ơn Phật, cũng lợi ích cho tất cả chúng sanh”.

Bấy giờ các Thiên nữ cúi đầu đánh lễ dưới chân Duy Ma Cật, rồi theo Ma vương trở về cung. Bỗng

nhiên tất cả đều biến mất.

Bạch Thế Tôn! Ngài Duy Ma Cật có thần lực tự tại và trí huệ biện tài như thế, nên con không xứng đáng đến thăm bệnh.



Phật bảo trưởng giả Thiện Đức đến thăm bệnh. Trưởng giả Thiện Đức bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Con không xứng đáng đến thăm bệnh Duy Ma Cật. Tại sao? Nhớ lại khi xưa, con ở nhà phụ thân thiết lập hội đại thí bảy ngày, cúng dường tất cả Sa môn, Bà La Môn, ngoại đạo, kẻ nghèo khổ, hèn hạ, cô độc, cùng những kẻ ăn xin. Bấy giờ, Duy Ma Cật đến bảo con rằng:

“Này trưởng giả! Hội đại thí không nên thiết lập như ông vậy, nên làm hội pháp thí, đâu cần dùng tài thí”.

Con nói:

“Thưa Cư sĩ, thế nào là Hội pháp thí?”

Ngài đáp:

“Hội pháp thí chẳng có trước sau, trong nhất thời cúng dường tất cả chúng sanh, ấy gọi là hội pháp thí”.

Con hỏi: “Là thế nào?”

Ngài đáp: “Ấy là vì **Bồ Đề** mà khởi từ tâm, vì cứu chúng sanh khởi đại bi tâm, vì hoằng chánh pháp mà khởi hỷ tâm, vì nghiệp trí huệ hành nơi xả tâm. Vì nghiệp bốn xả khởi hạnh **Bố thí**, vì độ phạm giới khởi hạnh **Trí giới**, vì pháp vô ngã khởi hạnh **Nhẫn nhục**, vì lìa tướng thân tâm khởi hạnh **Tinh tấn**, vì tướng Bồ Đề khởi hạnh **Thiền định**, vì nhất thiết trí khởi hạnh **Bát Nhã**, ấy là sáu **Ba La Mật**. Thường giáo hóa chúng sanh mà khởi nơi tâm không chẳng bỏ pháp hữu vi mà khởi nơi vô tướng, thị hiện thọ sanh mà khởi nơi vô tác, hộ trì chánh pháp mà khởi phương tiện lực. Vì độ chúng sanh khởi pháp tứ nghiệp, vì cung kính tất cả mà hành pháp trừ ngã mạn, nơi thân mạng, tài, mà khởi ba pháp kiên cố, ở trong lục niệm khởi pháp tướng niệm (*lục niệm: Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thiền*), nơi lục hòa kính khởi tâm ngay thẳng, thực hành pháp lành khởi nơi tịnh mạng, tâm tịnh hoan hỷ khởi thân cận Hiền Thánh, chẳng ghét người ác khởi tâm điều phục, vì pháp xuất gia khởi nơi thâm tâm, vì hành thuyết như một khởi nơi đa văn, vì pháp vô tranh khởi nơi u nhàn. Hướng thẳng Phật huệ khởi nơi tịnh tọa, mở trói cho chúng sanh khởi hạnh tu hành, đầy đủ tướng tốt và thanh tịnh cõi Phật mà làm việc phước đức, thấu biết tất cả tâm niệm chúng sanh, ứng cơ thuyết pháp mà khởi nơi

trí nghiệp, biết tất cả các pháp, chẳng lấy chẳng bỏ, vào cửa Nhất tướng mà khởi nơi huệ nghiệp, dứt tất cả phiền não chướng ngại và pháp bất thiện mà khởi tất cả thiện nghiệp, vì đắc tất cả trí huệ pháp lành mà khởi tất cả pháp trợ đạo. Như thế, Thiện nam tử! Ấy là Hội pháp thí, nếu Bồ Tát trụ hội này, làm đại thí chủ, tức là phước diền của tất cả thế gian”.

Bạch Thế Tôn! Lúc Duy Ma Cật thuyết pháp này, có hai trăm người trong chúng Bà La Môn đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Khi ấy tâm con trong sạch, được pháp chưa từng có, dánh lẽ dưới chân Ngài, con liền đem chuỗi anh lạc quý báu dâng lên, Ngài chẳng chịu nhận lấy.

Con thưa: “Cư sĩ! Xin hãy nạp thọ để tùy ý cho người”.

Ngài mới chịu nhận và chia làm hai phần. Một phần thí cho người ăn xin hạ tiện nhất trong hội này, một phần cúng dường Nan Thắng Như Lai. Tất cả chúng trong hội đều thấy Nan Thắng Như Lai trong cõi Phật Quang Minh và thấy chuỗi anh lạc biến thành bửu đài bốn trụ ở trên Đức Phật, bốn phía trang nghiêm chẳng ngăn ngại nhau.

Khi Duy Ma Cật thị hiện thần biến xong, lại nói tiếp rằng:

“Nếu thí chủ dùng tâm bình đẳng thí cho người ăn xin hạ tiện nhất, bằng như tướng phước điền của Như Lai chẳng có phân biệt, đại bi bình đẳng, chẳng cầu quả báo, ấy gọi là pháp thí viên mãn”.

Người ăn xin hạ tiện nhất trong thành nghe lời nói này và thấy thần lực đó, liền phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì thế nên con không xứng đáng đến thăm bệnh.



Ngoài ra còn có các Bồ Tát khác, mỗi vị tuần tự đem bốn duyên của mình bạch Phật và thuật lại lời của Duy Ma Cật như thế, tất cả đều nói chẳng xứng đáng đến thăm bệnh Ngài.

## **PHẨM VĂN THÙ SƯ LỢI THĂM BỆNH THỨ NĂM**

Bấy giờ Phật bảo Văn Thủ Sư Lợi đến thăm bệnh, Văn Thủ bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Bậc Thượng Nhơn kia khó bề đối đáp, vì Ngài thấu đạt thật tướng, khéo thuyết pháp yếu, trí huệ biện tài vô ngại, biết hết tất cả lối tu của Bồ Tát, thâm nhập bí tạng của chư Phật, du hí thần thông, hàng phục ma chúng, trí huệ phương tiện đều đã viên mãn. Tuy thế, con xin vâng thánh chỉ đến thăm bệnh Ngài.

Lúc ấy các Bồ Tát, Đại đệ tử và Thích Phạm Tứ Thiên Vương trong chúng đều nghĩ rằng:

“Nay hai đại sĩ Văn Thủ và Duy Ma Cật gặp nhau,ắt sẽ thuyết diệu pháp”.

Tức thì tám ngàn vị Bồ Tát, năm trăm Thanh Văn và trăm ngàn trời người đều muốn đi theo.

Bấy giờ, Văn Thủ cùng các vị Bồ Tát đại đệ tử và trời người cung kính cùng nhau vào thành Tỳ Da Ly.

Lúc ấy Duy Ma Cật biết Văn Thủ cùng đại chúng đến, liền dùng thần lực dời đi tất cả đồ đạc và thị giả, trong phòng rỗng không, chỉ còn một giường để nằm bệnh. Văn Thủ vừa bước vào nhà thì Duy Ma Cật liền nói:

- Khéo đến Văn Thủ! Tướng chẳng đến mà đến, tướng chẳng thấy mà thấy.

Văn Thủ nói:

- Đúng thế, cư sĩ! Nếu đến rồi thì chẳng đến nữa, nếu đi rồi thì chẳng đi nữa. Tại sao? Nói đến thì chẳng từ đâu đến, nói đi thì chẳng đi về đâu, chỗ được thấy chẳng còn thấy nữa. Hãy tạm bỏ qua việc này, nay bệnh của cư sĩ dễ chịu không? Điều trị có bớt mà chẳng thêm không? Thế Tôn gởi lời ân cần vô lượng để hỏi thăm cư sĩ. Bệnh do đâu mà khởi? Đã bao lâu rồi? Làm sao mới khỏi được?

Duy Ma Cật nói:

- Từ **Si** có **Ái** thì bệnh **Ngã** sanh. Vì tất cả chúng sanh bệnh nên tôi bệnh, nếu tất cả chúng sanh chẳng bệnh thì tôi khỏi bệnh. Tại sao? Bồ Tát vì độ chúng sanh nên vào sanh tử, có sanh tử thì có bệnh. Nếu chúng sanh được lìa bệnh thì Bồ Tát chẳng còn bệnh. Ví như Trưởng giả chỉ có một đứa con, con bệnh thì cha mẹ cũng bệnh, nếu con lành bệnh thì cha mẹ cũng lành. Bồ Tát cũng như thế, đối với chúng sanh thương mến như con ruột, nếu chúng sanh bệnh thì Bồ Tát bệnh, chúng sanh lành bệnh thì Bồ Tát cũng lành. Còn nói về bệnh này do đâu mà khởi, bệnh của Bồ Tát do Đại Bi khởi.

Văn Thủ hỏi:

- Phòng của cư sĩ sao rỗng không chẳng có thị giả?

Duy Ma Cật nói:

- Các cõi Phật đều rỗng không.
- Lấy gì làm **Không**?
- Lấy **Không** làm không.
- **Không** đâu cần không?
- Vì chẳng phân biệt nơi **Không** nên không.
- Không có thể phân biệt ư?
- Phân biệt cũng **Không**.

- Cái **Không** ấy nên cầu ở nơi nào?
- Nên cầu nơi sáu mươi hai kiến chấp.
- Sáu mươi hai kiến chấp nên cầu ở nơi nào?
- Nên cầu nơi giải thoát của chư **Phật**.
- Giải thoát của chư Phật nên cầu ở nơi nào?
- Nên cầu nơi tâm hạnh của chúng sanh. Về câu hỏi: Sao chẳng có thị giả? Tất cả ma chúng và ngoại đạo đều là thị giả của tôi. Tại sao? Bởi ma ham sự sanh tử, Bồ Tát ở nơi sanh tử mà chẳng bỏ; Ngoại đạo ham sự tri kiến, Bồ Tát ở nơi tri kiến mà chẳng động.

Văn Thủ lại hỏi:

- Tướng bệnh của cư sĩ như thế nào?

Duy Ma Cật đáp:

- Bệnh tôi vô hình chẳng thể trông thấy.
- Bệnh này hợp với thân hay hợp với tâm?
- Chẳng hợp với thân vì vốn lìa tướng thân; cũng chẳng hợp với tâm vì tâm như huyền hóa.

- Trong tứ đại thì đại nào là bệnh?

- Bệnh này chẳng phải địa đại, cũng chẳng lìa địa đại. Thủy, hỏa, phong đại đều cũng như thế. Nhưng vì bệnh chúng sanh từ tứ đại khởi, vì họ có bệnh nên tôi bệnh vậy.

Bấy giờ Văn Thủ hỏi Duy Ma Cật rằng:

- Bồ Tát làm sao an ủi vị Bồ Tát có bệnh?

Duy Ma Cật nói:

- Nói thân vô thường, chẳng nói nhảm chán nơi thân. Nói thân có khổ, chẳng nói ưa thích Niết Bàn. Nói thân vô ngã mà thuyết pháp giáo hóa chúng sanh. Nói thân không tịch, chẳng nói tịch diệt rốt ráo. Nói hối cải tội trước mà chẳng nói vào thời quá khứ, vì bệnh của mình mà thương xót bệnh của người. Phải biết đau khổ từ vô số kiếp trước. Tưởng niệm lợi ích tất cả chúng sanh nên nhớ việc tu phước, tưởng niệm nơi tịnh mạng nên chẳng sanh phiền não. Thường khởi hạnh tinh tấn, nguyện làm y vương để điều trị bệnh chúng sanh. Bồ Tát nên an ủi vị Bồ Tát có bệnh như thế để cho họ hoan hỷ.

Văn Thủ hỏi:

- Cư sĩ ! Vì Bồ Tát có bệnh phải tự điều phục tâm như thế nào?

Duy Ma Cật đáp:

- Vì Bồ Tát có bệnh nên nghĩ rằng: “Bệnh tôi đều do các phiền não, vọng tưởng điên đảo từ kiếp trước mà sanh. Pháp vốn chẳng thật, thì ai là kẻ thọ bệnh. Tại sao? Vì tứ đại hòa hợp giả danh là thân. Tứ đại không có chủ, thân cũng vô ngã. Lại nữa, bệnh này sanh khởi đều do chấp ngã, vì thế ở

nơi ngã chẳng nên chấp trước. Đã biết gốc bệnh, liền trừ ngã tưởng và chúng sanh tưởng, phải khởi pháp tưởng". Bồ Tát nên nghĩ rằng "Thân này do các pháp hòa hợp mà thành, khởi chỉ là pháp khởi, diệt chỉ là pháp diệt". Dù nói các pháp hòa hợp mà mỗi mỗi pháp đều chẳng biết nhau. Lúc khởi chẳng nói ta khởi. Lúc diệt chẳng nói ta diệt. Bồ Tát muốn diệt pháp tưởng nên nghĩ rằng: "Pháp tưởng này cũng là điên đảo. Điên đảo tức là bệnh lớn, ta nên lìa nó".

Thế nào là lìa? Lìa ngã và ngã sở. Thế nào là lìa ngã và ngã sở? Áy là lìa nhị pháp. Thế nào là lìa nhị pháp? Chẳng nghĩ các pháp trong và ngoài, hành nơi bình đẳng. Thế nào là hành nơi bình đẳng? Là ngã với Niết Bàn bình đẳng. Tại sao? Vì ngã với Niết Bàn cả hai đều không. Sao nói là không? Vì chỉ có danh tự nên không. Hai pháp như thế nên pháp tánh vốn chẳng có nhất định. Được sự bình đẳng đó thì chẳng còn bệnh khác, chỉ còn bệnh chấp không, cho đến không bệnh cũng không. Vì Bồ Tát có bệnh dùng tâm vô sở thọ mà thọ sự thọ. Khi Phật pháp chưa viên mãn cũng chẳng diệt thọ mà thủ chứng. Vì thân có khổ nên nghĩ đến chúng sanh trong ác thú mà khởi tâm đại bi. "Tâm ta đã điều phục thì cũng nên điều phục tâm của tất cả chúng sanh. Nhưng trừ bệnh họ mà chẳng trừ

pháp họ, vì dứt trừ gốc bệnh mà giáo hóa họ”.

Thế nào là gốc bệnh? Vì có phan duyên, từ chỗ phan duyên mới thành gốc bệnh. Phan duyên nơi nào? Phan duyên tam giới. Làm sao đoạn dứt? Dùng tâm vô sở đắc. Nếu tâm vô sở đắc thì chẳng có phan duyên. Thế nào là vô sở đắc? Là lìa nhị kiến. Thế nào là lìa nhị kiến? Phàm tất cả nhị biên đối đãi như nội kiến, ngoại kiến v.v... đều gọi là nhị kiến, nên nói lìa nhị kiến tức là vô sở đắc vậy.

### LƯỢC GIẢI

Nhị kiến và nhị biên. Vì tự tánh bình đẳng bất nhị. Không những nội kiến, ngoại kiến gọi là nhị, mà tất cả các năng sở đối đãi như sanh diệt, đoạn thường, cho đến sở đắc, vô sở đắc, v.v... đều là nhị kiến. Hai chữ nhị biên cũng đồng nghĩa như thế.

(Lược giải hết)

Văn Thù! Ấy là cách điều phục tâm của Bồ Tát có bệnh. Bồ Đề của Bồ Tát là đoạn dứt các khổ **lão, bệnh, tử**. Nếu chẳng như thế thì sự tu hành của mình không được trí huệ thiện lợi, ví như người chiến thắng kẻ oán tặc mới được gọi là người dũng cảm. Cũng thế, kẻ trừ được lão, bệnh, tử mới được gọi là Bồ Tát vậy.

Vì Bồ Tát có bệnh kia nên nghĩ rằng: “Như bệnh của ta đây phi chơn phi hữu và bệnh của chúng sanh cũng phi chơn phi hữu”. Lúc quán như thế, đối với chúng sanh nếu có khởi lòng đại bi ái

kiến thì phải dẹp bỏ ngay. Tại sao? Bồ Tát vì dứt trừ khát trân phiền não mà khởi đại bi, đại bi đó chẳng có ái kiến. Nếu đại bi có ái kiến thì nơi sanh tử có tâm nhảm chán. Nếu lìa bỏ được ái kiến thì chẳng có nhảm chán, dù sanh nơi nào cũng chẳng bị ái kiến trói buộc. Chỗ sanh chẳng bị trói buộc mới có thể thuyết pháp mở trói cho chúng sanh. Như lời Phật thuyết: **Nếu tự mình bị trói mà mở trói được cho người thì chẳng có chỗ đúng.** Nếu **tự mình chẳng bị trói, thì mới có thể mở trói cho người.** Vì thế Bồ Tát chẳng nên có sự trói buộc.

Thế nào là trói? Thế nào là mở? Tham đắm thiền vị là trói buộc của Bồ Tát. Chẳng chấp thiền vị là phương tiện mở trói của Bồ Tát.

Lại nữa, phương tiện và trí huệ chẳng thể lìa nhau. Có trí huệ mà chẳng có phương tiện thì bị trí huệ trói buộc. Nếu có phương tiện thì trí huệ được mở trói. Có phương tiện mà chẳng có trí huệ thì bị phương tiện trói buộc. Nếu có trí huệ thì phương tiện được mở trói.

Thế nào là chẳng có phương tiện thì bị trí huệ trói buộc? Bồ Tát dùng tâm ái kiến trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sanh, ở trong pháp **không, vô tướng, vô tác** mà tự điều phục. Ấy gọi là chẳng có phương tiện thì bị trí huệ trói buộc.

Thế nào là có phương tiện thì trí huệ được mở trói? Nghĩa là chẳng dùng tâm ái kiến trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sanh, ở trong pháp **không, vô tướng, vô tác** tự điều phục mà chẳng nhảm chán. Ấy là có phương tiện thì trí huệ được mở trói.

Thế nào là chẳng có trí huệ thì bị phương tiện trói buộc? Bồ Tát trụ nơi các phiền não như: tham, sân, si, tà kiến, v.v... mà gieo trồng cội lành. Ấy gọi là chẳng có trí huệ thì bị phương tiện trói buộc.

Thế nào là có trí huệ thì phương tiện được mở trói? Nghĩa là lìa các phiền não như: tham, sân, si, tà kiến, v.v... mà gieo trồng cội lành và hồi hướng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ấy gọi là có trí huệ thì phương tiện được mở trói.

Văn Thù! Bồ Tát có bệnh kia nên quán các pháp như thế và quán thân vô thường, là khổ, là không, là phi ngã, ấy gọi là trí huệ. Thân dù có bệnh mà thường ở trong sinh tử lợi ích chúng sanh, chẳng nhảm chán, ấy gọi là phương tiện.

Lại nữa, hễ quán thân thì thân chẳng lìa bệnh, bệnh chẳng lìa thân. Bệnh ấy thân ấy chẳng mới chẳng cũ, ấy gọi là trí huệ. Thân dù có bệnh mà chẳng diệt hẳn gọi là phương tiện.

Văn Thù! Bồ Tát có bệnh nên điều phục tự tâm

như thế mà chẳng trụ trong đó, cũng không trụ nơi chẳng điều phục tâm. Tại sao? Nếu trụ nơi chẳng điều phục tâm là pháp phàm phu. Nếu trụ nơi điều phục tâm là pháp Thanh Văn. Vì thế Bồ Tát chẳng nên trụ nơi điều phục và chẳng điều phục. Lìa hai pháp này là hạnh Bồ Tát.

Ở nơi sanh tử chẳng hành việc ô nhiễm, trụ nơi Niết Bàn mà chẳng diệt độ hẳn là hạnh Bồ Tát. Phi hạnh phàm phu, phi hạnh Hiền Thánh là hạnh Bồ Tát; phi hạnh cẩu, phi hạnh tịnh là hạnh Bồ Tát. Dù siêu việt hạnh ma mà thị hiện việc hàng phục bọn ma là hạnh Bồ Tát, cầu nhất thiết trí mà chẳng có sự cầu phi thời là hạnh Bồ Tát. Dù quán các pháp chẳng sanh mà chẳng nhập chánh vị là hạnh Bồ Tát. Dù quán thập nhị duyên khởi mà nhập các tà kiến là hạnh Bồ Tát. Dù nghiệp độ tất cả chúng sanh mà chẳng khởi lòng yêu mến là hạnh Bồ Tát. Dù ưa xa lìa tất cả mà không hướng theo sự dứt hết thân tâm là hạnh Bồ Tát. Dù hành nơi Tam Giới mà chẳng hoại pháp tánh là hạnh Bồ Tát. Dù hành nơi tánh không mà gieo trồng nhiều cội lành là hạnh Bồ Tát. Dù hành nơi vô tướng mà độ chúng sanh là hạnh Bồ Tát. Dù hành nơi vô tác mà thị hiện thọ thân là hạnh Bồ Tát. Dù hành nơi vô khởi mà khởi tất cả thiện hạnh là hạnh Bồ Tát. Dù hành sáu Ba La Mật mà biết khắp các tâm

pháp, tâm số của chúng sanh là hạnh Bồ Tát. Dù hành lục thông mà chẳng dứt tập lậu (*tập khí phiền não*) là hạnh Bồ Tát. Dù hành từ vô lượng tâm mà chẳng tham đắm sanh cõi Phạm Thiên là hạnh Bồ Tát. Dù hành Thiên định, giải thoát, tam muội mà chẳng theo Thiên định thọ sanh là hạnh Bồ Tát. Dù hành Tứ niệm xứ mà chẳng lìa hẳn thọ dụng của thân tâm là hạnh Bồ Tát. Dù hành tứ chánh cần mà chẳng xả thân tâm tinh tấn của Đại thừa là hạnh Bồ Tát. Dù hành Tứ như ý túc mà đắc thân thông tự tại của Đại thừa là hạnh Bồ Tát. Dù hành Ngũ căn mà hay phân biệt căn cơ lợi độn của chúng sanh là hạnh Bồ Tát. Dù hành Ngũ lực mà ưa cầu thập lực của Phật là hạnh Bồ Tát. Dù hành Thất giác chi mà hay phân biệt trí huệ của Phật là hạnh Bồ Tát. Dù hành Bát Chánh Đạo mà ưa tu vô lượng Phật đạo là hạnh Bồ Tát. Dù hành pháp trợ đạo của chỉ quán mà cuối cùng chẳng đọa nơi tịch diệt là hạnh Bồ Tát. Dù hành các pháp chẳng sanh chẳng diệt mà dùng tướng tốt để trang nghiêm thân mình là hạnh Bồ Tát. Dù thị hiện oai nghi của Thanh Văn Duyên Giác mà chẳng xả Phật pháp Đại thừa là hạnh Bồ Tát. Dù theo tướng tịnh rốt ráo của các pháp mà tùy cơ ứng hiện thân hình là hạnh Bồ Tát. Dù quán các cõi Phật tịch diệt như hư không mà thị hiện mỗi mỗi trong sạch của cõi

Phật là hạnh Bồ Tát. Dù chứng đắc quả Phật, chuyển pháp luân, nhập Niết Bàn mà chẳng bỏ đạo Bồ Tát là hạnh Bồ Tát vậy.

Lúc Duy Ma Cật nói những lời ấy rồi, cả đại chúng đi theo Ngài Văn Thù, trong đó có tám ngàn Thiên tử đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

### **PHẨM BẤT TƯ NGHÌ THỨ SÁU**

Bấy giờ Xá Lợi Phất thấy trong phòng chảng có giường ngồi mà nghĩ rằng:

“Các Bồ Tát và chúng đại đệ tử sẽ ngồi đâu?”.

Duy Ma Cật biết ý liền nói với Xá Lợi Phất rằng:

- Thế nào, Nhơn giả vì pháp đến hay vì giường ngồi mà đến.

Xá lợi Phất đáp:

- Tôi vì pháp đến chớ chẳng vì giường ngồi.

Duy Ma Cật nói:

- Xá Lợi Phất! Kẻ cầu pháp thân mạng còn chẳng tiếc, huống là giường ngồi. Kẻ cầu pháp chẳng cầu nơi Ngũ uẩn, Lục nhập, Thập bát giới, cũng chẳng cầu nơi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Xá Lợi Phất! Kẻ cầu pháp chẳng chấp cầu Phật, cầu

Pháp, cầu Tăng. Kẻ cầu pháp chẳng cầu nơi khổ, tập, diệt, đạo. Tại sao? Pháp chẳng hý luận, nếu ta nói thấy khổ phải đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, ấy là hý luận, chẳng phải cầu pháp.

Xá Lợi Phất! Pháp gọi là Tịch Diệt, nếu hành nơi sanh diệt là cầu sanh diệt, chẳng phải cầu pháp. Pháp gọi là Vô Nhiễm, nếu nhiễm nơi pháp cho đến Niết Bàn, ấy là nhiễm đắm, chẳng phải cầu pháp. Pháp chẳng chỗ hành, nếu hành nơi pháp, ấy là chỗ hành, chẳng phải cầu pháp. Pháp chẳng thủ xả, nếu thủ xả pháp, ấy là thủ xả, chẳng phải cầu pháp. Pháp chẳng xứ sở, nếu chấp xứ sở, ấy là chấp xứ sở, chẳng phải cầu pháp. Pháp gọi Vô Tướng, nếu nhận biết theo tướng, ấy là cầu tướng, chẳng phải cầu pháp. Pháp chẳng thể trụ, nếu trụ nơi pháp, ấy là trụ pháp, chẳng phải cầu pháp. Pháp chẳng thể Kiến Văn Giác Tri, nếu hành Kiến Văn Giác Tri, ấy là Kiến Văn Giác Tri, chẳng phải cầu pháp. Pháp gọi Vô Vi, nếu hành hữu vi, là cầu hữu vi chẳng phải cầu pháp. Như thế, Xá Lợi Phất! Kẻ cầu pháp, đối với tất cả pháp nên Vô sở cầu.

Khi Ngài nói lời ấy rồi, năm trăm Thiên tử nơi các pháp được Pháp Nhãm Tịnh.

Bấy giờ, Duy Ma Cật hỏi Văn Thủ rằng:

- Nhơn giả đã dạo qua vô lượng muôn ngàn ức A

Tăng Kỳ cõi Phật, thấy cõi nào có tòa sư tử được thành tựu công đức vi diệu nhất?

Văn Thù nói:

- Cư sĩ! Bên phương Đông cách đây ba mươi sáu hằng sa quốc độ, có thế giới gọi là Tu Di Tướng, hiện nay có Phật hiệu là Tu Di Đăng Vương. Thân Phật ấy cao tám mươi bốn ngàn do tuần, tòa sư tử cũng cao như thế, trang nghiêm hạng nhất.

Duy Ma Cật nghe xong liền hiện thần thông. Tức thì Đức Phật ấy điều khiển ba mươi hai ngàn tòa sư tử cao rộng trang nghiêm, đến trong phòng Duy Ma Cật. Các Bồ Tát, đại đệ tử và Thích Phạm Tứ Thiên Vương, v.v... đều thấy việc xưa nay chưa từng thấy. Phòng nhỏ này dung nạp ba mươi hai ngàn tòa sư tử cao rộng như thế, mà chẳng thấy ngăn ngại, nơi thành Tỳ Da Ly, cho đến cõi Ta Bà, bốn thiên hạ cũng chẳng thấy chật hẹp, tất cả trạng thái đều y như cũ.

Khi ấy Duy Ma Cật mời Văn Thù và các Bồ Tát thượng nhơn an tọa. Những Bồ Tát đắc thần thông liền biến hình cao bằng tòa sư tử rồi lên ngồi. Nhưng các sơ tâm Bồ Tát và đại đệ tử vì chưa được thần thông tự tại, đều chẳng thể lên ngồi.

Kế đó, Duy Ma Cật mời Xá Lợi Phất an tọa. Xá Lợi Phất nói:

- Thưa Cư sĩ! Tòa này cao rộng quá, tôi chẳng thể lên được.

Duy Ma Cật nói:

- Xá Lợi Phất! Hãy đánh lẽ Tu Di Đǎng Vương Như Lai thì mới ngồi được.

Nghe vậy, các sơ tâm Bồ Tát và Đại đệ tử đều đánh lẽ Tu Di Đǎng Vương Như Lai, liền ngồi được trên tòa sư tử.

Xá Lợi Phất nói:

- Thưa Cư sĩ! Thật chưa từng có! Phòng nhỏ này dung nạp các tòa cao rộng như thế, mà nơi thành Tỳ Da Ly chẳng thấy ngăn ngại, các thôn quê, thành phố, trong cõi Ta Bà và cung điện của chư Thiên, Long Vương, quỷ thần nơi tứ thiền hạ cũng chẳng thấy chật hẹp.

Duy Ma Cật nói:

- Xá Lợi Phất! Chư Phật Bồ Tát có pháp môn giải thoát gọi là Bất Khả Tư Nghì. Nếu Bồ Tát trụ pháp giải thoát đó, đem núi Tu Di cao rộng để trong hạt cải mà chẳng thêm bớt, tướng núi Tu Di chúa vẫn y như cũ. Tứ Thiên Vương và Đao Lợi chư Thiên cũng chẳng hay biết mình đã vào đó, chỉ có người đáng độ mới thấy núi Tu Di vào trong hạt cải thôi, ấy gọi là pháp môn **Giải Thoát Bất Khả Tư Nghì**.

Lại nữa, Bồ Tát đem nước của bốn biển lớn để vào một lỗ chân lông, mà các loài thủy tộc như: cá, rùa, tôm, cua, v.v... chẳng bị khuấy động, tánh biển vẫn y như cũ. Các loài rồng, quỷ thần, A Tu La, v.v... cũng chẳng hay biết mình đã vào đó, đối với những chúng sanh ấy cũng chẳng bị khuấy động.

Xá Lợi Phất! Bồ Tát trụ nơi Giải Thoát Bất Khả Tư Nghì, rút lấy đại thiên thế giới, như lấy đồ gốm để trong bàn tay phải, quăng ra ngoài hằng sa thế giới, rồi đem trở lại chỗ cũ, mà chúng sanh ở trong đó chẳng hay biết mình bị di chuyển qua lại từ xa, tướng thế giới này cũng vẫn y như cũ.

Xá Lợi Phất! Hoặc có chúng sanh đáng độ, mà ham trụ lâu nơi thế gian, thì Bồ Tát biến hiện bảy ngày dài như một kiếp, khiến chúng sanh kia tưởng là một kiếp. Hoặc có chúng sanh đáng độ mà chẳng ham trụ lâu thì Bồ Tát rút một kiếp lại thành bảy ngày, khiến chúng sanh ấy tưởng là bảy ngày.

Xá Lợi Phất! Bồ Tát trụ nơi Giải Thoát Bất Khả Tư Nghì, đem sự nghiệp trang nghiêm của tất cả cõi Phật gom trong một quốc độ để thị hiện cho chúng sanh biết. Lại nữa, Bồ Tát ấy đem chúng sanh trong tất cả cõi Phật, để trên bàn tay phải bay khắp mười phương thế giới, bày ra cho ai cũng thấy mà chỗ ở vẫn như cũ, chẳng bị lay động.

Xá Lợi Phất! Những đồ cúng dường chư Phật

của mười phương chúng sanh, Bồ Tát khiến đều hiện nơi một lỗ chân lông cho ai cũng được nhìn thấy, khiến tất cả nhật Nguyệt tinh tú trong cõi mười phương cùng hiện nơi một lỗ chân lông cho tất cả đều thấy.

Xá Lợi Phất! Tất cả khắp mười phương thế giới, Bồ Tát hút vào trong miệng mà thân hình chẳng thêm bớt, cây cối cũng chẳng gãy ngã. Khi kiếp hỏa cháy tan cõi mười phương, Bồ Tát đem kiếp hỏa ấy để trong bụng, hỏa đang cháy mà bụng chẳng bị thương tổn. Bồ Tát từ hằng sa thế giới nơi phương dưới, đem một cõi Phật đưa lên phương trên, đi qua hằng sa thế giới như cầm mũi kim ghim một lá táo, mà tất cả chúng sanh trong đó chẳng thấy khuấy động.

Xá Lợi Phất! Bồ Tát trụ nơi Giải Thoát Bất Khả Tư Nghi, dùng thân thông hiện làm thân Phật, hoặc hiện thân Duyên Giác, hoặc hiện thân Thanh Văn, hoặc hiện thân Đế Thích, hoặc hiện thân Phạm Vương, hoặc hiện thân vua chúa thế gian, hoặc hiện thân Chuyển Luân Thánh Vương. Lại khiến tất cả âm thanh lớn nhỏ trong mười phương thế giới đều biến thành âm thanh của Phật, diễn ra các tiếng vô thường, khổ, không và vô ngã, v.v... cho đến mỗi mỗi pháp của mười phương chư Phật sở thuyết đều ở trong đó, ai cũng được nghe.

Xá Lợi Phất! Nay ta lược thuyết nǎng lực của Bồ Tát giải thoát bất khả tư nghì như thế, nếu nói rộng ra thì cùng kiếp cũng chẳng hết.

Khi đó, Đại Ca Diếp nghe nói pháp môn Giải Thoát Bất Khả Tư Nghì của Bồ Tát, tán thán việc chưa từng có, lại nói với Xá Lợi Phất rằng:

- Ví như có người hiện nhiều sắc tướng trước mặt người mù, những tướng ấy đều chẳng phải sở thấy của họ. Cũng thế, tất cả hàng Thanh Văn Duyên Giác nghe pháp môn Giải Thoát Bất Khả Tư Nghì này cũng chẳng thể hiểu biết được vậy. Nếu người trí được nghe thì có ai mà chẳng phát tâm Vô Thượng Bồ Đề! Tại sao chúng ta tuyệt hản giống Phật nơi Đại Thừa này như hạt giống thúi mục? Vậy tất cả hàng Thanh Văn nghe pháp môn này đều nên khóc to và tiếng khóc ấy vang cả đại thiên thế giới. Tất cả Bồ Tát lại nên vui mừng mà thọ lãnh pháp này. Nếu có Bồ Tát tín giải pháp môn này, tất cả bọn ma muốn khuấy phá cũng chẳng làm gì được.

Đại Ca Diếp nói lời này rồi, có ba mươi hai ngàn Thiên tử phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ Duy Ma Cật nói với Đại Ca Diếp rằng:

- Nhơn giả! Các vị làm ma vương trong mười phương vô lượng A Tăng Kỳ thế giới, đa số là Bồ

Tát trụ nơi Giải Thoát Bất Khả Tư Nghì, vì dùng phương tiện để giáo hóa chúng sanh nên thị hiện làm ma vương.

Ca Diếp! Mười phương vô lượng sơ tâm Bồ Tát đôi khi có người đến xin tay, chân, tai, mũi, đầu, mắt, xương, thịt, tủy não, nhà cửa, vợ con, quyển thuộc, xe cộ, trâu ngựa, vàng bạc, thất bửu, cho đến quần áo, thức ăn, v.v... Những kẻ ăn xin như thế, đa số là Bồ Tát trụ nơi Giải Thoát Bất Khả Tư Nghì, dùng phương tiện để thử thách, khiến lòng tin họ vững chắc. Tại sao? Bồ Tát trụ nơi Giải Thoát Bất Khả Tư Nghì mới có oai đức hành sự bức ngặt như thế, để chỉ bày cho chúng sanh những việc khó làm. Nếu là phàm phu hạ liệt thì chẳng có sức mạnh thần diệu để bức ngặt những sơ tâm Bồ Tát như thế. Ví như sự đá đập của long tượng, chẳng phải con lừa có thể làm được. Ấy gọi là cửa trí huệ phương tiện của Bồ Tát trụ nơi Giải Thoát Bất Khả Tư Nghì.

### **PHẨM QUÁN CHÚNG SANH THỨ BẢY**

Bấy giờ, Văn Thủ hỏi Duy Ma Cật rằng:

- Bồ Tát nên quán chúng sanh như thế nào?

Duy Ma Cật nói:

- Ví như nhà huyền thuật thấy người huyền của

mình hóa ra, Bồ Tát nên quán chúng sanh như thế. Như người trí thấy trăng trong nước, thấy hình trong gương, như dương diệm, như tiếng vang, như mây giữa trời. Cho đến những vật chẳng thể tưởng tượng như: lông rùa, sừng thỏ, v.v... Bồ Tát nên quán chúng sanh như thế.

Văn Thù nói:

- Nếu Bồ Tát quán như thế làm sao hành việc Từ?

Duy Ma Cật nói:

- Bồ Tát quán như thế rồi tự nghĩ rằng: Ta nên vì chúng sanh thuyết pháp này. Ấy tức là hạnh Từ chơn thật. Hạnh Từ tịch diệt vì vốn vô sanh. Hạnh Từ chẳng nóng nảy vì vô phiền não. Hạnh Từ bình đẳng vì tam thế bình đẳng. Hạnh Từ vô tranh vì vô sở khởi. Hạnh Từ bất nhị vì trong ngoài bất hợp. Hạnh Từ chẳng hoại vì vốn là không thật. Hạnh Từ kiên cố vì tâm chẳng hoại diệt. Hạnh Từ trong sạch vì pháp tánh trong sạch. Hạnh Từ vô biên vì như hư không. Hạnh Từ A La Hán vì phá kết tặc phiền não. Hạnh Từ Bồ Tát vì cho chúng sanh yên tâm. Hạnh Từ Như Lai vì đắc tướng **Như Nhựt**. Hạnh Từ Chư Phật vì giác ngộ chúng sanh. Hạnh Từ tự nhiên vì vô nhân mà đắc. Hạnh Từ Bồ Đề vì bình đẳng nhất vị. Hạnh Từ vô đặng vì đoạn dứt ái

nhiễm. Hạnh Từ đại bi vì dẫn dắt theo Đại Thừa. Hạnh Từ chẳng nhảm chán vì quán pháp **Không - Vô Ngã**. Hạnh Từ pháp thí vì chẳng luyến tiếc. Hạnh Từ trì giới vì độ người phá giới. Hạnh Từ nhẫn nhục vì hộ cho mình và người. Hạnh Từ tinh tấn vì gánh vác chúng sanh. Hạnh Từ thiền định vì chẳng thọ thiền vị. Hạnh Từ trí huệ vì vô sở bất tri. Hạnh Từ phương tiện vì thị hiện tất cả. Hạnh Từ chẳng ẩn giấu vì tâm trong sạch ngay thẳng. Hạnh Từ thâm tâm vì chẳng hành tạp nhiễm. Hạnh Từ chẳng dối vì chẳng hư giả. Hạnh Từ an lạc vì khiến người được an vui của Phật. Hạnh Từ của Bồ Tát là như thế.

Văn Thủ lại hỏi:

- Thế nào là **Bi**?

**Dáp:**

- Công đức sở hành của Bồ Tát đều cùng chung với tất cả chúng sanh.

- Thế nào là **Hỉ**?

- Hoan hỉ làm việc lợi ích chúng sanh mà chẳng hối tiếc.

- Thế nào là **Xả**?

- Dù làm việc phước đức mà chẳng có mong cầu chi cả.

Văn Thù lại hỏi:

- Đối với sanh tử đáng sợ, Bồ Tát nên y nơi đâu?

Đáp:

- Nên y nơi sức công đức của Như Lai.

- Bồ Tát muốn y sức công đức của Như Lai phải trụ nơi nào?

- Nên trụ nơi độ thoát chúng sanh.

- Muốn độ thoát chúng sanh phải trừ những gì?

- Muốn độ thoát chúng sanh, nên trừ phiền não của họ.

- Muốn trừ phiền não phải hành thế nào?

- Nên hành nơi chánh niệm.

- Thế nào là hành nơi chánh niệm?

- Nên hành chẳng sanh, chẳng diệt.

- Pháp nào chẳng sanh, pháp nào chẳng diệt?

- Bất thiện chẳng sanh, thiện pháp chẳng diệt.

- Thiện với bất thiện lấy gì làm gốc?

- Lấy thân làm gốc.

- Thân lấy gì làm gốc?

- Lấy tham dục làm gốc.

- Tham dục lấy gì làm gốc?

- Lấy hư vọng phân biệt làm gốc.

- Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?

- Lấy diên đảo tưởng làm gốc.
- Diên đảo tưởng lấy gì làm gốc?
- Lấy **Vô trụ** làm gốc.
- Vô trụ lấy gì làm gốc?
- Vô trụ thì chẳng có gốc.

Nói đến đây, Duy Ma Cật liền nhấn mạnh rằng:

- Văn Thù! **Từ gốc Vô trụ lập tất cả các pháp. Như thế mới là thật Vô Sở Trụ** vậy.

Bấy giờ, trong phòng Duy Ma Cật có một Thiên nữ thấy các vị Trời người đang nghe thuyết pháp, liền hiện hình Thiên nữ rải hoa trên thân các Bồ Tát và đại đệ tử. Hoa đến thân các Bồ Tát liền rơi xuống đất, đến các đại đệ tử thì dính trên thân chẳng rơi xuống. Tất cả các đệ tử dùng thần lực phủi hoa cũng chẳng phủi rớt.

Lúc ấy, Thiên nữ hỏi Xá Lợi Phất rằng:

- Tại sao phủi hoa?

Đáp:

- Hoa này chẳng đúng pháp nên phủi.

Thiên nữ nói:

- Chớ bảo hoa này chẳng đúng pháp. Tại sao? Vì hoa này chẳng có phân biệt, tại nhơn giả tự sanh phân biệt tưởng mà thôi. Người ở nơi Phật pháp xuất gia, có tâm phân biệt là chẳng đúng pháp, nếu

chẳng phân biệt tức là đúng pháp. Nay thử xem các vị Bồ Tát chẳng dính hoa là vì đã đoạn dứt tất cả phân biệt tưởng vậy. Ví như người đang có khiếp sợ thì phi nhơn mới được dịp mê hoặc. Cũng thế, các vị đệ tử vì đang sợ sanh tử thì sắc, thanh, hương, vị, xúc mới được dịp mê hoặc. Kẻ đã lìa được khiếp sợ thì tất cả ngũ dục đều chẳng thể mê hoặc. Kẻ kết tập (*tập khí trói buộc*) chưa sạch, hoa mới dính vào thân. Kẻ kết tập đã sạch thì hoa chẳng dính vậy.

Xá Lợi Phất hỏi:

- Thiên nữ ở trong phòng này được bao lâu?

Đáp:

- Tôi ở trong phòng này lâu như ông được giải thoát.

- Ở đây lâu chăng?

- Như ông giải thoát cũng có lâu mau sao?

Xá Lợi Phất im lặng chẳng đáp.

Thiên nữ hỏi:

- Tại sao bậc kỳ cựu Đại Trí lại nín lặng?

Đáp:

- Sự giải thoát vốn chẳng ngôn thuyết, nên tôi chẳng biết nói gì.

Thiên nữ nói:

- Ngôn thuyết văn tự đều là tướng giải thoát. Tại sao? Vì sự giải thoát chẳng ở trong, ngoài và khoảng giữa. Văn tự cũng như thế. Cho nên, Xá Lợi Phất! Chẳng có sự lìa văn tự mà thuyết pháp giải thoát. Tại sao? Vì tất cả các pháp đều là tướng giải thoát rồi.

Xá Lợi Phất hỏi:

- Chẳng cần lìa tham sân si mà được giải thoát ư?

Đáp:

- Phật vì đối với kẻ tăng thượng mạn mà nói lìa tham sân si là giải thoát mà thôi. Nếu chẳng phải kẻ tăng thượng mạn thì Phật nói tánh tham sân si tức là giải thoát vậy.

Xá Lợi Phất nói:

- Lành thay! Lành thay! Thiên nữ! Nàng đắc được gì, chứng được gì mà biện tài như thế?

Thiên nữ đáp:

- Tôi vô đắc vô chứng nên biện tài như thế. Tại sao? Vì kẻ có đắc có chứng ở nơi Phật pháp gọi là tăng thượng mạn.

Xá Lợi Phất hỏi:

- Nàng ở nơi tam thừa có chí cầu gì?

Đáp:

- Dùng pháp Thanh Văn hóa độ chúng sanh thì tôi làm Thanh Văn. Dùng pháp nhân duyên hóa độ chúng sanh thì tôi làm Duyên Giác. Dùng pháp đại bi hóa độ chúng sanh thì tôi làm Đại Thừa.

Xá Lợi Phất! Như người vào rừng huỳnh hoa, chỉ ngửi mùi hương huỳnh hoa, chẳng ngửi mùi hương khác. Cũng thế, nếu vào phòng này, chỉ ngửi mùi hương của công đức Phật, chẳng ưa ngửi mùi hương của công đức Nhị thừa.

Xá Lợi Phất! Những vị Thích Phạm Tứ Thiên Vương và Thiên Long, quý, thần, v.v... vào trong phòng này, được nghe Thượng nhơn giảng thuyết chánh pháp, đều ưa mùi hương công đức Phật mà phát tâm Đại Thừa.

Xá Lợi Phất! Tôi ở phòng này mười hai năm, chưa từng nghe pháp Nhị thừa, chỉ nghe Phật pháp đại từ đại bi bất khả tư nghì của Bồ tát.

Xá Lợi Phất! Phòng này thường hiện tám thứ pháp khó đắc, chưa từng có. Tám thứ ấy là:

1) Trong phòng thường có ánh sáng màu vàng ngày đêm chiếu soi, chẳng nhờ ánh sáng nhật Nguyệt.

2) Kẻ vào phòng này chẳng bị các cầu bẩn làm cho phiền não.

3) Trong phòng này thường có Thích Phạm Tứ

Thiên Vương và Bồ Tát ở nơi phương khác đến tụ hợp chẳng gián đoạn.

4) Phòng này thường thuyết sáu Ba La Mật và pháp bất thối chuyển.

5) Phòng này thường trỗi âm nhạc bậc nhất của trời người, vang ra vô lượng pháp âm.

6) Phòng này có bốn kho tàng lớn chứa đầy bửu vật, cứu giúp kẻ nghèo, hễ cầu liền được.

7) Phòng này vô lượng chư Phật nơi mười phương như Phật Thích Ca, Phật A Di Đà cho đến Phật Sư Tử Hướng, Phật Nhất Thiết Lợi Thành v.v... Khi Thượng nhơn khởi niệm, liền đến rộng thuyết pháp tạng bí mật của chư Phật, thuyết xong trở về.

8) Phòng này tất cả cung điện của chư Thiên và cõi Tịnh độ của chư Phật đều hiện trong đó.

Ấy là tám thứ pháp khó đắc chưa từng có.

Xá Lợi Phất! Phòng này thường hiện tám pháp như thế. Người thấy việc bất khả tư ngã này, đâu còn ưa pháp Thanh Văn nữa!

Xá Lợi Phất hỏi:

- Nàng sao chẳng chuyển biến thân nữ đi?

Thiên nữ đáp:

- Tôi từ mười hai năm nay cầu tướng người nữ

trọn bất khả đắc mà chuyển cái gì? Ví như nhà huyễn thuật hóa ra huyễn nữ, nếu có người hỏi sao chẳng chuyển biến thân nữ đó đi, vậy người hỏi đó có đúng không?

Xá Lợi Phất nói:

- Không đúng! Huyễn chẳng tướng nhất định, làm sao mà chuyển.

Thiên nữ nói:

- Tất cả các pháp chẳng có tướng nhất định cũng như thế, sao lại hỏi chẳng chuyển biến thân nữ đi!

Tức thì Thiên nữ dùng sức thần thông biến Xá Lợi Phất thành Thiên nữ, tự mình hóa thân giống như Xá Lợi Phất mà hỏi rằng:

- Sao chẳng chuyển biến thân nữ đi?

Xá Lợi Phất mang tướng thân nữ mà đáp rằng:

- Nay tôi chẳng biết tại sao chuyển biến làm thân nữ?

Thiên nữ nói:

- Nếu Xá Lợi Phất chuyển được thân nữ này, thì tất cả thân nữ cũng chuyển được. Như Xá Lợi Phất chẳng phải người nữ mà hiện thân nữ, tất cả người nữ cũng như thế, dù hiện thân nữ mà chẳng phải người nữ. Cho nên Phật thuyết: Tất cả pháp phi nam, phi nữ.

Tức thì Thiên nữ thu nhiếp thần lực lại, thân Xá Lợi Phất trở lại như cũ. Thiên nữ hỏi Xá Lợi Phất rằng:

- Tướng thân nữ của ông nay còn ở đâu?

Xá Lợi Phất nói:

- Tướng thân nữ chẳng còn, chẳng không còn.

Thiên nữ nói:

- Tất cả pháp cũng như thế, chẳng còn, chẳng không còn. **Sự chẳng còn, chẳng không** còn đó là do Phật sở thuyết.

Xá Lợi Phất hỏi Thiên nữ:

- Nàng diệt nơi đây, rồi sẽ sanh nơi nào?

Đáp:

- Phật biến hóa sở sanh, tôi cũng theo đó sanh.

Nếu Phật biến hóa sở sanh thì chẳng phải diệt và sanh. Chúng sanh cũng chẳng phải diệt và sanh.

Xá Lợi Phất hỏi:

- Nàng bao lâu sẽ đắc Vô Thượng Bồ Đề?

Đáp:

- Khi Xá Lợi Phất trở lại phàm phu thì tôi sẽ thành Vô Thượng Bồ Đề.

Xá Lợi Phất nói:

- Tôi làm phàm phu thì chẳng có chỗ đúng.

- Tôi đắc Vô Thượng Bồ Đề cũng chẳng có chỗ đúng. Tại sao? Bồ Đề chẳng nơi trụ, nên chẳng có kẻ đắc.

Xá Lợi Phất nói:

- Nay chư Phật đắc Vô Thượng Bồ Đề, đã đắc, sẽ đắc số như hằng sa. Những việc này gọi là gì?

- Ấy là dùng văn tự, số lượng của thế tục mà nói có tam thế, chứ chẳng phải Bồ Đề có quá khứ, hiện tại, vị lai.

- Xá Lợi Phất! Ông đắc đạo A La Hán ư?

Đáp:

- Vì vô sở đắc mà đắc.

Thiên nữ nói:

- Chư Phật Bồ Tát cũng thế, vì vô sở đắc mà đắc.

Bấy giờ Duy Ma Cật nói với Xá Lợi Phất rằng:

- Thiên nữ này đã từng cúng dường chín mươi hai ức chư Phật, đã đắc du hí thần thông của Bồ Tát, nguyện lực đầy đủ, đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, trụ nơi chẳng thối chuyển. Vì theo bốn nguyện, nên tùy ý thị hiện để giáo hóa chúng sanh.



## PHẨM PHẬT ĐẠO THỨ TÁM

Bấy giờ, Văn Thủ hỏi Duy Ma Cật rằng:

- Thế nào là Bồ Tát thông đạt Phật đạo?

Duy Ma Cật nói:

- Nếu Bồ Tát hành nơi phi đạo gọi là thông đạt Phật đạo.

Hỏi:

- Thế nào là Bồ Tát hành nơi phi đạo?

Đáp:

- Nếu Bồ Tát gây tội ngũ nghịch mà chẳng có buồn giận, đến nơi địa ngục mà chẳng có tội cầu, đến nơi súc sanh mà chẳng có vô minh kiêu mạn, đến nơi ngã quỷ mà đầy đủ công đức, đến cõi Sắc giới và Vô sắc giới mà chẳng cho là thù thắng, thị hiện tham dục mà lìa các nhiễm đắm, thị hiện sân hận mà đối với chúng sanh chẳng có quái ngại, thị hiện ngu si mà dùng trí huệ điều phục tâm mình, thị hiện tham lam bón xén mà bỏ tất cả của cải, chẳng tiếc thân mạng, thị hiện phá giới mà an trụ tịnh giới, cho đến có tội nhỏ cũng rất sợ hãi, thị hiện giận dữ mà thường từ bi nhẫn nhục, thị hiện giải đai mà siêng tu công đức, thị hiện tán loạn mà thường niệm chánh định, thị hiện ngu si mà thông

đạt trí huệ thế gian và xuất thế gian, thị hiện siểm khúc giả dối mà khéo dùng phương tiện tùy theo nghĩa kinh, thị hiện kiêu mạn mà xem chúng sanh cũng như cầu đồ độ người, thị hiện phiền não mà tâm thường thanh tịnh, thị hiện nhập ma mà tùy thuận trí huệ Phật chẳng theo đạo khác, thị hiện Thanh Văn mà vì chúng sanh thuyết những pháp chưa từng nghe, thị hiện Duyên Giác mà thành tựu đại bi giáo hóa chúng sanh, thị hiện nghèo nàn mà có công đức vô tận, thị hiện tàn tật mà đầy đủ tướng tốt để tự trang nghiêm, thị hiện hạ tiện mà sanh trong chủng tánh Phật, đầy đủ công đức, thị hiện ốm yếu xấu xí mà được thân Na La Diên (tướng đoan trang hùng mãnh) tất cả chúng sanh đều ham gấp, thị hiện già bệnh mà dứt hẳn gốc bệnh, siêu việt sanh tử, thị hiện giàu sang mà quán pháp vô thường thật chẳng lòng tham, thị hiện thê thiếp tỳ nữ mà thường xa lìa bùn lầy ngũ dục, thị hiện nơi ngu độn mà thành tựu biện tài, chẳng mất Tổng trì, thị hiện vào tà đạo mà dùng chánh đạo cứu độ chúng sanh, thị hiện vào khắp các đạo mà đoạn dứt các nhân duyên, thị hiện nơi Niết Bàn mà chẳng dứt sanh tử. Văn Thù! Bồ Tát hành nơi phi đạo như thế gọi là thông đạt Phật đạo.

Bấy giờ, Duy Ma Cật hỏi Văn Thù:  
 - Thế nào là hạt giống Như Lai?

Đáp:

- Có thân là hạt giống Như Lai. Vô minh có ái là giống, tham sân si là giống, tứ diên đảo là giống, ngũ cái (ngũ dục) là giống, lục nhập là giống, thất thức xứ là giống, bát tà pháp là giống, cửu não là giống, thập bất thiện đạo... là giống. Nói tóm lại, sáu mươi hai kiến chấp và tất cả phiền não đều là hạt giống Phật.

Hỏi:

- Tại sao?

Đáp:

- Nếu kẻ thấy vô vi vào chánh vị thì chẳng thể còn phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề nữa. Ví như chỗ gò cao chẳng thể sanh hoa sen, mà nơi bùn lầy ẩm thấp mới sanh hoa sen. Cũng thế, kẻ thấy pháp vô vi vào chánh vị thì chẳng còn có thể sanh khởi Phật pháp, trong bùn lầy phiền não mới có chúng sanh sanh khởi Phật pháp thôi. Như gieo giống nơi hư không thì chẳng thể sanh khởi, ở đất phân bùn mới tốt tươi được. Cũng thế, kẻ vào vô vi chánh vị chẳng sanh khởi Phật pháp, kẻ có ngã kiến như núi Tu Di còn có thể phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, sanh khởi Phật pháp. Nên biết tất cả phiền não là hạt giống Như Lai, ví như chẳng xuống biển cả thì chẳng được bửu châu vô giá. Cũng thế, chẳng vào

biển phiền não thì chẳng thể đắc ngọc báu Nhất Thiết Trí vậy.

Lúc ấy Đại Ca Diếp tán thán rằng:

- Lành thay! Lành thay! Văn Thù! Lời này rất đúng. Thật như lời ông nói, bọn trần lao mới là hạt giống của Như Lai, nay chúng tôi chẳng còn có thể phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Người mang tội ngũ vô gián còn có thể phát tâm sanh nơi Phật pháp, mà chúng tôi đây trọn chẳng thể phát. Ví như những người ngũ căn đã hưng, đối với ngũ dục chẳng còn cảm xúc. Cũng thế, hàng Thanh Văn đã dứt phiền não trói buộc, xem Phật pháp chẳng còn ích lợi gì nên chẳng phát nguyện nữa.

Cho nên, Văn Thù! Phàm phu ở nơi Phật pháp có biến chuyển mà Thanh Văn thì không. Tại sao? Phàm phu nghe Phật pháp được sanh khởi đạo tâm Vô thượng, chẳng dứt hạt giống Tam Bảo. Dẫu cho Thanh Văn suốt đời nghe Phật pháp và được sức vô úy v.v... chung qui chẳng thể phát đạo tâm Vô thượng.

Khi ấy, trong Hội có vị Bồ Tát tên Phổ Hiện Sắc Thân hỏi Duy Ma Cật rằng:

- Cha mẹ, vợ con, thân nhân, quyến thuộc, thầy trò, tri thức của cư sĩ mỗi là ai? Tỳ nữ, tôi tớ, voi ngựa, xe cộ nay ở nơi nào?

Duy Ma Cật dùng bài kệ đáp rằng:

TRÍ là mẹ Bồ Tát,  
 PHƯƠNG TIÊN gọi là cha,  
 Đạo sư tất cả chúng,  
 Đều từ đó sinh ra.  
 PHÁP HỶ chính là vợ,  
 TÂM TỬ BI là gái,  
 TÂM THÀNH THẬT là trai,  
 KHÔNG TỊCH là nhà cửa.  
 TRẦN LÃO là đệ tử,  
 Tùy ý để giáo hóa,  
 Đạo phẩm thiện tri thức,  
 Do đó thành chánh giác.  
 PHÁP LỤC ĐỘ là bạn,  
 TỨ NHIẾP là ca nő,  
 Xương, ngâm, tụng lời pháp,  
 Lấy đó làm âm nhạc.

TỔNG TRÌ là vườn bông,  
 VÔ LẬU là rừng cây,  
 GIÁC TÂM là diệu hoa,  
 Giải thoát trí huệ quả.  
 BÁT GIẢI là ao tắm,

Nước ĐỊNH lăng trong đầy,  
 Bảy thứ hoa trong sạch,  
 Để tắm người không nhơ.  
 NGŨ THÔNG voi ngựa chạy,  
 ĐẠI THỦA là xe cộ,  
 NHẤT TÂM là phu xe,  
 Dao nơi BÁT CHÁNH ĐẠO.

Tướng tốt để nghiêm thân,  
 Và trang điểm dung mạo,  
 HỒ THẸN làm quần áo,  
 THÂM TÂM làm tràng hoa.  
 Giàu sang đầy thất bửu.  
 Giáo thọ sanh lợi tức,  
 Tu hành theo sở thuyết,  
 Hồi hướng là lợi lớn.  
 TỨ THIỀN làm sàng tọa,  
 Từ nơi Tịnh mạng sanh.  
 Đa văn thêm trí huệ.  
 Ấy là tiếng tự giác.  
 Món ăn: Pháp cam lồ,  
 Nước uống: vị giải thoát,  
 Tắm rửa là TỊNH TÂM,

Hương hoa là GIỚI PHẨM,  
Trù dẹp phiền não tặc,  
Dũng cảm chẳng ai bằng,  
Hàng phục bốn thứ ma,  
Phuơn thắng dựng đạo tràng,<sup>(1)</sup>  
Dù biết chẳng sanh diệt,  
Phương tiện hiện có sanh.  
Hiện khắp các quốc độ,  
Như mặt trời soi khắp.

Cúng dường khắp mười phương,

Vô lượng ức Nhu Lai,

Chư Phật và thân mình,

Chẳng có phân biệt tưởng.

Dù biết các cõi Phật,

Và chúng sanh tánh không,

Mà thường tu Tịnh độ.

Giáo hóa khắp mọi loài,

Bồ Tát vô úy lực,

Oai nghi và sắc thanh,

<sup>(1)</sup> **Phuơn thắng:** Ở Ấn Độ, hễ biện luận Phật pháp được thắng lợi thì dựng lập phuơn thắng. Ở nơi đạo tràng hàng ma cũng dựng lập phuơn thắng để tỏ sự thắng lợi.

Cùng hiện trong nhất thời.  
Biết rõ việc ma chúng,  
Mà theo hành của họ.

Khéo dùng trí phương tiện,  
Mà tùy ý thị hiện.  
Hoặc hiện già, bệnh, chết,  
Thành tựu cho chúng sanh.  
Liễu tri như huyễn hóa,  
Thông đạt chẳng chướng ngại,  
Hiện kiếp hỏa cháy tan,  
Trời đất đều trống rỗng.  
Nếu chúng sanh chấp thường,  
Thì cho biết vô thường.  
Vô số ức chúng sanh.  
Cùng nhau thỉnh Bồ Tát,  
Nhất thời đến nhà họ,  
Dạy cho hướng đạo Phật,  
Phép chú và kinh sách,  
Với công thương kỹ nghệ,  
Đều hiện làm việc này.  
Lợi ích cho chúng sanh,  
Các đạo pháp thế gian,

Thầy xuất gia trong đó,  
 Được giải mê cho người,  
 Mà chẳng đọa tà kiến.  
 Hoặc làm Nhật nguyệt thiên,  
 Phạm Vương chúa thế giới,  
 Hoặc địa thủy hỏa phong,  
 Hoặc gặp có bệnh dịch,  
 Hiện làm các dược thảo,  
 Người được uống thuốc đó,  
 Bệnh trừ, độc cũng tiêu.  
 Trong đời có đói khát,  
 Hiện làm đồ ăn uống,  
 Trước cứu đói khát họ,  
 Sau giảng dạy Phật pháp.

Trong đời có chiến tranh,  
 Khiến khởi tâm từ bi,  
 Hóa độ những chúng sanh,  
 Trụ nơi đất vô tranh.  
 Hai bên đang đánh nhau,  
 Thời giúp bên sức yếu,  
 Hiện oai thế Bồ Tát,  
 Hàng phục khiến giải hòa.

Trong tất cả quốc độ,  
Chỗ nào có địa ngục,  
Thì đi đến nơi đó,  
Cứu vớt khổ náo họ.  
Trong tất cả quốc độ,  
Súc sinh ăn nuốt nhau,  
Thị hiện sanh nơi đó,  
Giải oán thù cho họ.  
Dù thọ nơi ngũ dục,  
Mà cũng hiện tu thiền,  
Khiến tâm ma rối loạn,  
Chẳng có dịp khuấy phá,  
Trong lửa sanh hoa sen,  
Ấy là việc hy hữu,  
Thọ dục mà hành Thiền,  
Hy hữu cũng như thế.

Hoặc hiện làm dâm nữ,  
Dụ kẻ mê sắc đẹp,  
Trước dùng dục lôi kéo,  
Sau khiến vào trí Phật.  
Hoặc làm chủ trong ấp,  
Hoặc làm thầy khách buôn,

Quốc sư và đại thần,  
Để lợi ích chúng sanh.

Chỗ nào có kẻ nghèo,  
Hiện làm kho vô tận,  
Nhân đó khuyên dạy họ,  
Khiến phát Bồ Đề Tâm.  
Gặp kiêu căng ngã mạn,  
Thì hiện làm lực sĩ,  
Để hàng phục cống cao,  
Khiến trụ vô thượng đạo.  
Những người hay sợ sệt,  
Trước thí pháp vô úy,  
Sau khiến phát đạo tâm,  
Cho họ được an ủi.  
Hoặc hiện lìa dâm dục,  
Mà làm tiên ngũ thông,  
Dẫn dắt cho chúng sanh,  
Khiến trụ giới nhẫn từ.

Thấy người cần hầu hạ,  
Hiện làm kẻ tội tớ,  
Cho họ được vui lòng,

Nhân đó phát đạo tâm.  
Khéo dùng sức phương tiện,  
Tùy theo nhu cầu họ,  
Đều giúp cho đầy đủ,  
Để được vào Phật đạo.

Đạo pháp nhiều vô lượng,  
Sở hành chẳng bờ bến,  
Trí huệ lớn vô biên,  
Độ thoát vô số chúng.  
Giả sử tất cả Phật,  
Nơi vô số ức kiếp,  
Tán thán công đức ấy,  
Cũng chẳng thể hết được,  
Ai nghe pháp như thế,  
Chẳng phát Bồ Đề Tâm!  
Trừ Xiển Đề chẳng tin,  
Và ngu si vô trí.



## **PHẨM NHẬP PHÁP MÔN BẤT NHỊ THỨ CHÍN**

Bấy giờ, Duy Ma Cật bảo các Bồ Tát rằng:

- Các nhơn giả! Bồ Tát làm sao nhập **Pháp Môn Bất Nhị?** Hãy tùy sở ngô của mình mà nói ra.

Trong hội có Bồ Tát tên là Pháp Tự Tại nói:

- Các nhơn giả! Sanh diệt là nhị. Pháp vốn chẳng sanh, nay cũng chẳng diệt. Đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn này, gọi là nhập pháp môn bất nhị.

Đức Thủ Bồ Tát rằng:

- Ngã với ngã sở là nhị. Vì có ngã mới có ngã sở. Nếu chẳng có ngã thì chẳng ngã sở, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Bất Thuần Bồ Tát rằng:

- Thọ với chẳng thọ là nhị. Nếu pháp chẳng thọ thì bất khả đắc, vì bất khả đắc nên vô thủ, vô xả, vô tác, vô hành, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Đức Đảnh Bồ Tát rằng:

- Cấu với tịnh là nhị. Nếu thấy thật tánh của cấu, thì chẳng tướng tịnh, cũng là thuận theo tướng diệt, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Thiện Túc Bồ Tát rằng:

- Động với niệm là nhị. Bất động thì vô niệm,

vô niệm thì chẳng phân biệt, thông đạt lý này là nhập pháp môn bất nhị.

Thiên Nhãm Bồ Tát rằng:

- Nhất tướng, vô tướng là nhị. Nếu biết nhất tướng tức là vô tướng, cũng chẳng chấp vô tướng, vào nơi bình đẳng, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Diệu Tý Bồ Tát rằng:

- Tâm Bồ Tát, tâm Thanh Văn là nhị. Kẻ quán tâm tướng vốn không, như huyền hóa, thì chẳng có tâm Bồ Tát, tâm Thanh Văn, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Phật Sa Bồ Tát rằng:

- Thiện với bất thiện là nhị. Nếu chẳng khởi thiện, bất thiện thì vào nơi vô tướng. Kẻ thông đạt lý này là nhập pháp môn bất nhị.

Sư Tử Bồ Tát rằng:

- Tội với phước là nhị. Nếu thông đạt thì tánh tội với tánh phước chẳng khác. Kẻ dùng trí huệ Kim Cang thấu liễu tướng này vốn chẳng trói mở, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Sư Tử Ý Bồ Tát rằng:

- Hữu lậu, vô lậu là nhị. Nếu chứng được các pháp bình đẳng thì chẳng khởi niệm lậu và vô lậu, chẳng chấp nơi tướng, cũng chẳng trụ nơi vô tướng, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Tịnh Giải Bồ Tát rằng:

- Hữu vi, vô vi là nhị. Nếu lìa tất cả số lượng, tâm như hư không, thì trí huệ trong sạch, chẳng có chướng ngại, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Na La Diên Bồ Tát rằng:

- Thế gian, xuất thế gian là nhị. Thế gian tánh không túc là xuất thế gian, ở trong đó chẳng nhập chẳng xuất, chẳng trào chẳng tan, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Thiện Ý Bồ Tát rằng:

- Sanh Tử, Niết Bàn là nhị. Nếu thấy tánh sanh tử thì chẳng có sanh tử, chẳng trói chẳng mở. Vậy chẳng sanh tử cũng chẳng Niết Bàn. Kẻ hiểu như thế là nhập pháp môn bất nhị.

Hiện Kiến Bồ Tát rằng:

- Tận với bất tận là nhị. Pháp nếu cứu cánh, thì tận và bất tận đều là tướng vô tận. Tướng vô tận túc là không. Không thì chẳng có tướng tận và bất tận. Ngộ nhập như thế, là nhập pháp môn bất nhị.

Phổ Thủ Bồ Tát rằng:

- Ngã với vô ngã là nhị. Ngã còn bất khả đắc, phi ngã làm sao đắc? Kẻ thấy thật tánh của ngã thì chẳng khởi nhị pháp, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Điện Thiên Bồ Tát rằng:

- Minh với vô minh là nhị. Thật tánh của vô minh tức là minh. Minh cũng bất khả đắc, lìa tất cả số lượng. Ở trong đó bình đẳng chẳng khác, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Hỷ Kiến Bồ Tát rằng:

- Sắc với không là nhị. Sắc tức là không. Chẳng phải sắc diệt rồi mới không. Tánh sắc tự không. Thọ, tưởng, hành, thức cũng thế. Ngũ uẩn với không là nhị. Ngũ uẩn tức là không. Chẳng phải ngũ uẩn diệt rồi mới không. Tánh ngũ uẩn tự không. Thấu đạt lý này là nhập pháp môn bất nhị.

Minh Tướng Bồ Tát rằng:

- Tứ đại khác với không đại là nhị. Tánh tứ đại tức là tánh không đại. Như quá khứ, vị lai tánh không, thì hiện tại cũng không. Nếu biết thật tánh chư đại như thế, là nhập pháp môn bất nhị.

Diệu Ý Bồ Tát rằng:

- Nhãm với sắc là nhị. Nếu ngộ biết tánh nhãm, nơi sắc chẳng khởi tham sân si gọi là tịch diệt. Cũng thế, nhĩ với thanh, tỷ với hương, thiệt với vị, thân với xúc, ý với pháp là nhị. Nếu ngộ biết tánh lục căn, nơi lục trần chẳng khởi tham sân si gọi là tịch diệt. An trú trong đó là nhập pháp môn bất nhị.

Vô Tận Ý Bồ Tát rằng:

- Bố thí với hồi hướng nhất thiết trí là nhị. Tánh bố thí tức là tánh hồi hướng nhất thiết trí. Cũng thế, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ với hồi hướng nhất thiết trí là nhị. Tánh của sáu Ba La Mật tức là tánh hồi hướng nhất thiết trí. Kẻ ở trong đó ngộ nhập nhất tướng là nhập pháp môn bất nhị.

#### Thâm Huệ Bồ Tát rằng:

- Không với Vô tướng, Vô tác là nhị. Không tức vô tướng, vô tướng tức vô tác. Ba cửa giải thoát này: không, vô tướng, vô tác nghĩa là vô tâm, ý, thức. Một cửa giải thoát tức ba cửa giải thoát, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

#### Tích Căn Bồ Tát rằng:

- Phật, Pháp, Tăng là nhị. Phật tức Pháp, Pháp tức Tăng. Tam bảo đều là tướng vô vi, bằng như hư không. Tất cả pháp cũng thế. Kẻ hành theo pháp này là nhập pháp môn bất nhị.

#### Tâm Vô Ngại Bồ Tát rằng:

- Thân với thân diệt là nhị. Thân tức là thân diệt. Tại sao? Kẻ thấy thật tướng của thân thì chẳng thấy có thân và thân diệt. Thân và thân diệt chẳng hai chẳng khác. Đối với pháp chẳng khác này chẳng khiếp sợ, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

#### Thượng Thiện Bồ Tát rằng:

- Thân, khẩu, ý nghiệp là nhị. Tam nghiệp ấy đều là tướng vô tác. Vậy thân vô tác, tức khẩu vô tác. Khẩu vô tác, tức ý vô tác. Tướng vô tác của tam nghiệp này là tướng vô tác của tất cả pháp. Kẻ có trí huệ tùy thuận tướng vô tác như thế, là nhập pháp môn bất nhị.

Phước Diền Bồ Tát rằng:

- Phước hạnh, tội hạnh, bất động hạnh là nhị. Thật tánh của ba hạnh tức là tánh không. Tánh không thì chẳng phước hạnh, tội hạnh và bất động hạnh. Vậy, chẳng sanh khởi ba hạnh là nhập pháp môn bất nhị.

Hoa Nghiêm Bồ Tát rằng:

- Do ngã khởi nhị là nhị. Kẻ thấy được thật tướng của ngã thì chẳng khởi nhị pháp. Chẳng trú nơi nhị pháp thì chẳng có năng biết và sở biết, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Đức Tạng Bồ Tát rằng:

- Có tướng sở đắc là nhị. Nếu vô sở đắc thì chẳng thủ xả, cũng chẳng kẻ thủ xả, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Nguyệt Thượng Bồ Tát rằng:

- Tối với sáng là nhị. Chẳng tối chẳng sáng thì chẳng có nhị. Tại sao? Như nhập định Diệt Thọ Tưởng thì chẳng có tối sáng. Tất cả pháp tướng

cũng thế. Kẻ nhập nơi bình đẳng là nhập pháp môn bất nhị.

Bảo Ân Thủ Bồ Tát rằng:

- Ưa Niết Bàn, chán thế gian là nhị. Nếu chẳng ưa Niết Bàn, chẳng chán thế gian thì chẳng có nhị. Tại sao? Hễ có trói mới có mở. Nếu vốn chẳng trói thì ai cần mở? Chẳng trói chẳng mở, thì chẳng ưa chẳng chán, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Châu Đánh Vương Bồ Tát rằng:

- Chánh đạo tà đạo là nhị. Kẻ trụ nơi chánh đạo thì chẳng nên phân biệt tà chánh. Lìa hai thứ này là nhập pháp môn bất nhị.

Lạc Thật Bồ Tát rằng:

- Thật với chẳng thật là nhị. Kẻ thấy thật tướng còn chẳng thấy có **thật**, huống là **chẳng thật**. Tại sao? Thật tướng chẳng phải là sở thấy của nhục nhãn, có huệ nhãn mới thấy được. Mà huệ nhãn thì chẳng có **thấy** với chẳng thấy, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Các Bồ Tát mỗi mỗi đã nói xong như trên, rồi hỏi Văn Thủ:

- Thế nào là nhập pháp môn bất nhị của Bồ Tát?

Văn Thủ đáp:

- Theo ý tôi, nơi tất cả pháp vô ngôn vô thuyết, vô thị vô thức, lìa nơi vấn đáp, ấy là nhập pháp môn bất nhị.

Khi đó Văn Thủ hỏi Duy Ma Cật rằng:

- Chúng tôi mỗi mỗi đã tự nói xong. Nay đến lượt Nhơn giả nói: "Thế nào là nhập pháp môn bất nhị của Bồ Tát?"

Duy Ma Cật im lặng. Văn Thủ tán thán rằng:

- Lành thay! Lành thay! Cho đến chặng có văn tự, lời nói mới là chơn nhập pháp môn bất nhị.

Khi thuyết phẩm này rồi, ở trong chúng có năm ngàn vị Bồ Tát đều nhập pháp môn bất nhị, đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn.

## PHẨM HƯƠNG TÍCH PHẬT THỨ MƯỜI

Bấy giờ, Xá Lợi Phất nghĩ rằng:

- Sắp đến giờ ăn, các Bồ Tát sẽ thọ thực ở đâu?

Duy Ma Cật biết ý, nên nói rằng:

- Phật thuyết bát giải thoát. Nhơn giả đã thọ hành. Há có xen cái tâm muốn ăn mà nghe pháp ư! Nếu muốn ăn, hãy đợi giây lát, tôi sẽ cho ông được bữa ăn chưa từng có.

Duy Ma Cật liền nhập chánh định. Dùng sức thần thông thị hiện cho đại chúng thấy cõi phương

trên, cách bốn mươi hai hăng sa quốc độ, có Phật Hương Tích hiện ở cõi Chúng Hương. Mùi hương ở cõi ấy bậc nhất, siêu việt mùi hương trời người nơi các cõi Phật mười phương. Cõi ấy chẳng có tên gọi Nhị thừa, chỉ có chúng đại Bồ Tát trong sạch, đang nghe Phật thuyết pháp. Sự vật trong đó, tất cả đều dùng hương làm thành. Lầu các, vườn tược cho đến đất kinh hành đều có mùi hương. Mùi hương của cơm lan tràn khắp mười phương thế giới.

Lúc ấy, Phật cùng các Bồ Tát đang ngồi ăn, có các Thiên tử cùng một danh hiệu gọi là Hương Nghiêm, đều đã phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, cung dường Phật và các Bồ Tát.

Đại chúng nơi cõi này đều thấy rõ cả. Duy Ma Cật hỏi các Bồ Tát rằng:

- Các nhơn giả! Vị nào có thể đến thỉnh cơm của Đức Phật ấy?

Do sức oai thần của Văn Thủ nên cả chúng đều im lặng. Duy Ma Cật nói:

- Nay các nhơn giả! Chẳng tự hổ thẹn sao?

Văn Thủ nói:

- Như lời Phật dạy, chớ khinh sơ học.

Khi đó, Duy Ma Cật chẳng rời chỗ ngồi, trước mặt đại chúng hóa ra một vị Bồ Tát tướng tốt rực rỡ, oai đức thù thắng hơn cả chúng trong hội, mà

bảo vị Bồ Tát ấy rằng:

- Ông hãy đến cõi Phật Chúng Hương, bạch như lời tôi đây:

“Duy Ma Cật đánh lẽ dưới chân Thế Tôn và vô cùng cung kính tò lori hỏi thăm sự ăn ở hằng ngày, ít bệnh, ít phiền não, khỏe mạnh chẳng? Mong được cơm thừa của Phật, đem về cõi Ta Bà thí làm Phật sự. Khiến kẻ ưa pháp Tiểu thừa được vào Đại thừa, cũng khiến cho tiếng tăm của Như Lai ai cũng được nghe”.

Khi ấy, đại chúng trong hội đều thấy hóa thân Bồ Tát bay lên phương trên, đến cõi Chúng Hương đánh lẽ chân Phật và lập lại lời Duy Ma Cật như trên. Các đại sĩ cõi ấy thấy hóa thân Bồ Tát, tán thán việc chưa từng có, liền hỏi Phật:

- Thượng nhơn này từ đâu đến? Cõi Ta Bà ở chỗ nào? Thế nào gọi là kẻ ưa pháp Tiểu thừa?

Phật bảo:

- Nơi phương dưới, cách bốn mươi hai hằng sa cõi Phật, có thế giới Ta Bà là ngũ trược ác thế, hiện có Phật Thích Ca đang vì những chúng sanh ưa pháp Tiểu thừa, diễn giảng Phật pháp. Ở đó, có vị Bồ Tát tên là Duy Ma Cật, trụ nơi giải thoát bất khả tư nghì. Vì thuyết pháp cho các Bồ Tát, nên sai hóa thân đến khen ngợi danh hiệu ta, và tán thán

quốc độ này, khiến các Bồ Tát ấy tăng thêm công đức.

Các Bồ Tát hỏi:

- Vị đó như thế nào, mà có sức công đức vô úy hóa ra Bồ Tát thần túc như thế?

Phật bảo:

- Thần lực của Duy Ma Cật rất lớn, thường sai hóa thân đến khắp các cõi mười phương rộng làm Phật sự để lợi ích chúng sanh.

Tức thì Hương Tích Như Lai dùng bát Chúng Hương đựng đầy cơm hương trao cho hóa thân Bồ Tát. Khi ấy, chín triệu Bồ Tát kia đều nói:

- Chúng con muốn đến cõi Ta Bà cúng dường Phật Thích Ca và muốn gặp Duy Ma Cật với các Bồ Tát cõi ấy.

Phật bảo:

- Lành thay! Nhưng phải thu nhiếp mùi hương của các ngươi, chớ khiến chúng sanh cõi kia khởi lòng mê đắm. Lại nữa, hãy bỏ hình dạng của các ngươi, chớ khiến những người cầu Bồ Tát thừa cõi kia sanh lòng hổ thẹn và các ngươi đối với cõi ấy chớ khởi tâm khinh chê mà tự chướng ngại. Tại sao? Mười phương quốc độ đều như hư không, chư Phật vì muốn hóa độ những kẻ ưa pháp Tiểu thừa, nên chẳng hiện cõi thanh tịnh ấy thôi.

Khi hóa thân Bồ Tát thọ lãnh bát cơm xong, cùng với chín triệu Bồ Tát thừa oai thần của Phật và thần lực của Duy Ma Cật, đang ở cõi ấy bỗng nhiên biến mất, chốc lát đến nhà Duy Ma Cật. Lúc đó, Duy Ma Cật liền hóa ra chín triệu tòa sư tử tốt đẹp như trước, các Bồ Tát đều an tạ.

Hóa thân Bồ Tát đưa bát cơm hương cho Duy Ma Cật. Mùi hương của cơm tỏa khắp thành Tỳ Da Ly và đại thiên thế giới. Các Bà La Môn và cư sĩ trong thành Tỳ Da Ly ngửi được mùi hương, thân tâm khoan khoái, tán thán việc chưa từng có.

Trưởng giả Nguyệt Cái cùng với tám mươi bốn ngàn người đến nhà Duy Ma Cật, thấy trong phòng đông đảo các Bồ Tát và những tòa sư tử cao rộng trang nghiêm, đều rất vui mừng, đánh lễ các Bồ Tát và đại đệ tử rồi đứng qua một bên.

Các địa thần, hư không thần và chư Thiên cõi Dục giới, Sắc giới ngửi được mùi hương cũng đều đến nhà Duy Ma Cật.

Bấy giờ, Duy Ma Cật bảo Xá Lợi Phất và các vị đại Thanh Văn rằng:

- Các nhơn giả cứ tùy ý dùng cơm cam lồ của Như Lai, vì cơm này do đại bi sở huân, nếu có ý hạn lượng mà ăn thì chẳng thể tiêu.

Có hàng Thanh Văn lại nghĩ rằng:

- Cơm này ít thế làm sao đủ cho đại chúng ăn?

Hóa thân Bồ Tát rằng:

- Chớ dùng tiểu đức, tiểu trí của Thanh Văn mà đo lường vô lượng phước huệ của Như Lai! Nước bốn biển có thể cạn, chứ cơm này thì vô tận. Dẫu cho tất cả mọi người đều ăn từng nắm cơm to bằng núi Tu Di, ăn mãi cho đến một kiếp cũng chẳng thể hết. Tại sao? Vì cơm dư của Người đầy đủ các công đức như: vô tận giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến v.v... thì ăn mãi cũng không thể hết được.

Vì thế, một bát cơm cho tất cả chúng trong hội ăn đều no đủ mà cơm vẫn còn dư. Các Bồ Tát, Thanh Văn, Trời, Người ăn cơm này rồi, thân thể an vui giống như các Bồ Tát ở cõi Nhất Thiết Lạc Trang Nghiêm và từ các lỗ chân lông phát ra mùi hương cũng như cây hương của cõi Phật Chúng Hương vậy.

Bấy giờ, Duy Ma Cật hỏi các Bồ Tát cõi Chúng Hương rằng:

- Hương Tích Như Lai lấy gì để thuyết pháp?

Các Bồ Tát ấy đáp:

- Đức Như Lai cõi chúng tôi chẳng dùng lời nói, văn tự, chỉ dùng Chúng Hương khiến các Trời, Người được vào luật hạnh. Bồ Tát mỗi ngồi

dưới gốc cây hương, ngửi được mùi diệu hương ấy liền đắc Nhất Thiết Đức Tạng Tam Muội. Kẻ đắc Tam muội này đều đầy đủ tất cả công đức của Bồ Tát.

Các Bồ Tát ấy hỏi Duy Ma Cật rằng:

- Phật Thích Ca ở đây lấy gì để thuyết pháp?

Duy Ma Cật nói:

- Chúng sanh cõi này cang cường khó dạy, nên Phật thuyết pháp những lời cang cường để điều phục họ. Nào là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, là chỗ tai nạn, là nơi sanh của kẻ ngu. Hễ thân khẩu ý hành việc tà, thì bị quả báo hành việc tà của thân khẩu ý. Tạo mười ác nghiệp thì bị quả báo của mười thứ ác nghiệp. Hành sáu pháp bất thiện như bốn xỉn, phá giới, sân hận, giải đai, loạn ý, ngu si thì bị quả báo của sáu pháp bất thiện (*Bồ Tát có sáu Ba La Mật để đối trị*). Cho đến các việc kiết giới, trì giới, phạm giới, nên làm hay chẳng nên làm, chướng ngại hay chẳng chướng ngại, đắc tội hay lìa tội, tịnh hay cấu, hữu lậu hay vô lậu, chánh đạo hay tà đạo, hữu vi hay vô vi, thế gian hay Niết Bàn v.v... Vì những người khó dạy tâm như khỉ vượn, nên dùng đủ thứ pháp để kiềm chế tâm họ mới có thể điều phục được. Ví như voi ngựa chứng khó điều phục phải đánh đập dữ tợn cho đến thấu xương rồi

mới điều phục được. Cũng thế, chúng sanh cang cường khó dạy, phải dùng những lời đau khổ thiết tha mới khiến được họ đi vào luật hạnh.

Các Bồ Tát cõi kia nghe rồi đều nói:

- Thật chưa từng có! Như Phật Thích Ca ẩn náu sức vô lượng tự tại của mình, mà tùy theo sở thích của kẻ nghèo nàn, độ thoát chúng sanh. Các Bồ Tát cũng chịu khó nhọc, nhún nhường dùng vô lượng đại bi sanh vào cõi Phật này.

Duy Ma Cật nói:

- Bồ Tát cõi này đối với chúng sanh, lòng đại bi kiên cố như lời các ông nói. Hạnh lợi ích chúng sanh trong một đời nhiều hơn cõi khác trăm nghìn kiếp. Tại sao? Vì cõi Ta Bà này có mười pháp lành mà các cõi Tịnh độ khác không có. Thế nào là mười pháp lành? Ấy là:

- 1) Dùng Bố Thí để nhiếp độ nghèo nàn.
- 2) Dùng Tịnh Giới nhiếp độ phá giới.
- 3) Dùng Nhẫn Nhục nhiếp sân hận.
- 4) Dùng Tinh Tấn nhiếp giải đai.
- 5) Dùng Thiên Định nhiếp loạn ý.
- 6) Dùng Trí Huệ nhiếp ngu si.
- 7) Dùng Thuyết Pháp trừ nạn để độ bát nạn.
- 8) Dùng pháp Đại Thừa để độ kẻ ưa pháp

Tiểu thừa.

9) Dùng Thiện Căn để cứu giúp kẻ vô đức.

10) Thường dùng Tứ Nhiếp Pháp để thành tựu cho chúng sanh.

Gọi là mười pháp lành.

Các Bồ Tát cõi kia hỏi:

- Bồ Tát nơi thế giới này thành tựu mấy pháp, thì được sanh vào nơi Tịnh độ mà hạnh chẳng tỳ vết?

Duy Ma Cật đáp:

- Bồ Tát thành tựu tám pháp thì được sanh nơi Tịnh độ mà hạnh chẳng tỳ vết. Tám pháp ấy là:

1) Lợi ích chúng sanh mà chẳng mong quả báo.

2) Thay cho chúng sanh chịu mọi khổ não, được tất cả công đức, rồi bố thí lại hết.

3) Dùng tâm khiêm nhường, đối với chúng sanh bình đẳng vô ngại, xem các Bồ Tát cũng như Phật.

4) Những Kinh chưa từng nghe, nghe rồi chẳng nghi.

5) Cùng với hàng Thanh Văn mà chẳng trái nhau.

6) Chẳng đố kỹ sự cúng dường của người. Chẳng khoe khoang lợi lộc của mình. Do đó mà tự điều phục tâm.

- 7) Thường xét lối mình, chẳng nói lối người.
- 8) Thường nhất tâm cầu các công đức.

Khi Duy Ma Cật cùng Văn Thủ thuyết pháp này rồi, trong chúng có trăm ngàn trời người đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, mười ngàn Bồ Tát đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn.

### **PHẨM HẠNH BỒ TÁT THỨ MƯỜI MỘT**

Khi đó, Phật đang thuyết pháp nơi vườn Am La Thọ, vườn ấy bỗng nhiên rộng rãi trang nghiêm. Cả chúng trong hội đều hiện sắc vàng. A Nan bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có điềm lành ứng hiện như thế?

Phật bảo A Nan:

- Ấy là Duy Ma Cật và Văn Thủ cùng đại chúng cung kính vây quanh, khởi ý muốn đến, nên báo hiệu điềm lành trước.

Lúc ấy Duy Ma Cật nói với Văn Thủ rằng:

- Hãy cùng đi gặp Phật để các Bồ Tát được cúng dường lễ bái thỉnh pháp.

Văn Thủ nói:

- Lành thay! Nay chính là lúc nên đi.

Duy Ma Cật liền dùng thần lực đem cả chúng cùng tòa sư tử để trên bàn tay phải, đến nơi Phật ở, rồi để xuống đất, dảnh lễ chân Phật, đi nhiễu theo hướng tay phải bảy vòng, một lòng chắp tay đứng sang một bên. Các Bồ Tát, đại đệ tử và Thích Phạm Tứ Thiên Vương v.v... Cả thảy liền xuống tòa, dảnh lễ chân Phật, cũng đi quanh bảy vòng rồi đứng sang một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn y theo lệ thường, hỏi thăm các Bồ Tát xong, bảo ngồi lại chỗ cũ. Cả chúng đều vâng lời. Khi đại chúng an tọa, Phật bảo Xá Lợi Phật:

- Người có thấy thần lực tự tại của Bồ Tát đại sĩ làm đó chăng?

- Vâng! Con đã thấy.

- Ý ngươi thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con thấy những việc làm ấy bất khả tư nghị. Chẳng phải ý thức suy nghĩ có thể đo lường được.

Lúc ấy A Nan bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Nay con ngửi mùi hương xưa nay chưa từng có, là hương gì?

Phật bảo A Nan:

- Là mùi hương từ lỗ chân lông của Bồ Tát cõi kia.

Khi ấy, Xá Lợi Phất nói với A Nan rằng:

- Lỗ chân lông của chúng tôi cũng ra mùi hương này.

A Nan hỏi:

- Mùi hương này từ đâu đến?

Đáp:

- Đây là trưởng giả Duy Ma Cật xin cơm ăn thừa của Phật từ cõi Chúng Hương đem về. Đại chúng ăn nơi nhà Ngài, tất cả lỗ chân lông đều ra mùi hương như thế.

A Nan hỏi Duy Ma Cật: - Mùi hương này giữ được bao lâu?

Đáp: - Đến khi cơm tiêu.

Hỏi: - Cơm này bao lâu mới tiêu?

Đáp: - Thế lực của cơm này đến bảy ngày mới tiêu. Lại nữa, A Nan, nếu là Thanh Văn chưa vào chánh vị, ăn cơm này rồi, đến khi vào chánh vị mới tiêu. Người đã vào chánh vị, ăn cơm này rồi, đến khi tâm được giải thoát mới tiêu. Chưa phát tâm Đại thừa, ăn cơm này rồi, đến khi phát tâm Đại thừa cơm mới tiêu. Đã phát tâm Đại thừa, ăn cơm này rồi, đến khi đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn mới tiêu. Đã đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, ăn cơm này rồi, đến khi được một đời kế vị Phật mới tiêu. Ví như có thuốc gọi là Thượng Vị, kẻ uống thuốc này, những

độc trong thân diệt hết rồi mới tiêu. Cơm này cũng thế, khi diệt hết tất cả độc phiền não rồi mới tiêu.

A Nan bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Cơm hương này hay làm Phật sự như thế, thật chưa từng có.

Phật bảo: - Đúng thế! Đúng thế! A Nan! Có cõi Phật hoặc dùng ánh sáng của Phật mà làm Phật sự. Hoặc nhờ các Bồ Tát mà làm Phật sự. Hoặc dùng người huyễn của Phật hóa ra mà làm Phật sự. Hoặc dùng quần áo, ngọc cụ của Phật mà làm Phật sự. Hoặc dùng cây Bồ Đề mà làm Phật sự. Hoặc dùng vườn tược, lâu đài mà làm Phật sự. Hoặc dùng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẽ đẹp mà làm Phật sự. Hoặc nhờ thân Phật mà làm Phật sự. Hoặc dùng hư không mà làm Phật sự. Như thế, tùy sự nhân duyên cảm ứng của mọi chúng sanh đều được vào luật hạnh.

Hoặc dùng các thí dụ như: Mộng huyễn, bóng vang, tượng trong gương, trăng dưới nước, dương diệm v.v... mà làm Phật sự. Hoặc dùng âm thanh, lời nói, văn tự mà làm Phật sự. Hoặc có cõi Phật trong sạch tịch lặng, chẳng nói năng, chẳng khai thị, vô thức vô tác, vô vi mà làm Phật sự.

Như thế, A Nan! Oai nghi và cử chỉ của chư

Phật, phàm tất cả việc làm đều là Phật sự. A Nan! Vì có bốn loại ma và tám mươi bốn ngàn cửa phiền não khiến chúng sanh bị lao nhọc, nên chư Phật dùng những pháp này mà làm Phật sự. Ấy gọi là pháp môn Nhập Nhất Thiết Chư Phật. Bồ Tát nhập pháp môn này, thấy tất cả cõi Phật nghiêm tịnh chẳng lấy làm vui mừng, chẳng ham, chẳng khen. Thấy tất cả cõi Phật bất tịnh cũng chẳng lo buồn, chẳng ngại, chẳng chê. Đối với chư Phật sanh tâm trong sạch và sự hoan hỷ cung kính chưa từng có. Công đức bình đẳng của chư Phật, vì giáo hóa chúng sanh nên thị hiện những cõi Phật chẳng đồng như trên.

A Nan! Người thấy quốc độ của chư Phật, đất đai có số lượng, chứ hư không thì chẳng có số lượng. Cũng thế, sắc thân của chư Phật có số lượng, chứ trí huệ vô ngại thì chẳng có số lượng. A Nan! Những sắc thân của chư Phật như oai tướng, chủng tánh, giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sức vô sở úy, pháp bất cộng, đại từ đại bi, oai nghi, sở hành và thọ mạng thuyết pháp giáo hóa thành tựu chúng sanh nghiêm tịnh cõi Phật, đầy đủ Phật pháp v.v... thấy đều chẳng khác. Nên gọi là Chánh Biến Tri, cũng gọi là Như Lai, cũng gọi là Đại Giác.

A Nan! Vô Thượng Bồ Đề của chư Phật, trí huệ biện tài bất khả tư nghì chẳng có hạn lượng. Nếu

Ta rộng thuyết nghĩa ba câu này, dù trải qua nhiều kiếp cũng chẳng thể lãnh thọ hết. Dẫu cho tất cả chúng sanh trong đại thiên thế giới đều được đa văn bậc nhất như A Nan, đắc niệm tổng trì, dù những người đó trải qua nhiều kiếp cũng chẳng lãnh thọ hết.

A Nan bạch Phật rằng: - Từ nay về sau, con chẳng dám tự cho là đa văn nữa.

Phật bảo A Nan: - Chớ nên khởi tâm thối lui. Tại sao? Ta nói ngươi đa văn bậc nhất trong hàng Thanh Văn, chứ chẳng phải trong hàng Bồ Tát. Hãy thôi, A Nan! Người có trí chẳng nên so sánh với bậc Bồ Tát. Biển sâu, vực thăm còn có thể đo lường, chứ thiền định, trí huệ, tổng trì biện tài, tất cả công đức của Bồ Tát thì chẳng thể lường được. A Nan! Các ngươi hãy bỏ qua sở hành của Bồ Tát, sức thần thông biến hóa trong nhất thời của Duy Ma Cật, tất cả hàng Nhị thừa dầu trải qua trăm nghìn kiếp tận sức biến hóa cũng chẳng làm được.

Bấy giờ, các Bồ Tát cõi Chúng Hương chắp tay bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Chúng con khi mới thấy cõi này, sanh tâm cho là thấp kém, nay tự hối trách, lìa bỏ tư tưởng ấy. Tại sao? Phương tiện của chư Phật bất khả tư议. Vì độ chúng sanh mà tùy cơ ứng hiện cõi Phật chẳng đồng. Bạch Thế Tôn! Xin ban ít

pháp cho chúng con, để khi trở về cõi kia được tưởng nhớ Như Lai.

Phật bảo các Bồ Tát: - Có pháp môn **Hữu tận, vô tận giải thoát** các ngươi nên học.

Sao gọi là **Hữu tận**? Ấy là pháp Hữu vi.

Sao gọi là **Vô tận**? Ấy là pháp Vô vi.

Bồ Tát thì chẳng tận hữu vi, chẳng trụ vô vi.

Thế nào là chẳng tận hữu vi? Ấy là chẳng lìa đại từ, chẳng bỏ đại bi, thân tâm phát khởi nhất thiết trí mà chẳng tạm quên, giáo hóa chúng sanh mà chẳng nhảm chán. Thường tùy thuận nơi hạnh tú nghiệp, hộ trì chánh pháp chẳng tiếc thân mạng, vun trồng thiện căn chẳng có nhảm mỏi, nguyện thường an trụ nơi phương tiện hồi hướng, cầu pháp chẳng giải đãi, thuyết pháp chẳng bốn xển, siêng năng cúng dường chư Phật, vào nơi sanh tử mà vô sở úy. Đối với những việc vinh nhục tâm chẳng buồn vui, kính người học như Phật mà chẳng khinh sơ học, khiến kẻ đọa nơi phiền não phát khởi chánh niệm. Đối với sự xa lìa lợi lạc chẳng cho là quý, chẳng thích vui của mình, tùy hỷ vui của người. Nơi thiền định tưởng như địa ngục, nơi sanh tử tưởng như vườn hoa. Gặp kẻ cầu xin tưởng như bậc thầy. Xã bỏ tất cả tưởng như đầy đủ nhất thiết trí. Gặp kẻ phá giới khởi tâm cứu độ. Xem pháp Ba

La Mật tưởng như cha mẹ mình, xem pháp trợ đạo tưởng như quyến thuộc mình. Phát khởi thiện căn chẳng có ngần mé. Dùng những việc nghiêm tịnh của các cõi Phật để thành tựu cõi Phật mình. Đầy đủ tướng tốt, pháp thí vô hạn, tịnh thân khẩu ý, trừ tất cả ác, đầy đủ trí dũng nên chẳng sợ sanh tử lâu dài. Nghe vô lượng công đức của Phật mà chí nguyện chẳng mỏi. Dùng gươm trí huệ phá giặc phiền não. Ra vào sanh tử gánh vác chúng sanh khiến được giải thoát. Dùng đại tinh tấn hàng phục bọn ma. Thường cầu vô niệm trí huệ thật tướng. Hành thiểu dục tri túc mà chẳng bỏ pháp thế gian. Tùy thuận thế tục mà chẳng hoại oai nghi. Dùng thần thông trí huệ dẫn dắt chúng sanh. Đắc niệm tổng trì, việc nghe chẳng quên, khéo phân biệt căn cơ, đoạn dứt nghi hoặc của chúng sanh, dùng biện tài thuyết pháp, diễn thuyết vô ngại, hành nơi thập thiện, thọ phước Trời Người, tu Tứ Vô Lượng Tâm, khuyến thỉnh thuyết pháp, mở đường Phạm Thiên. Tùy ý tán thán, đắc âm thanh Phật, thân khẩu ý thiện, đắc Phật oai nghi, thâm nhập thiện pháp, tăng hạnh thù thắng, dùng giáo pháp Đại thừa thành tựu Bồ Tát tăng, tâm chẳng buông lung, việc thiện chẳng mất. Hành pháp như thế gọi là Bồ Tát chẳng tận hữu vi.

Thế nào là Bồ Tát chẳng trụ vô vi? Ấy là tu học

quán không mà chẳng chứng pháp không. Tu học vô tướng vô tác mà chẳng chứng vô tướng vô tác. Quán pháp vô khởi mà chẳng chứng vô khởi. Quán pháp vô thường mà chẳng chán pháp thiện. Quán thế gian khổ mà chẳng ghét sanh tử. Quán pháp vô ngã mà dạy người chẳng thôi. Quán pháp tịch diệt mà chẳng diệt hẳn. Quán pháp xa lìa mà thân tâm tu thiện. Quán pháp chẳng chỗ về mà về nơi thiện pháp. Quán pháp vô sanh mà dùng pháp sanh gánh vác tất cả. Quán pháp vô lậu mà chẳng dứt tập lậu. Quán vô sở hành mà dùng pháp hành giáo hóa chúng sanh. Quán pháp hư vô mà chẳng bỏ đại bi. Quán ngôi pháp chánh mà chẳng theo Tiểu thừa thủ chứng. Quán pháp hư vọng chẳng bền, vô nhân, vô chủ, vô tướng, vì bốn nguyện chưa mãn mà vẫn tu phước đức, thiền định, trí huệ. Tu pháp như thế gọi là Bồ Tát chẳng trụ vô vi.

Lại nữa, vì săn đủ phước đức nên chẳng trụ vô vi, săn đủ trí huệ nên chẳng tận hữu vi. Vì đại từ bi nên chẳng trụ vô vi, vì thỏa mãn bản nguyện nên chẳng tận hữu vi. Vì thu tập pháp thuốc nên chẳng trụ vô vi, tùy bệnh cho thuốc nên chẳng tận hữu vi. Biết bệnh chúng sanh nên chẳng trụ vô vi, diệt bệnh chúng sanh nên chẳng tận hữu vi. Các Chánh sĩ! Bồ Tát tu theo pháp này thì chẳng tận hữu vi, chẳng trụ vô vi. Ấy gọi là pháp môn **Tận, Vô Tận**

**Giải Thoát**, các ngươi nên học.

Bấy giờ, những Bồ Tát cõi kia nghe được pháp này đều rất vui mừng, dùng diệu hoa đủ các màu sắc và mùi hương rải khắp cõi đại thiên thế giới để cúng dường Phật và kinh pháp này, cùng các Bồ Tát rồi dâng lễ chân Phật, tán thán việc chưa từng có rằng: Phật Thích Ca Mâu Ni khéo hành phương tiện nơi cõi này.

Nói xong bỗng nhiên biến mất, trở về cõi Chúng Hương.

## **PHẨM BẤT ĐỘNG NHƯ LAI THỨ MƯỜI HAI**

Bấy giờ, Thế Tôn hỏi Duy Ma Cật rằng:

- Người muốn gặp Như Lai, mà lấy gì để quán Như Lai?

Duy Ma Cật nói:

- Như quán thật tướng tự thân, quán Phật cũng vậy. Con quán Như Lai, việc trước chẳng đến, việc sau chẳng đi, nay cũng chẳng trụ. Chẳng quán sắc, chẳng quán sắc như (*nhus tự tánh*), chẳng quán sắc tánh. Cho đến thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng quán theo như thế. Từ đại chẳng khởi, đồng như hư không. Lục nhập vô tự, siêu việt lục căn. Chẳng ở tam giới, tam cầu đã lìa, tùy thuận ba cửa giải

thoát. Tam minh dây đủ bằng với vô minh. Chẳng nhất tướng, chẳng dị tướng, chẳng tự tướng, chẳng tha tướng, phi không tướng, phi chấp tướng. Chẳng bờ bên đây, chẳng bờ bên kia, chẳng giữa dòng mà giáo hóa chúng sanh.

Quán nơi tịch diệt mà chẳng diệt hẳn. Chẳng dây chẳng kia, chẳng nương dây mà đồng dây, chẳng nương kia mà đồng kia. Chẳng thể dùng trí hiểu, chẳng thể dùng thức biết. Chẳng tối chẳng sáng. Vô danh vô tướng. Chẳng mạnh chẳng yếu. Phi tịnh phi cầu. Chẳng tại phuong chẳng lìa phuong, phi hữu vi phi vô vi, vô thị vô thuyết. Chẳng bố thí chẳng bốn xén, chẳng trì giới chẳng phá giới, chẳng nhẫn nhục chẳng sân hận, chẳng tinh tấn chẳng giải đai, chẳng định chẳng loạn, chẳng trí chẳng ngu, chẳng thật chẳng dối, chẳng khứ chẳng lai, chẳng xuất chẳng nhập, tất cả ngôn ngữ đoạn dứt. Phi phước diền phi chẳng phước diền, phi nên cúng dường phi chẳng nên cúng dường, phi thủ phi xả, phi hữu tướng phi vô tướng, đồng thật tế bằng pháp tánh, siêu việt số lượng chẳng thể đo lường. Phi đại phi tiểu, phi kiến văn giác tri, lìa các trói buộc, chẳng trí huệ, đồng chúng sanh, nơi các pháp chẳng phân biệt, tất cả vô đắc vô thất, chẳng ô trước chẳng phiền não, vô tác vô khởi, vô sanh vô diệt, chẳng sơ chẳng buồn, chẳng

vui chẳng chán, chẳng đã có chẳng sẽ có, chẳng nay có. Chẳng thể dùng tất cả ngôn thuyết phân biệt để tỏ bày. Thế Tôn! Thân Như Lai là thế đó, quán theo như thế gọi là chánh quán, quán theo cách khác gọi là tà quán.

Bấy giờ, Xá Lợi Phất hỏi Duy Ma Cật rằng:

- Ông diệt nơi đâu mà đến thọ sanh nơi đây?

Duy Ma Cật nói:

- Pháp sở dắc của ông có sanh diệt chẳng?

Xá Lợi Phất đáp: - Chẳng có sanh diệt.

- Nếu các pháp chẳng có tướng sanh diệt, thì sao còn hỏi diệt nơi đâu rồi đến sanh nơi đây. Ý ông thế nào? Ví như người nam, nữ của nhà huyền thuật làm ra đó có sanh diệt chẳng?

- Chẳng có sanh diệt.

- Ông há chẳng nghe Phật thuyết các pháp như tướng huyền sao?

- Đúng thế!

- Vậy sao còn hỏi về sự sanh diệt chi nữa. Xá Lợi Phất! Diệt là pháp giả dối của tướng hư hoại. Sanh là pháp giả dối của tướng tương tục. Bồ Tát, dù diệt mà thiện nghiệp chẳng hết, dù sanh mà ác nghiệp chẳng sanh.

Khi ấy Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Có quốc độ Diệu Hỷ, Phật hiệu Vô Động, Duy Ma Cật diệt nơi cõi ấy mà đến sanh nơi đây.

Xá Lợi Phất nói:

- Bạch Thế Tôn! Người ấy nguyễn bỏ cõi thanh tịnh mà lại thích cõi nhiều oán hại này, thật chưa từng có!

Duy Ma Cật bảo Xá Lợi Phất rằng:

- Ý ông thế nào, khi mặt trời chiếu, ánh sáng ấy có hợp với tối chăng?

- Thưa không! Khi mặt trời chiếu thì chăng còn đen tối nữa.

Duy Ma Cật hỏi:

- Tại sao mặt trời phải đi qua cõi Ta Bà?

- Vì muốn dùng ánh sáng chiếu soi để diệt trừ đen tối.

Duy Ma Cật nói:

- Bồ Tát cũng thế, vì giáo hóa chúng sanh nên dù sanh cõi Phật bất tịnh mà chăng hợp với ngư tối, chỉ muốn diệt trừ phiền não đen tối của chúng sanh thôi!

Bấy giờ, đại chúng khao khát muốn gặp Vô Động Như Lai, cõi Diệu Hỷ và chúng Bồ Tát Thanh Văn cõi ấy. Phật biết ý đại chúng, bảo Duy Ma Cật rằng:

- Thiện nam tử! Hãy vì đại chúng trong hội hiện Vô Động Như Lai, cõi Diệu Hỷ và chúng Bồ Tát, Thanh Văn kia để chúng được thấy.

Lúc ấy, Duy Ma Cật nghĩ rằng: Ta sẽ chẳng rời chỗ ngồi, đối với vạn vật trong cõi Diệu Hỷ như: núi sông, đất đai, núi Tu Di, Thiết Vi, nhật nguyệt, tinh tú, Thiên Long bát bộ, quỷ thần, Phạm Thiên, chúng Bồ Tát Thanh Văn, thành phố, thôn quê, nam nữ, cho đến Vô Động Như Lai, tất cả nhà cửa cung điện, những cây Bồ Đề, diệu liên hoa và kẻ hay làm Phật sự nơi mươi phương v.v... Có ba cầu thang từ cõi Ta Bà đến cõi Dao Lợi. Chư Thiên nhờ thang này xuống lễ kính Vô Động Như Lai, lánh tho kinh pháp. Người Ta Bà cũng nhờ thang này lên cõi Dao Lợi gặp chư Thiên. Thế giới Diệu Hỷ thành tựu vô lượng công đức như thế. Trên từ cõi trời Sắc Cứu Cánh, dưới đến thủy luân, ta sẽ dùng tay phải rút lấy như lấy đồ gốm đem vào cõi này. Cũng như tay cầm tràng hoa cho tất cả chúng đều thấy.

Nghĩ xong liền nhập chánh định, hiện sức thần thông, dùng tay phải rút lấy cõi Diệu Hỷ để vào cõi Ta Bà. Các Bồ Tát đắc thần thông và chúng Thanh Văn, cùng các Thiên tử cõi kia đều cất tiếng hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Ai đem con đi? Mong cứu hộ cho!

Vô Động Như Lai bảo:

- Chẳng phải ta làm. Ấy là thần lực của Duy Ma Cật làm như thế.

Còn những người chưa đắc thần thông thì chẳng hay biết mình bị di chuyển đi chỗ khác. Cõi Diệu Hỷ dù vào cõi này mà chẳng thêm bớt, nơi cõi Ta Bà cũng vẫn y như cũ, chẳng thấy chật hẹp.

Bấy giờ, Phật Thích Ca bảo đại chúng rằng:

- Các ngươi hãy xem quốc độ trang nghiêm, Bồ Tát thanh tịnh, đệ tử trong trăng của Vô Động Như Lai cõi Diệu Hỷ.

Cả chúng đều thưa rằng:

- Vâng! Chúng con đã thấy.

Phật bảo:

- Nếu Bồ Tát muốn đắc cõi Phật trong sạch như thế, nên học theo đạo sở hành của Vô Động Như Lai.

Lúc hiện cõi Phật Diệu Hỷ này, nơi cõi Ta Bà có mười bốn na do tha người phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đều nguyện sanh cõi Phật Diệu Hỷ. Phật Thích Ca liền thọ ký cho họ được sanh cõi ấy. Khi cõi Phật Diệu Hỷ ứng hiện việc lợi ích nơi cõi Ta Bà xong, trở về bốn xứ, cả chúng đều thấy rõ.

Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Người đã thấy cõi Diệu Hỷ và Vô Động Như Lai chăng?

- Vâng! Con đã thấy. Thế Tôn! Nguyện khiến tất cả chúng sanh đều được cõi Phật trong sạch như Vô Động Như Lai, sức thần thông như Duy Ma Cật. Thế Tôn! Chúng con được gặp ngài Duy Ma Cật để thân cận cúng dường, hoan hỷ đắc được thiện lợi. Những chúng sanh hiện tại hoặc đời sau, nghe kinh này cũng được thiện lợi, huống là nghe rồi tín giải, thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, theo pháp tu hành.

Nếu có người đắc kinh này, thì được kho tàng Pháp bảo. Nếu đọc tụng, giải nghĩa, tu hành đúng như sở thuyết, thì được chư Phật hộ niệm. Kẻ cúng dường Duy Ma Cật bằng như cúng dường chư Phật. Nếu có người biên chép, thọ trì kinh này, nên biết chỗ họ ở thường có Phật. Kẻ nghe kinh này tùy hỷ thì sẽ hướng thẳng vào nhất thiết trí. Kẻ tín giải kinh này cho đến một túc kệ rồi giải thuyết cho người khác nghe, nên biết người ấy sẽ được thọ ký Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

### PHẨM PHÁP CÚNG DƯỜNG THỨ MƯỜI BA

Bấy giờ, Đề Thích ở nơi đại chúng bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Con dù đã nghe trăm nghìn kinh

điển của Phật với Văn Thù, nhưng chưa từng nghe kinh điển quyết định thật tướng thân thông tự tại bất khả tư nghì như thế! Như con hiểu nghĩa của Phật thuyết, nếu có chúng sanh nghe kinh pháp này tín giải, thọ trì, đọc tụng thì quyết định sẽ được đắc pháp, huống là tu hành đúng như Phật sở thuyết. Người ấy sẽ đóng bít nẻo ác, khai mở cửa thiện, thường được chư Phật hộ niệm, hàng phục ngoại đạo, dẹp tan ma oán, tu đạo Bồ Đề, an trụ đạo tràng, thực hiện sở hành của Như Lai.

Thế Tôn! Nếu có người thọ trì, đọc tụng tu hành đúng như Phật sở thuyết, thì con sẽ cùng các quyến thuộc cúng dường hầu hạ. Những thành phố thôn quê, núi rừng đồng bằng, nơi nào có kinh này, chúng con sẽ cùng đến chỗ đó lãnh thọ kinh pháp, kẻ chưa tin khiến sanh lòng tin, kẻ đã tin thì hộ vệ cho họ.

Phật bảo:

- Lành thay! Lành thay! Thiên Đế! Như lời ngươi nói, ta mừng cho ngươi. Kinh này rộng thuyết Vô Thượng Bồ Đề bất khả tư nghì của tam thế chư Phật. Thiên Đế! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn thọ trì, đọc tụng, cúng dường kinh này tức là cúng dường tam thế chư Phật.

Thiên Đế! Giả sử có chư Phật đầy khắp cõi tam thiền, đại thiên thế giới, nhiều như mía, tre, lúa,

mè, rừng cây v.v... Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn, hoặc một kiếp hoặc chưa đầy một kiếp, cung kính tôn trọng, tán thán cúng dường thờ phụng cho đến chư Phật diệt độ rồi, đem xá lợi toàn thân của mỗi chư Phật xây dựng tháp bảy báu rộng bồng thiênh hạ, cao đến cõi Phạm Thiên, trang nghiêm rực rõ, dùng tất cả hương hoa, anh lạc tràng phan, âm nhạc vi diệu bậc nhất để cúng dường hoặc một kiếp hoặc chưa đầy một kiếp.

Thiên Đế! Ý ngươi thế nào? Phước đức người ấy có nhiều chăng?

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Phước đức người ấy dấu cho trăm ngàn ức kiếp cũng chẳng thể kể xiết.

Phật bảo Thiên Đế:

- Nên biết thiện nam tử, thiện nữ nhơn kia được nghe kinh điển giải thoát bất khả tư nghì này, tín giải, thọ trì, đọc tụng, tu hành được phước đức nhiều hơn người trước. Tại sao? Vì Bồ Đề của chư Phật đều từ kinh này sanh ra, tướng Bồ Đề chẳng có hạn lượng. Do nhơn duyên này nên phước đức chẳng thể đo lường.

Phật lại bảo:

- Thiên Đế! Về quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp, có thế giới Đại Trang Nghiêm, kiếp gọi Trang Nghiêm. Thời ấy có Phật hiệu là Dược Vương Như

Lai, trụ thế hai mươi tiểu kiếp, hàng Thanh Văn ba mươi sáu ức na do tha, hàng Bồ Tát mười hai ức.

Khi ấy, có Chuyển Luân Thánh Vương tên là Bửu Cái, đầy đủ thắt bảo, làm vua tứ thiêng hạ. Vua có ngàn con, doan trang dũng mãnh, hay hàng phục oán thù. Lúc đó, Bửu Cái cùng quyền thuộc cúng dường thờ phụng Dược Vương Như Lai mãn năm kiếp, qua năm kiếp rồi bảo với ngàn con rằng:

“Các ngươi cũng nên đem tâm cúng dường Phật như ta vậy”.

Ngàn con vâng lời phụ vương, cũng cúng dường thờ phụng Dược Vương Như Lai mãn năm kiếp.

Trong đó có một vương tử tên Nguyệt Cái tự ngồi suy nghĩ: “Có cúng dường nào hơn việc này chăng?”.

Do oai thần Phật, giữa hư không có tiếng Thiên tử nói rằng:

“Thiện nam tử! Dùng pháp cúng dường hơn các cúng dường khác”.

Nguyệt Cái liền hỏi: “Thế nào là Pháp Cúng Dường?”

Thiên tử nói:

“Ngươi hãy đến hỏi Dược Vương Như Lai. Ngài sẽ nói rõ pháp cúng dường cho ngươi biết”.

Tức thì, Nguyệt Cái đến chỗ Dược Vương Như

Lai, đánh lẽ chân Phật, rồi đứng qua một bên bạch  
Phật rắng:

“Thế Tôn! Trong các cúng dường, pháp cúng  
dường là hơn cả. Vậy thế nào là pháp cúng dường?”.

Dược Vương Như Lai bảo:

“Thiện nam tử! **Pháp Cúng Dường** là kinh  
thâm diệu của chư Phật sở thuyết, là Tổng Trì sở  
ấn, pháp tạng sở nghiệp của Bồ Tát. Tất cả thế gian  
khó tin, khó hành. Vì diệu khó thấy, trong sạch  
chẳng nhiễm. Chẳng phải suy nghĩ phân biệt có  
thể đến. Người tu đến bậc Bất Thối Chuyển thành  
tựu lục độ, khéo phân biệt diệu nghĩa thuận pháp  
Bồ Đề, siêu việt các kinh, vào đại từ đại bi, lìa việc  
bọn ma và các tà kiến, thuận pháp nhân duyên, vô  
ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng, cũng là không,  
vô tướng, vô tác, vô khởi, hay khiến chúng sanh tọa  
đạo tràng chuyển pháp luân, Long thiên Hộ pháp  
thảy đều tán thán, khiến chúng sanh nhập pháp  
tạng Phật, gồm tất cả trí huệ của Hiền Thánh,  
thuyết đạo sở hành của Bồ Tát, nương nghĩa thật  
tướng của các pháp, sáng tỏ pháp tịch diệt vô  
thường, khổ, không, vô ngã, cứu giúp tất cả chúng  
sanh phá giới, hay khiến những tà ma ngoại đạo và  
kẻ tham đắm đều khiếp sợ, chư Phật Hiền Thánh  
cùng nhau tán thán, lìa sự khổ của sanh tử, hiện sự  
vui của Niết Bàn, ấy là do mười phương tam thế”

chư Phật sở thuyết. Nếu được nghe kinh điển này, tín giải, thọ trì, đọc tụng, dùng sức phương tiện vì chúng sanh phân biệt giảng giải, chỉ bày rõ ràng, hộ trì chánh pháp như thế gọi là pháp cúng dường”.

“Lại nữa, nơi các pháp tu hành đúng như Phật sở thuyết, tùy thuận thập nhị nhân duyên, lìa các tà kiến, đắc vô sanh nhẫn, quyết định vô ngã, vô chúng sanh, chẳng trái nhân duyên quả báo, lìa nơi ngã sở, hành đúng pháp tứ y (*Y nghĩa bất y ngũ, y trí bất y thức, y kinh liêu nghĩa bất y kinh bất liêu nghĩa, y pháp bất y nhân*), tùy thuận pháp tướng, vô sở nhập, vô sở quy. Vì vô minh cứu cánh diệt nên chư hạnh cũng diệt, cho đến pháp sanh cứu cánh diệt nên lão tử cũng diệt. Tác quán như thế thì thập nhị nhân duyên chẳng có tướng tận, kiến chấp chẳng khởi, ấy gọi là pháp cúng dường tối thượng”.

Phật bảo Thiên Đề:

- Vương tử Nguyệt Cái nghe Được Vương Như Lai thuyết pháp như thế, đắc nhu thuận nhẫn, liền cởi bửu y với đồ trang sức trên thân thể để cúng dường Phật và bạch rằng:

“Thế Tôn! Sau khi Phật diệt độ, con sẽ hành pháp cúng dường, hộ trì chánh pháp. Nguyên nhờ oai thần Phật gia hộ, khiến con hàng phục được ma oán, tu hạnh Bồ Tát”.

Dược Vương Như Lai biết thâm ý của Nguyệt Cái liền thọ ký rằng:

“Ngươi về sau sẽ hộ vệ thành trì chánh pháp”.

Khi ấy, Nguyệt Cái chứng kiến pháp thanh tịnh, nghe Phật thọ ký, tín thọ xuất gia, tinh tấn tu tập thiện pháp, chẳng bao lâu đắc ngũ thân thông, hành đạo Bồ Tát, đắc pháp Tổng Trì, biện tài vô ngại. Sau khi Phật diệt độ, dùng sức thân thông, Tổng Trì biện tài đã đắc, tùy duyên phổ biến pháp luân sở chuyển của Dược Vương Như Lai mãn mươi tiểu kiếp.

Tỳ kheo Nguyệt Cái vì siêng năng tinh tấn hộ trì chánh pháp ngay đời đó, thân đó giáo hóa trăm muôn ức người nơi Vô Thượng Bồ Đề được bất thối chuyển, mười bốn na do tha người phát tâm Nhị thừa, vô lượng chúng sanh được sanh cõi trời.

Thiên Đế! Vua Bửu Cái trước kia, nay đã thành Phật hiệu Bửu Diệm Như Lai. Ngàn con của vua tức là ngàn Phật trong Hiền kiếp, bắt đầu từ Phật Ca La Cưu Tôn Đà cho đến Phật cuối cùng hiệu là Lâu Chí Như Lai. Tỳ kheo Nguyệt Cái tức là thân Ta đây.

Thiên Đế! Phải biết pháp yếu **dùng pháp** **cúng dường** **nơi các cúng dường** này là bậc nhất, tối cao, tối thượng, chẳng gì so bằng. Vì thế,

Thiên Đế! Nên dùng pháp cúng dường để cúng dường Phật.

## PHẨM CHÚC LỤY THỨ MƯỜI BỐN

Bấy giờ, Phật bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Di Lặc! Nay Ta đem pháp Vô Thượng Bồ Đề đã tích tụ từ vô lượng a tăng kỳ kiếp phó chúc cho ngươi. Sau khi Phật diệt độ, trong thời mạt pháp, các ngươi nên dùng thần lực phổ biến giảng giải những kinh này khắp cõi Ta Bà, chớ cho đoạnứt. Tại sao? Trong đời vị lai, sẽ có thiện nam tử, thiện nữ nhơn, với Thiên Long Bát Bộ, quỷ thần, la sát v.v... phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, ưa pháp Đại Thừa. Nếu họ không được nghe những kinh này thì sẽ mất thiện lợi. Họ được nghe những kinh như thế, ắt phải phát tâm hy hữu, hoan hỷ tín thọ. Người nên tùy sự nhu cầu lợi ích của chúng sanh mà ứng cơ rộng thuyết.

Di Lặc nên biết, căn cơ Bồ Tát có hai tướng:

1) Bồ Tát sơ học, ham tìm hiểu văn chương, nghĩa cú.

2) Bồ Tát đã tu lâu, có đạo hạnh, đối với những kinh điển thăm sâu vô nhiễm, vô trước đó, nghe rồi tâm tịnh, thọ trì, đọc tụng, theo pháp tu hành, hay nhập thăm nghĩa, chẳng có khiếp sợ.

Di Lặc! Người sơ học còn có hai pháp chẳng thể quyết định vào nơi thâm nghĩa:

Một là nghe kinh thâm diệu sanh lòng khiếp sợ, nghi hoặc chẳng tin, không thể tùy thuận, lại phi báng rằng: “Xưa nay chưa nghe, Kinh này từ đâu mà có?”.

Hai là gặp người hộ trì và giải thuyết kinh thâm diệu này, chẳng những không chịu thân cận cung kính cúng dường, lại còn nhân đó nói xấu người ấy.

Do hai pháp này thì biết được Bồ Tát sơ học ấy tự tổn hại mình, không thể ở nơi pháp thâm diệu, tự điều phục tâm.

Di Lặc! Ngoài ra còn có hai pháp:

Một là khinh mạn Bồ Tát sơ học mà chẳng dạy dỗ họ.

Hai là dù tín giải pháp thâm diệu, lại chấp tướng phân biệt.

Hai hạng người này, dù có tín giải pháp thâm diệu mà vẫn tự làm tổn thương, do đó chẳng thể đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Di Lặc Bồ Tát nghe xong, liền bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Thật chưa từng có. Như lời Phật thuyết, con sẽ xa lìa các lối lầm này, mà thọ trì pháp Vô Thượng Bồ Đề của Như Lai đã tích tụ từ vô lượng a tăng kỳ kiếp. Nếu đời vị lai, nơi thiện

nam tín nữ, có kẻ cầu Đại Thừa sẽ đắc nhập kinh này, và được sức ghi nhớ để thọ trì, đọc tụng, rộng thuyết cho người khác nghe. Nếu đời мат pháp, có người nào hay thọ trì, đọc tụng, giảng giải cho người khác nghe. Nên biết người ấy là do thần lực hộ pháp của Di Lặc.

Phật bảo:

- Lành thay! Lành thay! Di Lặc! Như lời người nói, Ta mừng cho người.

Lúc ấy, tất cả Bồ Tát chấp tay bạch Phật rằng:

- Sau khi Phật diệt độ, chúng con sẽ phổ biến giảng giải pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác khắp mười phương quốc độ và dẫn dắt cho những người thuyết pháp, khiến cho đắc nhập ý thâm diệu của kinh này.

Bấy giờ Tứ Thiên Vương bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Những thành thị, thôn quê, núi rừng, đồng bằng, bất cứ nơi nào hễ có người đọc tụng, giải thuyết kinh này, con sẽ cùng các quyến thuộc đến nơi đó nghe pháp, và ủng hộ trong phạm vi một trăm do tuần, không cho ai có dịp để làm hại người ấy.

Khi ấy, Phật bảo A Nan:

- Nên thọ trì kinh này, phổ biến giảng giải.  
- Vâng! Con xin thọ trì pháp yếu của kinh này.

Thế Tôn! Kinh này tên gọi là gì?

Phật bảo A Nan:

- Kinh này gọi là **Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh**,  
cũng gọi là **Pháp Môn Giải Thoát Bất Khả Tư  
Nghiè**. Người nêu thọ trì.

Phật thuyết kinh này xong, Trưởng giả Duy Ma Cật, Văn Thủ Sư Lợi, Xá Lợi Phất, A Nan, v.v... và  
Trời, Người, A Tu La, tất cả đại chúng nghe Phật  
sở thuyết đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.





# KINH VIÊN GIÁC

Dịch Từ Phạn sang Hán: Sa Môn Phật Đà Đà La  
Dịch từ Hán sang Việt và lược giải: Thích Duy Lực



## LỜI DỊCH GIẢ

*Nguyên văn chữ Hán của Kinh Viên Giác chỉ có hơn mươi ba ngàn chữ mà bao gồm tất cả giáo pháp đốn tiệm của thượng căn và hạ căn. Phật dùng đủ thứ phương tiện giảng rõ các pháp tu chứng và thiền bệnh, độc giả theo đó tu hành thì chẳng đọa tà kiến.*

*Vì dịch giả là người nước Kế Tân, đối với văn phạm tiếng Hán chưa thông thạo lắm, nên lời văn chưa được lưu loát, thành ra có nhiều chỗ tối nghĩa nên chúng tôi phải nhờ trực giải của Ngài Hám Sơn (người đã kiến tánh) thêm vào để sáng tỏ nghĩa Kinh, gấp chỗ khó hiểu lại tùy văn ghi chú hoặc lược giải để giúp cho người đọc dễ hiểu, nhưng vẫn cố giữ nguyên văn của người dịch tiếng Phạn, chẳng bỏ sót một câu nào cả.*

*Nói tóm lại, chúng tôi dịch Kinh này là muốn giúp cho người đọc hiểu thấu nghĩa Kinh, để theo đó tu hành cho đến kiến tánh, nên chẳng chú trọng sự trau chuốt lời văn, có thể còn nhiều khuyết điểm, xin độc giả hoan hỷ chỉ giáo cho.*

**Thích Duy Lực**



## KINH VIÊN GIÁC

Tôi nghe như vậy: Một thuở Phật nhập định Thân Thông Đại Quang Minh Tạng, là nơi trụ trì Thường Tích Quang Trang Nghiêm của tất cả Như Lai, cũng là giác địa vốn trong sạch của tất cả chúng sanh, tất cả Thánh phàm đều tùy thuận bản thể bình đẳng bất nhị của tự tánh đầy khắp mười phương không gian và thời gian, thân tâm tịch diệt mà hiện cảnh bất nhị nơi các cõi Tịnh độ, cùng với mười vạn Đại Bồ Tát, bậc thượng thủ là: Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Nhã Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát, Thanh Tịnh Huệ Bồ Tát, Oai Đức Tự Tại Bồ Tát, Biện Âm Bồ Tát, Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát, Phổ Giác Bồ Tát, Viên Giác Bồ Tát, Hiền Thiện Thủ Bồ Tát, v.v... cùng các môn đồ đều nhập chánh định, đồng dự pháp hội bình đẳng của Như Lai.

Bấy giờ Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiều quanh Phật ba vòng, đảnh lễ chân Phật, chấp tay quỳ gối bạch Phật rằng:

- Xin Đại Bi Thé Tôn vì pháp chúng dự hội này giảng về nhân địa phát tâm trong sạch của Như Lai phải dựa theo pháp nào, tu theo hạnh gì mà

được thành Phật, và những Đại Thừa Bồ Tát đã phát tâm trong sạch nguyện độ chúng sanh thành Phật, nhưng chẳng biết dụng tâm tu hành như thế nào mới được chánh tri kiến, xa lìa các thiền bệnh, khiến cho chúng sanh đời mạt pháp ở vị lai cầu pháp Đại thừa chẳng đọa tà kiến.

Ngài Văn Thủ Bồ Tát nói xong, năm vóc gieo sát đất, đánh lẽ thưa thỉnh ba lần như vậy.

Bấy giờ Phật bảo Văn Thủ Bồ Tát rằng:

- Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Người khéo vì các Bồ Tát hỏi về nhân địa phát tâm của Như Lai dựa theo pháp nào, tu hạnh gì, lại vì tất cả chúng sanh đời mạt pháp cầu pháp Đại thừa được trụ nơi chánh pháp, chẳng đọa tà kiến. Nay Người hãy lắng nghe, Ta sẽ vì Người mà thuyết.

Lúc ấy Văn Thủ Bồ Tát và đại chúng hoan hỷ vâng lời Phật dạy, im lặng mà nghe.

- Thiện nam tử! Có pháp môn Tổng trì của Vô Thượng Pháp Vương gọi là Viên Giác. Từ pháp này kiến lập tất cả thanh tịnh, Chơn Như, Bồ Đề, Niết Bàn và Ba La Mật để dạy Bồ Tát và chúng sanh về nhân địa phát tâm của tất cả Như Lai, đều nên y theo giác tướng trong sạch chiếu soi đầy đủ, dứt hẳn vô minh mới thành Phật đạo.

Thiện nam tử! Thế nào là vô minh? Tất cả

chúng sanh từ vô thi đế nay đủ thứ điên đảo, ví như kẻ lạc đường nhận lầm phương Nam thành phương Bắc, vọng cho tú đại là thân tướng thật của mình, cho vọng tâm tạo huyền ảnh thành lục trần là tâm tướng thật của mình, ví như kẻ bị nhầm thấy hoa đốm trên không và thấy mặt trăng thứ hai.

Thiện nam tử! Hu không vốn chẳng có hoa đốm, vì bệnh nhầm vọng chấp thành có. Do vọng chấp ấy, chẳng những không biết tánh hư không, lại còn lầm nhận chỗ sanh ra hoa đốm là thật. Từ cái vọng này thành có sanh tử luân hồi, nên gọi là vô minh.

Thiện nam tử! Vô minh này chẳng có thật thể, như người trong mộng lúc chiêm bao thì có, đến khi thức tỉnh thì chẳng còn gì cả. Cũng như hoa đốm diệt nơi hư không, chẳng thể nói nhất định có chỗ diệt. Tại sao? Vì chẳng có chỗ sanh vậy.

Tất cả chúng sanh ở nơi pháp vô sanh vọng thấy có sự sanh diệt, cho nên gọi là sanh tử luân hồi.

Thiện nam tử! Như Lai nơi nhân địa tu theo tự tánh Viên Giác, chiếu soi bản thể của tự tánh vốn tịch diệt, biết rõ thân tâm, thế giới, như hoa đốm trên không, vậy thì thân tâm vốn không, lấy gì để thọ sanh tử luân hồi? Cái KHÔNG này là vì bản

tánh vốn không, chẳng phải do tạo tác thành không. Cái biết đó ví như hư không, kẻ biết như hư không đó tức là tướng hoa đốm cũng chẳng thể nói không có tánh tri giác, CÓ với KHÔNG đều lìa, ấy mới gọi là tùy thuận giác tánh trong sạch.

Tại sao? Vì tánh hư không thường trụ chẳng động. Trong Như Lai Tạng vốn chẳng có sự sanh diệt nên chẳng có sự tri kiến sanh diệt trong đó, cũng như pháp giới tánh, rốt ráo viên mãn đầy khắp mười phương không gian và thời gian, ấy mới gọi là nhân địa phát tâm theo chánh pháp, tu hành theo chánh hạnh.

Bồ Tát vì thế ở nơi Đại Thừa phát tâm trong sạch, chúng sanh trong đời mạt pháp theo đó tu hành chẳng đọa tà kiến.

Lúc ấy Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Văn Thù ngươi nên biết,  
Tất cả các Như Lai,  
Từ nơi bản nhân địa,  
Đều nhờ trí huệ giác.  
Thông đạt nơi vô minh,  
Cũng như hoa đốm kia.  
Thì khỏi bị luân hồi.

Cũng như người trong mộng,  
 Thức tỉnh cảnh mộng mất.  
 Giác ngộ như hư không,  
 Bình đẳng chẳng lay động.  
 Bản giác khắp mười phương,  
 Liền được thành Phật đạo.  
 Huyền chặng chõ sanh diệt,  
 Thành đạo cũng vô đắc,  
 Vì bản tánh viên mãn.  
 Bồ Tát ở trong đó,  
 Khéo phát tâm Bồ Đề.  
 Chúng sanh đời mạt pháp,  
 Tu theo lìa tà kiến.

Khi ấy Phổ Hiền Bồ tát ở trong đại chúng từ chõ ngồi đứng dậy, đi nhiều quanh Phật ba vòng, đánh lẽ chân Phật, chấp tay quỳ gối bạch Phật rằng:

- Xin Đại Bi Thế Tôn vì các Bồ Tát trong hội này và tất cả chúng sanh đời mạt pháp, người tu Đại thừa khai thị cảnh giới trong sạch của Viên Giác này nên tu hành như thế nào? Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sanh ấy đã biết thế giới như huyền, thân tâm cũng huyền, tại sao lại dùng huyền để tu huyền?

Nếu các tánh huyễn đều diệt hết thì chẳng có tâm, vậy còn ai tu hành? Tại sao lại nói tu hành như huyễn?

Nếu những chúng sanh vốn chẳng tu hành thường chịu sanh tử nơi huyễn hóa, chẳng biết ấy là cảnh giới như huyễn, thì làm sao khiến tâm vọng tưởng được giải thoát?

Xin Thế Tôn vì tất cả chúng sanh đời mạt pháp chỉ dạy nên dùng phương tiện nào để tu tập theo thứ lớp, lìa hẳn các huyễn?

Ngài Phổ Hiền Bồ Tát nói xong, năm vóc gieo sát đất, đánh lễ thưa thỉnh ba lần như vậy.

Bấy giờ Phật bảo Phổ Hiền Bồ Tát rằng:

- Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Người khéo vì các Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp, hỏi Như Lai về phương tiện và thứ lớp tu tập chánh định như huyễn của Bồ Tát, khiến cho chúng sanh được lìa các huyễn. Nay ngươi hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Lúc ấy Phổ Hiền Bồ Tát và đại chúng hoan hỷ vâng lời Phật dạy, im lặng mà nghe.

- Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh dù thứ huyễn hóa đều sanh nơi diệu tâm Viên Giác của Như Lai, ví như hoa đốm từ hư không mà có, hoa đốm dù diệt, tánh hư không chẳng hoại, huyễn tâm của

chúng sanh dù theo huyễn diệt, các huyễn diệt hết, bản giác chẳng động. DO HUYỄN nói GIÁC, giác cũng là huyễn, nếu nói CÓ GIÁC vẫn chưa lìa huyễn, nói KHÔNG CÓ GIÁC thì cũng như thế, nên nói các huyễn diệt hết gọi là bản giác chẳng động.

Thiện nam tử! Tất cả Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp nên xa lìa tất cả huyễn hóa, những cảnh giới hư vọng do vọng tâm cố chấp mà sanh. Nay xa lìa vọng tâm, cái tâm năng lìa cũng là huyễn, cũng phải xa lìa. Có sự xa lìa cũng là huyễn, cũng phải xa lìa. Có sự xa lìa để lìa vẫn là huyễn, cũng phải lìa luôn, lìa rồi lại lìa nữa, đến chỗ chẳng có sở lìa mới dứt hẳn các huyễn. Ví như dùi cây lấy lửa, hai cây chà xát vào nhau, lửa ra thì cây cháy thành tro, khói diệt tro bay, đất chỗ nơi đốt vốn chẳng động; vậy dùng huyễn tu huyễn cũng như thế, các huyễn diệt hết nhưng chẳng phải đoạn diệt.

Thiện nam tử! Biết huyễn tức là lìa, chẳng lập phương tiện; lìa huyễn tức là giác, cũng chẳng thứ lớp. Tất cả Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp theo đó tu hành, như thế mới được lìa hẳn các huyễn.

Lúc ấy Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Phổ Hiền ngươi nên biết,  
 Tất cả các chúng sanh,  
 Vô thí huyễn vô minh,  
 Đều nương tâm Viên Giác,  
 Của Như Lai kiến lập.  
 Ví như những hoa đốm,  
 Nương hư không có tướng.  
 Hoa đốm nếu diệt rồi,  
 Hư không vốn chẳng động,  
 Huyễn từ bản giác sanh,  
 Huyễn diệt, giác viên mãn.  
 Bản giác vốn chẳng động,  
 Như tất cả Bồ Tát,  
 Và mạt pháp chúng sanh.  
 Thường nên xa lìa huyễn,  
 Các huyễn thảy đều lìa,  
 Như dùi cây lấy lửa,  
 Cây hết lửa cũng diệt.  
 Giác vốn chẳng thứ lớp,  
 Phương tiện cũng như thế.

Khi ấy Phổ Nhã Bồ Tát ở trong đại chúng từ  
 chõ ngồi đứng dậy, đi nhiều quanh Phật ba vòng,  
 đánh lẽ chân Phật, chấp tay quỳ gối bạch Phật  
 rằng:

- Xin Đại Bi Thế Tôn vì các Bồ Tát trong hội này và tất cả chúng sanh đời mạt pháp giảng về sự tu hành theo thứ lớp của Bồ Tát, nên quán như thế nào? An trú tâm như thế nào? Những chúng sanh chưa ngộ, dùng phương tiện gì khiến đều được khai ngộ? Bạch Thế Tôn! Nếu những chúng sanh ấy chẳng biết phương tiện và thiền quán của Chánh Pháp, nghe Phật thuyết chánh định này tâm sanh mê muội, thì ở nơi Viên Giác chẳng thể ngộ nhập. Xin Phật từ bi vì chúng con và chúng sanh đời mạt pháp giả thiết phương tiện để được vào cửa tu hành.

Ngài Phổ Nhãm Bồ Tát nói xong, năm vóc gieo sát đất, đánh lỗ thưa thỉnh ba lần như vậy.

Bấy giờ Phật bảo Phổ Nhãm Bồ Tát rằng:

- Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Người khéo vì các Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp hỏi Như Lai về thiền quán và an trú tâm như thế nào, phải nên theo thứ lớp tu hành như thế nào, cho đến giả thiết đủ thứ phương tiện. Nay ngươi hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Lúc ấy, Phổ Nhãm Bồ Tát và đại chúng hoan hỷ vâng lời Phật dạy, im lặng mà nghe.

Thiện nam tử! Những Bồ Tát sơ học và chúng sanh đời mạt pháp muốn cầu tâm Viên Giác trong

sạch của Như Lai, nên dùng chánh niệm để xa lìa các huyễn.

### LƯỢC GIẢI

Chánh niệm tức là vô niệm, vô niệm tức là lìa niệm, lìa niệm tức là lìa huyễn, lìa huyễn tức là tùy thuận bản giác trong sạch. Phàm có khởi tâm động niệm, nơi bản thể Viên Giác đều thuộc về huyễn hóa. Ý Phật ở đây là: Ngoài bản niệm ra chẳng sanh một niệm nào thì các huyễn tự diệt, nên nói: "Xa lìa các huyễn".

(Lược giải hết)

Muốn giữ chánh niệm, trước tiên phải nương theo hạnh Sa Ma Tha (*bằng như chỉ quán*) của Như Lai, kiên trì giới cấm, cho đồ chúng an cư, tĩnh tọa trong tịnh thất. Hành giả trước tiên hãy quán tâm này do tứ đại hòa hợp, những thứ tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não, chất bẩn đều thuộc về địa đại. Nước mắt, nước mũi, mồ hôi, mõ, máu, mủ, đờm, dãi, tiểu tiện, v.v... đều thuộc về thủy đại. Hơi ấm là hỏa đại, hơi thở là phong đại. Nếu tứ đại lìa nhau thì thân này ở đâu? Nếu quán xét như thế thì biết thân này vốn chẳng có tự thể, do hòa hợp thành có tướng, thật ra đồng như huyễn hóa. Vì bốn duyên giả hợp mới vọng có lục căn, từ tứ đại sanh khởi lục căn, căn trấn hòa hợp sanh khởi lục thức, do lục thức phân biệt lục trần, ghi nhớ tích tụ bên trong, tựa như có tướng nhân duyên hiện ra nên giả gọi là tâm.

Thiện nam tử! Cái vọng tâm này nếu chẳng có lục trần thì chẳng thể có, từ đại tan rã thì cảnh trần cũng không còn. Nhân duyên căn trần đều tự tiêu tán, rõt cuộc cũng chẳng thấy có gì là tâm phan duyên.

Thiện nam tử! Những chúng sanh áy nếu huyền thân diệt huyền tâm cũng diệt, huyền tâm diệt rồi huyền trần cũng diệt, huyền trần diệt rồi huyền diệt cũng diệt, cái biết huyền diệt diệt rồi thì phi huyền (*Bản giác*) chẳng diệt, ví như chùi gương, bụi sạch gương sáng.

Thiện nam tử! Phải biết thân tâm đều là cấu bẩn của huyền, tướng cấu bẩn diệt hẳn thì mười phương trong sạch (*Bản giác trong sạch khắp mười phương không gian và thời gian*).

Thiện nam tử! Ví như hạt châu Ma Ni, bản thể trong sạch vốn chẳng màu sắc, tùy theo màu sắc bên ngoài mà hiện ra màu sắc áy, kẻ mê chẳng biết, thấy hạt châu Ma Ni thật có màu sắc.

Thiện nam tử! Tánh trong sạch của Viên Giác (*bản giác*) cũng như thế, tùy loại cảm ứng hiện ra thân tâm, kẻ mê chẳng biết, lại cho bản thể Viên Giác thật có thân tâm sắc tướng, chấp thành tự tướng cũng như vậy. Chúng sanh do đó chẳng thể xa lìa huyền hóa, nên Ta nói thân tâm là cấu bẩn của huyền hóa. Đối với người đã lìa được cấu bẩn

của huyền hóa gọi là Bồ Tát. Cấu bẩn là sở lìa, Bồ Tát là năng lìa, cấu bẩn sạch (*sở lìa hết*), đối đãi trừ (*năng lìa hết*), vậy tức chẳng còn năng sở tương đối để lìa cấu bẩn và tên gọi người năng lìa (*Bồ Tát*).

Thiện nam tử! Bồ Tát này với chúng sanh đời mạt pháp, do quán xét diệt được những bóng hình của vọng tâm tạo ra thì chứng được các pháp đều huyền. Lúc ấy liền thấy mười phương trong sạch, vô biên hư không là bản giác sở hiện, bản giác tròn đầy sáng tỏ, hiển hiện chơn tâm trong sạch. Vì tâm trong sạch nên kiến trần trong sạch (*có năng thấy tức là trần, chẳng phải sắc trần*). Kiến trong sạch (*chẳng còn năng kiến sở kiến*) nên nhã căn trong sạch, nhã căn trong sạch nên nhã thức trong sạch, do nhã thức trong sạch nên văn trần trong sạch (*có năng văn tức là trần*), văn trong sạch nên nhĩ căn trong sạch, nhĩ căn trong sạch nên nhĩ thức trong sạch, do nhĩ thức trong sạch nên giác trần trong sạch (*có năng giác tức là trần*), như thế cho đến tỷ, thiệt, thân, ý đều cũng trong sạch như vậy.

Thiện nam tử! Do lục căn trong sạch nên sắc trần trong sạch, sắc trần trong sạch nên thanh trần trong sạch, cho đến hương, vị, xúc pháp đều trong sạch như thế.

Thiện nam tử! Do lục trần trong sạch nên địa

đại trong sạch, địa đại trong sạch nên thủy đại trong sạch, hỏa đại, phong đại cũng đều trong sạch như thế.

Thiện nam tử! Do tứ đại trong sạch nên thập nhị xứ, thập bát giới, cho đến nhị thập ngũ hữu (*gồm Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, tức là tam giới*) đều trong sạch.

Vì các pháp thế gian của lục phàm trong sạch nên các pháp xuất thế gian của tứ thánh như: Thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, mươi tám pháp bất cộng của Phật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, v.v... đều trong sạch. Như thế cho đến tám mươi bốn ngàn pháp môn tổng trì, tất cả đều trong sạch.

Thiện nam tử! Nói tóm lại tất cả pháp đều là tướng, tánh vốn trong sạch. Vậy thì một thân trong sạch nên nhiều thân trong sạch; vì nhiều thân trong sạch như thế cho đến mươi phương chúng sanh Viên Giác trong sạch.

Thiện nam tử! Theo sự trong sạch kể trên, do một thế giới trong sạch nên nhiều thế giới trong sạch, vì nhiều thế giới trong sạch như thế cho đến khắp không gian và thời gian, tất cả bình đẳng trong sạch chẳng động.

Thiện nam tử! Vì hư không bình đẳng chẳng động nên biết giác tánh bình đẳng chẳng động; vì tứ đại bình đẳng chẳng động nên biết giác tánh bình đẳng chẳng động, như thế cho đến tám mươi

bốn ngàn pháp môn tổng trì bình đẳng chẳng động, nên biết giác tánh bình đẳng chẳng động.

Thiện nam tử! Giác tánh cùng khắp, trong sạch chẳng động, tròn đầy chẳng có ngăn mé. Nên biết lục căn cùng khắp pháp giới, căn cùng khắp nên biết lục trần cùng khắp pháp giới, trần cùng khắp nên biết tứ đại cùng khắp pháp giới, như thế cho đến pháp môn tổng trì đều cùng khắp pháp giới.

Thiện nam tử! Do diệu giác ấy tánh vốn cùng khắp, nên tánh căn, tánh trần, chẳng hoại chẳng nhiễm. Vì căn, trần chẳng hoại chẳng nhiễm, như thế cho đến pháp môn tổng trì chẳng hoại chẳng nhiễm, như ánh sáng của trăm ngàn ngọn đèn chiếu trong một phòng, ánh sáng ấy cùng khắp, chẳng hoại chẳng nhiễm.

Thiện nam tử! Vì bản giác vốn thành tựu, nên biết Bồ Tát chẳng bị pháp trói buộc, chẳng cần pháp giải thoát, chẳng chán sanh tử, chẳng ưa Niết Bàn, chẳng kính trì giới, chẳng ghét phá giới, chẳng trọng tu lâu, chẳng khinh sơ học. Tạo sao? Vì tất cả đều ở trong bản giác, ví như con mắt sáng tỏ, thấy rõ cảnh tượng trước mắt, ánh sáng ấy viên mãn chẳng sanh yêu ghét. Tại sao? Vì bản thể ánh sáng bất nhị nên chẳng sanh yêu ghét vậy.

Thiện nam tử! Bồ Tát này và chúng sanh đời mạt pháp tu tập tâm này đều được thành tựu. Vì

bản giác vốn đầy đủ, dù nói tu tập thành tựu, thật vốn vô tu, cũng vô thành tựu. Vì Viên Giác phô biến chiểu soi, tịch diệt bất nhị, trong đó bao gồm trăm ngàn muôn ức a tăng kỳ bất khả thuyết vô số hằng sa thế giới của chư Phật, ví như hoa đốm hiện trên hư không, khởi diệt lăng xăng, chẳng hợp chẳng lìa, chẳng trói buộc, chẳng giải thoát, vì thế mới biết chúng sanh bốn lai thành Phật, sanh tử Niết Bàn đều như việc trong mộng.

Thiện nam tử! Do các pháp như việc trong mộng, nên biết sanh tử và Niết Bàn chẳng sanh chẳng diệt, chẳng khứ chẳng lai, những sở chứng ấy chẳng đắc chẳng thất, chẳng thủ chẳng xả, những nǎng chứng kia vô tác, vô chỉ, vô nhậm vô diệt, nơi pháp chứng này rốt cuộc vô năng chứng vô sở chứng, tất cả pháp tánh đều bình đẳng chẳng hoại.

Thiện nam tử! Những Bồ Tát ấy nên tu hành như thế, theo thứ lớp như thế, quán tưởng như thế, an trú tâm như thế, phương tiện như thế, khai ngộ như thế, cầu pháp như thế, tất cả thực hành đúng theo chánh pháp chánh hạnh như thế thì tâm chẳng mê muội.

Lúc ấy Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Phổ Nhãn ngươi nên biết,  
 Tất cả những chúng sanh,  
 Thân tâm đều như huyền,  
 Thân tướng thuộc tứ đại,  
 Tâm tánh về lục trần.  
 Thể tứ đại lià nhau,  
 Ai là kẻ hòa hợp?  
 Dần dần quán như thế,  
 Tất cả đều trong sạch.  
 Khắp pháp giới chẳng động,  
 Vô tác, chỉ, nhậm, diệt,  
 Cũng chẳng kẻ năng chứng.  
 Tất cả thế giới Phật,  
 Như hoa đốm trên không.  
 Tam thế đều bình đẳng,  
 Rốt cuộc chẳng khứ lai.  
 Những Bồ Tát sơ học,  
 Và chúng sanh mạt pháp.  
 Muốn cầu vào Phật đạo,  
 Nên tu tập như thế.

Khi ấy Kim Cang Tạng Bồ Tát ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiều quanh Phật ba vòng, đánh lễ chân Phật, chấp tay quỳ gối bạch Phật rằng:

- Đại Bi Thế Tôn! Khéo vì tất cả Bồ Tát giảng dạy Viên Giác trong sạch Đại tổng trì về nhân địa phát tâm đúng theo chánh pháp, và phương tiện thứ lớp tu theo chánh hạnh của Như Lai, khai phá ám muội cho chúng sanh, pháp chúng trong hội nhờ sự từ bi chỉ dạy của Phật, được trí huệ trong sạch, mắt nhầm sáng tỏ.

1. Bạch Thế Tôn! Nếu các chúng sanh bốn lai thành Phật, tại sao lại có tất cả vô minh?
2. Nếu những vô minh chúng sanh săn có, do nhân duyên gì Như Lai lại nói bốn lai thành Phật?
3. Nếu mười phương chúng sanh bốn lai thành Phật, rồi sau mới khởi vô minh, vậy tất cả Như Lai đến lúc nào sanh lại tất cả phiền não?

Xin Phật rủ lòng đại từ, vì những Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp khai giảng pháp tạng bí mật, khiến người nghe được pháp môn liễu nghĩa của Kinh này dứt hẳn tâm nghi ngờ.

Ngài Kim Cang Tạng Bồ Tát nói xong, nặm vóc gieo sát đất, đảnh lễ thưa thỉnh ba lần như vậy.

Bấy giờ Phật bảo Kim Cang Tạng Bồ Tát rằng:

- Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Người khéo vì các Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp hỏi Như Lai về pháp thâm sâu bí mật, phương tiện rốt ráo của Phật, ấy là sự chỉ dạy tối cao của Đại thừa

liễu nghĩa cho các Bồ Tát, hay khiến mười phương Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp đổi với sự tu học được lòng tin quyết định, dứt hẳn tâm nghi ngờ. Nay ngươi hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Lúc ấy Kim Cang Tạng Bồ Tát và đại chúng hoan hỷ vâng lời Phật dạy, im lặng mà nghe:

- Thiện nam tử! Tất cả thế giới những sự thủy, chung, sanh, diệt, trước, sau, có, không, tụ, tán, khởi, dừng, cho đến đủ thứ thủ, xả, đều là đối đãi, xoay vần tương sanh với nhau, niêm niệm tương tục, đều là luân hồi. Kẻ chưa ra khỏi luân hồi mà phân biệt Viên Giác thì tánh Viên Giác kia cũng đồng như luân hồi, vậy muốn khỏi bị luân hồi thì chẳng có chỗ đúng. Ví như mắt nháy thấy nước lặng dợn sóng, mắt ngó hẳn một chỗ thấy vòng lửa xoay tròn, do mây bay mau thấy mặt trăng đi nhanh, do thuyền đi thấy bờ trôi thì cũng như thế.

Thiện nam tử! Sự xoay vòng chưa dừng mà muốn cảnh vật dừng trước còn chẳng thể được, huống là tâm cấu bẩn chưa từng trong sạch, còn ở trong sanh tử luân hồi mà muốn quán Viên Giác của Phật chẳng xoay vần thì làm sao được! Vì thế các ngươi mới sanh ba điều nghi hoặc kể trên.

Thiện nam tử! Ví như bệnh nhặm vọng thấy hoa đốm hiện trên hư không, nếu bệnh nhặm trừ,

chẳng thể nói rằng nhãm nay đã diệt, vậy đến lúc nào tất cả bệnh nhãm mới sanh trở lại. Tại sao? Vì hai pháp bệnh nhãm và hoa đốm chẳng phải đối đai sanh nhau, cũng như hoa đốm diệt nơi hư không rồi, chẳng thể nói rằng hư không lúc nào sanh lại hoa đốm nữa. Tại sao? Hư không vốn chẳng có hoa đốm nên chẳng có sự sanh diệt. Sanh tử Niết Bàn đồng như hoa đốm sanh diệt, nếu diệu giác hiện ra tròn đầy chiếu khắp thì hoa đốm và bệnh nhãm đều tự lìa hẳn.

Thiện nam tử! Phải biết hư không chẳng phải tạm có, cũng chẳng tạm không, huống là bản tánh bình đẳng của hư không là tùy thuận Viên Giác của Như Lai, làm sao có thể dung nạp những đối đai như: có, không, sanh, diệt, trước, sau, v.v... ở trong đó!

Thiện nam tử! Như luyện quặng vàng, vàng chẳng phải do luyện mà có, khi đã thành vàng ròng thì dù trải qua vô lượng kiếp tánh vàng chẳng hoại, chẳng thể trở lại làm quặng nữa; vậy chẳng nên nói rằng vàng ròng vốn chẳng thành tựu, Viên Giác của Như Lai cũng là như thế.

Thiện nam tử! Diệu tâm Viên Giác của tất cả Như Lai vốn chẳng Bồ Đề và Niết Bàn, cũng chẳng có sự thành Phật hay chẳng thành Phật, cũng chẳng có vọng luân hồi và phi luân hồi.

Thiện nam tử! Theo cảnh giới sở chứng của hàng Thanh Văn, thân tâm ngôn ngữ đều đã đoạn diệt còn chẳng thể đến chỗ Niết Bàn của tự mình chứng, huống là dùng tâm suy tư để đo lường cảnh giới Viên Giác của Như Lai; ví như lấy lửa đom đóm để đốt núi Tu Di thì làm sao cháy được! Nay dùng tâm luân hồi, sanh tri kiến luân hồi mà muốn vào biển Đại Tịch Diệt của Như Lai thì làm sao đến được! Cho nên Ta nói tất cả Bồ Tát và chúng sanh dời mạt pháp, trước tiên phải đoạn dứt cội gốc luân hồi từ vô thi.

Thiện nam tử! Những tác ý suy tư do có tâm mà sanh khởi ấy đều là lục trần, là nhân duyên của vọng tưởng, chẳng phải bản thể thật của chơn tâm, nên nói như hoa đốm; vậy nếu dùng tâm suy tư này để phân biệt cảnh giới của Phật, cũng như trông mong hoa đốm lại kết thành quả hư không, ấy đều là do vọng tưởng xoay vần, thật ra chẳng có chỗ đúng.

Thiện nam tử! Vọng tâm trôi nổi sanh nhiều kiến chấp xảo trá, nên chẳng thể thành tựu phương tiện của Viên Giác, sự thưa hỏi của ngươi là do vọng tâm phân biệt như thế. Thật chẳng phải là câu hỏi đúng theo chánh kiến.

Lúc ấy Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Kim Cang Tạng nên biết,  
Tánh Như Lai tịch diệt,  
Chưa từng có thủy chung.  
Nếu dùng tâm luân hồi,  
Suy tư thành xoay vần.  
Chỉ đến bờ luân hồi,  
Chẳng thể vào biển Phật.  
Ví như luyện quặng vàng,  
Chẳng do luyện có vàng.  
Dù vàng ròng săn có,  
Nhờ luyện mới thành tựu.  
Khi đã thành vàng ròng,  
Chẳng trở lại quặng nữa.  
Sanh tử và Niết Bàn,  
Phàm phu với chư Phật,  
Đồng như tướng hoa đốm.  
Suy tư như huyền hóa,  
Huống sự hỏi hư vọng.  
Hãy thấu rõ tâm này,  
Rồi mới cầu Viên Giác.

Khi ấy Di Lặc Bồ Tát ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiều quanh Phật ba vòng, đánh lỗ chân Phật, chấp tay quỳ gối bạch Phật rằng:

- Đại Bi Thế Tôn! Đã vì Bồ Tát khai thị pháp tạng bí mật, khiến đại chúng thấu ngộ lý luân hồi, phân biệt được tà chánh, hay bố thí cho chúng sanh đời mạt pháp được đạo nhẫn vô úy, đối với Đại Niết Bàn sanh lòng tin quyết định, chẳng còn tùy theo cảnh giới luân hồi mà sanh khởi tri kiến luân hồi.

1. Bạch Thế Tôn! Nếu các Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp muốn vào biển Đại Tịch Diệt của Như Lai, nên dứt cội gốc luân hồi như thế nào?
2. Nơi các luân hồi có bao nhiêu chủng tánh?
3. Người tu đến Bồ Đề của Phật có mấy bậc sai biệt?
4. Bồ Tát trở vào trần lao nên thiết lập mấy thứ phương tiện để giáo hóa chúng sanh?

Xin Phật rủ lòng từ bi cứu thế, khiến tất cả Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp theo đó tu hành, được huệ nhẫn trong sạch, tâm gương sáng tỏ, viên mãn ngộ nhập vô thượng tri kiến của Như Lai.

Ngài Di Lặc Bồ Tát nói xong, năm vóc gieo sát đất, đánh lẽ thưa thỉnh ba lần như vậy.

Bấy giờ Phật bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Người khéo vì các Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp, hỏi Như Lai về những nghĩa lý vi diệu, thâm sâu bí mật của chư Phật, khiến các Bồ Tát huệ nhẫn trong

sạch, và tất cả chúng sanh đời мат pháp dứt hẳn luân hồi, tâm ngộ thật tướng, chứng vô sanh pháp nhẫn. Nay ngươi hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Lúc ấy Di Lặc Bồ Tát và đại chúng hoan hỷ vâng lời Phật dạy, im lặng mà nghe.

- Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay do có đủ thứ tham dục ân ái nên có luân hồi. Tất cả chúng tánh nơi các thế giới như noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, đều lấy dâm dục làm chánh nhân mới thành có sinh mạng, nên biết ái dục là cội gốc của luân hồi. Do có các dục làm trợ duyên, phát khởi ân ái, vì thế khiến chúng sanh có sanh tử tương tục.

Dục do ái mà sanh, mạng do dục mới có, chúng sanh tham ái thân mạng là dựa theo cội gốc tham dục, vậy tham dục là nhân, tham ái thân mạng là quả. Do nơi cảnh dục mà sanh tâm yêu ghét; cảnh thuận với tâm ta thì yêu, cảnh nghịch với ta thì ghét, nên theo đó tạo đủ thứ ác nghiệp thì sanh vào đao địa ngục, ngạ quỷ.

Nếu bỏ ác mà ham thiện thì sanh vào cõi trời cõi người.

Lại nữa, nếu biết nhảm chán những tham ái, ưa xả bỏ tham ái, nhưng cái ưa ấy vẫn là gốc của tham

ái, nên hiện tăng thượng (*tăng thêm*) thiện quả, đó đều là pháp hữu vi, nên còn phải chịu luân hồi, chẳng thành thánh quả. Cho nên chúng sanh muốn giải thoát sanh tử luân hồi, trước tiên phải đoạn dứt tham dục và trừ bỏ ân ái.

Thiện nam tử! Bồ Tát thị hiện đủ thứ biến hóa nơi thế gian chẳng từ cội gốc của tham ái, chỉ dùng tâm từ bi giả làm tham dục để vào sanh tử khiến chúng sanh xả bỏ ân ái. Nếu tất cả chúng sanh dời mặt pháp chịu xả bỏ tham dục và trừ sạch yêu ghét thì được dứt hẳn luân hồi, nơi tâm trong sạch, rồi cầu cảnh giới Viên Giác của Như Lai mới được khai ngộ.

Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh do cội gốc tham dục phát khởi vô minh; sanh ra năm thứ chủng tánh khác nhau, vô minh nương theo hai thứ chướng mà hiển hiện sâu cạn.

Thế nào là hai thứ chướng?

Một là lý chướng; làm chướng ngại chánh tri kiến; hai là sự chướng; do chướng này làm cho sanh tử tương tục.

## LƯỢC GIẢI

Hai thứ chướng: Pháp không sanh không diệt thuộc về pháp vô vi, gọi là Lý; tất cả pháp do nhân duyên sanh khởi đều thuộc về pháp hữu vi, gọi là Sự.

Tự tánh bất nhị chẳng có đối đãi, nên hữu vi vô vi đều tuyệt. Nếu kiến lập chân lý thì phải có sự hợp lý và bất hợp lý; hợp với bất hợp là nhị, chẳng phải bản thể bất nhị của tự tánh, nên nói Chuồng Ngại Chánh Tri Kiến, gọi là Lý chuồng. Vì chánh tri kiến là tri kiến bất nhị, tức là chẳng lập tri kiến gì cả.

Sự là sự tướng thực hành, bất cứ thực hành đúng lý hay không đúng lý đều gọi là Sự chuồng. Tại sao? Nếu chấp thật đúng với chân lý thì làm cho biến dịch sanh tử tương tục; nếu thực hành không đúng lý thì làm cho phần đoạn sanh tử tương tục, hai thứ sanh tử này cùng gọi là sanh tử tương tục.

(Lược giải hết)

Thiện nam tử! Thế nào là năm thứ chủng tánh?

1. Phàm phu chủng tánh: Nếu hai thứ chuồng kể trên chưa được đoạn diệt thì gọi là chưa thành Phật.

2. Nhị thừa chủng tánh: Nếu những chúng sanh bỏ hẳn tham dục, đã trừ được sự chuồng nhưng chưa dứt lý chuồng thì chỉ có thể ngộ nhập hàng Thanh Văn hay Duyên Giác, chưa thể trụ nơi cảnh giới Bồ Tát.

3. Bồ Tát chủng tánh: Thiện nam tử! Nếu tất cả chúng sanh đời mạt pháp muốn vào biển Đại Viên Giác của Như Lai, trước tiên phải phát nguyện siêng năng dứt trừ hai chuồng, nếu hai chuồng đã hàng phục thì được ngộ nhập cảnh giới Bồ Tát. Nếu hai chuồng dứt hẳn thì được đến chỗ Đại Niết Bàn,

Bồ Đề đầy đủ, thăng vào Viên Giác vi diệu của Như Lai.

4. Bất định chủng tánh: Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều chứng Viên Giác, được gặp thiện tri thức, tùy nơi nhân địa tự tu pháp gì hạnh gì của mỗi thiện tri thức để dạy bảo môn đồ, người theo đó tu tập bèn có chủng tánh đốn tiệm khác nhau. Nếu gặp đường lối tu đúng chánh hạnh, thăng đến vô thượng Bồ Đề của Như Lai thì chẳng kể căn cơ lớn nhỏ, đều thành quả Phật.

5. Ngoại đạo chủng tánh: Nếu những chúng sanh muốn cầu chánh pháp mà lại gặp thầy bạn tà kiến thì tu hành chẳng được chánh ngộ, đây gọi là chủng tánh ngoại đạo, ấy là lỗi của tà sư, chẳng phải lỗi của chúng sanh.

Những chủng tánh kể trên gọi chung là ngũ tánh sai biệt của chúng sanh.

Thiện nam tử! Bồ Tát chỉ vì tâm đại bi, tùy sự phuơng tiện vào các cõi thế gian, khai thị cho kẻ chưa ngộ, cho đến thị hiện đủ thứ hình tướng, tùy theo cảnh giới thuận nghịch cộng sự với họ, giáo hóa cho đến thành Phật ấy đều nương theo nguyện lực trong sạch đã sẵn từ vô thi.

Nếu tất cả chúng sanh đời mạt pháp khởi tâm tiến lên nơi Đại Viên Giác, nên phát đại nguyện trong sạch của Bồ Tát rằng:

“Nay Ta phát nguyện trụ nơi Viên Giác của Phật, cầu thiện tri thức, chớ gặp ngoại đạo và Nhị thừa, theo nguyện tu hành, các chướng dứt dần, chướng dứt sạch thì nguyện thỏa mãn, bước lên pháp điện trong sạch giải thoát, đến cõi diệu trang nghiêm, chứng Đại Viên Giác”.

Lúc ấy Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Di Lặc ngươi nên biết,  
 Tất cả những chúng sanh,  
 Chẳng được đại giải thoát,  
 Đều do tâm tham dục,  
 Sa đọa nơi sanh tử,  
 Nếu dứt được yêu ghét,  
 Và độc tham sân si,  
 Chẳng kể tánh sai biệt,  
 Đều được thành Phật đạo.  
 Hai chướng tiêu diệt hẳn,  
 Cầu sự được chánh ngộ.  
 Tùy thuận nguyện Bồ Tát,  
 Y chỉ Đại Niết Bàn.  
 Tất cả các Bồ Tát,  
 Đều theo nguyện đại bi,  
 Thị hiện vào sanh tử.

Người tu hành hiện tại,  
Và chúng sanh mạt pháp,  
Siêng dứt những ái kiếp,  
Bèn vào Đại Viên Giác.

Khi ấy Thanh Tịnh Huệ Bồ Tát ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiễu quanh Phật ba vòng, đánh lễ chân phật, chấp tay quỳ gối bạch Phật rằng:

- Đại Bi Thế Tôn! Vì chúng con giảng rõ pháp bất tư nghì như thế, vốn là việc chưa từng thấy nghe, nay chúng con nhờ Phật dạy dỗ khéo léo, được lợi ích lớn, cảm thấy thân tâm thư thái. Xin Phật vì tất cả pháp chúng ở đây giảng lại giác tánh viên mãn của Pháp Vương, những sở chứng sở đắc của tất cả chúng sanh, Bồ Tát và Như Lai sai biệt như thế nào, khiến chúng sanh đời mạt pháp nghe thánh giáo này, tùy thuận căn cơ tu theo thứ lớp mà được khai ngộ?

Ngài Thanh Tịnh Huệ Bồ Tát nói xong, năm vóc gieo sát đất, đánh lễ thưa thỉnh ba lần như vậy.

Bấy giờ Phật bảo Thanh Tịnh Huệ Bồ Tát rằng:

- Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Người khéo vì chúng sanh đời mạt pháp hỏi Như Lai về pháp tu hành theo thứ lớp và sai biệt. Nay Người hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Lúc ấy Thanh Tịnh Huệ Bồ Tát và đại chúng hoan hỷ vâng lời Phật dạy, im lặng mà nghe.

- Thiện nam tử! Tự tánh của Viên Giác vô sở trụ (*phi tánh tánh hữu*), chẳng trụ nơi CÓ và KHÔNG, chỉ tùy theo tánh nhân duyên sanh khởi, chẳng thủ chẳng chứng. Ở trong thật tướng, thật chẳng có Bồ Tát và những chúng sanh. Tại sao? Vì Bồ Tát và chúng sanh đều là huyền hóa, nếu huyền hóa diệt thì chẳng có kẻ thủ chứng. Ví như nhãm căn chẳng tự thấy nhãm, pháp tánh vốn bình đẳng mà chẳng có kẻ bình đẳng.

### LUỢC GIẢI

Tự tánh của Viên Giác vô sở trụ (*phi tánh tánh hữu*): Nói Phi Tánh vì chẳng chấp tự tánh là thật, tức là chẳng trụ nơi có; nói Tánh Hữu vì Thánh phàm đều săn đầy đủ tức là chẳng trụ nơi KHÔNG.  
(Lược giải hết)

Chúng sanh mê muội, chưa thể diệt trừ tất cả huyền hóa, lúc đang dụng công diệt trừ, muốn diệt mà chưa diệt thì hiện ra sai biệt. Nếu được tùy thuận bản tánh tịch diệt của Như Lai, rốt cuộc chẳng có sự tịch diệt và kẻ tịch diệt.

Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay, do mê giác tánh thành vọng tưởng, chấp thân Ngũ Uẩn là ngã, và ngã kiến kiên cố, thành kẻ ái luyến ngã mà chẳng tự biết vọng tâm niệm niệm

sanh diệt, chìm đắm ngũ dục nên sanh khởi lòng yêu ghét.

Nếu gặp thầy bạn tu chánh pháp giáo hóa, khiến cho khai ngộ giác tánh trong sạch tròn đầy, được thấu rõ nguồn gốc của sự sanh diệt mới biết sanh này vốn vô sanh, thì tâm trần lao cũng là tự tánh vậy.

Lại nếu có người dứt hẳn trần lao, được pháp giới trong sạch, ngay cái kiến giải trong sạch ấy tự làm chướng ngại cho mình, nên ở nơi Viên Giác chẳng được tự tại, đây gọi là tùy thuận giác tánh của phàm phu.

Thiện nam tử! Tất cả Bồ Tát do kiến giác chiếu soi, biết kiến giải là chướng ngại, dù đoạn được chướng ngại của kiến giải (*sở chiếu*) nhưng kiến giác (*năng chiếu*) vẫn còn, trụ nơi kiến giác cũng thành chướng ngại mà chẳng thể tự tại, đây gọi là tùy thuận giác tánh của những Bồ Tát chưa vào Sơ Địa.

Thiện nam tử! Có chiếu soi, có kiến giác, đều gọi là chướng ngại, cho nên thường giác của Bồ Tát chẳng trụ năng sở, năng chiếu và sở chiếu đồng thời tịch diệt. Ví như có người tự chặt đầu mình, khi đầu đã chặt đứt thì chẳng còn kẻ năng chặt. Vậy dùng tâm chướng ngại tự diệt các chướng ngại, nếu chướng ngại đã đoạn diệt thì chẳng có kẻ năng

diệt chướng ngại.

Kinh giáo liễu nghĩa của Phật như ngón tay chỉ mặt trăng, nếu thấy được mặt trăng thì biết ngón tay chẳng phải mặt trăng, đủ thứ ngôn thuyết của tất cả Như Lai để khai thị cho Bồ Tát cũng là như thế, đây gọi là tùy thuận giác tánh của những Bồ Tát đã vào Sơ Địa.

Thiện nam tử! Tất cả chướng ngại cũng là cứu cánh giác, đắc niêm thất niêm đều là giải thoát; pháp thành tựu, pháp phá hoại đều gọi là Niết Bàn; trí huệ, ngu si cùng là Bát Nhã, pháp thành tựu của Bồ Tát và ngoại đạo đồng là Bồ Đề; vô minh với Chơn Như cảnh giới chẳng khác, những giới định huệ và tham sân si đều là thanh tịnh hạnh, cõi chúng sanh và cõi Phật đồng một pháp tánh, địa ngục, thiền cung đều là Tịnh Độ, hữu tánh vô tánh cùng nhau thành Phật, tất cả phiền não tức là giải thoát. Dùng trí huệ biển giác chiếu soi các tướng trong pháp giới đều như hư không bình đẳng bất nhị, đây gọi là tùy thuận giác tánh của Như Lai.

Thiện nam tử! Những Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp phải an trụ tâm như thế này: Bất cứ lúc nào chẳng khởi vọng niệm, đối với vọng tâm cũng chẳng dừng nghỉ và diệt trừ, nơi cảnh vọng tưởng không cho liễu tri, đối với sự không liễu tri cũng chẳng phân biệt là thật không liễu tri.

## LƯỢC GIẢI

Bất cứ lúc nào chẳng khởi vọng niệm tức là vô niệm; đối với vọng tâm cũng chẳng dừng nghỉ và diệt trừ tức là chẳng diệt vọng; nơi cảnh vọng tưởng không cho liễu tri tức là chẳng cho chấp thật có vọng; đối với sự không liễu tri cũng chẳng phân biệt là thật không liễu tri tức là chẳng cho chấp thật không có vọng. Tu theo như vậy tức là giữ được chánh niệm cũng gọi là an trú tâm vậy. (Lược giải hết)

Nếu những chúng sanh đối với pháp môn khó tin, khó hiểu, khó trì (*khó thực hành*) này, nghe rồi mà chẳng sanh tâm kinh ngạc và khiếp sợ, ấy gọi là tùy thuận giác tánh.

Thiện nam tử! Các ngươi nên biết, những chúng sanh này đã từng cúng dường trăm ngàn muôn ức hằng sa chư Phật và Đại Bồ Tát, gieo trồng nhiều phước đức thiện căn, nên Phật nói người ấy gọi là thành tựu nhất thiết chủng trí (*quyết định sē thành Phật*).

Lúc ấy Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Thanh Tịnh Huệ nên biết,  
Tánh Bồ Đề viên mãn.  
Chẳng thủ cũng chẳng chứng,  
Chẳng Bồ Tát chúng sanh.  
Khi muốn giác chưa giác,

Có thứ lớp sai biệt.

Chúng sanh bị giải (*kiến giải*) chướng,  
Bồ tát chưa lìa giác.

Vào Thập Địa tịch diệt,

Chẳng trụ tất cả tướng.

Đại giác đều viên mãn,

Gọi tùy thuận cùng khắp.

Chúng sanh đời mạt pháp,

Tâm chẳng sanh hư vọng.

Phật nói người như thế,

Hiện đời tức Bồ Tát.

Cúng dường hằng sa Phật,

Công đức đã đầy đủ.

Dù có nhiều phương tiện,

Đều gọi TÙY THUẬN TRÍ (*giác tánh*).

Khi ấy Oai Đức Tự Tại Bồ Tát ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiều quanh Phật ba vòng, đánh lě chân Phật, chấp tay quỳ gối bạch Phật rằng:

- Đại Bi Thế Tôn! Đã vì chúng con giảng rõ tùy thuận giác tánh như thế, khiến cho những Bồ Tát nghe lời Phật dạy giác tâm sáng tỏ, chẳng nhờ tu tập mà được lợi ích lớn.

Bạch Thế Tôn! Ví như thành phố lớn có bốn cửa thành, người vào thành từ mọi phương đến chẳng đi cùng một đường, tất cả Bồ Tát trang nghiêm cõi Phật và thành quả Bồ Đề cũng chẳng thực hành theo một phương tiện duy nhất. Xin Thế Tôn vì chúng con giảng rõ tất cả phương tiện thứ lớp và người tu hành gồm có mấy loại? Khiến Bồ Tát trong hội và chúng sanh đời mạt pháp, kẻ cầu Đại thừa mau được khai ngộ, vào biển Đại Tích Diệt của Như Lai.

Ngài Oai Đức Tự Tại Bồ Tát nói xong, năm vóc gieo sát đất, đánh lẽ thưa thỉnh ba lần như vậy.

Bấy giờ Phật bảo Oai Đức Tự Tại Bồ Tát rằng:

- Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Người khéo vì các Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp, hỏi Như Lai về những phương tiện như thế, nay Người hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Khi ấy Oai Đức Tự Tại Bồ Tát và đại chúng hoan hỷ vâng lời Phật dạy, im lặng mà nghe.

- Thiện nam tử! Vô thượng diệu giác cùng khắp mười phương không gian và thời gian, sanh ra Như Lai và tất cả pháp, bản thể đồng nhau, bình đẳng bất nhị, nên những người tu hành thật chẳng có hai. Nếu tùy thuận phương tiện thì số ấy vô lượng, nay qui nạp lại, theo các tánh sai biệt phải có ba thứ:

1. Thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát ngộ biết Viên Giác vốn trong sạch, dùng giác tâm trong sạch ấy phát khởi quán chiếu, lấy tịnh làm hạnh quán tâm thể chẳng động. Do lăng lặng các niệm, vọng tưởng ngừng nghỉ thì thấy tướng tập khí sanh diệt trong thức thứ tám, quán lâu thì tịnh huệ sanh khởi, bỗng thấy khách trần lăng xăng của thân tâm từ nay diệt hẳn, trong tâm liền cảm thấy tịch tịnh khinh an. Vì tâm được tịch tịnh nên thấy tâm của Như Lai trong mười phương thế giới đều hiển hiện trong đó như hình tượng hiện trong gương, phương tiện này gọi là thiền quán Sa Ma Tha.

2. Thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát ngộ biết Viên Giác vốn trong sạch, dùng giác tâm trong sạch ấy phát khởi quán chiếu, biết tánh của giác tâm và cẩn trân đều do huyền hóa mà sanh khởi các huyền, nay dùng huyền trí (*thí giác*) diệt trừ kẻ huyền (*vô minh*), thì hiện thân biến hóa như huyền, khai phá vô minh để độ chúng huyền. Do huyền thân hóa độ chúng sanh mà chẳng chấp tướng chúng sanh nên trong tâm cảm thấy đại bi khinh an. Tất cả Bồ Tát từ đây khởi hạnh theo thứ lớp tiến lên, cái huyền của trí năng quán kia chẳng đồng với cái huyền của cảnh sở quán. Trí năng quán tuy chẳng đồng với cảnh sở quán, nhưng cũng là huyền, vì sở diệt mà năng còn; nếu chấp năng

quán vẫn chưa lìa huyễn, vì năng quán sở quán đều là huyễn, chẳng đồng với kẻ chấp thật có người để lìa hai thứ huyễn (*năng sở*). Sở quán đã diệt thì năng quán cũng tiêu, cảnh trí đều tuyệt, vậy mới được lìa hẳn tướng huyễn.

Những Bồ Tát này tu theo chánh hạnh kể trên thì được diệu hạnh viên mãn, cũng như mầm Chơn Như trưởng thành nơi đất Pháp thân. Phương tiện này gọi là thiền quán Tam Ma Bát Đề.

3. Thiện nam tử! Nếu các Bồ Tát ngộ biết Viên Giác vốn trong sạch, dùng giác tâm trong sạch ấy phát khởi quán chiếu, chẳng chấp huyễn hóa và tướng tịnh, liễu tri thân tâm đều là chướng ngại, nay chẳng chấp giác minh (*giác minh là cội gốc của vô minh*) chẳng kể chướng ngại, thì được diệt hẳn cảnh ngại và vô ngại. Sự thọ dụng thân tâm thế giới là tướng phiền não. Niết Bàn ở nơi phiền não của cõi trần cũng như âm thanh ở nơi chuông trống, chuông trống dù nhỏ hẹp, nhưng âm thanh vượt ra ngoài xa, chẳng bị khuôn khổ của chuông trống chướng ngại. Như thế Niết Bàn vượt ra ngoài tướng phiền não, cùng khắp pháp giới, cũng chẳng bị phiền não chướng ngại vậy. Tu theo thiền quán kể trên thì trong tâm được tịch diệt khinh an, tùy thuận cảnh giới tịch diệt của diệu giác thì thấy bốn tướng Ngã (*tự*), Nhơn (*tha*), Chúng sanh, Thọ mạng

đều là vọng tưởng trôi nổi, tất cả thân tâm đều chẳng thể đến chỗ diệu giác. Phương tiện này gọi là Thiền Na.

- Thiện nam tử! Ba thứ pháp môn này đều là Viên Giác, vì mười phương Như Lai tu hành nơi nhân địa được thân cận tùy thuận ba môn này, nên do đó thành Phật.

Đủ thứ phương tiện và tất cả đồng dị của mười phương Bồ Tát đều tu hành theo ba thứ pháp môn kể trên mà viên mãn chứng nhập, thành quả Viên Giác.

Thiện nam tử! Giả sử có người tu hành thánh đạo, giáo hóa chúng sanh, thành tựu trăm ngàn muôn ức quả A La Hán và Bích Chi Phật, chẳng bằng người nghe pháp môn vô ngại của Viên Giác này mà tùy thuận tu tập trong một sát na (*pháp môn Viên Giác là chánh nhân thành Phật, nên hơn nhiều quả chứng của Nhị thừa*).

Lúc ấy Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Oai Đức ngươi nên biết,  
Vô thượng đại giác tâm.  
Bản thể vốn bất nhị.  
Nếu tùy thuận phương tiện,  
Thì số ấy vô lượng.

Như Lai qui nạp lại,  
 Thành có ba pháp môn.  
 Sa Ma Tha tịch tịnh,  
 Như gương soi các tướng.  
 Tam Ma Đề huyền hóa,  
 Như mầm tăng trưởng dần.  
 Thiên Na tướng tịch diệt,  
 Như tiếng trong chuông trống.  
 Ba thứ diệu pháp môn,  
 Đều tùy thuận Viên Giác.  
 Mười phương chư Như Lai,  
 Và các Đại Bồ Tát,  
 Do đó được thành đạo.  
 Ba môn chứng rốt ráo,  
 Gọi cứu cánh Niết Bàn.

Khi ấy Biện Âm Bồ Tát ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiều quanh Phật ba vòng, đánh lê chân Phật, chấp tay quỳ gối bạch Phật rằng:

- Đại Bi Thế Tôn! Pháp môn này thật là hy hữu. Bạch Thế Tôn! Theo những phương tiện ấy, tất cả Bồ Tát muốn vào cửa Viên Giác phải có mấy thứ tu tập? Xin Phật vì đại chúng trong hội và chúng sanh đời mạt pháp dùng phương tiện khai thị, khiến ngộ

nhập thật tướng.

Ngài Biện Âm Bồ Tát nói xong, năm vóc gieo sát đất, đánh lễ thưa thỉnh ba lần như vậy.

Bấy giờ Phật bảo Biện Âm Bồ Tát rằng:

- Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Người khéo vì đại chúng và chúng sanh đời mạt pháp hỏi Như Lai về sự tu tập như thế, Nay người hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Khi ấy Biện Âm Bồ Tát và đại chúng hoan hỷ vâng lời Phật dạy, im lặng mà nghe.

- Thiện nam tử! Tất cả Như Lai Viên Giác trong sạch, vốn chẳng có sự tu tập và kẻ tu tập. Tất cả Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp nương theo tâm chưa giác, dùng huyền lực tu tập, khi ấy thì có hai mươi lăm thứ định luân trong sạch:

1. Nếu những Bồ Tát tu pháp cực tịnh, do sức tịnh được dứt hẳn phiền não, thành tựu rốt ráo nên chẳng rời chỗ ngồi liền vào Niết Bàn, Bồ Tát này gọi là chuyên tu thiền quán Sa Ma Tha.

2. Nếu những Bồ Tát tu pháp quán như huyền, dùng sức Phật tánh biến hóa thế giới và đủ thứ tác dụng để thực hành diệu hạnh trong sạch của Bồ Tát, nơi pháp tổng trì chẳng lạc mất tịch niệm và tịnh huệ, Bồ Tát này gọi là chuyên tu thiền quán Tam Ma Bát Đề.

3. Nếu những Bồ Tát chuyên diệt các huyễn, chẳng cần tác dụng mà tự dứt phiền não. Khi phiền não dứt sạch, liền chứng thật tướng, Bồ Tát này gọi là chuyên tu thiền quán Thiền Na.

4. Nếu những Bồ Tát trước tu cực tịnh dùng huệ tâm của tịnh để chiếu soi kẻ huyễn (*vô minh*), liền ở trong đó khởi hạnh Bồ Tát. Bồ Tát này gọi là trước tu thiền quán Sa Ma Tha, sau tu thiền quán Tam Ma Bát Đề.

5. Nếu những Bồ Tát tu theo tịnh huệ, chứng được tánh cực tịnh, liền dứt phiền não, lìa hẳn sanh tử, Bồ Tát này gọi là trước tu thiền quán Sa Ma Tha, sau tu thiền quán Thiền Na.

6. Nếu những Bồ Tát tu theo huệ tịch tịnh, lại hiện sức huyễn hóa biến hiện đủ thứ thân tướng để độ chúng sanh, sau mới dứt phiền não mà nhập tịch diệt, Bồ Tát này gọi là trước tu Sa Ma Tha, giữa tu Tam Ma Bát Đề, sau tu Thiền Na.

7. Nếu những Bồ Tát dùng sức cực tịnh, dứt phiền não rồi sau mới hành diệu hạnh trong sạch của Bồ Tát để độ chúng sanh, Bồ Tát này gọi là trước tu Sa Ma Tha, giữa tu Thiền Na, sau tu Tam Ma Bát Đề.

8. Nếu những Bồ Tát dùng sức cực tịnh, tâm dứt phiền não rồi lại độ chúng sanh, kiến lập thế giới, Bồ Tát này gọi là trước tu Sa Ma Tha, sau đồng

thời tu hai thiền quán Tam Ma Bát Đề và Thiền Na.

9. Nếu những Bồ Tát dùng sức cực tịnh để sanh khởi biến hóa, sau mới dứt phiền não, Bồ Tát này gọi là trước đồng thời tu hai thiền quán Sa Ma Tha và Tam Ma Bát Đề, sau tu Thiền Na.

10. Nếu những Bồ Tát dùng sức cực tịnh để đưa đến tịch diệt, sau lại khởi tác dụng biến hóa thế giới, Bồ Tát này gọi là đồng thời tu hai thiền quán Sa Ma Tha và Thiền Na, sau tu Tam Ma Bát Đề.

11. Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa tùy thuận đủ thứ cho đến cực tịnh, Bồ Tát này gọi là trước tu Tam Ma Bát Đề, sau tu Sa Ma Tha.

12. Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa biến hiện đủ thứ cảnh giới mới đến tịch diệt, Bồ Tát này gọi là trước tu Tam Ma Bát Đề, sau tu Thiền Na.

13. Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa để làm Phật sự, an trụ tâm nơi tịch tịnh mà dứt phiền não, Bồ Tát này gọi là trước tu Tam Ma Bát Đề, giữa tu Sa Ma Tha, sau tu Thiền Na.

14. Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa tác dụng vô ngại để dứt phiền não, an trụ tâm nơi cực tịnh, Bồ Tát này gọi là trước tu Tam Ma Bát Đề, giữa tu Thiền Na, sau tu Sa Ma Tha.

15. Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa tác

dụng phương tiện để tùy thuận hai thiền quán cực tịnh tịch diệt, Bồ Tát này gọi là trước tu Tam Ma Bát Đề, sau tu hai thiền quán Sa Ma Tha và Thiền Na.

16. Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa sanh đủ thứ dụng để đến cực tịnh, sau mới dứt phiền não, Bồ Tát này gọi là trước đồng thời tu hai thiền quán Tam Ma Bát Đề và Sa Ma Tha, sau tu Thiền Na.

17. Nếu những Bồ Tát dùng sức biến hóa để đưa đến tịch diệt, sau an trụ nơi tịnh lự trong sạch vô tác, Bồ Tát này gọi là trước đồng thời tu hai thiền quán Tam Ma Bát Đ Đề và Thiền Na, sau tu Sa Ma Tha.

18. Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt mà sanh khởi cực tịnh, trụ nơi thanh tịnh, Bồ tát này gọi là trước tu Thiền Na, sau tu Sa Ma Tha.

19. Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt mà sanh khởi tác dụng, tùy thuận công dụng tịch chiếu để chiếu soi tất cả cảnh, Bồ Tát này gọi là trước tu Thiền Na, sau tu Tam Ma Bát Đ Đề.

20. Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt tùy đủ thứ tự tánh an trụ nơi tịnh lự mà sanh khởi biến hóa, Bồ Tát này gọi là trước tu Thiền Na, giữa tu Sa Ma Tha, sau tu Tam Ma Bát Đ Đề.

21. Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt và tự tánh vô tác nơi cảnh giới trong sạch sanh khởi tác dụng rồi trở về tịnh lự, Bồ Tát này gọi là trước tu Thiền Na, giữa tu Tam Ma Bát Đê, sau tu Sa Ma Tha.

22. Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt mỗi mỗi thanh tịnh trụ nơi tịnh lự mà sanh khởi biến hóa, Bồ Tát này gọi là trước tu Thiền Na, sau đồng thời tu hai thiền quán Sa Ma Tha và Tam Ma Bát Đê.

23. Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt để đưa đến cực tịnh mà sanh khởi biến hóa, Bồ Tát này gọi là trước đồng thời tu hai thiền quán Thiền Na và Sa Ma Tha, sau tu Tam Ma Bát Đê.

24. Nếu những Bồ Tát dùng sức tịch diệt sanh khởi biến hóa, đưa đến cảnh huệ trong sạch sáng tỏ của cực tịnh, Bồ tát này gọi là trước đồng thời tu hai thiền quán Thiền Na và Tam Ma Bát Đê, sau tu Sa Ma Tha.

25. Nếu những Bồ Tát dùng trí huệ Viên Giác chiếu soi, đầy khắp tất cả các tánh các tướng mà chẳng lìa giác tánh, Bồ Tát này gọi là tùy thuận vốn trong sạch của tự tánh mà viên tu ba thứ quán.

Thiện nam tử! Những thiền quán kể trên gọi chung là hai mươi lăm định luân của Bồ Tát, tất cả

Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp nếu tu theo định luân này nên thực hành như thế: phải trì phạm hạnh (*thực hành thanh tịnh hạnh*), lắng lòng quán tưởng thiết tha cầu sám hối trải qua hai mươi mốt ngày, ở nơi hai mươi lăm định luân, mỗi mỗi đều ghi dấu cho rõ ràng rồi thành tâm khẩn cầu, rồi tùy tay lấy một dấu hiệu, y theo dấu hiệu đã ghi liền biết rõ các pháp đốn tiệm, pháp nào thích hợp với mình, nếu có một niệm nghi hoặc thì chẳng thể thành tựu.

Lúc ấy Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Biện Âm ngươi nên biết,  
 Tất cả các Bồ Tát,  
 Huệ trong sạch vô ngại.  
 Đầu nương thiền định sanh,  
 Gọi là Sa Ma Tha.  
 Tam Ma Đê, Thiền Na.  
 Theo ba pháp đốn tiệm,  
 Có hai mươi lăm thứ.  
 Mười phương chư Như Lai,  
 Tất cả người tu hành,  
 Đầu do tu pháp này,  
 Mà được thành Bồ Đê.  
 Chỉ trừ kẻ đốn ngộ

*(Kẻ tham Tổ Sư Thiền)*

Và Xiển Đề chẳng tin

*(Kẻ chẳng tin Phật pháp).*

Tất cả các Bồ Tát,

Và chúng sanh mạt pháp,

Thường nên giữ luân này.

Tùy thuận siêng tu tập.

Theo sức đại bi Phật,

Chẳng lâu chứng Niết Bàn.

Khi ấy Tịnh Chư Nghiệp Chuồng Bồ Tát ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng, đảnh lễ chân Phật, chấp tay quỳ gối bạch Phật rằng:

- Đại Bi Thế Tôn đã vì chúng con giảng rõ những hành tướng bất khả tư nghì nơi nhân địa của tất cả Như Lai, khiến đại chúng được pháp chưa từng có, thấy những cảnh giới siêng năng khổ tu đã trải qua hằng sa kiếp của Phật, ví như trong một niệm sát na thấy đủ tất cả công dụng của Như Lai, bậc Bồ Tát như chúng con thật sự cảm thấy hân hạnh biết bao!

- Bạch Thế Tôn! Nếu giác tâm này bản tánh trong sạch, vì sao lại bị ô nhiễm, khiến những chúng sanh mê muội chẳng thể ngộ nhập? Xin Như Lai vì chúng con khai thị pháp tánh, để làm đạo

nhẫn cho tương lai, khiến đại chúng trong hội này và chúng sanh đời mạt pháp dễ được ngộ nhập.

Ngài Tịnh Chu Nghiệp Chuướng Bồ Tát nói xong, năm vóc gieo sát đất, đánh lẽ thưa thỉnh ba lần như vậy.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tịnh Chu Nghiệp Chuướng Bồ Tát rằng:

- Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Người khéo vì đại chúng trong hội và chúng sanh đời mạt pháp, hỏi Như Lai về những phương tiện như thế. Nay người hãy lắng nghe, Ta sẽ vì người mà thuyết.

Khi ấy Tịnh Chu Nghiệp Chuướng Bồ Tát và đại chúng hoan hỷ vâng lời Phật dạy, im lặng mà nghe.

- Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh từ vô thi đến nay vọng chấp thật có bốn tướng Ngã, Nhơn, Chúng sanh và Thọ mạng, nhận lầm bốn tướng diên đảo này là thật thể của mình, do đó liền sanh hai cảnh yêu ghét, vậy nơi thể hư vọng lại chấp thêm một lớp hư vọng nữa. Hai thứ vọng nương nhau sanh ra vọng nghiệp, vì có vọng nghiệp nên vọng thấy có luân hồi; kẻ nhảm chán luân hồi lại vọng thấy có Niết Bàn, do sự chấp thật Ngã tướng này nên chẳng thể ngộ nhập bản giác trong sạch. Chẳng phải bản giác chống cự với những kẻ năng

nhập, vì có kẻ năng nhập (*ngã tướng*) thì chẳng phải bản giác vậy. Cho nên động niệm và dứt niệm đều thuộc về mê muội. Tại sao? Vì có bốn khởi vô minh đã làm chủ cho mình từ vô thi rất khó đoạn trừ, phải có huệ nhän mới trừ được. Vì tất cả chúng sanh sanh ra chẳng có huệ nhän, hiện tiền các tánh thân tâm đều là vô minh, vô minh chẳng thể tự dứt vô minh, cũng như người có sinh mạng, sinh mạng chẳng thể tự dứt sinh mạng vậy.

Vậy ngươi nên biết, có người yêu ta tùy thuận với ta thì tâm sanh hoan hỷ, người chẳng tùy thuận thì liền sanh oán ghét. Có tâm yêu ghét để nuôi dưỡng vô minh, làm cho vô minh tương tục mãi, nên cầu đạo chẳng thể thành tựu.

Thiện nam tử! Thế nào là Ngã tướng? Những chúng sanh tu hành, tâm biết có sở chứng đều thuộc về ngã tướng.

Thiện nam tử! Ví như có người cơ thể điều hòa thư thái, tay chân thư giãn, bỗng quên mất thân ta, vì ăn uống thất thường sanh ra bệnh hoạn, nhờ thầy thuốc châm cứu thấy đau mới biết có ta còn đây, cho nên người chấp có sở chứng mới hiện ra ngã tướng.

Thiện nam tử! Nếu tâm liễu tri rốt ráo biết có sở chứng, dù chứng đến thanh tịnh Niết Bàn của Như Lai đều thuộc về ngã tướng.

Thiện nam tử! Thế nào là Nhơn tướng? Như những chúng sanh tâm có sở chứng, cho kẻ năng chứng là ta, nay tiến thêm một bậc, ngộ biết chứng chẳng phải ta, ngộ này siêu việt tất cả chứng, nhưng còn giữ tâm năng ngộ tức là Nhơn tướng.

Thiện nam tử! Những tâm biết có năng sở đều thuộc về ngã, tâm dù chỉ còn chút năng ngộ để chứng lý cùng tốt của Niết Bàn đều gọi là Nhơn tướng.

Thiện nam tử! Thế nào là Chứng sanh tướng? Chỗ này là những chúng sanh có tâm biết năng chứng năng ngộ đều chẳng thể đến.

Thiện nam tử! Ví như có người nói rằng: “Ta Là Chúng Sanh”, thì biết kẻ nói chúng sanh kia chẳng phải ta cũng chẳng phải ngươi. Sao nói chẳng phải ta? Vì “Ta Là Chúng Sanh” thì chẳng phải ta, sao nói chẳng phải ngươi? Vì nói “Ta Là Chúng Sanh” thì chẳng phải ngươi cũng chẳng phải ta vậy.

## LƯỢC GIẢI

Nói “Ta là chúng sanh” vì chúng sanh là nhiều người nhiều loài. Nay nói “ta” chỉ có một mình ta, như thế thì chúng sanh chẳng phải “ta”; nói “ngươi” cũng vậy, nghĩa là chỉ có một mình ngươi chẳng phải nhiều chúng sanh, nên nói “ta là chúng sanh” thì chẳng phải “ngươi” cũng chẳng phải “ta” vậy.

(Lược giải hết)

Thiện nam tử! Nếu những chúng sanh có tâm biết năng chứng năng ngộ đều là Ngã tướng, Nhơn tướng. Nay tiến thêm một bậc, liễu tri chỗ này là Ngã tướng, Nhơn tướng chẳng thể đến, nhưng còn có sở liễu tri, biết có năng chứng năng ngộ để lìa, nên gọi là Chúng sanh tướng.

Thiện nam tử! Thế nào là Thọ mạng tướng? Những chúng sanh nay tiến thêm một bậc nữa, tâm quán chiếu sáng tỏ chiếu soi tâm liễu tri cũng bất khả dắc, chỉ còn một giác thể trong sạch; giác thể này tất cả nghiệp trí trong luân hồi đều chẳng thể tự thấy được, cũng như con mắt chẳng tự thấy mắt, tất cả tịch diệt. Vì trụ nơi tịch diệt thì mạng căn chưa dứt, nên gọi là Thọ mạng tướng.

Thiện nam tử! Nếu tâm chiếu soi thấy tất cả người giác tri là cấu bẩn của trần lao. Có năng giác sở giác là chẳng lìa được trần lao. Ví như nước canh làm tan băng, nước canh là năng tan, băng là sở tan; khi băng đã tan thì nước canh và băng đều thành nước, năng tan (*nước canh*) sở tan (*băng*) đều diệt, nếu còn có kẻ biết băng tan thì còn cái năng biết, cái biết đó là ngã. Nói “còn Thọ mạng tướng” thì nghĩa cũng như vậy.

Thiện nam tử! Chúng sanh đời mạt pháp chẳng rõ bốn tướng không thật, dù trải qua nhiều kiếp siêng năng khổ hạnh tu hành, chỉ gọi là pháp hữu

vi, rốt cuộc cũng chẳng thể thành tựu tất cả Thánh quả (*pháp vô vi*), cho nên gọi là “Chánh Pháp trong đời mạt pháp”. Tại sao? Vì lầm nhận tất cả ngã tướng cho là tướng Niết Bàn; cho có chứng có ngộ mới gọi là thành tựu. Cũng như có người nhận giặc làm con thì tài sản nhà họ chẳng thể thành tựu. Tại sao? Như có người luyến ái ngã, cũng luyến ái Niết Bàn, đè nén gốc luyến ái ngã trở thành tướng Niết Bàn; có người chán ngã, cũng chán sanh tử, chẳng biết gốc luyến ái ấy mới thật là chơn sanh tử vậy. Nay có tâm nhảm chán sanh tử, nên gọi là chẳng giải thoát.

Tại sao biết được pháp ấy chẳng giải thoát?

Thiện nam tử! Chúng sanh đời mạt pháp tu tập Bồ Đề, cho sự chứng của mình là tự trong sạch, chứng được chút ít cho là đủ, chưa dứt sạch cội gốc của ngã tướng nên chẳng giải thoát. Nếu có người tán thán pháp mình thì liền sanh tâm hoan hỷ, muốn cứu độ họ; nếu phỉ báng pháp sở đắc của mình thì liền sanh tâm sân hận. Vậy thì biết cái tâm chấp ngã tướng rất kiên cố, tiềm ẩn trong tạng thức, gặp ngoại cảnh kích thích thì phát khởi hiện hành nơi các căn, mãi chẳng giàn đoạn.

Thiện nam tử! Người tu hành vì chẳng dứt sạch ngã tướng nên chẳng thể ngộ nhập bản giác trong sạch.

Thiện nam tử! Nếu biết ngã tướng vốn không, thì chẳng có cái bản ngã để cho họ tán thán và phi báng; nay thấy “có ta thuyết pháp” thì ngã tướng chưa dứt, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ mạng tướng đều cũng như thế.

Thiện nam tử! Chúng sanh đời mạt pháp vì chưa dứt ngã tướng, cho sự thuyết pháp là “do ta thuyết”, nên pháp của họ thuyết là thuyết cái bệnh của ngã tướng, chẳng phải thuyết cái pháp của Niết Bàn vậy, cho nên gọi là kẻ đáng thương xót! Dù siêng năng tinh tấn, chỉ tăng thêm các pháp bệnh, nên chẳng thể ngộ nhập bản giác trong sạch.

Thiện nam tử! Chúng sanh đời mạt pháp vì chẳng thấu rõ bốn tướng kề trên, chấp chô hành và kiến giải của Như Lai cho là kiến giải của mình, vì chẳng phải do tự mình tu chứng, nên rốt cuộc chẳng thể thành tựu. Hoặc có chúng sanh chưa dắc nói dắc, chưa chứng nói chứng, thấy người hơn ta thì sanh tâm ganh ty, ấy là do chúng sanh đó chưa dứt ngã kiến, nên chẳng thể ngộ nhập bản giác trong sạch.

Thiện nam tử! chúng sanh đời mạt pháp muốn tu thành đạo, chớ nên sanh tâm cầu ngộ; người sanh tâm cầu ngộ thì muốn học rộng nghe nhiều để hiểu thêm giáo lý, vậy chỉ thêm đa văn, tăng trưởng ngã kiến, chẳng phải người chơn tu.

Người chơn tu chỉ nên tinh tấn hàng phục phiền não, khởi tâm đại dũng mãnh; Niết Bàn chưa đắc khiến cho đắc, phiền não chưa dứt khiến cho dứt, những tâm tham, sân, si, mạn, xiểm khúc, ganh ty đối cảnh chẳng sanh, ân ái giữa mình và người tất cả đều tịch diệt, Phật nói người ấy sẽ dần dần thành tựu Thánh quả. Nương theo nhân địa này tu hành để cầu thiện tri thức thì chẳng đọa tà kiến, nếu có sở cầu khác với nhân địa phát tâm kể trên, lại sanh lòng yêu ghét thì chẳng thể ngộ nhập biển giác trong sạch.

Lúc ấy Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Tịnh Nghiệp Chướng nên biết,  
Tất cả những chúng sanh,  
Đều do chấp ngã tướng,  
Luân hồi từ vô thi.  
  
Chưa dứt sạch bốn tướng,  
Chẳng được thành Bồ Đề,  
Yêu ghét sanh nơi tâm,  
Xiểm khúc giữ trong niệm.  
  
Cho nên bị mê muội,  
Chẳng thể vào Giác Thành,  
Nếu muốn về cõi Phật,  
Phải bỏ tham sân si.

Tâm chẳng luyến ái pháp,  
*(pháp Niết Bàn)*  
 Dần dần được thành tựu.  
 Thân ta vốn chẳng có,  
 Yêu ghét do đâu sanh?  
 Cầu thây bạn chánh tu,  
 Thì chẳng đọa tà kiến,  
 Nếu tâm cầu pháp khác,  
 Rốt cuộc chẳng thành tựu.

Khi ấy Phổ Giác Bồ Tát ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiều quanh Phật ba vòng, đánh lễ chân phật, chấp tay quỳ gối bạch Phật rằng:

- Đại bi Thế Tôn! Đã thuyết rõ những thiền bệnh, khiến đại chúng trong hội được pháp chưa từng có, tẩy sạch nghi ngờ trong tâm ý, được đại yên ổn.

Bạch Thế Tôn! chúng sanh đời mạt pháp xa dần dần Phật, bậc Thánh Hiền ẩn dật, tà pháp lại thịnh thêm. Vậy chúng sanh muốn tu hành phải cầu người thế nào, nương theo pháp nào, hành theo hạnh nào, trừ bỏ bệnh gì, phát tâm như thế nào, khiến cho chúng sanh mê muội khỏi đọa tà kiến?

Ngài Phổ Giác Bồ Tát nói xong, năm vóc gieo sát đất, đánh lễ thưa thỉnh ba lần như vậy.

Bấy giờ Phật bảo Phổ Giác Bồ Tát rằng:

- Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Người khéo hỏi Như Lai về sự tu hành như thế, hay bố thí đạo nhẫn vô úy cho tất cả chúng sanh đời mạt pháp, khiến chúng sanh được thành thánh đạo. Nay ngươi hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Khi ấy Phổ Giác Bồ Tát và tất cả đại chúng trong hội hoan hỷ vâng lời Phật dạy, im lặng mà nghe.

- Thiện nam tử! chúng sanh đời mạt pháp người muốn tu hành nên phát đại tâm cầu thiện tri thức, tức là phải cầu người có chánh tri kiến, chẳng chấp cảnh giới Thanh Văn Duyên Giác, tâm chẳng trụ tướng, dù hiện trần lao, tâm thường trong sạch, thị hiện có lỗi mà tán thán phạm hạnh (*thanh tịnh hạnh*), khiến chúng sanh thường giữ giới luật, cầu người như thế mới được thành tựu vô thượng chánh đẳng chánh giác. Chúng sanh đời mạt pháp gặp người như thế nên chẳng tiếc thân mạng mà phụng sự cúng dường. Thấy những thiện tri thức trong tú oai nghi thường hiện các hạnh trong sạch ấy là thuận độ; hoặc gặp Bồ Tát nghịch độ, thị hiện đủ thứ tội lỗi mà tâm chẳng kiêu mạn, dù cho Bồ Tát ấy có vợ con quyền thuộc, giữ lấy tiền tài cũng chẳng sanh tâm khinh bỉ. Nếu Thiện nam tử đối với các thầy bạn kể trên chẳng khởi ác niệm thì

được đến chõ rốt ráo thành tựu Chánh Giác, nên bản tâm sáng tỏ chiếu khắp mười phương cõi Phật.

Thiện nam tử! Diệu pháp sở chứng của thiện tri thức ấy nên lìa bốn bệnh. Thế nào là bốn bệnh:

- Một là Tác bệnh: Nếu có người nói rằng nơi bản tâm ta tác đủ thứ hạnh để cầu Viên Giác, nhưng tánh của Viên Giác chẳng do tác mà cầu được, nên gọi là bệnh.

- Hai là Nhập bệnh (*Bệnh mặc kệ*): Nếu có người nói rằng nay ta chẳng dứt sanh tử, chẳng cầu Niết Bàn, đối với sanh tử Niết Bàn chẳng có một niệm khởi hay diệt, mặc kệ (*nhập*) tất cả, đều tùy pháp tánh. Mặc kệ như thế mà muốn cầu Viên Giác, nhưng tánh của Viên Giác chẳng do nhập mà có, nên gọi là bệnh.

- Ba là Chỉ bệnh (*bệnh dừng lại*): Nếu có người nói rằng nay tự tâm ta dừng hẳn các niệm, cho tất cả tánh đều tịch nhiên bình đẳng, vậy muốn nhờ Chỉ (*dừng*) niệm để cầu Viên Giác, nhưng tánh Viên Giác ấy chẳng hợp với Chỉ, nên gọi là bệnh.

- Bốn là Diệt bệnh: Nếu có người nói rằng nay ta dứt hẳn tất cả phiền não, thân tâm rốt ráo rõ ràng không chẳng có gì cả, huống là cảnh giới hư vọng, căn trần tất cả diệt hẳn để cầu Viên Giác. Nhưng tánh Viên Giác ấy chẳng phải tướng diệt, nên gọi

là bệnh.

Người đã lìa bốn bệnh thì bản tri trong sạch, theo quán chiếu này gọi là chánh quán, nếu theo quán chiếu khác gọi là tà quán.

## LƯỢC GIẢI

### TÁC, CHỈ, NHẬM, DIỆT:

Điệu tánh của Viên Giác vốn chẳng thuộc nơi tác, chỉ ,nhậm, diệt, nên lìa bốn bệnh này thì tự tánh tròn đầy sáng tỏ, vốn chẳng thiếu sót, gọi là trong sạch. Nay dù nói là bệnh, nhưng đối với người chưa ngộ đều thuộc về công dụng của sự tu hành, thì bốn thứ bệnh là bốn thứ thuốc. Nếu tùy theo tự tánh của Viên Giác mà nói thì bản tánh vốn sẵn đầy đủ, chẳng nhờ công dụng nên mới gọi là bệnh vậy. (Lược giải hết)

- Thiện nam tử! Chúng sanh đời mạt pháp, người muốn tu hành nên hết lòng cúng dường thầy bạn chánh tu, phụng sự thiện tri thức. Nếu thiện tri thức ấy đến thân cận với mình, nên dứt tâm kiêu mạn, nếu muốn xa lìa mình, nên dứt tâm sân hận, gặp cảnh thuận nghịch đều như hư không, liễu tri thân tâm rốt ráo bình đẳng, với tất cả chúng sanh đồng thể chẳng khác. Tu hành như thế mới được ngộ nhập Viên Giác.

Thiện nam tử! chúng sanh đời mạt pháp chẳng được thành đạo, là do có tất cả chúng tử yêu ghét giữa mình và người từ vô thi, nên chưa được giải thoát. Nếu có người xem kẻ oán thù như cha mẹ

mình, tâm chẳng có hai, liền trừ được các bệnh nỗi các pháp. Sự yêu ghét giữa mình và người thì cũng như vậy.

Thiện nam tử! chúng sanh đời mạt pháp muốn cầu Viên Giác nên phát tâm như thế này: Tất cả chúng sanh nỗi tất cả hư không, ta đều khiến cho ngộ nhập Viên Giác rốt ráo, ở nơi Viên Giác chẳng có kẻ thủ chứng Viên Giác, dứt trừ tất cả các tướng nhơn ngã v.v... Phát tâm như thế thì chẳng đọa tà kiến.

Lúc ấy Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Phổ Giác ngươi nên biết,  
 Chúng sanh đời mạt pháp,  
 Muốn cầu thiện tri thức,  
 Nên cầu người chánh kiến.  
 Xa lìa người nhị thừa,  
 Trong pháp trừ bốn bệnh,  
 Là Tác, Chỉ, Nhậm, Diệt,  
 Thấy đến chẳng kiêu mạn,  
 Thấy đi chẳng sân hận.  
 Thấy đủ thứ cảnh giới.

(*thuận độ nghịch độ của Bồ Tát*)  
 Nên sanh tâm hy hữu.

Xem như Phật ra đời,  
 Chẳng vi phạm luật nghi.  
 Giới căn trong sạch hẳn,  
 Độ tất cả chúng sanh.  
 Cứu cánh vào Viên Giác,  
 Chẳng có tướng nhơn ngã.  
 Theo trí huệ Chánh Pháp.  
 Tu hành siêu tà kiến,  
 Chứng nhập Đại Niết Bàn.

Khi ấy Viên Giác Bồ Tát ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiều quanh Phật ba vòng, đánh lê chân Phật, chấp tay quỳ gối bạch Phật rằng:

- Đại Bi Thέ Tôn đã vì chúng con giảng rõ đủ thứ phương tiện của Viên Giác trong sạch, khiến chúng sanh đời mạt pháp được lợi ích lớn.

Bạch Thέ Tôn! Chúng con nay đã khai ngộ, sau khi Phật diệt độ, chúng sanh đời mạt pháp, người chưa được ngộ, tu theo cảnh giới trong sạch của Viên Giác này, nên an cư như thế nào? Nơi Viên Giác này có ba thứ thiền quán trong sạch, nên bắt đầu tu quán nào? Xin Phật rủ lòng đại bi, vì đại chúng trong hội và chúng sanh đời mạt pháp, bố thí đại pháp để lợi ích cho sự tu hành.

Ngài Viên Giác Bồ Tát nói xong, năm vóc gieo sát đất, đánh lỗ thưa thỉnh ba lần như vậy.

Bấy giờ Phật bảo Viên Giác Bồ Tát rằng:

- Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Người khéo hỏi Như Lai về những phương tiện như thế, cầu lợi ích lớn bố thí cho chúng sanh. Nay người hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ngươi mà thuyết.

Lúc ấy Viên Giác Bồ Tát và đại chúng hoan hỷ vâng lời Phật dạy, im lặng mà nghe.

- Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh, hoặc khi Phật còn tại thế, hoặc sau khi Phật diệt độ, hoặc trong đời mạt pháp, có những chúng sanh sẵn đủ tánh Đại thừa, tin giác tâm viên mãn bí mật của Phật, muốn theo đó tu hành; nếu có ngoại duyên chướng ngại thì nên tùy theo bốn phận quán chiếu như ta đã nói ở trên. Nếu chẳng bị ngoại duyên chướng ngại, thì nên cho đồ chúng an cư nơi Già Lam (*chùa chiền*), đại chúng cùng tu. Kiến lập đạo tràng, thiết lập kỳ hạn: dài là 120 ngày, trung bình là 100 ngày, ngắn là 80 ngày, tùy duyên sắp đặt chỗ ăn ở sạch sẽ cho dễ nhập đạo.

Khi Phật còn tại thế, được thân cận Phật quán chiếu theo chánh pháp. Sau khi Phật diệt độ thì treo bảy hình tượng Phật, mắt nhìn tượng Phật, tâm nghĩ hạnh Phật, sanh niệm tưởng nhớ Chánh

Pháp như lúc Phật còn tại thế. Lại treo những tràng phan, hương, hoa, trải qua 21 ngày, đánh lễ danh hiệu của mười phương chư Phật, thiết tha cầu sám hối, luôn luôn nghiệp niệm tu theo thiền quán kể trên, trải qua 21 ngày, nếu gặp cảnh giới tốt thì tâm được khinh an.

Mỗi năm kiết hạ an cư ba tháng, là muốn cho những Bồ Tát ở yên, chuyên tu pháp Đại thừa trong sạch, nên tâm phải lìa Thanh Văn. Vì muốn cho Bồ Tát tự tiệm chuyên tu pháp quán của Đại thừa, nên chẳng nhờ đồ chúng Tiểu thừa cùng nhau kiết hạ.

Đến ngày an cư, nên ở trước tượng Phật nói rằng: Chúng con là Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu bà tắc, Ưu bà Di (*mỗi người tự xưng tên mình*), theo Bồ Tát thừa, tu Tịch Diệt Hạnh, đồng nhập đồng trú, nơi thực tướng trong sạch, dùng Đại Viên Giác làm Già Lam của chúng con, thân tâm an cư nơi tự tánh Niết Bàn, tánh trí bình đẳng, chẳng bị lệ thuộc, nay chúng con chẳng nương theo pháp Thanh Văn, kính thỉnh mười phương Như Lai và Đại Bồ Tát cùng với chúng con an cư ba tháng. Vì muốn chuyên tu Vô Thuợng Diệu Giác của Bồ Tát Thừa, do đại nhân duyên này nên chẳng nhờ đồ chúng Tiểu thừa cùng nhau kiết hạ.

- Thiện nam tử! Đây gọi là thị hiện an cư của Bồ Tát, qua ba thời kỳ kiết hạ, sau ngày giải hạ, vì Bồ

Tát đã dùng quán trí an tâm, nên khi ra ngoài chẳng cần có chúng bạn cùng đi, tùy ý mình đi đâu cũng chẳng ngại.

- Thiện nam tử! Nếu chúng sanh đời mạt pháp, tu hành đạo Bồ Tát, nhập hạ ba kỳ đã nghe Phật dạy những thiền quán và căn, trần, thức, mỗi mỗi trong sạch kể trên, ấy là Chánh pháp đại chúng đã nghe, còn tất cả cảnh giới chẳng phải sở nghe của đại chúng thì chẳng nên chấp lấy để tu.

- Thiện nam tử! Nếu những chúng sanh tu thiền quán Sa Ma Tha, trước tiên dùng sức cực tịnh, chẳng khởi một niệm nào. Tịnh đến chỗ cực, liền hiện Bản Giác, ấy là Sơ Tịnh. Từ nơi một thân cho đến một thế giới đều cũng như thế.

- Thiện nam tử! Nếu Bản Giác cùng khấp một thế giới thì trong thế giới đó có một chúng sanh nào tâm khởi một niệm cũng đều biết cả, cho đến trăm ngàn thế giới đều cũng như thế. Đây là chánh quán, đại chúng đã nghe, còn tất cả cảnh giới chẳng phải sở nghe của đại chúng, thì chẳng nên chấp lấy để tu.

- Thiện nam tử! Nếu các chúng sanh tu thiền quán Tam Ma Bát Đề, trước tiên nên tưởng nhớ mười phương Như Lai, tất cả Bồ Tát ở mười phương thế giới, y theo mỗi mỗi pháp môn của Phật dạy, tùy thứ lớp tu hành siêng năng khổ hạnh, độ các

chúng sanh, ở nơi chánh định phát đại nguyện, dùng Như Huyễn quán (*Tam Ma Bát Đê*) tự huân tập thành chủng tử Phật. Đây là chánh quán đại chúng đã nghe, còn tất cả cảnh giới chẳng phải sở nghe của đại chúng thì chẳng nên chấp lấy để tu.

- Thiện nam tử! Nếu các chúng sanh tu thiền quán Thiền Na, trước tiên quán theo pháp số lượng, trong tâm liễu tri mỗi niệm sát na trong sanh, trụ, diệt. Sự liễu tri ấy cùng khắp trong tứ oai nghi, số niệm nào cũng biết rõ ràng. Như vậy, huệ quán dần dần tiến lên mà chẳng thấy số cực lớn và cực nhỏ. Do đó, sự quán được siêu việt số lượng, rồi chánh biến tri của Phật tánh cũng được hiện ra, thì một giọt mưa ngoài hằng sa thế giới cũng đều thấy rõ như vật trước mắt. Đây là chánh quán, đại chúng đã nghe, còn tất cả cảnh giới chẳng phải sở nghe của đại chúng thì chẳng nên chấp lấy để tu.

Đây gọi là phương tiện đầu tiên của ba thứ thiền quán kể trên. Nếu các chúng sanh lợi căn siêng năng khổ hạnh tinh tấn, đồng thời tu đủ ba thứ thiền quán, thì gọi là Như Lai xuất hiện trên đời. Còn những chúng sanh độn căn đời mạt pháp, muốn cầu đạo mà chẳng được thành tựu, là do nghiệp chướng đời trước, thì nên siêng năng sám hối, thường mong đoạn dứt những tâm yêu ghét, ganh ty, xiểm khúc, kiêu mạn (có tâm cầu thù

*thắng vô thương là tâm kiêu mạn), chọn một thứ trong ba thứ thiền quán trong sạch kể trên, tùy sức tu tập một thứ thiền quán, quán này tu không được thì tu quán khác, tâm chẳng buông lung, tùy theo thứ lớp để cầu chứng nhập.*

Lúc ấy Thế Tôn muốn giảng lại nghĩa này mà thuyết kệ rằng:

Viên Giác ngươi nên biết,  
 Tất cả những chúng sanh,  
 Muốn cầu đạo vô thương,  
 Trước lập ba kỳ hạn.  
 Sám hối nghiệp vô thi,  
 Qua hai mươi mốt ngày.  
 Rồi tu chánh quán Phật,  
 Chánh quán chúng đã nghe,  
 Còn cảnh giới tà quán,  
 Chẳng phải chúng sở nghe,  
 Thì chẳng nên chấp lấy.  
 Sa Ma Tha cực tịnh,  
 Tam Ma Đề ghi nhớ,  
 Thiên Na quán số lượng.  
 Gọi ba quán trong sạch,  
 Nếu người siêng tu tập,  
 Gọi là Phật ra đời .

Dộn cǎn chưa thành tựu,  
 Thường nēn siēng sám hối.  
 Tất cả tội vô thi,  
 Nếu các chương tiêu diệt,  
 Cảnh Phật liền hiện tiền.

Khi ấy Hiền Thiện Thủ Bồ Tát ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiều quanh Phật ba vòng, đánh lê chân Phật, chấp tay quỳ gối bạch Phật rằng:

- Đại bi Thế Tôn! Đã vì chúng con và chúng sanh đời mạt pháp, khai thị việc bất khả tư nghì như thế.

Bạch Thế Tôn! Kinh giáo Đại thừa này phải đặt tên gì? Thọ trì như thế nào? Chúng sanh tu tập được công đức gì? Khiến con hộ vệ người trì Kinh như thế nào? Phổ biến giáo pháp này đến bậc địa vị nào?

Ngài Hiền Thiện Thủ Bồ Tát nói xong, năm vóc gieo sát đất, đánh lê thưa thỉnh ba lần như vậy.

Bấy giờ Phật bảo Hiền Thiện Thủ Bồ Tát rằng:

- Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Người khéo vì các Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp hỏi Như Lai về vấn đề Kinh giáo, công đức, tên gọi như thế, nay người hãy lắng nghe, Ta sẽ vì người mà thuyết.

Lúc ấy Hiền Thiện Thủ Bồ Tát và tất cả đại chúng trong hội hoan hỷ vâng lời Phật dạy, im lặng mà nghe.

- Thiện nam tử! Kinh này là do trăm ngàn muôn ức hằng sa chư Phật sở thuyết, được tam thế Như Lai hộ trì, là chỗ quy y của mười phương Bồ Tát, là con mắt trong sạch của mười hai bộ Kinh, Kinh này gọi là Đại Phương Quảng Viên Giác Tổng Trì, cũng gọi là Khế Kinh Liễu Nghĩa, cũng gọi là Bí Mật Vương Tam Muội, cũng gọi là Cảnh Giới Quyết Định của Như Lai, cũng gọi là Tự Tánh Sai Biệt trong Như Lai Tạng, ngươi nên thọ trì.

Thiện nam tử! Kinh này hiển bày cảnh giới của Như Lai, chỉ có Phật Như Lai mới có thể giảng thuyết đến chỗ cùng tột. Nếu các Bồ Tát và chúng sanh đời mạt pháp theo đó tu hành, tùy thứ lớp tiến lên, sẽ đến địa vị Phật.

Thiện nam tử! Kinh này gọi là Đại thừa đốn giáo, chúng sanh lợi căn do đó đốn ngộ, lại cũng bao gồm pháp tiệm tu cho tất cả chúng sanh. Ví như biển lớn chẳng bỏ sót dòng nước nhỏ, cho đến ruồi muỗi và A Tu La, uống nước này đều được no đủ cả.

Thiện nam tử! Giả sử có người đem thất bảo chất đầy tam thiên đại thiên thế giới dùng để bố thí, chẳng bằng có người nghe tên Kinh này hay

nghĩa một câu trong Kinh (*Thất bửu thể gian chất đầy cõi Phật để bố thí chỉ gieo được phước hữu lậu, một lời nói chí lý thì sẽ chuyển phàm thành Thánh*).

Thiện nam tử! Giả sử có người giáo hóa trăm ngàn hằng sa chúng sanh đắc quả A La Hán, chẳng bằng có người giảng thuyết Kinh này cho người nghe được hiểu thấu nửa bài kệ trong đó.

Thiện nam tử! Nếu có người nghe tên Kinh này lòng tin vững chắc, nên biết người ấy đã gieo trồng thiện căn phước huệ nơi hằng sa tất cả chư Phật, nên được nghe kinh giáo này mà tâm chẳng nghi hoặc, chứ chẳng phải gieo trồng thiện căn nơi một Phật hai Phật mà được như thế.

Thiện nam tử! Các ngươi nên hộ trì người tu hành đời mạt pháp, chẳng cho ác ma và ngoại đạo nhiễu loạn thân tâm họ, khiến cho lui sụt.

Lúc ấy, trong hội có Hỏa Thủ Kim Cang, Tội Toái Kim Cang, Ni Lam Bà Kim Cang, v.v... tám vạn Kim Cang với quyền thuộc họ đều từ chỗ ngồi đứng dậy đi nhiễu quanh Phật ba vòng, đánh lẽ chân Phật mà thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sanh đời mạt pháp có người trì kinh này, quyết định tu pháp Đại thừa, chúng con xin gìn giữ hộ trì như gìn giữ con mắt, cho đến bất cứ chỗ đạo tràng, chỗ tu hành nào,

chúng con đều tự lãnh đồ chúng, ngày đêm hộ trì khiến khỏi bị lui sụt. Cho đến khiến gia đình họ thoát hắn tai chướng, tật bệnh tiêu diệt, của cải phong túc, chẳng có thiếu thốn.

Khi ấy Đại Phạm Thiên Vương, hai mươi tám Thiên Vương cùng với Tu Di Sơn Vương, Hộ Quốc Thiên Vương, v.v... đều từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiễu quanh Phật ba vòng, đánh lễ chân Phật mà thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng giữ gìn hộ vệ người trì Kinh này, khiến được thân tâm thường yên ổn, chẳng bị lui sụt.

Khi ấy có Đại Lực Quý Vương tên là Cát Bàn Trà, với mươi vạn Quý Vương đều từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiễu quanh Phật ba vòng, đánh lễ chân Phật mà thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng ngày đêm giữ gìn hộ vệ người trì kinh này, khiến chẳng bị lui sụt. Chung quanh một do tuần chỗ người ấy ở, nếu có quỷ thần vào đó xâm phạm, thì chúng con sẽ đánh nát họ thành vi trần.

Phật thuyết Kinh này xong, tất cả Bồ Tát, Bát bộ Thiên Long quý thần cùng quyến thuộc họ, và các Thiên Vương, Phạn Vương, v.v... Tất cả đại chúng trong hội nghe lời Phật thuyết đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.



**ĐẠI HUỆ THIỀN SƯ**  
Giải đáp vấn đề  
**THIỀN**  
**MẶC CHIẾU**

*Dịch giả: HẠNH MAI*



## **Trích từ : Tục Truyền Đăng Lục trong ĐẠI TẠNG KINH**

Khi ĐẠI HUỆ THIỀN SƯ đang xiển dương Thiên Tông thì cùng thời ấy có một ông tự xưng Tôn Sư, thuyết pháp lấy MẶC CHIẾU im lặng để dạy người, khiến người như tro lạnh, như cây khô, nói rằng pháp môn đó làm cho người thân tâm được ngưng nghỉ. Sư cho kiến giải như thế là lọt vào “hang quỷ dưới núi đen”, mà chẳng biết nếu con khỉ (tâm phan duyên) chẳng chết thì làm sao ngưng nghỉ được, nếu ý thức phân biệt chẳng chết thì làm sao ngưng nghỉ được! Nên Sư thường bài xích rằng: “Tà sư MẶC CHIẾU THIỀN, đoạn dứt HUỆ MANG PHẬT, dù ngàn Phật ra đời chẳng cho sám hối.”

Một hôm, có một vị tên Trịnh Thượng Minh cầm một nén hương, tỏ ý phẫn nộ nói với Sư: “Minh có một nén hương chưa đốt, muốn thương lượng với Hòa Thượng một việc, cũng như mặc nhiên im lặng là chỗ được ngưng nghỉ hạng nhất trong pháp môn, mà Hòa Thượng lại hết sức phi báng; Minh nghi Hòa Thượng chẳng đến được điền địa này, cho nên không thể tin nổi, như Phật Thích Ca nhốt mình trong phòng im lặng ba tuần lễ, há

chẳng phải Phật mặc nhiên sao? Ba mươi hai vị Bồ Tát nói về pháp môn BẤT NHỊ, sau cùng Duy Ma Cật im lặng, Văn Thủ tán thán, há chẳng phải Bồ Tát mặc nhiên sao? Tu Bồ Đề tĩnh tọa trong hang, há chẳng phải Thanh Văn mặc nhiên sao? Đế Thích gặp thấy im lặng mà rải hoa cúng dường, há chẳng phải là phàm phu mặc nhiên sao? Đạt Ma im lặng ngồi chín năm trong chùa Thiếu Lâm, há chẳng phải Tổ sư mặc nhiên sao? Lô Tổ thấy Tăng liền quay mặt vào tường, há chẳng phải Tôn Sư mặc nhiên sao? Nguyên do gì mà Hòa Thượng lại hết sức bài xích, cho MẶC CHIẾU là tà phi (sa lầm)?"

Sư hỏi: "Ông có đọc qua Trang Tử không?"

Đáp: "Có".

Sư nói: "Trang Tử nói: Ngôn ngữ mà đầy đủ thì suốt ngày nói mà thấu ĐẠO, ngôn ngữ chẳng đủ thì suốt ngày nói mà thấu VẬT; Đạo và vật đến chỗ cùng tốt thì ngôn ngữ hay im lặng đều chẳng thể đạt đến được, chẳng phải nghĩa của ngôn ngữ và im lặng có giới hạn. Tôi cũng chưa từng xem chú giải của Quách Tượng và các nhà chú giải khác, chỉ căn cứ theo ý tôi nói trẮng ra cho ông biết về cái MẶC NHIÊN này. Há chẳng thấy Khổng Tử một hôm trân trọng nói rằng: "Tăng Tử ơi, Đạo ta chỉ một mà thấu suốt tất cả." Tăng Tử đáp: "Dạ". Đồ chúng

mới nghe được chữ DẠ bèn chấp chữ dạ này cùng gốc với Trời đất, nhất thể với vạn vật, làm cho đức của vua được vượt trên Đế Nghiêу, Đế Thuấn; làm tướng quân thừa tướng, xây nước dựng nhà, cho đến đưa tay bước chân đều chẳng ra ngoài một chữ DẠ này, nhưng kỳ thật thì không dính dáng gì cả. Ông đâu có biết cái Đạo lý này! Ấy là ngôn ngữ của Tăng Tử đầy đủ, ngôn ngữ của Khổng Tử đầy đủ. Đồ chúng chẳng lãnh hội được lại hỏi tại sao vậy. Tăng Tử thấy họ lãnh hội chẳng được, bèn hướng vào nghĩa thứ nhì mà trả lời rằng: Đạo của Khổng Phu Tử chẳng thể chẳng nói, cho nên nói: Đạo của Khổng Phu Tử chỉ là TRUNG và THÚ mà thôi (Trung là đối với cấp trên phải hết sức trung thành, Thứ là đối với cấp dưới phải khoan hồng tha thứ)."

Nói tóm lại, đạo và vật đến chỗ cùng tột chẳng ở trên ngôn ngữ, chẳng ở chỗ im lặng; ngôn ngữ cũng chẳng đạt đến, im lặng cũng chẳng đạt đến. Lời của ông còn chưa khé hợp với ý của Trang Tử, huống là muốn khé hợp với ý của Tổ Đạt Ma và Phật Thích Ca! Ông muốn lãnh hội cái nghĩa "chẳng phải ngôn ngữ im lặng có giới hạn" của Trang Tử không? Ấy tức là Văn Môn Đại Sư cầm cây quạt lên nói: "Cây quạt nhảy lên cõi trời, đụng nhầm lỗ mũi Đế Thích, đánh một gậy cho con lý ngư trong biển thì mưa xuống tầm tã." Ông nếu

lãnh hội được lời nói của Vân Môn, tức là lãnh hội được lời nói của Trang Tử, lời nói của Tăng Tử và lời nói của Khổng Tử vậy.”

Minh liền bít miệng. Sư nói: “Ông tuy bít miệng nhưng tâm còn chưa phục, nhưng người xưa quyết định chẳng ngồi chỗ mặc nhiên là đã rõ ràng rồi. Ông vừa nói Phật Thích Ca tự nhốt mình trong phòng và Duy Ma Cật mặc nhiên v.v... Ông hãy xem thuở xưa có một vị tọa chủ gọi là Pháp sư Tăng Triệu, lấy chỗ vô ngôn thuyết ấy nói ra cho người biết. Thích ca nhốt kín trong phòng. Duy Ma Cật bít miệng, Tu Bồ Đề tĩnh tọa trong hang, Đế Thích tuyệt thính rải hoa cúng dường, ấy đều là lý và chân tánh dung hợp, nên miệng do đó mà im lặng, đâu phải chẳng có biện tài, vì biện tài chẳng thể nói được, đây là lý và chân tánh thình lình đụng nhau, bất giác đạt đến chỗ chẳng thể nói được. Mặc dù im lặng mà tiếng nói như sấm sét, nên mới nói: đâu phải chẳng có biện tài, vì biện tài không thể nói được vậy. Ở đây, thông minh và biện tài của thế gian một chút cũng không dùng được, đến được chỗ này mới là chỗ buông thân xả mạng, cảnh giới này phải tự chứng tự ngộ mới được. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm nói: “Cung điện Như Lai chẳng phương sở, kẻ ngộ tự nhiên ở trong đó.” Đây là Pháp môn ĐẠI GIẢI THOÁT của chư thánh, vô lượng vô biên, vô đắc vô thất, vô mặc vô ngôn, vô

khứ vô lai, trần trần như vậy, sát sát như vậy, niệm niệm như vậy, pháp pháp như vậy, chỉ vì chúng sanh căn tánh ngu độn, chẳng đạt đến cảnh giới của Thánh Hiền Tam Giáo, nên mới phân biệt cái này cái kia, mà chẳng biết cảnh giới này quảng đại như thế, lại hướng vào trong “núi đen hang quý” mặc nhiên tĩnh tọa, nên bị tiên thánh mắng răng: Mặc chiểu là hố sâu của giải thoát, đó là nơi đáng sợ hãi. Nếu nhìn theo mắt đạo, tức là ngồi trong dao sơn kiếm thụ, chảo dầu sôi lò lửa than. Những Pháp sư giáo môn còn không bị mắc kẹt vào chỗ mặc nhiên, huống là hành giả tham Tổ Sư Thiền! Mà lại cho rằng hễ mở miệng là sai, kỳ thật không dính dáng gì cả.

Minh bất giác đánh lễ, Sư nói: “Ông tuy đánh lễ, nhưng còn có việc chưa xong”. Đến buổi tối vào phòng, Sư hỏi: “Tuổi ông năm nay bao nhiêu?”

Dáp: “Sáu mươi bốn.”

Sư lại hỏi: “Sáu mươi bốn năm trước, ông từ đâu đến?”

Minh lại bit miệng. Sư cầm cây gậy đuổi ra. Hôm sau lại đến phòng nói: “Sáu mươi bốn năm trước chưa có Minh. Tại sao Hòa Thượng hỏi Minh từ đâu đến?”

Sư nói: “Sáu mươi bốn năm trước chẳng lẽ đã ở nhà họ Trịnh? Nay trước mắt cái biết được nghe

pháp thuyết pháp sáng tỏ rõ ràng này lúc chưa sanh đáo để ở chỗ nào?"

Minh đáp: "Không biết."

Sư nói: "Ông đã không biết tức là sanh đại. Một đời chỉ được trăm năm, trăm năm sau ông muốn bay ra khỏi tam thiên đại thiền thế giới này, là phải đợi ông vào hòm rồi mới được, đến lúc ấy từ đại ngũ uẩn nhất thời tan rã, có mắt không thấy vật, có tai không nghe tiếng, cái tâm bằng khói thịt này chẳng thể phân biệt được, cái thân mà lửa đốt dao chém cũng chẳng biết đau, đến lúc ấy cái sáng tỏ rõ ràng này lại đi về đâu?"

Đáp: "Minh cũng không biết."

Sư nói: "Ông đã không biết là tử đại. Cho nên nói vô thường nhanh chóng, sanh tử sự đại là lý này vậy. Ở chỗ này dấu có thông minh cũng chẳng dùng được, có trí nhớ cũng chẳng dùng được. Tôi lại hỏi ông: Ông bình thường hay làm đủ thứ văn chương, đến lúc lâm chung lấy câu nào để đối phó với sanh tử? Phải biết rõ ràng chỗ sanh từ đâu đến, chết đi về đâu mới được, nếu không tức là kẻ ngu."

Đến lúc ấy Minh mới khâm phục, mới biết chỗ mặc nhiên và vô ngôn thuyết ấy, tất cả đều sai lầm, bèn ra sức tham cứu, chẳng bao lâu được đốn ngộ.

## MỤC LỤC

- KINH KIM CANG ..... 5
- BÁT NHÃ TÂM KINH Lược Giải..... 39
- Yếu Chỉ KINH PHÁP HOA ..... 59
- Yếu Chỉ KINH HOA NGHIÊM..... 89
- KINH DUY MA CẬT ..... 119
- KINH VIÊN GIÁC ..... 253
- GD THIỀN MẶC CHIẾU..... 325



# **CHƯ KINH TẬP YẾU**

*Dịch giả: HT. THÍCH DUY LỰC*

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

**NGUYỄN CÔNG OÁNH**

*Biên tập :* **ĐỖ THỊ QUỲNH**

*Trình bày :* **TRƯỜNG THỊNH**

*Bìa :* **CHÁNH TÂM NGHIÊM**

## **NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

Phường Yên Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội

ĐT: (04).37822845 – Fax: (04). 37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

---

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm.

Tại **CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**, Q.3, Tp. HCM.

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: **925-2011/CXB/04-159/TG**

Quyết định xuất bản: **700/QĐ-TG**, ngày 29.08.2011

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2011.

